Kính Lễ Đức Thế Tôn, Bậc A-La-Hán, Bậc Toàn Giác!

Quyển

KINH TẬP

(Suttanipāta)

Lời Người Dịch

Kính gởi quý vị độc giả:

Tập/quyển *Kinh Tập* (*Sutta Nipāta*) là một tập kinh cổ xưa nhất của Phật giáo, được xếp là quyển thứ năm trong Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ, **KN**), được cho là những lời dạy thời đầu của Đức Phật được nói dưới dạng thi kệ (như dạng tục ngữ, ca dao).

- Thật ra Phật cũng nói một số lượng lớn các kinh dạng thi kệ, như nguyên *Quyển 1* của Bộ Kinh Liên-Kết (**SN**), và các quyển kinh *Pháp Cú*, *Lời Phật Cảm Thán*, *Trưởng Lão Thi Kệ*, *Trưởng Lão Ni Thi Kệ* … của Bộ Kinh Ngắn này, và rải rác trong nhiều bài kinh văn xuôi trong các Bộ Kinh.

[1] Bản dịch này dịch từ bản dịch và chú giải một cách tỉ mĩ và đối chiếu kỹ càng từ tiếng Pali bởi nhà sư, học giả, nhà dịch kinh điển lỗi lạc Tỳ Kheo Bồ-Đề (TKBĐ).

- Tập *Kinh Tập* trình bày đơn giản: gồm có 05 Chương.

[2] Về số hiệu kinh trong tập *Kinh Tập* này: để tránh nhầm lẫn, người dịch Việt đã ghi số hiệu: như **Sn 3.7** để phân biệt với kinh **SN 3:07** trong Bộ Kinh **SN**. (Ký hiệu của tập Kinh Tập là **Sn** (chữ "**n**' viết thường), và giữa số của Chương và số của kinh là dấu chấm ".". Còn ký hiệu của Bộ Kinh **SN** là chữ "**SN**" viết hoa và giữa số của Chương (tương ưng) và số của kinh là dấu 02 chấm ":".)

- Kinh **Sn 3.7** nghĩa là tập Kinh Tập, Chương 3, kinh số 7. Kinh **SN:07** là Bộ Kinh Liên-Kết (SN), Chương 3, kinh số 07.

[3] Cũng như *Quyển 1* của Bộ Kinh **SN**: người dịch Việt khi dịch đã *bảo lưu tất cả từng câu kệ đúng theo thứ tự nguyên thủy* với chữ nghĩa chính xác của từng câu để cho người đọc và người tra cứu có thể tìm, trích dẫn, tra cứu các chú giải và luận giảng cho đúng với từng chữ hay cụm chữ trong mỗi câu thi kệ.

- Việc chuyển dịch tất cả các thi kệ gốc qua dạng thi ca vần điệu Việt Nam là hầu như bất khả thi nếu *phải bảo lưu thứ tự từng câu kệ và từng số chú giải nguyên gốc*. Nếu chuyển qua thi kệ "05-chữ" thì có thể đọc trôi chảy hơn, tuy nhiên không thể nào giữ được thứ tự, chữ và câu của mỗi thi kệ, bởi vì vần luật âm vị trong tiếng gốc và tiếng dịch đâu có tương ứng nhau. Và nếu không dịch đúng theo *thứ tự từng câu kệ* trong các thi

kệ, hoặc chỉ dịch hàm nghĩa hay dịch phóng túng, dịch mà thay đổi thứ tự các từ ngữ và các câu kệ, thêm bớt chữ nghĩa, hay phân thành các câu kệ ngắn hơn, hay xuống hàng một cách tùy tiện: thì sẽ làm mất đi toàn bộ thứ tự các câu kệ và chú giải quan trọng đi theo.

- Trừ một số kinh hay thi kệ có các câu kệ quá dài người dịch phải phân thành 02 câu, chẳng hạn thi kệ 4 câu được phân thành 8 câu ngắn: những chỗ đó người dịch có ghi chú thích và dùng các dấu "," hay ";" để người đọc biết câu kệ dài được phân thành 02 câu kệ nào.

- Một số quyển kinh có cách hành văn thông thường, ít thuật ngữ thâm sâu, ít chú giải thuật ngữ, với "các chữ thành phần" là đồng đẳng, rõ rệt, chẳng hạn như quyển kinh *Pháp Cú*, thì những người dịch có thể tách các câu kệ thành 02 câu kệ ngắn "05-chữ" mà vẫn có thể giữ được "các chữ thành phần" chính trong mỗi câu kệ mà Phật đã nói. (Ví dụ 1 câu kệ Pháp Cú thì có thể tách các chữ thành phần thành 02 câu "05-chữ" : "Người nào đang sa đọa/ Không tự chủ, không thật".)

- Riêng quyển *Kinh Tập* và *Quyển SN 1* (của Bộ Kinh **SN**) thì khó mà làm được vậy, vì phần lớn những câu kệ có các "chữ thành phần" là chính-phụ theo ngữ pháp, không phải các chữ đồng đẳng, nên rất khó mà tách ra thành những câu ngắn. (Ví dụ 02 câu kệ trong *Kinh Tập*: "Dù rất buồn bực khi chia ly những người thân yêu đó/ Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác" thì khó mà tách mỗi này câu thành 02 câu ngắn với "05-chữ" bằng nhau mà có thể giữ được toàn vẹn chữ và nghĩa của câu kinh.

[4] *Kinh Tập* có lẽ đúng là một trong những quyển kinh cổ xưa nhất của Phật giáo. Trong tập kinh này chúng ta thấy:

- Lời thi kệ, câu chữ, hay giọng lời kinh có vẻ *lạ* và *khác* với đó trong các quyển và bộ còn lại của Kinh Tạng, bởi vì có lẽ *Kinh Tập* đã giữ nguyên những lời nói mộc mạc dạng thi kệ tục ngữ trong thời đầu của Phật. (Thậm chí có những học giả đã cho rằng '*Kinh Tập* là thuộc thời *trước-giác-ngộ* của Đức Phật'!)

- Có nhiều lời kinh vắn tắt trong *Kinh Tập* dường như chính là *chủ-đề* hay *sườn-bài* cho những bài kinh *quan trọng* trong các Bộ Kinh khác sau đó về các giáo-lý (Phật giáo) và sự thực-hành (đạo Phật).

- Có rất nhiều thuật ngữ vắn tắt nhưng chúng đại diện cho những mẫu-đề (matika) hay chủ-đề giáo lý. Ví dụ 'sinh-già', 'tiêu diệt sinh-già'.

Đây là chữ nói tắt cho dãy chữ định nghĩa về sự khổ của vòng luân-hồi (sinh, già, chết; buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não)). Vì đây là các kinh dạng thi kệ bằng những câu kệ ngắn về số chữ theo thi luật vần điệu, cho nên không thể nói ra hết cả dãy chữ thuật ngữ dài như trong các kinh dạng văn xuôi.

- Tất cả đều nói vắt tắt nhưng đều hàm nghĩa những giáo pháp chính và sâu sắc của Phật giáo. Ngay cả trong Chương 5 thì hầu hết các câu hỏi và trả lời vắn tắt chứa những thuật ngữ cao sâu về chặng cuối của đường tu, bởi vì 16 người hỏi đều là những môn sinh bà-la-môn trí thức, họ hỏi những vấn đề rốt ráo về giới, định, tuệ, chứng ngộ, giải thoát.

- Có rất nhiều nghiên cứu, ý kiến, luận bàn về tập kinh cổ xưa này. Nhiều vấn đề cần đọc nếu ai quan tâm về mặt kinh sử và hàn lâm. Ở đây chỉ muốn lưu ý vài điểm dễ thấy như vậy.

[5] *Kinh Tập* đi liền với đống chú giải và luận giảng về các câu chữ, thuật ngữ, từ nguyên học, điển tích, bối cảnh … *đối với tất cả mỗi thi kệ!* (Các phần chú giải còn lớn hơn nhiều lần so với tập kinh. Thầy TKBĐ đã dịch toàn bộ đầy đủ các phần chú giải). Bản tiếng Việt đã được dịch với tham chiếu các chú giải về chữ nghĩa và hàm nghĩa:

- Những câu kinh hay thi kệ nào người bình thường đọc hiểu dễ dàng thì người dịch không ghi chú thích nữa.

- Các chỗ, các chữ, các câu nào có thể khó hiểu, đọc thấy lạ (lý do như đã nói ở mục trên) và có những thuật ngữ Phật giáo thì người dịch có ghi chú thích ở cuối sách. Nhiều chỗ người dịch trích dẫn nguyên văn đoạn chú giải luôn để người đọc tự tham khảo và hài lòng với lời dịch.

- Có 246 chú thích ngắn ở cuối trang là của thầy TKBĐ về từ nguyên học và đối chiếu của các chữ đó so với các phiên bản khác.

[6] Lời nhắn gửi của người dịch: Quý vị nên lần lượt đọc qua các kinh thi ngắn gọn này của Phật, điều đó sẽ giúp cho tâm của quý vị càng nhận ra cái "ý nghĩa chân thực" của Phật giáo tiền thân; đừng thấy nhàm chán khi đọc.

- Theo người dịch: quý vị nên đọc tập *Kinh Tập* này theo cách đọc kinh văn xuôi. Tức đọc từng câu và câu kế tiếp *theo cách đọc văn xuôi*. Cho dù bằng thi kệ, nhưng những lời Phật nói vẫn đọc và hiểu rõ ràng

theo cách đọc văn xuôi.

- Vì đây là bản dịch lời kinh của từng câu kinh của Phật, chứ không phải là bản chuyển thơ hay chuyển dịch phóng tác thành thi ca tiếng Việt theo vần điệu, cho nên quý vị không cần đọc theo kiểu các bài thơ. Vì mục đích sống còn của chúng ta là hiểu được đúng lời dạy của Phật và tu tập theo đó.

- ***Người tu học nên đọc qua những lời dạy của Phật!*** để càng hiểu ra những lý thuyết và lý tu mà Phật đã bắt đầu chỉ dạy cho những người nghe khác nhau. Và đọc qua các kinh cũng không mấy khó khăn hay tốn nhiều thời gian! Với các tăng và ni đã bỏ một đời để đi tu lẽ nào không bỏ ra được mấy tháng để đọc qua các kinh của Phật. Tập kinh này có thể đọc qua trong một số ngày.

- Quý vị không cần phải đọc thuộc hay ghi nhớ tất cả từng chữ từng câu của Phật. Không nhất thiết như vậy. Bởi vì nếu đọc nghiêm túc và hiểu ngữ nghĩa của lời kinh thì sau đó *cái tâm* sẽ tự biết và ghi nhớ. Khi nào cần, tâm sẽ tự nhớ ra nếu người tu càng ngày càng tu học tấn tới. (Đó cũng là dấu hiệu tu tiến và thanh lọc tâm của người tu).

- Cuối cùng, cầu mong quý vị nhìn thấy những lẽ-thực của sự sống mà Đức Phật lịch sử đã chứng ngộ và chỉ dạy lại cho chúng sinh. Mong quý vị tu tiến.

***Sài Gòn**, mùa mưa thứ 56, PL 2568, DL 2025*

Người dịch

MỤC LỤC

1. CHƯƠNG "RẮN" 1

1. Kinh Rắn (Uraga Sutta) 1
2. Kinh Dhaniya (Dhaniya Sutta) 3
3. Kinh Sừng Tê Giác (Khaggavisāṇa Sutta) 6
4. Kinh Kasi Bhāradvāja (Kasibhāradvāja Sutta) 12
5. Kinh Cunda (Cunda Sutta) 15
6. Kinh Suy Đồi (Parābhava Sutta) 17
7. Kinh Người Hạ Tiện (Vasala Sutta) 20
8. Kinh Tâm Từ (Metta Sutta) 25
9. Kinh Hemavata (Hemavata Sutta) 27
10. Kinh Dạ-Xoa Āḷavaka (Āḷavaka Sutta) 34
11. Kinh Chiến Thắng (Vijaya Sutta) 37
12. Kinh Mâu-Ni (Muni Sutta) 39

2. CHƯƠNG "NHỎ" 43

1. Kinh Châu Báu (Ratana Sutta) 43
2. Kinh Xác Thối (Āmagandha Sutta) 48
3. Kinh Biết Xấu Hổ Lương Tâm (Hiri Sutta) 51
4. Kinh Phúc Lành Cao Nhất (Mahāmaṅgala Sutta) 52
5. Kinh Dạ-Xoa Sūciloma (Sūciloma Sutta) 54
6. Kinh Chánh Hạnh (Dhammacarya Sutta) 55
7. Kinh Truyền Thống Bà-La-Môn (Brāhmaṇadhammika Sutta) . 57
8. Kinh Con Thuyền (Nāvā Sutta) 62
9. Kinh Giới Hạnh Gì? (Kiṃsīla Sutta) 64
10. Kinh Phát Khởi Bản Thân (Uṭṭhāna Sutta) 65
11. Kinh La-Hầu-La (Rāhula Sutta) 66

12. Kinh Vaṅgīsa (Vaṅgīsa Sutta) 67
13. Kinh Du Hành Chân Chính (Sammāparibbājanīya Sutta) 72
14. Kinh Dhammika (Dhammika Sutta) 75

3. CHƯƠNG "LỚN" 81

1. Kinh Xuất Gia (Pabbajjā Sutta) 81
2. Kinh Tinh Cần (Padhāna Sutta) 83
3. Kinh Thuyết Giảng Hay Khéo (Subhāsita Sutta) 87
4. Kinh Sundarika Bhāradvāja (Sundarikabhāradvāja Sutta) 89
5. Kinh Māgha (Māgha Sutta) 96
6. Kinh Sabhiya (Sabhiya Sutta) 101
7. Kinh Sela (Sela Sutta) 111
8. Kinh Mũi Tên (Salla Sutta) 121
9. Kinh Vāseṭṭha (Vāseṭṭha Sutta) 124
10. Kinh Kokālika (Kokālika Sutta) 135
11. Kinh Nālaka (Nālaka Sutta) 142
12. Kinh Quán Niệm Về Cặp Điều (Dvayatānupassanā Sutta) ... 149

4. CHƯƠNG "TÁM KỆ" 163

1. Kinh Dục Lạc (Kāma Sutta) 163
2. Kinh Hang Động Tám Thi Kệ (Guhaṭṭhaka Sutta) 163
3. Kinh Sự Thù Nghịch Tám Thi Kệ (Duṭṭhaṭṭhaka Sutta) 165
4. Kinh Sự Thanh Tịnh Tám Thi Kệ (Suddhaṭṭhaka Sutta) 166
5. Kinh Sự Tối Thượng Tám Thi Kệ (Paramaṭṭhaka Sutta) 168
6. Kinh Sự Già (Jarā Sutta) 169
7. Kinh Tissa Metteyya (Tissa Metteyya Sutta) 170
8. Kinh Pasūra (Pasūra Sutta) 172
9. Kinh Māgandiya (Māgandiya Sutta) 173
10. Kinh Trước Khi Tan Rã (Purābheda Sutta) 176

11. Kinh Tranh Cãi Và Tranh Chấp (Kalahavivāda Sutta)..... 178
12. Tiểu Kinh Phân Bố (Cūḷaviyūha Sutta) 181
13. Đại Kinh Phân Bố (Mahāviyūha Sutta) 183
14. Kinh Nhanh Chóng (Tuvaṭaka Sutta)..... 187
15. Kinh Người Cầm Gậy Gộc (Attadaṇḍa Sutta) 190
16. Kinh Xá-Lợi-Phất (Sāriputta Sutta) 193

5. CHƯƠNG "ĐƯỜNG VƯỢT QUA BỜ KIA" 197

[190] Các Thi Kệ Dẫn Nhập (Vatthugāthā) 197
1. Những Câu Hỏi Của Ajita (Ajitamāṇavapucchā) 207
2. Những Câu Hỏi Của Tissa Metteyya (Tissametteyya-māṇavapucchā)..... 208
3. Những Câu Hỏi Của Puṇṇaka (Puṇṇaka-māṇavapucchā)..... 209
4. Những Câu Hỏi Của Mettagū (Mettagū-māṇavapucchā)..... 210
5. Những Câu Hỏi Của Dhotaka (Dhotaka-māṇavapucchā) 212
6. Những Câu Hỏi Của Upasīva (Upasīva-māṇavapucchā) 214
7. Những Câu Hỏi Của Nanda (Nanda-māṇavapucchā)..... 216
8. Những Câu Hỏi Của Hemaka (Hemaka-māṇavapucchā)..... 218
9. Những Câu Hỏi Của Todeyya (Todeyya-māṇavapucchā)..... 218
10. Những Câu Hỏi Của Kappa (Kappa-māṇavapucchā) 219
11. Những Câu Hỏi Của Jatukaṇṇī (Jatukaṇṇī-māṇavapucchā). 220
12. Những Câu Hỏi Của Bhadrāvudha (Bhadrāvudha-māṇavapucchā)..... 221
13. Những Câu Hỏi Của Udaya (Udaya-māṇavapucchā) 222
14. Những Câu Hỏi Của Posāla (Posāla-māṇavapucchā)..... 223
15. Những Câu Hỏi Của Mogharāja (Mogharāja-māṇavapucchā) 224
16. Những Câu Hỏi Của Piṅgiya (Piṅgiya-māṇavapucchā)..... 224

PHẦN KẾT 227

Những Thi Kệ Đề Cao 'Con Đường Vượt Qua Bờ-Kia' 227

Những Thi Kệ Được Tụng Lại về 'Con Đường Vượt Qua Bờ-Kia' 228

PHẦN CHÚ THÍCH.....233

1. CHƯƠNG "RẮN"

(Uraga-vagga)

1. Kinh Rắn (Uraga Sutta)

1. Người loại bỏ sân đã khởi sinh
Như người loại bỏ nọc rắn đang lan khắp người:
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'[1]
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (1)

2. Người đã cắt đứt tham
Như ngắt đứt một bông sen đang lớn trong hồ:
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (2)

3. Người đã cắt đứt dục-vọng (ái),
Sau khi đã làm cạn kiệt dòng chảy xiết của nó:
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (3)

4. Người đã quét sạch sự tự-ta (ngã mạn)
Như lũ lớn cuốn sạch cây cầu mong manh làm từ lau sậy:
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (4)

5. Không tìm thấy có 'hồn cốt' nào trong những trạng thái hiện-hữu
Như người tìm kiếm hoa trong những cây ưu đàm đâu thấy hoa nào:[2]
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (5)

6. Người không có sự bực tức bên trong,
Sau khi đã thoát khỏi những trạng thái hiện-hữu này nọ:
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (6)

7. Người mà những ý-nghĩ này nọ đã bị đốt sạch,[3]
Đã hoàn toàn bị cắt bỏ ở bên trong:

Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (7)

8. Người đã không chạy quá xa cũng không chạy lùi,[4]
Người đã vượt khỏi tất cả sự phóng tâm này nọ:[5]
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (8)

9. Người đã không chạy quá xa cũng không chạy lùi,
Sau khi đã-biết thế giới "Tất cả này đều không thực":[6]
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (9)

10. Người đã không chạy quá xa cũng không chạy lùi,
Hết tham lam, [sau khi đã-biết] "Tất cả này đều không thực":
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (10)

11. Người đã không chạy quá xa cũng không chạy lùi,
Hết tham, [sau khi đã-biết] "Tất cả này đều không thực":
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (11)

12. Người đã không chạy quá xa cũng không chạy lùi,
Hết sân, [sau khi đã-biết] "Tất cả này đều không thực":
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (12)

13. Người đã không chạy quá xa cũng không chạy lùi,
Hết si, [sau khi đã-biết] "Tất cả này đều không thực":
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (13)

14. Người không có khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) nào,
Những gốc rễ (căn) bất thiện của người đó đã được bứng bỏ:
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (14)

15. Người không còn những trạng thái khổ não là duyên
Khiến phải quay lại bờ gần này (thử ngạn, thế gian này):[7]

Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (15)

16. Người không còn những trạng thái được sinh ra từ dục,
Là nhân khiến trói buộc vào sự hiện-hữu:
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (16)

17. Sau khi đã trừ bỏ năm chướng-ngại (ngũ cái),
Hết phiền não, đã vượt khỏi sự mờ rối, đã nhổ các mũi tên:
Tỳ kheo đó từ bỏ 'ở đây' và 'bên kia'
Như con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó. (17)

2. Kinh Dhaniya (Dhaniya Sutta)

18. (Người chủ gia súc Dhaniya nói:)[64]
"Tôi đã nấu cơm, tôi đã vắt sữa bò,
Tôi sống với gia đình gần bờ sông Mahī.
Chòi của tôi lợp tranh, lửa được đốt lên:
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!"[8] (1)

19. (Đức Phật nói:)
"Ta không nấu bằng sân giận, ta đã hết sự cằn cỗi,
Ta trú một đêm gần bờ sông Mahī,
Chòi của ta mở trống, lửa của ta đã tắt ngấm rồi:
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (2)

20. (Dhaniya nói:)
"Không thấy ruồi hay muỗi,
Những con bò đi lại trên đồng cỏ xanh tươi.
Chúng chịu được mưa ướt:
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (3)

21. (Đức Phật nói:)
"Ta đã khéo làm một chiếc bè,

[64] [Các hàng ghi trong ngoặc là chỉ người nói, người được nói đến, hoặc cả hai.] (64)

Ta đã vượt sông, đã qua bờ-kia (bỉ ngạn),
Đã thoát khỏi dòng lũ. Ta không còn cần bè nữa:
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (4)

22. (Dhaniya nói:)
"Vợ tôi ngoan hiền, không phóng đãng,
Sống lâu với tôi, cô ấy dễ mến,
Và tôi không nghe điều gì xấu về cô ấy:
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (5)

23. (Đức Phật nói:)
"Tâm của ta ngoan ngoãn, được giải thoát,
Nó được tu dưỡng và khéo thuần phục đã lâu;
Hơn nữa, không thấy điều xấu gì trong ta:
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (6)

24. (Dhaniya nói:)
"Tôi tự làm việc cho mình,
Và con cái tôi, sống bên tôi, đều khỏe mạnh;
Tôi không nghe điều xấu nào về chúng:
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (7)

25. (Đức Phật nói:)
"Ta không làm cho ai cả,
Ta du hành cả thế gian nhờ vào thứ ta đã tu đạt được.
Ta không hề cần tiền lương:[9]
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (8)

26. (Dhaniya nói:)
"Có những con bò và bò con đang bú,
Có những con bò và bò con đang ăn;
Có con bò đực, con đầu đàn, ở đây:[65]
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (9)

27. (Đức Phật nói:)

---

[65] [Chỗ này đọc theo cách ghi của phiên bản **Ce** và **Be** chữ *gavampatīdha atthi*, khác với phiên bản **Ee** ghi chữ *gavampatī ca atthi*. Học giả Norman cũng ưu tiên chữ *gavampatīdha*; đọc **GD** 149–50.] (65)

"Không có bò hay bò con đang bú,
Không có bò và bò con đang ăn.
Không có bò đực, con đầu đàn, ở đây:
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (10)

28. (Dhaniya nói:)
"Các cây cọc đã trồng, bất lay chuyển,
Dây cương bằng cỏ muñja mới và được bện chắc;
Ngay cả những con bò non không thể cắt đứt chúng:
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (11)

29. (Đức Phật nói:)
"Như một con bò đực, ta đã cắn đứt dây trói buộc,
Như một con voi ta đã cắt đứt dây leo thối rửa.
Ta sẽ không quay lại bào thai lần nào nữa:
Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!" (12)

30. (Ngài Ananda kể tiếp:)
Lập tức một đám mây mưa trút xuống
Nước tràn đầy chỗ đất trũng và đất cao,
Sau khi đã nghe mưa trút xuống,
Dhaniya nói về chuyện này: (13)

31. (Dhaniya nói:)
"Quả thực ích lợi không phải nhỏ cho chúng con,
Rằng chúng con đã gặp được đức Thế Tôn.
Chúng con đến gặp ngài như một nơi nương-tựa, hỡi bậc Trí Nhãn:
Hãy là vị thầy của chúng con, hỡi bậc đại mâu-ni. (14)

32. "Vợ con và con, vâng theo lời (Phật)
Sẽ sống đời sống tâm linh theo bậc Phúc Lành (Thiện Thệ).
Sau khi vượt qua được sinh tử,
Chúng con sẽ làm nên sự chấm dứt khổ." (15)

33. (Lúc đó Ma Vương Ác Ma xuất hiện và nói chen vào:)
"Người có con cái vui thích vì con cái,
Người có gia súc vui thích vì gia súc.
Bởi những thứ thu-nạp (sanh y) là vui thích của con người;

Không có những thứ thu-nạp con người đâu vui thích.” (16)

34. (Đức Phật nói:)
“Người có con cái sầu lo vì con cái,
Người có gia súc sầu lo vì gia súc.
Bởi những thứ thu-nạp là sầu lo của con người;
Không có những thứ thu-nạp con người không sầu lo.” (17)

3. Kinh Sừng Tê Giác (Khaggavisāṇa Sutta)

35. Sau khi hạ bỏ gậy gộc đối với chúng sinh,
Không làm hại một chúng sinh nào,
Không muốn có con thì đâu muốn có người đồng hành?
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. [10] (1)

36. Bởi khi đã tạo những trói buộc là có luyến ái;[66]
Đi theo luyến ái là có khổ khởi sinh.
Sau khi thấy sự nguy hại phát sinh từ luyến ái,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (2)

37. Lo cảm thương với bạn hữu thân thiết trong tim,
Thì với tâm bị dính mắc, người tu bỏ mất (mục tiêu) thiện.
Sau khi nhìn thấy hiểm họa trong sự thân thiết,[11]
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (3)

38. Bụi tre lan rộng thì rối dính lẫn nhau,
Quan tâm lo lắng vợ con cũng dính rối như vậy.
Nhưng giống như một búp măng, không bị dính kẹt,[67]
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (4)

39. Như nai trong rừng không bị trói cột
Đi gặm cỏ khắp nơi tùy theo ý muốn,

---

[66] [**Be** và **Ce** đều ghi chữ số nhiều ở đây, *bhavanti snehā*, trong khi **Ee** ghi chữ số ít, *bhavati sneho*. Luận giảng **Pj** II ghi chữ dạng số ít trong bổ đề: trong **Be** *bhavati sneho*, trong **Ce** và trong **Ee** *bhavati sineho*.] (66)

[67] [**Be** ghi chữ *sajjamāno* chắc là lỗi ghi chép. Cả **Nidd II 219** (bản **Be**) và **Pj** II (bản **Be**) đều ghi là *asajjamāno*.] (67)

Một người có trí cũng vậy, muốn tìm kiếm sự tự do,
Thì nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (5)

40. Người tu được nhắc đến giữa những người đồng hành,
Dù đang nằm, đang đứng, đang đi, hay đang du hành.
Muốn tìm kiếm (loại) sự tự do không do thèm-muốn,[12]
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (6)

41. Có sự vui đùa và thích thú giữa những người đồng hành,
Và tình cảm đối với con cái là lớn lao.
Dù rất buồn bực khi chia ly những người thân yêu đó,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (7)

42. Ở nhà trong bốn hướng, không bị phiền bực,
Biết hài lòng với mọi thứ,
Chịu được mọi trở ngại, không sợ hãi,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (8)

43. Ngay cả một số Tỳ kheo cũng khó được vừa lòng;
Người tại gia sống ở nhà cũng khó được vừa lòng.
Không nên quan tâm tới con cái của người khác,[13]
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (9)

44. Sau khi đã giục bỏ hình tướng của một người tại gia
Như một cây koviḷāra lìa bỏ hết lá,[68]
Sau khi cắt đứt những trói-buộc của người tại gia,
Người hùng nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (10)

45. Nếu tìm được một bạn đồng hành sáng suốt
Một bạn chung đường, có giới hạnh, kiên định,
Sau khi đã vượt qua những trở ngại,
Nên sống cùng người đó, hài lòng và có chánh niệm.[69] (11)

46. Nhưng nếu không tìm được bạn đồng hành sáng suốt,
Một bạn chung đường, có giới hạnh, kiên định,

---

[68] [Chỗ này đọc là *saṃsīnapatto* theo **Ce** và **Ee** trong cả 02 lời kinh và trong **Pj** II; khác với **Be** ghi là *sañchinnapatto*. Mời coi thêm chú thích số 453] (68)

[69] [Thi kệ này giống thi kệ Pháp Cú **Dhp 328**.] (69)

Thì thà như ông vua từ bỏ giang sơn đã chiếm được,[70]
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác.[71] (12)

47. Dĩ nhiên chúng ta coi trọng cái hay của tình đạo hữu:
Nên tìm đến những đạo hữu như mình hoặc tốt hơn.
Nếu như không có họ—những người ăn (thức ăn khất thực)
một cách phi tội lỗi,[14]
Thì người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (13)

48. Sau khi nhìn thấy những [vòng vàng] sáng chói,
Được chế tác thiện xảo bởi một thợ kim hoàn,
Chúng xô xát va chạm nhau trên tay đeo,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (14)

49. Như vậy nếu ta có bạn đồng hành
Ta phải chịu có lời [khả ái] hay lời cãi nhau.
Muốn tránh hiểm họa này về sau,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (15)

50. Dục lạc đầy màu sắc, ngọt ngào, thích thú
Nhưng trong đa sự của chúng, chúng quấy động cái tâm.
Sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong (năm) dây dục-lạc,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (16)

51. "Đây là nghịch cảnh, một ung nhọt, tai nạn
Một căn bệnh, một gai nhọn, và hiểm họa cho ta":
Sau khi đã nhìn thấy hiểm-họa này trong (năm) dây dục-lạc,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (17) [9]

52. Nóng, lạnh, đói, khát,
Gió, nắng, ruồi muỗi, rắn rít:
Sau khi đã kiên nhẫn chịu đựng tất cả chúng,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (18)

53. Như con voi đã bỏ đàn ra đi—

---

[70] [Hoặc, theo một cách dịch khác theo ý của **Pj** II là: "*xứ sở ông đã trị vì*". Coi thêm chú thích 461.] (70)

[71] [03 câu kệ đầu giống 03 câu kệ Pháp Cú **Dhp 329 a–c**.] (71)

Với tấm lưng đồ sộ, như hoa sen, cao lớn—
Có thể sống trong rừng như mình muốn,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (19)

54. Người thích gặp gỡ giao lưu
Thì khó thể đạt được sự giải-thoát nào, dù tạm thời.
Sau khi đã nghe lời của bậc Hậu Duệ Mặt Trời (tức Phật),
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (20)

55. "Ta đã vượt khỏi những sự bóp méo của các quan-điểm này nọ,
Đã đạt đến 'lộ trình đã định xong', đã đắc được đạo.
Ta phát khởi trí-biết, không cần được dẫn dắt bởi người khác":
Vậy người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (21)

56. Không tham, không mưu, không khát, không phỉ báng,
Đã thổi sạch ố nhiễm và si mê,
Hết mong cầu bất cứ gì trong toàn bộ thế gian,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (22)

57. Nên tránh bạn tà ác, là người bộc lộ điều nguy hại,
Là những người thiết lập trong bất chánh.
Không nên giao lưu với người có ý đồ và không chuyên chú;
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (23) [10]

58. Nên tìm đến người có học hiểu, người mang Giáo Pháp,
Là đạo hữu nổi bật với sự khôn khéo (sau khi học Giáo Pháp).
Sau khi đã-biết những ích-lợi và đã loại bỏ sự nghi-ngờ,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (24)

59. Sau khi không tìm thấy sự mãn nguyện trong thế gian
Với vui chơi, thích thú, và những dục lạc,
Không quan tâm gì đến chúng nữa,
Kiêng cữ mọi thứ trang hoàng; là một người nói sự-thật,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (25)

60. Sau khi đã từ bỏ vợ con

Cha mẹ, của cải, lúa gạo, và những người thân,
(Từ bỏ) những dục lạc đến mức tối đa mình có thể,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (26)

61. "Đây là sự trói buộc, hạnh phúc thì phù du,
Chỉ ít ỏi sự thỏa mãn;
Mà khổ đau thì nhiều, đây là một lưỡi câu":
Sau khi đã-biết như vậy, người biết nghĩ như vậy
Thì nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (27)

62. Sau khi đã chặt đứt những gông-cùm (kiết sử),
Như con cá cắn đứt lưới,
Như lửa không quay lại chỗ nó đã thiêu cháy,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (28)

63. Nhìn xuống, chắc chân không lơi lỏng,
Với các căn được phòng hộ, với tâm được bảo hộ,
Không bị ô nhiễm, không sốt não vì đam mê,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (29)

64. Sau khi đã giục bỏ những hình-tướng của người tại gia
Như một cây pāricchattaka trút bỏ hết lá,[72]
Khoát cà sa vàng úa, sau khi đã xuất gia,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (30)

65. Không phát tham hương vị, không khao khát chúng;
Không chứa (tham) khác, đi khất thực không bỏ sót nhà nào;
Với một cái tâm không dính líu nhà này hay nhà nọ,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (31)

66. Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại của tâm,
Sau khi đã xua tan mọi ô-nhiễm (lậu hoặc) của tâm,
Độc lập, sau khi đã dẹp bỏ yêu và ghét,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (32)

67. Sau khi đã dẹp bỏ lạc và khổ,

[72] [Để biết thêm về nghĩa tôi đã dịch nghĩa câu kệ này, mời đọc thêm chú thích 503.] (72)

Và trước đó đã [loại bỏ] hỷ và ưu,
Sau khi đã đạt được xả và định tinh khiết,[15]
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (33)

68. Với sự tinh-tấn được phát khởi để đạt tới mục tiêu,
Với tâm không lười biếng và sự tu tập mạnh cường,
Kiên định vững chắc, được trang bị nghị lực và năng lực,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (34)

69. Không lơ là sự tách-ly (ẩn dật) và thiền định (jhāna),
Luôn hành động hợp với Giáo Pháp,
Sau khi đã nhìn ra sự nguy-hại trong các trạng thái hiện-hữu,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (35)

70. Khát nguyện diệt trừ dục-vọng (ái tận), chuyên-chú tu,
Thông minh, đã học hiểu, có chánh-niệm,
Sau khi đã thấu ngộ Giáo Pháp,
Đã định xong vận mệnh, hăng hái trong tinh cần,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (36)

71. Như sư tử không giật mình giữa bao tiếng kêu,
Như gió không bị bắt bởi lưới,
Như bông sen không bị nhiễm bởi nước (bùn),
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (37)

72. Như sư tử, vua loài thú, có răng nanh là sức mạnh của nó,
Sống thì nhờ tấn công và sức mạnh,
Người tu thì nên lui về những nơi trú ở hẻo lánh;
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (38)

73. Vào lúc thích hợp theo đuổi sự giải-thoát bằng tâm từ,
Tâm xả, tâm bi, và tâm (tùy) hỷ,[73]
Không bị chống đối bởi cả thế gian,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (39)

74. Sau khi đã trừ bỏ tham, sân, si,

---

[73] **[Pj** II giải thích chỗ này chỉ 04 tâm vô lượng, tức 04 phạm trú (*brahmavihāra*) theo thứ tự cho hợp vần thi kệ (cho nên *xả* được nói trước *bi* và *hỷ*).] (73)

Sau khi đã chặt bỏ những gông-cùm [trói buộc mình],
Không bị khiếp sợ lúc mạng chung,
Người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (40)

75. Họ tìm đến bạn và hộ lý cho bạn vì họ có ý đồ;
Vì thời nay bạn hữu (chân thật) rất hiếm thay.
Những người không thanh sạch chỉ khéo vì tư lợi của họ:
Vậy người tu nên sống một mình như chiếc sừng tê giác. (41)

4. Kinh Kasi Bhāradvāja (Kasibhāradvāja Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa dân chúng Magadha (Ma-kiệt-đà), ở Dakkhiṇāgiri, gần làng Ekanālā của những bà-la-môn. Bấy giờ, lúc đó năm trăm lưỡi cày đã được nài sẵn (vào bò kéo) cho bà-la-môn cho lúc gieo hạt giống.

Rồi buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang bình bát và cà sa, đi đến chỗ bà-la-môn Kasi Bhāradvāja (bà-la-môn họ tộc Bhāradvāja ở xứ Kasi) đang làm việc. Lúc đó bà-la-môn đang phân phát thức ăn. Đức Thế Tôn đến gần chỗ phát thức ăn và đứng qua một bên. Bà-la-môn Kasi Bhāradvāja nhìn thấy đức Thế Tôn đang đứng khất thực, ông nói với đức Thế Tôn: "Tôi cày ruộng và gieo trồng, và sau khi cày và gieo, tôi ăn. Này sa-môn, ông cũng phải cày và gieo, rồi mới có thể ăn."

"Này bà-la-môn, ta cũng cày và gieo, và sau khi cày và gieo, ta ăn."

"Nhưng chúng tôi đâu thấy cái ách hay cái cày hay lưỡi cày roi cày hay con bò nào của thầy Cồ-Đàm đâu mà thầy Cồ-Đàm nói rằng: 'Này bà-la-môn, ta cũng cày và gieo, và sau khi cày và gieo, ta ăn.'

Rồi bà-la-môn Kasi Bhāradvāja đã nói với đức Thế Tôn bằng thi kệ như vầy:

76. "Thầy nói mình là người cày ruộng,
Nhưng chúng tôi đâu thấy sự cày ruộng của thầy.

Khi được hỏi, hãy nói chúng tôi về sự cày ruộng của thầy,
Để chúng tôi hiểu được sự cày ruộng của thầy." (1)

77. "Niềm-tin là hột giống, khổ-hạnh (đầu-đà) là mưa;
Trí-tuệ là cái ách và cái cày của ta.
Sự biết xấu-hổ (tàm) là thân cày, tâm là dây đai buộc ách,
Sự chánh-niệm là lưỡi cày và roi cày của ta.[74] (2)

78. "Phòng hộ về thân, phòng hộ về lời-nói,
Chế ngự sự thèm ngon khoái ăn,
Ta dùng sự-thật như móc câu nhổ cỏ,
Và sự hiền-từ là sự tháo bỏ ách nạn của ta. (3)

79. "Sự tinh-tấn là con vật mạnh tải,
Chở ta đến 'sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc'.
Nó cứ đi tới không hề dừng quay lại
Đi đến nơi mà sau khi đến đó người hết ưu-sầu. (4)

80. "Bằng cách như vậy là việc cày đã làm xong,
Có sự bất-tử là quả của nó.
Sau khi đã làm sự cày loại này,
Người được giải-thoát khỏi tất cả sự khổ." (5)

Rồi bà-la-môn Kasi Bhāradvāja đã đổ cơm nấu sữa vào một dĩa to bằng đồng và dâng đến đức Thế Tôn, và thưa: "Kính mời Thầy Cồ-Đàm dùng cơm nấu sữa! Thầy là một thợ cày, vì thầy đã cày loại sự cày có sự bất-tử là kết quả của nó."

[Đức Thế Tôn nói:]

81. "Thức ăn đã được tụng chú trên đó
Không phù hợp để ta dùng.
Này bà-la-môn, đó không phải nguyên tắc
Mà bậc nhìn-thấy tuân theo.

---

[74] [Phần lớn chỗ này tôi dịch nghĩa theo cách diễn dịch của học giả Norman [ở GD 9] về những chữ liên quan việc cày ruộng.

- (Nhân tiện, kinh này nội dung giống tương tự kinh **SN 7:11** và phần sau của kinh **SN 1:09** (Quyển 1).)] (74)

Những vị Phật từ chối thức ăn như vậy
Vì nó đã bị tụng chú trên đó.
Này bà-la-môn, do có nguyên tắc đó như vậy,
Đó là nghi luật phẩm hạnh của họ (các vị Phật). (6)

82. "Hãy mời thức ăn thức uống khác
Bậc toàn-vẹn, bậc đại kiến-giả (rishi),
Bậc đã diệt dòng chảy-vào (lậu tận), sự hối-tiếc đã lắn lặn,
Vì bậc ấy là ruộng phước cho những ai đi tìm công-đức." (7)

"Thưa Thầy Cồ-Đàm, vậy tôi nên cúng dường phần còn lại này cho người khác hay không?"

"Này bà-la-môn, ta không thấy trong thế gian này, với những thiên thần, Ma Vương và Trời, trong thế hệ này có những sa-môn và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, có ai có thể ăn và tiêu hóa được phần còn lại này, ngoại trừ Như Lai hay một đệ tử của Như Lai. Bởi vậy, này bà-la-môn, hãy đem bỏ phần còn lại này ở chỗ nào thưa vắng cây cối hoặc bỏ dưới nước chỗ không có những chúng sinh (cá, vi sinh vật) sống trong đó."

Rồi bà-la-môn Kasi Bhāradvāja đã đem bỏ phần còn lại dưới nước chỗ không có chúng sinh sống trong đó. Sau khi nó được bỏ xuống nước, phần còn lại đó rít lên xèo xèo, sục sôi và bốc thành hơi và khói. Giống một lưỡi cày được nung suốt cả ngày, khi bỏ xuống nước sẽ rít lên xèo xèo, sục sôi và bốc thành hơi và khói.

Rồi bà-la-môn Kasi Bhāradvāja, kinh ngạc và tóc dựng đứng, đã đến gần đức Thế Tôn và quỳ xuống với đầu dưới hai bàn chân đức Thế Tôn, và thưa: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như thầy dựng lại những thứ đã bị quăng ngã, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những ai bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn. Con xin thụ giới xuất gia dưới Thầy Cồ-Đàm, con xin thụ toàn-bộ giới."

Rồi bà-la-môn Kasi Bhāradvāja đã thụ giới xuất gia (thành sa-

di) dưới đức Thế Tôn, rồi thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới, thành Tỳ kheo). Và không lâu sau khi thụ toàn-bộ giới, sống một mình, thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ngay trong kiếp này thầy Bhāradvāja đã tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, là chung cuộc vô thượng của đời sống tâm linh (phạm hạnh) mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã chân chính rời bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy trực-tiếp biết: "Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa." Và thầy Bhāradvāja đã trở thành một trong những A-la-hán.

5. Kinh Cunda (Cunda Sutta)

83. (Cunda con trai người thợ rèn hỏi:)
"Con xin hỏi bậc mâu-ni, bậc đầy trí-tuệ,
Đức Phật, vị Pháp vương, đã diệt sạch dục-vọng,
Cao nhất trong loài hai chân, siêu nhất trong số bậc điều ngự:
Có bao nhiêu sa-môn trong thế gian? Xin nói con biết." (1)

84. (Đức Phật nói:)
"Này Cunda, có bốn loại sa-môn; không có thứ năm,
Vì anh hỏi ta, ta giải thích cho anh (bốn loại là):
Bậc chiến thắng của đạo,[75] thầy về đạo (đạo sư),
Người sống trên đạo, và kẻ làm ô nhiễm đạo." (2)

85. (Cunda hỏi:)
"Ai mà các vị Phật gọi là bậc chiến thắng của đạo?,
Người không bằng một cơn mưa của đạo là gì?[76]

---

[75] [Chỗ này tôi dịch nghĩa theo chú giải của **Pj** II về chữ *maggajina*, khác với gợi ý của học giả Norman cho rằng chữ *jina* là xuất thân từ chữ *jña*. Mời đọc thêm chú thích 594. (Bậc chiến thắng, bậc chinh phục là chỉ người đã tu thành, đã thành đạo, đã đắc đạo, đã giác ngộ).] (75)

[76] [Tôi đọc chữ này theo **Be** và **Ce** là *maggakkhāyī*, khác với **Ee** ghi là *maggajjhāyī*. Coi thêm bản dịch *Kinh Tập*, **GD** 175, của Norman.] (76)

Con xin hỏi, người sống trên đạo là gì,
Và kẻ làm ô nhiễm đạo là gì, xin giải thích cho con." (3)

86. "Người đã vượt qua nghi-ngờ, hết mũi-tên bên trong,
Vui thích Niết-bàn, không còn chút tham lam;
Bậc dẫn dắt thế gian này có những thiên thần:
Những vị Phật gọi đó là một bậc chiến thắng của đạo. (4)

87. "Ở đây người, sau khi biết điều tối thượng là tối thượng,
Giải thích và phân tích Giáo Pháp ngay tại đây,
Là bậc mâu-ni đã cắt bỏ nghi-ngờ, không còn xung-động,
Là Tỳ kheo thứ hai,[77] được gọi là thầy của đạo (đạo sư). (5)

88. "Người theo đường lối của Giáo Pháp,
Là người sống trên đạo, tự chủ và có chánh niệm,
Sống theo cách (phẩm hạnh) phi tội lỗi,
Là Tỳ kheo thứ ba, được gọi là người sống trên đạo. (6)

89. "Sau khi đã khoát y của người có giới-luật (một Tỳ kheo),
Mà kẻ đó là vô liêm sỉ, kẻ phá hoại các gia đình,
Trơ trẻn, ngụy thiện, không tự chủ, tào lao,
Sống như người giả dối: đó là kẻ làm ô nhiễm đạo. (7)

90. "Khi một người tại gia có học hiểu, có trí,
Là một thánh đệ tử, đã thấu hiểu (về bốn loại sa-môn),
Thì người đó biết 'Không phải ai cũng giống kẻ (thứ tư) đó',[78]
Dù thấy kẻ đó cũng không bỏ niềm-tin (vào tăng đoàn).[79]
Bởi vì làm sao kẻ đó sánh bằng (ba) loại người kia:
Bậc vô nhiễm (sao đem so) với kẻ ô nhiễm (lậu hoặc),
Bậc thanh tịnh (sao đem so) với kẻ bất tịnh?" (8)

---

[77] [Nguyên văn: *dutiyaṃ bhikkhunaṃ*. Tôi coi đây là dạng số ít đối cách. Coi thêm chú thích 598 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (77)

[78] [Tôi chọn cách ghi đúng là *n'etādisā ti* [< *na* + *etādisā*], như trong bổ đề của **Pj** II (Ee). Mời đọc thêm chú thích 604.] (78)

[79] [Dựa theo bản kinh song hành tiếng Phạn, tôi đã đổi dạng chữ chỉ danh *saddhā* thành dạng chữ đối cách *saddhaṃ*. Coi thêm chú thích 605 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (79)

6. Kinh Suy Đồi (Parābhava Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó, khi đêm đã khuya, một thiên thần với sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Khu Vườn Jeta, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn bằng thi kệ:

91. (Thiên thần hỏi:)
"Chúng con hỏi đức Cồ-đàm một câu hỏi
Về một người [cá nhân] đang trong sự suy đồi.
Chúng con đến để hỏi đức Thế Tôn:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (1)

92. (Phật nói:)
"Người thành đạt dễ được biết đến
Người sa sút dễ được biết đến.
Người yêu mến Giáo Pháp là thành đạt;
Người ghét chê Giáo Pháp thì suy đồi." (2)

93. (Thiên thần hỏi tiếp:)
"Chúng con hiểu điều này như vậy;
Đó là trường hợp thứ nhất của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng con:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (3)

94. (Phật nói:)
"Kẻ xấu thì quý mến;
Người tốt thì không quý mến;
Tán đồng giáo lý của kẻ xấu:
Đó là một nhân của sự suy đồi." (4)

95. "Chúng con hiểu điều này;
Đó là trường hợp thứ hai của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng con:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (5) [19]

96. "Người lười biếng, chỉ thích giao lưu
Và không nỗ lực phấn đấu
Uể oải; người thể hiện sự sân giận:
Đó là một nhân của sự suy đồi." (6)

97. "Chúng con hiểu điều này như vậy;
Đó là trường hợp thứ ba của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng trường hợp thứ tư:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (7)

98. "Người có khả năng mà không chăm sóc nuôi dưỡng
Cha mẹ mình
Khi họ đã già, không còn trẻ khỏe:
Đó là một nhân của sự suy đồi." (8)

99. "Chúng con hiểu điều này như vậy;
Đó là trường hợp thứ tư của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng trường hợp thứ năm:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (9)

100. "Người nói láo nói dối để lừa gạt
Một bà-la-môn hay một sa-môn
Hay các Tỳ kheo khác:
Đó là một nhân của sự suy đồi." (10)

101. "Chúng con hiểu điều này như vậy;
Đó là trường hợp thứ năm của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng con trường hợp thứ sáu:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (11)

102. "Người giàu có,
Nhiều vàng bạc châu báu và lương thực,
Mà ăn ngon mặc sướng một mình:
Đó là một nhân của sự suy đồi." (12)

103. "Chúng con hiểu điều này như vậy;
Đó là trường hợp thứ sáu của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng con trường hợp thứ bảy:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (13)

104. "Người tự hào vì giai cấp của mình,
Tự hào vì sự giàu có của mình, tự hào vì họ tộc của mình,
Khinh khi những người thân của mình:
Đó là một nhân của sự suy đồi." (14)

105. "Chúng con hiểu điều này như vậy;
Đó là trường hợp thứ bảy của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng con trường hợp thứ tám:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (15)

106. "Người lang chạ với nhiều phụ nữ,
Người thích rượu, ghiền cờ bạc,
Tiêu tán hết những gì đã có được:
Đó là một nhân của sự suy đồi." (16) [20]

107. "Chúng con hiểu điều này như vậy;
Đó là trường hợp thứ tám của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng con trường hợp thứ chín:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (17)

108. "Người không biết bằng lòng với vợ của mình;
Được nhìn thấy[80] ở cùng những kỹ nữ,
Được nhìn thấy ở cùng vợ người khác:
Đó là một nhân của sự suy đồi." (18)

109. "Chúng con hiểu điều này như vậy;
Đó là trường hợp thứ chín của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng con trường hợp thứ mười:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (19)

110. "Người đã qua thời thanh niên
Mà cưới một gái tơ vú chỉ bằng trái *timbaru*,[81]
Rồi ăn ngủ không ngon vì ghen hờn với cô gái trẻ tơ đó:
Đó là một nhân của sự suy đồi." (20)

---

[80] [Chữ này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** ghi là *padissati*, thay vì theo **Be** ghi là *padussati*, và ở câu kế thì chữ *dissati* thay vì *dussati*.] (80)

[81] [*Timbaru*: một loại trái cây, có lẽ bằng cỡ ngực vú của một ô gái mới tuổi dậy thì.] (81)

111. "Chúng con hiểu điều này như vậy;
Đó là trường hợp thứ mười của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng con trường hợp mười một:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (21)

112. "Nếu trao hết quyền hành
Cho một phụ nữ trụy lạc, một kẻ phung phí,
Hoặc cho một đàn ông bản chất như vậy:
Đó là một nhân của sự suy đồi." (22)

113. "Chúng con hiểu điều này như vậy;
Đó là trường hợp thứ mười một của sự suy đồi.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho chúng con trường hợp mười hai:
Cái gì là một nhân của sự suy đồi?" (23)

114. "Người có ít của-cải mà nhiều dục-vọng
Được sinh ra trong gia đình giai cấp chiến-sĩ (khattiya),
Khao khát nắm được quyền cai trị ở đây:[82]
Đó là một nhân của sự suy đồi. (24)

115. "Sau khi đã xem xét những trường hợp được nói trên
Của sự suy đồi trong thế gian, thì một người có trí,
Thánh thiện, được phú cho tri-kiến,
Qua đời (được tái sinh) trong một cõi phúc lành." (25)

7. Kinh Người Hạ Tiện (Vasala Sutta) [83]

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Rồi, buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Bấy giờ, lúc đó tại nhà riêng của bà-la-môn Aggikabhāradvāja, lửa đã đốt lên và lễ vật cúng tế đã được chuẩn bị. Rồi đức Thế Tôn, trong khi đi khất thực không bỏ qua nhà nào,

---

[82] [Tôi đọc chữ này là *'dha* (= *idha*) theo **Ce** và **Ee** khác với **Be** ghi là *ca*.] (82)

[83] [**Pj** II gọi kinh này là kinh Aggikabhāradvāja Sutta, theo tên của bà-la-môn trong kinh.] (83)

đã đến nhà của bà-la-môn Aggikabhāradvāja. Bà-la-môn Aggikabhāradvāja nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi tới từ xa và nói với đức Thế Tôn: "Đứng lại đó, ông đầu trọc! Đứng lại đó, sa-môn hạ đẳng! Đứng đó, kẻ giai cấp hạ tiện!". Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã nói với bà-la-môn Aggikabhāradvāja: "Này bà-la-môn, nhưng ông có biết được kẻ giai cấp hạ tiện là gì hay không, những phẩm chất nào làm nên một kẻ hạ tiện?"

"Này Thầy Cồ-Đàm, ta không biết kẻ giai cấp hạ tiện là gì, những phẩm chất nào làm nên một kẻ hạ tiện. Vậy hãy chỉ dạy Giáo Pháp cho ta theo cách để ta có thể hiểu ra được kẻ giai cấp hạ tiện là gì và những phẩm chất nào làm nên một kẻ hạ tiện?"

"Nếu vậy, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Được", bà-la-môn Aggikabhāradvāja trả lời. Đức Thế Tôn nói điều này:

116. "Người tức giận và hung dữ,
Kẻ chửi mắng ác độc,
Thiếu tầm nhìn, một kẻ đạo đức giả:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (1)

117. "Người ở đây làm hại chúng sinh,[84]
Loài được sinh một lần hay hai lần,
Kẻ không có lòng tốt đối với chúng sinh:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (2)

118. "Người tấn công
Phá làng, phá phố chợ,
Khét tiếng là kẻ áp bức:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (3)

---

84 [Chỗ này tôi đọc theo **Be** ghi *pānaṃ vihiṃsati*, khác với **Ce** và **Ee** là *pānāni hiṃsati*. Luận giảng **Pj** II công nhận cả 02 cách ghi này, cho thấy rõ cả 02 cách ghi đều có trong gốc chép tay mà các nhà luận giảng **Pj** đã đọc thấy. Coi thêm chú thích 549.

- (Câu kế dưới: loài được sinh một lần trực tiếp từ bụng mẹ, loài được sinh hai lần như sinh từ trứng rồi từ trứng nở thành con).] (84)

119. "Dù ở trong làng hay trong rừng,
Người trộm cắp thứ không được cho,
Cướp lấy đồ đạc của cải của người khác:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (4)

120. "Người sau khi mượn tiền
Khi bị đòi tiền thì trở mặt không trả,
Còn nói: "Tôi đâu có mượn nợ ông đồng nào":
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (5)

121. "Người tham muốn đồ đạc của người khác
Chặn đánh người đi đường
Và cướp giựt đồ của họ:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (6)

122. "Người vì lợi lộc cho mình,
Vì lợi lộc cho người khác, vì tham muốn tiền của,
Nên nói sai sự thật khi được hỏi như một nhân chứng:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (7)

123. "Người được thấy lang chạ với vợ người khác
Vợ của người thân hoặc của bạn bè,
Bằng cách cưỡng ép, hay cách tán tỉnh dụ dỗ:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (8)

124. "Người có khả năng mà không chăm sóc nuôi dưỡng
Cha và mẹ của mình
Khi họ đã già, không còn trẻ khỏe:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện.[85] (9)

125. "Người tấn công hoặc chửi mắng
Cha mẹ của mình,
Chửi mắng anh em, chị em, hay mẹ chồng mẹ vợ:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (10)

126. "Người khi được hỏi về điều thiện lành
Lại chỉ cho người ta về điều nguy hại,

[85] [Trừ câu cuối, thi kệ này giống hệt thi kệ **98** ở trên.] (85)

Người nói lời khuyên một cách ma mờ (không chánh trực):
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (11)

127. "Người sau khi làm nghiệp ác,
Mà muốn: 'Mong sao họ không biết điều ta đã làm.'
Là kẻ che giấu những hành động của mình:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (12)

128. "Người khi đến thăm gia đình khác
Ăn uống thỏa thích đủ đồ ngon,
Nhưng không bao giờ biết ơn hay đáp lại ơn chủ nhà:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (13)

129. "Người nói láo nói dối để lừa gạt
Một bà-la-môn hay một sa-môn
Hay các Tỳ kheo khác:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện.[86] (14)

130. "Nếu gần giờ ăn trưa, một người nói lời phỉ báng
Một bà-la-môn hay một sa-môn đã đến đó [87]
Mà không bố thí cho người ấy [thức ăn gì]:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (15)

131. "Người nói lời giả xạo (để lừa),[88]
Bao biện bằng điều giả ảo (như giả giàu, giả thiện),
Tìm cách đoạt đạt (ích lợi) cho chính mình:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (16)

132. "Người ca ngợi mình
Và chê bai người khác,
Là hạ liệt thấp kém vì tính tự-đại của mình:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (17)

---

[86] [Trừ câu cuối, thi kệ này giống hệt thi kệ **100** ở trên.] (86)

[87] [Chữ này tôi dịch dựa trên cách ghi thay thế là *upaṭṭhitaṃ*, thay cho chữ *upaṭṭhite*. Luận giảng **Pj** II công nhận cả 02 cách ghi này.] (87)

[88] [Tôi dịch chỗ này theo chữ ghi thay thế là *asantaṃ*, thay cho chữ *asataṃ*. Luận giảng **Pj** II công nhận cả 02 cách ghi này.] (88)

133. "Người gây tức chọc giận, keo kiệt
Có các dục xấu ác, hà tiện, lừa lọc
Không biết xấu-hổ hay biết sợ-hãi về lương tâm:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (18)

134. "Người phỉ báng Đức Phật
Hay phỉ báng những đệ tử của Phật,
Dù vị (đệ tử) đó một du tăng hay người tại gia:
Ông nên biết đó là kẻ hạ tiện. (19)

135. "Người không phải là A-la-hán
Mà tuyên bố mình là A-la-hán,
Một kẻ trộm trong thế giới này có trời Phạm Thiên (Brahmā):
Đây là kẻ hạ tiện hạ đẳng nhất.
Ta đã giải thích cho ông
Đã thuyết giảng về những kẻ hạ tiện này. (20)

136. "Không phải do nơi sinh (giai cấp) một người là hạ tiện
Cũng không phải do nơi sinh một người thành bà-la-môn.
Do hành-động một người là kẻ hạ tiện,
Do hành-động một người thành bà-la-môn (đích thực). (21)

137. "Cũng hiểu được điều đó theo cách này,
Theo như ví dụ này của ta, cho nên
Người con giai cấp hạ tiện (caṇḍāla, chiên-đà-la), là Sopāka,
Ông cũng nổi danh [với tên] là Mātaṅga. (22)

138. "Mātaṅga đã đạt được danh tiếng cao nhất,
Vốn rất khó đạt được (ngay cả bởi những quý tộc);
Nhiều người giai cấp chiến-sĩ và bà-la-môn
Cũng đến để hầu hạ phục vụ cho ông ta. (23)

139. "Ông ta đã bước lên con đường chư thiên (tiên đạo),
Là con đường lớn không bụi bẩn;
Sau khi đã xóa bỏ tham dục,
Ông qua đời (và tái sinh) trong cõi trời phạm thiên.
Giai cấp (hạ tiện) của ông đâu hề ngăn cản ông
Tái sinh trong cõi trời phạm thiên đó. (24)

140. "Những ai sinh ra trong gia tộc những người tụng chú—
Là những bà-la-môn thông thạo những bài chú thiêng—[89]
Thường được thấy dính líu vào
Những nghiệp xấu ác. (25)

141. "Họ đáng bị chê trách trong kiếp này
Và có nơi-đến đọa đày trong kiếp sau;
Giai cấp xã hội của họ đâu giúp ngăn cho họ
Khỏi bị trong đọa giới hay khỏi bị người đời chỉ trích. (26)

142. "Người không phải là hạ tiện do nơi sinh giai cấp
Cũng không phải thành bà-la-môn vì nơi sinh giai cấp.
Mà do hành-động một người là một kẻ hạ tiện,
Do hành-động một người thành bà-la-môn (đích thực)." (27)

Sau khi lời này được nói ra, bà-la-môn Aggikabhāradvāja đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như thầy dựng lại những thứ đã bị quăng ngã, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những ai bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Xin Thầy Cồ-Đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia từ hôm nay đã quy y đến cuối đời."

8. Kinh Tâm Từ (Metta Sutta)

143. Người khéo về điều thiện
Thì nên làm như vầy,
Sau khi đã chứng ngộ
Tới trạng thái bình-an:
Người nên có năng lực,

[89] [Nguyên văn ở đây: *Brāhmaṇā mantabandhavā*. Nghĩa chữ là "những bà-la-môn là những người thân tộc của những bài chú linh thiêng".] (89)

Ngay thẳng, và chánh trực,
Dễ tu sửa dễ khuyên,
Hiền từ, không kiêu ngạo. (1)

144. [Người đó nên:]
Biết hài lòng, tri túc
Và dễ sống dễ nuôi
Ít bận bịu bổn phận,
Sống thanh bần giản dị;
Các căn được bình an,
Và nhận biết sáng suốt,
Lễ độ, không tham lam
Khi ghé đến nhà dân. (2)

145. Không làm điều gì (xấu),
Dù là điều nhỏ nhặt,
Mà người trí chê trách.
Cầu cho mọi chúng sinh
Được an lành, hạnh phúc;
Cầu cho mọi chúng sinh
Được hạnh phúc trong tâm! (3)

146. Không trừ chúng sinh nào
Dù loài yếu hay mạnh
Dài rộng hay to lớn,
Vừa, bé hay đẹp, xấu; (4)

147. Có mặt hay khuất mặt,
Ở gần hay ở xa,
Đã sinh hay chưa sinh,
Cầu cho mọi chúng sinh
Được hạnh phúc trong tâm! (5)

148. Không lừa lọc lẫn nhau
Thường bất khinh khắp chốn.
Khi tâm đang oán giận
Không mong hay nguyền rủa
Ai khác bị khổ đau.

149. Giống như một người mẹ
Luôn che chở cho con
Bằng cả mạng sống mình,
Hãy phát tâm vô biên
Tới tất cả chúng sinh. (7)

150. Hướng tới cả thế giới
Hãy tu tập tâm-từ
Vô biên và vô lượng—
Trên, dưới, và dọc ngang—
Không cản trở hẹp hòi
Không sân hận, thù ghét. (8)

151. Dù đang đứng, đang đi,
Đang ngồi hay đang nằm,
Chừng nào vẫn còn thức
Giữ sự chánh-niệm này:
Đây được họ gọi là
Sự an trú thiên thánh
(Còn gọi là phạm trú). (9)

152. Không chấp giữ tà-kiến,
Có được giới-hạnh tốt,
Được phú đủ chánh-kiến
Sau khi đã trừ bỏ
Mọi tham muốn dục-lạc;
Thì sẽ không bao giờ
Còn chui vào bào thai. (10)

9. Kinh Hemavata (Hemavata Sutta)

153. (Dạ-xoa Sātāgira nói:)
"Hôm nay rằm, bố-tát (uposatha),
Đêm thiên thánh đã đến.
Hãy đến gặp Cồ-đàm,
Bậc danh sư toàn thiện." (1)

154. (Dạ-xoa Hemavata hỏi:)

"Có phải rằng cái tâm
Của người không thiên vị
Hướng tới mọi chúng sinh?
Vị đó có làm chủ
Mọi ý định của mình
Đối với thứ tham dục
Và thứ không tham dục?" (2)

155. (Dạ-xoa Sātāgira nói:)
"Tâm người không thiên vị
Hướng tới mọi chúng sinh.
Bậc ấy làm chủ được
Mọi ý định của mình
Đối với thứ tham dục
Và thứ không tham dục." (3)

156. (Dạ-xoa Hemavata hỏi:)
"Vị đó có còn lấy
Những thứ không được cho?
Vị đó có tự chủ
Đối với mọi chúng sinh
Vị đó có tránh xa
Sự lơ tâm phóng dật?
Và không thiếu thiền định (jhāna)?" (4)

157. (Dạ-xoa Sātāgira nói:)
"Bậc ấy không còn lấy
Những thứ không được cho.
Và luôn tự chủ được
Đối với mọi chúng sinh.
Bậc ấy cũng tránh xa
Sự lơ tâm phóng dật.
Phật không thiếu thiền định (jhāna)." (5)

158. (Dạ-xoa Hemavata hỏi:)
"Vị đó còn nói dối?
Lời nói có thô lỗ?

Có nói lời tệ hại?
Nói tầm phào tán dóc? (6)

159. (Dạ-xoa Sātāgira nói:)
"Bậc ấy không nói dối
Lời nói không thô lỗ
Không nói lời tệ hại
Có quán chiếu suy xét,
Chỉ nói lời ý nghĩa." (7)

160. (Dạ-xoa Hemavata hỏi:)
"Liệu vị đó có còn
Dục và tham dục lạc?
Tâm đã hết ố nhiễm?
Đã chinh phục si mê?
Liệu vị đó có được
Sự-thấy về các pháp
(Hay gọi là pháp nhãn)?" (8)

161. (Dạ-xoa Sātāgira nói:)
"Vị đó đã không còn
Dục và tham dục lạc.
Và tâm hết ố nhiễm.
Chinh phục mọi si mê.
Vị Phật thì có được
Sự-thấy về các pháp
(Đó gọi là pháp nhãn)." (9)

162. (Dạ-xoa Hemavata hỏi:)
"Vị đó có được phú
Với trí-biết minh mẫn?
Có phẩm-hạnh thanh khiết?
Vị đó có tiêu diệt
Tất cả dòng chảy-vào
(tức ô-nhiễm, lậu hoặc)?
Và đối với vị đó
Còn tái hiện-hữu không?" (10)

163. (Dạ-xoa Sātāgira nói:)
"Bậc ấy được phú đầy
Với trí-biết minh mẫn.
Phẩm-hạnh cũng thanh khiết
(tức là 'minh hạnh túc').
Bậc ấy đã tiêu diệt
Tất cả dòng chảy-vào
(hết ô-nhiễm; lậu tận).
Và đối với vị Phật
Không còn tái hiện-hữu." (11)

[Hemavata:]
163A[90] "Tâm của bậc mâu-ni
Hoàn thiện về hành-động
Hoàn thiện về cách-nói.
Để đúng theo Giáo Pháp
Quý vị nên tán dương
Bậc hoàn thiện đầy đủ
Về trí-biết minh mẫn
Và cả về phẩm-hạnh
(tức là 'minh hạnh túc')."[91] (11A)

[Sātāgira:]
163A "Tâm của bậc mâu-ni
Hoàn thiện về hành-động
Hoàn thiện về cách-nói.
Để đúng theo Giáo Pháp

---

[90] [Theo một ghi chú trong **Ee**, các thi kệ này chỉ có trong 02 bản chép tay của Miến Điện mà các nhà biên tập kinh có được. Tuy nhiên, do luận giảng **Pj** II lại có chú giải về chúng, cho nên **Be** và **Ce** đã coi chúng như bản gốc đúng và đã đánh số thi kệ riêng cho chúng.] (90)

[91] [**Ee** đã chấm xuống hàng các thi kệ như thể các thi kệ **163–167** đều được nói bởi dạ-xoa Sātāgira vậy. Tuy nhiên, luận giảng **Pj** II đã chú thích rằng: thi kệ **163A** được nói bởi dạ-xoa Hemavata, các thi kệ **163B–164** được nói bởi Sātāgira, **165–166** được nói bởi Hemavata, và **167** được nói bởi cả 02 dạ-xoa. Để đọc rõ hơn, tôi đã thêm vào tên người nói trong ngoặc vuông, dựa theo sự chú thích của **Pj** II.] (91)

Quý vị nên tán dương
Một bậc đã hoàn thiện
Về trí-biết minh mẫn
Và cả về phẩm-hạnh." (11B)

164. "Tâm của bậc mâu-ni
Hoàn thiện về hành-động
Hãy đến gặp Cồ-đàm,
Bậc hoàn thiện đầy đủ
Về trí-biết minh mẫn
Và cả về phẩm-hạnh
(tức là minh hạnh túc)." (12)

[Hemavata:]

165. "Hãy đến gặp Cồ-đàm,
Bậc mâu-ni đang thiền
Bắp chân như linh dương
Thanh mảnh, bậc anh hùng[92]
Ăn ít và vô tham. (13)

166."Khi gặp bậc long tượng (nāga),
Bậc ấy như sư tử
Một mình đi du hành
Không màng những dục lạc,
Hỏi ngài sự giải-thoát
Khỏi cái bẫy thần chết." (14)

[Sātāgira and Hemavata:]

167. "Hãy đến hỏi Cồ-đàm,
Bậc thuyết giảng, bậc sư,
Bậc vượt trên mọi pháp,
Vị Phật đã chinh phục
Sự thù ghét, hiểm họa!" (15)

168. (Dạ-xoa Hemavata hỏi:)

---

[92] [Chỗ này tôi đọc theo **Be** và **Ce** là *vīro*, khác với **Ee** ghi là *dhīro*. Sự giải nghĩa trong **Pj** II rõ ràng ủng hộ chữ *vīro*.] (92)

"Từ trong những thứ gì
Thế gian đã khởi sinh?
Từ trong những thứ gì
Hình thành sự thân luyến?
Chấp thủ theo thứ gì
Thế gian bị đau khổ
Khổ đối với thứ gì?" (16)

169. (Đức Phật nói: 'Này Hemavata':)
Từ trong sáu (xứ) này
Thế gian đã khởi sinh
Từ trong sáu (xứ) này
Hình thành sự thân luyến
Chấp thủ theo sáu (xứ)
Thế gian bị đau khổ
Khổ đối với sáu (xứ)." (17)

170. (Dạ-xoa hỏi:)
"Sự chấp thủ là gì
Mà thế gian bị khổ?
Khi được hỏi, xin nói:
Cách nào để một người
Giải thoát khỏi khổ đau?" (18)

171. (Phật nói:)
"Đó năm dây dục-lạc
Với tâm là thứ sáu
Được nói trong thế gian:
Sau khi xóa bỏ dục
Đối với những thứ này
Thì một người sẽ được
Giải thoát khỏi khổ đau. (19)

172. "Lối thoát khỏi thế gian
Mà ta đã tuyên thuyết
Cho các vị là vậy
Đây là lời tuyên bố

Ta nói cho các vị:
Nhờ cách đó một người
Giải thoát khỏi khổ đau." (20)

173. (Dạ-xoa hỏi:)
"Đây ai vượt dòng lũ?
Đây ai vượt biển sâu?
Ai mà không bị chìm
Nếu không có chỗ đứng
Nếu không có chỗ dựa?" (21)

174. (Phật nói:)
"Luôn hoàn thiện đầy đủ
Về giới-hạnh thiện lành
Được phú với trí-tuệ
Biết quán chiếu hướng nội
Và luôn có chánh-niệm
Sẽ vượt được dòng lũ
Vốn rất khó vượt qua. (22)

175. "Người đã kiêng cữ được
Tất cả những dục tưởng,
Đã vượt mọi gông-cùm (kiết sử)
Đã hoàn toàn tiêu diệt
Thích thú và hiện-hữu—
Thì không bị chìm sâu." (23)

176. "Hãy nhìn bậc tuệ sâu,
Bậc thấy nghĩa vi tế.
Không sở hữu thứ gì,
Không ràng buộc dục-lạc
Và cả sự hiện-hữu.
Hãy ngước nhìn bậc ấy
Được giải thoát mọi nơi.
Là bậc đại kiến-giả (rishi)
Bước trên đường thánh thiêng. (24)

177. "Hãy nhìn bậc diệu danh,

Bậc thấy nghĩa vi tế
Bậc bố thí trí-tuệ
Và không còn dính mắc
Với hang ổ dục lạc,
Toàn tri, thật trí-tuệ,
Là bậc đại kiến-giả (rishi)
Bước trên đường thánh thiện. (25)

178. "Thực sự là hôm nay
Chúng ta đa có được
Một quan cảnh tốt lành
Một bình minh tốt lành
Một khởi sinh tốt lành
Vì chúng ta đã thấy
Bậc Giác Ngộ ở đây,
Không còn dòng chảy-vào (lậu tận)
Đã vượt qua dòng lũ. (26)

179. "Ngàn dạ-xoa ở đây
Có thần lực, tiếng tăm
Đều xin được quy y
Nơi nương tựa là Ngài:
Ngài chính là vị thầy
Vô thượng của chúng con. (27)

180. "Giờ chúng con bộ hành
Qua làng này làng nọ
Qua núi này núi nọ
Kính lễ bậc Giác Ngộ
Kính lễ sự siêu-xuất
Của Giáo Pháp (của Phật)." (28)

10. Kinh Dạ-Xoa Āḷavaka (Āḷavaka Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở xứ Āḷavī, chỗ hang ổ (sào huyệt, nơi ở) của quỷ dạ-xoa Āḷavaka. Rồi quỷ dạ-xoa Āḷavaka đến gặp và nói với đức Thế Tôn: "Ra khỏi đây, này

sa-môn!"

"Được rồi, ông bạn", đức Thế Tôn nói và đi ra.

"Vô trong lại, này sa-môn", (dạ-xoa nói)

"Được rồi, ông bạn", đức Thế Tôn nói và đi vô.

Lần thứ hai … Lần thứ ba quỷ dạ-xoa Āḷavaka nói với đức Thế Tôn: "Ra khỏi đây, này sa-môn!"

"Được rồi, ông bạn", đức Thế Tôn nói và đi ra.

"Vô trong lại, này sa-môn", (dạ-xoa nói)

"Được rồi, ông bạn", đức Thế Tôn nói và đi vô.

Lần thứ tư quỷ dạ-xoa Āḷavaka nói với đức Thế Tôn: "Ra khỏi đây, này sa-môn!"

"Ta sẽ không ra, ông bạn. Ông muốn làm gì thì làm", (lần này Phật nói vậy)

"Này sa-môn, ta sẽ hỏi ông một câu hỏi. Nếu ông không trả lời ta, ta sẽ khiến ông thành điên khùng hoặc xé tim ông hoặc nắm hai chân ông quăng qua bên kia sông Hằng.

"Này ông bạn, trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương và Trời Brahma (Phạm thiên), trong thế hệ này có những sa-môn và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta không thấy có ai có thể làm ta thành điên khùng hoặc xé tim ta hoặc nắm hai chân ta quăng qua bên kia sông Hằng. Nhưng này, ông cứ hỏi điều ông muốn hỏi, này ông bạn."

Rồi dạ-xoa Āḷavaka đã hỏi đức Thế Tôn bằng thi kệ:

181. "Ở đây cái gì là thứ báu nhất của một người?
Thứ gì nếu thực hành tốt sẽ mang lại hạnh phúc?
Thứ gì thực sự có vị ngọt nhất?
Người sống cách nào người ta gọi là sống tốt nhất?" (1)

[Đức Thế Tôn nói:]

182. "Ở đây niềm-tin (tín) là thứ báu nhất của một người
Giáo Pháp nếu thực hành tốt sẽ mang lại hạnh phúc **

Sự-thật (chân đế) thực sự có vị ngọt nhất
Người sống bằng trí-tuệ người ta gọi là sống tốt nhất. (2)

[Dạ-xoa Āḷavaka hỏi:]

183. "Cách nào một người vượt qua dòng lũ?
Cách nào một người vượt qua biển dữ?
Cách nào một người vượt qua sự khổ?
Cách nào một người được thanh lọc?" (3)

[Đức Thế Tôn nói:]

184. "Bằng niềm-tin một người vượt qua dòng lũ
Bằng sự chuyên-chú một người vượt qua biển dữ?
Bằng sự tinh-tấn một người vượt qua sự khổ
Bằng trí-tuệ một người được thanh lọc" (4)

[Dạ-xoa Āḷavaka hỏi:]

185. "Cách nào một người đạt được trí-tuệ?
Cách nào một người tìm được sự giàu-có?
Cách nào một người có được sự hoan-nghênh (từ mọi người)?
Cách nào trói buộc bạn bè với mình?
Sau khi qua đời, từ kiếp này qua kiếp sau,
Cách nào một người không sầu-khổ?" (5)

[Đức Thế Tôn nói:]

186. "Bằng sự đặt niềm-tin vào Giáo Pháp của các A-la-hán (mà họ đã áp dụng) để chứng ngộ Niết-bàn,
Từ sự mong muốn học hiểu, người đạt được trí-tuệ
Nếu một người chuyên-chú và tinh-nhạy. (6)

187. "Làm những điều đúng đắn, đúng trách-phận
Người có sự tháo-vát (chủ động) tìm kiếm sự giàu-có.
Bằng sự chân-thực, người dành được sự hoan-nghênh;
Bằng sự cho-đi người giữ được bạn bè đạo hữu.[93] (7)

---

[93] [Kinh tập **Sn I, 10** này chính là giống tương tự kinh **SN 10:12** (Quyển 1)). Đoạn thi kệ tương ứng này trong kinh **SN 10:12** thì có thêm cặp câu cuối mà trong phiên bản kinh **Sn I, 10** ở đây, đó là cặp câu: *asmā lokā paraṃ lokaṃ, evaṃ pecca na socati* (*Đó*

188. "Trong đời sống tại gia một người thành tín tìm cầu
Mà có được bốn phẩm chất này—
Sự Thật, Giáo Pháp, sự ổn-định, sự bố-thí—
Thì người đó không sầu-khổ sau khi qua đời. (8)

189. "Giờ các vị cứ đến hỏi thêm những người khác
Hỏi nhiều sa-môn và bà-la-môn,
Để xem ở đây có tồn tại điều gì tốt hơn
Hơn sự-thật, sự tự-chủ, sự bố-thí, và sự kiên-nhẫn." (9)

[Dạ-xoa Āḷavaka nói:]

190. "Tại sao giờ con cần phải hỏi thêm
Nhiều sa-môn và bà-la-môn đó nữa?
Hôm nay con đã hiểu được
Điều tốt lành thuộc kiếp vị lai là gì. (10)

191. "Quả thật vì con mà Đức Phật đã đến
Trú ở xứ Āḷavī này.
Hôm nay con đã hiểu được
Từ đâu mà một sự bố-thí mang lại phước quả lớn. (11)

192. "Giờ con sẽ bộ hành
Qua làng này làng nọ
Qua thị này thị nọ
Để kính lễ Đức Phật [bậc Giác Ngộ]
Và kính lễ sự siêu-xuất
Của Giáo Pháp (của Phật)." (12)

11. Kinh Chiến Thắng (Vijaya Sutta) [94]

193. Khi đang đi hay đứng
Khi đang ngồi hay nằm,

---

là cách một người không sầu-khổ, sau khi qua đời kiếp này chuyển qua kiếp sau).] (93)

[94] **[Pj** II nói rằng kinh này cũng được gọi tên là kinh *Kāyavicchandanika-sutta* (*Kinh Về Sự Loại Bỏ Dục Đối Với Thân*). (Nghĩa "*Chiến Thắng*" ở đây có lẽ là chiến thắng sự tham-muốn (dục) đối với thân).] (94)

Khi đang co hay giuỗi—
Đây là chuyển động của thân. (1)

194. Được gắn dính nhau bởi xương và gân
Bao quanh bằng thịt và da,
Bao phủ bởi lớp biểu bì,
Thân được nhìn thấy như nó là— (2)

195. Ruột được nhét bên trong
Bao tử được nhét bên trong
Với lá gan và bàng quang
Tim, phổi, thận, và lá lách; (3)

196. Với nước mũi và nước miếng
Với mồ hôi và chất mỡ,
Với máu và dịch khớp xương,
Với mật đắng và chất nhày. (4)

197. Thêm nữa, có chín lỗ ra
Những chất dơ thải ra liên tục:
Chất ghèn dơ ra hóc mắt
Chất mủ nhày ra lỗ tai, (5)

198. Nước mũi ra từ lỗ mũi;
Và từ miệng đôi lúc ói ra mật
Và có khi khạc ra đờm;
Mồ hôi và nước thải ra từ thân. (6)

199. Rồi trong cái đầu rỗng của thân
Được nhét vào bộ não.
Kẻ ngu bị dẫn dắt bởi vô-minh,
Nên luôn coi (thân) là đẹp đẽ. (7)

200. Rồi khi (thân) nằm chết
Trương sình và tái tím,
Bị quăng ra nghĩa địa,
Người nhà chẳng còn quan tâm gì tới nó. (8)

201. Rồi chó đến ăn xác
Chó rừng, sói, và giòi bọ,

Lũ quạ và kền kền cũng bu ăn,
Những loài ăn xác ở đó cũng bu ăn. (9)

202. Sau khi nghe lời dạy của Phật
Một Tỳ kheo có được trí-tuệ ngay đây,
Hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) điều đó,
Vì người đó nhìn thấy đúng như nó thực là, rằng: (10)

203. "(Thân) như vầy sẽ như vậy;
(Thân) sẽ là vậy vì như vầy":
Đối với (thân) bên trong hay (thân) bên ngoài
Người tu loại bỏ dục đối với thân. (11)

204. Tỳ kheo đó có được trí-tuệ ở đây,
Đã xóa loại bỏ dục và tham đối với thân,
Đã đạt tới sự bất-tử, sự bình-an,
Trạng thái bất-diệt của Niết-bàn. (12)

205. Thân có hai chân này,
Bất tịnh và hôi hám, mà lại được cưng quý,
Cho dù nó chứa đầy những chất ô uế dơ dáy
Chảy ra từ các lổ (trên thân). (13)

206. Thân ai cũng chỉ là vậy, cho nên
Ai mà tự khen bản thân mình
Và chê bai bản thân người khác—
Là mù trí thiếu tầm-nhìn, chứ do thiếu sự gì? (14)

12. Kinh Mâu-Ni (Muni Sutta)

207. Từ sự thân luyến đã khởi sinh hiểm họa;
Từ cõi trú (cõi hiện hữu) khởi sinh bụi bẩn (tham, sân, si).
Không cõi trú không có sự thân luyến:
Đây thật là tầm-nhìn của bậc mâu-ni. (1)

208. Người sau khi đã chặt đứt những gì đã khởi sinh,
Không trợ hay dưỡng những gì đang khởi sinh—
Họ gọi bậc ấy là bậc mâu-ni sống một mình:
Bậc kiến giả (rishi) đó đã thấy được trạng thái bình-an. (2)

209. Sau khi đã hiểu các căn địa, đã nghiền nát hột giống
Không tưới dưỡng nó bằng nước ẩm.
Quả thật, bậc mâu-ni đó, bậc nhìn thấy sự sinh-tận,
Sau khi đã trừ bỏ ý-nghĩ (bất thiện), đã không còn có thể được chỉ danh
(là trời, người hay chúng sinh nào; không còn thấy nữa). (3)

210. Sau khi đã-biết mọi cõi cư trú,
Không còn muốn một cõi nào trong đó,
Vị đó thực sự là một mâu-ni, đã hết tham, vô tham,
Không còn cố (tạo nghiệp), vì bậc ấy vượt khỏi (mọi cõi trú). (4)

211. Người đã vượt qua tất cả, là bậc toàn tri, diệu trí,
Vô nhiễm giữa mọi sự thế gian,
Bậc đã dẹp bỏ tất cả, được giải thoát trong sự ái-tận:
Đó là bậc mà người có trí gọi là một mâu-ni. (5)

212. Bậc có năng lực trí-tuệ,
Được trang bị thiện giới-hạnh và sự trì-giới,
Đạt định, vui thích thiền định (jhāna), có chánh-niệm,
Hết mọi trói-buộc, không cằn-cỗi, không còn những lậu hoặc:
Đó cũng là bậc mà người trí gọi là một mâu-ni. (6)

213. Bậc mâu-ni sống một mình, chuyên chú,
Không phất phơ với lời khen và tiếng chê—
Như sư tử không giật mình giữa bao tiếng kêu,
Như gió không bị bắt bởi lưới,
Như bông sen không bị nhiễm bởi nước (bùn),
Là bậc dẫn dắt mọi người, không bị dẫn dắt bởi ai khác:
Đó cũng là bậc mà người trí gọi là một mâu-ni. (7) [37]

214. Người vẫn kiên định như cột đá trên bãi cạn
Khi người khác nói những lời khiêu khích chuyện này và nọ;
Người đã hết tham, với các căn đạt định:
Đó cũng là bậc mà người trí gọi là một mâu-ni. (8)

215. Người vững vàng trong nội tâm, thẳng như một con thoi,
Ghê tởm những nghiệp ác,

Trạch pháp những điều bất chánh và những điều chánh thiện:
Đó cũng là bậc mà người trí gọi là một mâu-ni. (9)

216. Người tự chủ không làm điều gì ác;
Từ thời thiếu niên và trung niên: bậc mâu-ni đều giữ giới.
Vô lỗi, không thể bị chê trách; cũng không chê chửi ai:
Đó cũng là bậc mà người trí gọi là một mâu-ni. (10)

217. Từ lớp trên, lớp giữa, hay lớp dưới
Dù thức ăn người khất sĩ đã nhận được ra sao,
Không bao giờ nghĩ khen ngon hay chê dở:
Đó cũng là bậc mà người trí gọi là một mâu-ni. (11)

218. Bậc mâu-ni sống kiêng cữ tính dục,
Ngay cả khi còn trẻ vẫn không dính ái dục ở đâu,
Tránh bỏ danh phù phiếm; chuyên-chú, thoát-ly hoàn toàn:
Đó cũng là bậc mà người trí gọi là một mâu-ni. (12)

219. Sau khi đã-biết thế giới, bậc nhìn thấy mục tiêu tối thượng,
Là bậc vô thiên vị, đã vượt qua dòng lũ và biển (luân hồi),
Đã cắt đứt mọi nút-thắt, hết dính-mắc, hết lậu-hoặc:
Đó cũng là bậc mà người trí gọi là một mâu-ni. (13)

220. Sự cư trú và phẩm hạnh của họ, là hai thứ khác nhau:
Người tại gia lo vợ con, sa-môn không sở hữu gì.
Người tại gia không giữ giới, làm hại chúng sinh khác,
Bậc mâu-ni thì luôn giữ giới, phò hộ những chúng sinh. (14)

221. Giống con công cổ xanh dương, dù có bay trên không
Cũng đâu nhanh cho bằng một con ngỗng chạy.
Giống vậy, người tại gia thì đâu sánh được với vị Tỳ kheo,
Là một mâu-ni đang thiền định ẩn dật trong rừng. (15)

2. CHƯƠNG "NHỎ"

(Cūḷa-vagga)

1. Kinh Châu Báu (Ratana Sutta)

222. Mọi chúng sinh ở đây
Dù đang ở dưới đất
Hay đang ở trên trời,
Cầu mong cho tất cả
Được thật sự hạnh phúc.
Và hãy lắng nghe kỹ
Những điều đang nói ra. (1)

223. Vì vậy, hỡi chúng sinh
Tất cả hãy lắng nghe;
Hãy thể hiện tâm-từ
Với dân chúng ở đây
(những người đang bị nạn)
Họ, những người ngày đêm
Mang phẩm vật cúng dường
(cho chư thiên và trời);
Do vậy hãy chuyên chú
Và bảo hộ cho họ. (2)

224. Cho dù có châu báu
Ở đây hay (cõi) trên
Hay châu báu tuyệt vời
Có trên các cõi trời—
Không có châu báu nào
Sáng bằng với Như Lai.
- Như vậy nơi Đức Phật
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (3)

225. Sự diệt-tận, ly-tham
Sự bất-tử, tuyệt vời,

Mà Mâu-ni Thích-Ca
Bằng thiền định chứng đắc:
Không có gì sánh được
Cho bằng Giáo Pháp đó.
- Như vậy nơi Giáo Pháp
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (4)

226. Sự thanh tịnh được khen
Bởi Đức Phật tối thượng,
Đó là sự định-tâm
Liền tục không gián đoạn—
Không có gì sánh bằng
Sự định-tâm như vậy.
- Như vậy nơi Giáo Pháp
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (5)

227. Tám loại người được khen
Bởi những bậc thiện nhân,
Họ tạo thành bốn cặp.
Họ đáng được cúng dường,
Đệ tử bậc Thiện Thệ;
Những thứ cúng cho họ
Mang lại nhiều phước quả.
- Như vậy nơi Tăng Đoàn
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (6)

228. Người tinh cần thiện khéo
Với cái tâm vững vàng,
Là những người vô dục
Trong giáo pháp Cồ-Đàm,
Sau khi đã chứng ngộ

Sau khi đã nhảy vào
Sự bất-tử (Niết-bàn),
Giờ tự do thụ hưởng
Sự bình-an hoàn hảo.
- Như vậy nơi Tăng Đoàn
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (7)

229. Như trụ cột trước cổng
Chôn gốc sâu dưới đất,
Sẽ không bị lay chuyển
Trước gió mạnh bốn bề,
Giống vậy khi ta nói
Về một người tốt thiện
Nhìn thấy (Tứ) Diệu Đế
Sau khi chứng nghiệm chúng.
- Như vậy nơi Tăng Đoàn
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (8)

230. Những ai đã ngộ được
Tứ Đế được khéo dạy
Bởi một bậc tuệ sâu,
Thì dù họ phóng dật
Họ cực kỳ lơ tâm,
Cũng không còn phải bị
Kiếp tái sinh thứ tám.
- Như vậy nơi Tăng Đoàn
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (9)

231. Khi thành tựu tầm-nhìn
(tức thành bậc kiến đắc)
Thì ba điều sau đây

Cũng đồng thời loại bỏ:
Thân-kiến, sự nghi-ngờ,
Và cả giới-cấm thủ;
Thì người tu giải thoát
Khỏi bốn cảnh thống khổ,[95]
Và không còn khả năng
Làm sáu điều (xấu ác).
- Như vậy nơi Tăng Đoàn
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (10)

232. Cho dù làm nghiệp xấu
Bằng thân, lời-nói, tâm,
Không thể nào che giấu;
Và sự không thể đó
Là nói cho những người
Đã nhìn thấy trạng thái
(là trạng thái Niết-bàn).
- Như vậy nơi Tăng Đoàn
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (11)

---

[95] [Phiên bản **Be** tính câu kệ này là câu bắt đầu đoạn kệ kế tiếp, tức đoạn kệ 234. Sự phân câu như vậy có vẻ là tùy tiện và thậm chí sai. Tôi làm theo **Ce** và **Ee**, coi đoạn kệ này là thi kệ gồm 08 câu.

►(Nhân tiện: Bài kinh này (và nhiều kinh khác) người dịch Việt đã dịch mỗi câu kệ gốc thành 02 câu kệ 05 chữ của tiếng Việt, mục đích là để dịch đủ từng chữ và nghĩa của lời kinh gốc!)

►(Đây là một trong một số bài kinh người dịch Việt không cảm giác được là "giọng" của Phật, nhất là những đoạn thi kệ nói về Phật, Pháp và Tăng lộn xộn về thứ tự—trong toan bộ Tạng Kinh người dịch chưa từng thấy kinh nào như vậy. Cho dù bài kinh 'phòng hộ' nổi tiếng này có thể chính là lời của Phật, nhưng đã có nhiều người cũng không cho rằng kinh này là chính ngôn Phật nói.)

233. Như một khóm cây rậm
Đầy hoa nở bên trên
Trong một tháng mùa hè
Trong đầu tháng mùa hè,
Cũng như vậy (Phật) dạy
Giáo Pháp thật tuyệt vời,
Nó dẫn tới Niết-bàn,
Là phúc lành tối thượng.
- Như vậy nơi Đức Phật
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (12)

234. (Phật) là bậc siêu xuất
Người-biết điều siêu xuất,
Người-ban điều siêu xuất
Người-mang điều siêu xuất,
Đó là bậc tối thượng
Dạy Giáo Pháp siêu xuất.
- Như vậy nơi Đức Phật
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (13)

235. Điều cũ đã tiêu diệt
Không khởi sự điều mới,
Tâm họ đã ly-tham
Với sự tái hiện-hữu.
Với hạt giống đã diệt
Không còn dục lớn lên,
Những bậc trí tịch diệt
Như ngọn đèn thổi tắt.
- Như vậy nơi Tăng Đoàn
Là châu báu tuyệt vời:
Bằng chính sự-thật này
Mong được sự an-lành! (14)

229. Mọi chúng sinh ở đây
Dù đang ở dưới đất
Hay đang ở trên trời:
- Cùng đảnh lễ Đức Phật
Đã khéo-đi như vậy,
Được tôn vinh tôn kính
Bởi chư thiên và người:
Mong được sự an-lành! (15)

230. Mọi chúng sinh ở đây
Dù đang ở dưới đất
Hay đang ở trên trời:
- Cùng đảnh lễ Giáo Pháp
Đã khéo-đi như vậy,
Được tôn vinh tôn kính
Bởi chư thiên và người:
Mong được sự an-lành! (16)

231. Mọi chúng sinh ở đây
Dù đang ở dưới đất
Hay đang ở trên trời:
- Cùng đảnh lễ Tăng Đoàn
Đã khéo-đi như vậy,
Được tôn vinh tôn kính
Bởi chư thiên và người:
Mong được sự an-lành! (17)

2. Kinh Xác Thối (Āmagandha Sutta)

[Bà-la-môn Tissa nói:]

239. "Hạt kê dại, hạt cỏ, đậu núi,
Lá xanh, củ rễ, bầu bí,
Ăn những thứ này, có được một cách chân chính,
Bậc thiện nhân không nói dối, không ham dục-lạc. (1)

240. "Nhưng ăn các món (thịt) được nấu kỹ, vị ngon,
Được thí chủ cung kính dâng cúng, ngon miệng,

Thưởng thức món cơm thơm ngon,
Thì coi như ông ăn[96] xác thối, hỡi Ca-Diếp (Kassapa)! (2)

241. "Này người thân tộc của Trời (Brahmā), ông nói:
'Xác thối đâu có hợp để tôi (ăn)',
Nhưng ông đang thưởng thức món cơm thơm ngon
Được nấu ngon với thịt gia cầm.
- Tôi hỏi ông vấn đề này, này Ca-Diếp:
Ông coi thứ gì là xác thối?" (3)

[Phật Ca-Diếp trả lời:]
242. "Sát sinh, đấm đá, đâm chém, trói cùm;
Trộm cắp, nói dối, gian lận, và lừa đảo,
Học những thứ vô dụng, lang chạ với vợ người khác:
Đây là xác thối, chứ không phải sự ăn thịt. (4)

243. "Người không kiềm chế về dục-lạc
Tham ăn tục uống, hỗn tạp với sự bất tịnh,
Người nắm quan điểm diệt-vong, lụn bại, ngang ngạnh:
Đây là xác thối, chứ không phải sự ăn thịt. (5)

244. "Kẻ thô lỗ, hung bạo, nói xấu sau lưng
Kẻ phản bạn, tàn nhẫn, ngạo mạn,
Keo kiệt, không hề bố thí giúp đỡ cho ai:
Đây là xác thối, chứ không phải sự ăn thịt. (6) [44

245. "Sự sân, sự tự đại phù phiếm, sự cố chấp, sự bảo thủ
Sự giả tạo, sự đố kỵ, và sự khoát lác,
Sự kiêu ngạo, và sự thân cận với kẻ xấu:
Đây là xác thối, chứ không phải sự ăn thịt. (7)

---

[96] [Tôi đọc chỗ này là chữ *bhuñjasi/bhuñjasī* theo cách ghi của **Be** và của bổ đề chú giải trong cả 03 phiên bản của luận giảng **Pj** II; khác với **Ce** và **Ee** ghi là *bhuñjatī*.

- (Nhân tiện, các câu cuối của các thi kệ bên dưới "*Đây là xác thối, chứ không phải sự ăn thịt*" thì chữ 'xác thối' có nghĩa là những việc làm bất thiện, tội lỗi, những điều ô-nhiễm, lậu hoặc, mới được coi như 'xác thối'; còn việc ăn thịt không phải là ăn xác thối). (240) [Dĩ nhiên đó là ăn thịt cá thuộc loại 'tam tịnh nhục', tức "không thấy, không nghe, không nghi ngờ" thịt đó do họ giết sinh vật để nấu cho mình ăn].] (96)

246. "Kẻ cư xử tệ bạc, quịt nợ, vu khống,
Kẻ lừa đảo lừa lọc, kẻ giả dối ở đây
Những kẻ tục tằn ở đây đã phạm những tội ác:
Đây là xác thối, chứ không phải sự ăn thịt. (8)

247. "Kẻ ở đây không tự chủ trước mọi chúng sinh,
Kẻ gian cắp của người khác, cố ý hãm hại,
Bất lương, tàn bạo, nạt nộ, bất tôn trọng:
Đây là xác thối, chứ không phải sự ăn thịt. (9)

248. "Kẻ tham lam đối với những thứ này; thù địch, phạm tội,
Luôn có tà ý, là kẻ hướng tới cõi u minh tăm tối sau khi chết,
Là những chúng sinh đâm đầu xuống địa ngục:
Đây là xác thối, chứ không phải sự ăn thịt. (10)

249. "Cho dù có [kiêng cữ] thịt cá, hay ăn chay,
Cho dù có khỏa thân, cạo đầu, búi tóc, bôi bùn trét đất,
Hay mặc da linh dương,
Cho dù có canh giữ lửa tế thần,
Hoặc bao nhiêu hành xác khổ hạnh nhắm tới sự bất tử,
Cho dù có tụng chú thiêng, lễ vật, lễ tế, xám tội theo kỳ,
Cũng không thanh lọc được kẻ phàm chưa vượt khỏi sự nghi-ngờ. (11)

250. "Người đã phòng hộ các cửa giác-quan
Thì sống với các căn cảm-nhận đã được-hiểu (ngộ),[97]
Vững chắc trong Giáo Pháp, thích sự chân thật và dịu hiền.
Một người trí đã vượt khỏi những trói-buộc
Đã dẹp bỏ tất cả sự khổ,
Không còn bị nhiễm bởi những thứ đã thấy và đã nghe." (12)

251. "Như vậy bậc Thế Tôn đã giảng đi giảng lại vấn đề này;
Bậc thầy về những bài chú thiêng đã hiểu được vấn đề.

---

[97] [Chỗ này đọc chữ *viditindriyo* theo cách ghi của **Be** và **Ce** và tất cả các phiên bản của luận giảng **Pj** II; khác với **Ee** ghi là *vijitindriyo*. Trong khi chữ *vijitindriyo* có nghĩa tốt hơn, như **Pj** II cũng đã giải nghĩa là: *ñātapariññāya chaḷindriyāni viditvā pākaṭāni katvā careyya*, phù hợp với các nhà luận giảng đọc là *viditindriyo*.] (97)

Bậc mâu-ni, không còn dính xác thối,
Không còn dính mắc, khó bị ai dẫn dắt,
Đã làm rõ vấn đề này bằng lời thi kệ khác nhau. (13)

252. Sau khi đã nghe được lời khéo dạy của Đức Phật–
Bậc không còn dính xác thối, đã dẹp tan tất cả sự khổ–
[Bà-la-môn Tissa] trong tâm đã khiêm nhường
Và kính lễ Như Lai,
Và ngay đó đã tuyên thệ xuất gia. (14)

3. Kinh Biết Xấu Hổ Lương Tâm (Hiri Sutta)

253. Kẻ chế nhạo và coi thường
(Đức tính) 'biết xấu-hổ về mặt lương tâm' (tàm)
Là kẻ luôn nói "Tôi là bạn anh",
Nhưng không làm gì có thể (để chứng tỏ) điều đó:
Nên biết về người đó: "Không phải là [bạn] của ta."[98] (1)

254. Người trí hiểu được loại người này
Toàn nói những lời thân quý với bạn bè
Nhưng [hành động] không bao giờ làm đúng vậy,
Chỉ là kẻ nói chứ không làm. (2)

255. Người không phải là bạn thì luôn canh rình
Và ngờ vực sự bất đồng, chỉ lo canh lỗi của người khác.
Nhưng người mà mình dựa vào như con dựa vào [ngực cha],
Người không thể bị kẻ khác chia rẽ, mới thực sự là bạn. (3)

256. Người tu tập một trạng thái sinh ra
Hỷ và lạc, vốn được người khác khen ngợi,
[Vì người đó biết trông đợi] (thiền) quả và ích lợi,
Biết thực hiện bổn phận cá nhân (tu tập) của mình. (4)

---

[98] [Trong câu kệ *b* này tôi đọc chữ *sakhāham* theo cách ghi của **Ce** và **Ee**, khác với **Be** ghi là *tav-āham*. Về cách ghi đúng của câu kệ *c*, mời coi chú thích 1031 thuộc phần '*Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"*' (trong bản gốc). Còn câu kệ *d* cần thêm 1 chữ để đủ nghĩa. Tôi dùng chữ "*bạn*" như được nói trong **Pj** II.] (98)

257. Sau khi uống mùi vị của sự độc-cư
Và mùi vị của sự bình-an tĩnh lặng,
Người không còn phiền não, không còn ác ý,
Uống mùi vị của niềm hoan-hỷ trong Giáo Pháp. (5)

4. Kinh Phúc Lành Cao Nhất (Mahāmaṅgala Sutta)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Rồi đêm đã khuya, một thiên thần với sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết cả Khu Vườn Jeta, đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, đứng qua một bên và thưa với đức Thế Tôn bằng thi kệ:

258. "Những thiên thần và người
Suy nghĩ về phúc-lành
Luôn mong được an-lành
(Thỉnh cầu đức Thế Tôn:)
Chỉ dạy cho con biết
Những phúc lành cao nhất". (1)

[Phật trả lời:]

259. "Không giao lưu người xấu,
Gặp gỡ người trí hiền,
Kính trọng người đáng trọng:
Là phúc lành cao nhất. (2)

260. "Sống ở nơi thích hợp,
Đã làm nhiều công đức,
Chọn theo đường chân chính:
Là phúc lành cao nhất. (3)

261. "Có kỹ năng, tháo vát,
Thuần thục về giới luật,
Lời nói được thiện khéo:
Là phúc lành cao nhất. (4)

262. "Luôn phụng dưỡng cha mẹ,
Duy trì vợ con tốt,

Và làm nghề lương thiện:
Là phúc lành cao nhất. (5)

263. "Bố thí, và chánh hạnh,
Giúp người thân họ hàng,
Hành động không tội lỗi:
Là phúc lành cao nhất. (6)

264. "Bỏ và tránh điều ác,
Không rượu chè hút chích,
Chuyên chú những tính thiện:
Là phúc lành cao nhất. (7)

265. Kính trọng và khiêm nhường,
Biết hài lòng, biết ơn,
Nghe học Pháp đúng thời:
Là phúc lành cao nhất. (8)

266. "Kiên nhẫn, nghe lời khuyên,
Gặp gỡ các sư thầy,
Thảo luận pháp đúng lúc:
Là phúc lành cao nhất. (9)

267. "Thanh bần, đời phạm hạnh,
Nhìn thấy các Diệu Đế,
Và chứng ngộ Niết-bàn:
Là phúc lành cao nhất. (10)

268. "Lúc thăng trầm thế gian
Tâm bất động, vô ưu,
Vô nhiễm và an toàn:
Là phúc lành cao nhất. (11)

269. "Ai làm được như vậy
Mọi nơi đều bất bại
Mọi nơi đi an lành:
Với họ những điều đó
Là phúc lành cao nhất." (12)

5. Kinh Dạ-Xoa Sūciloma (Sūciloma Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở vùng Gayā, trong chỗ Giường Đá Ṭaṃkita, là hang ổ (sào huyệt, chỗ ở) của quỷ dạ-xoa Sūciloma. Bấy giờ, lúc đó dạ-xoa Khara và dạ-xoa Sūciloma đi ngang qua không xa đức Thế Tôn. Rồi dạ-xoa Khara đã nói với dạ-xoa Sūciloma: "Đó là một sa-môn."

"Đó không phải một sa-môn; đó là một sa-môn giả mạo. Ta sẽ tìm ra ngay ông ta là một sa-môn hay sa-môn giả."

Rồi dạ-xoa Sūciloma đến chỗ đức Thế Tôn và đứng chồm thân vào đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lùi mình né. Rồi dạ-xoa Sūciloma nói với đức Thế Tôn: "Ông sợ ta hả, sa-môn?"

"Này ông bạn, ta không sợ ông. Chỉ vì sự tiếp xúc của ông là ác."

"Này sa-môn, ta sẽ hỏi ông một câu hỏi. Nếu ông không trả lời ta, ta sẽ làm ông thành điên khùng hoặc xé tim ông hoặc nắm hai chân ông quăng qua bên kia sông Hằng.[99]

"Này ông bạn, trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương và Trời, trong thế hệ này có những sa-môn và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta không thấy có ai có thể làm ta điên khùng hoặc xé tim ta hoặc nắm hai chân ta quăng qua bên kia sông Hằng. Nhưng cứ hỏi điều ông muốn hỏi, này ông bạn." Rồi dạ-xoa Sūciloma nói với đức Thế Tôn bằng thi kệ:

> 270. "Nguồn gốc của tham và sân là gì?
> Từ đâu phát sinh bất mãn, thích thú, và hoảng sợ?
> Sau khi khởi sinh từ cái gì, những ý-nghĩ của tâm
> [Quăng thảy một người] như lũ trai quăng con quạ?"[100] (1)

---

[99] [Đoạn lời dọa của dạ-xoa và lời tuyên bố đáp lại kế dưới của Phật cũng có y hệt trong kinh **Sn 1. 10** (*Kinh Dạ-xoa Āḷavaka*) ở Chương kế trên.] (99)

[100] [Hầu hết cả phiên bản của *tập Kinh Tập* **Sn** và kinh **SN 10:3** (Quyển 1), cũng như các luận giảng tương ứng của chúng, đều ghi câu này là: *kumārakā dhaṅkam iv' ossajanti*. Chữ biến thể *vaṅkam* được đọc thấy trong một số bản chép tay. Các học

[Phật trả lời:]

271. "Ở đây tham và sân chính là nguồn-gốc của chúng,
Từ (nguồn-gốc) này sinh ra bất mãn, ưa thích, và hoảng sợ;
Sau khi bắt nguồn từ đây, những ý-nghĩ của tâm
[Quăng thảy một người] như lũ trai quăng thảy con quạ. (2)

272. [101]"Được sinh từ tình-cảm (luyến ái), khởi sinh từ cái 'ta',
Giống những nhánh rể mọc từ thân của cây đa,
Đủ loại chằng chịt, dính mắc theo những dục-lạc,
Giống dây leo *māluvā* leo giăng khắp khu rừng. (3)

273. "Những ai hiểu được nguồn-gốc của chúng,
Thì họ dẹp tan chúng—hãy lắng nghe, này dạ-xoa!—
Họ vượt qua dòng-lũ vốn khó vượt qua,
Vốn chưa vượt qua trước đó, để không còn tái hiện-hữu." (4)

6. Kinh Chánh Hạnh (Dhammacarya Sutta) [102]

[Đức Phật nói:]

274. "Chánh hạnh, đời sống tâm linh:
Người ta gọi đây là bảo báu tối thượng.
Nhưng nếu ai đã rời bỏ gia đình
Để sống đời xuất gia tu hành, (1)

275. "Mà còn thô tục báng bổ,

---

giả Anderson và Smith đã chọn chữ *vaṅkam* trong bản dịch **Sn** của mình, nhưng trong bản biên tập về luận giảng **Pj** II thì Smith lại thay nó bằng chữ *dhaṅkaṃ*, mà tôi đã chấp nhận theo ở đây. Học giả Norman có thảo luận về câu kệ này trong **GD** 211–12.] (100)

[101] [**Be** đánh số cả thi kệ trước và thi kệ này đều là 274. Tuy nhiên, luận giảng **Pj** II (bản **Be**) thì đánh số 02 thi kệ này là 274 và 275, và do vậy từ chỗ này trở đi sự đánh số kinh của **Pj** II (bản **Be**) đã hơn số trong *tập Kinh Tập* **Sn** (bản **Be**) một số.] (101)

[102] [Nguyên văn tên kinh là *Dhammacariya-sutta* (Kinh Chánh Hạnh), nhưng luận giảng **Pj** II đặt tên là kinh *Kapila-sutta* dựa theo câu chuyện về bối cảnh của bài kinh được ghi bởi luận giảng.] (102)

Là kẻ bất hảo thích quấy người khác,
Lối sống thì tệ bạc hư đốn;
Thì như kẻ vung bụi đất vào chính mình. (2)

276. "Một Tỳ kheo mà còn thích cãi lộn,
Bao bọc mình bằng trạng thái ngu si,
Không biết điều đã được tuyên thuyết
Là Giáo Pháp được chỉ dạy bởi Đức Phật. (3)

277. "Kẻ hay chọc phá người tự thân tu tập,
Kẻ đó bị dẫn dắt bởi vô-minh,
Kẻ đó không biết rằng sự ô-nhiễm (lậu hoặc)
Là con đường dẫn xuống địa ngục. (4)

278. "Sau khi đã sinh vào cõi đọa,
Từ bào thai này tới bào thai khác,
Từ u tối này tới u tối khác,
Tỳ kheo như vậy gặp phải khổ đau sau khi chết. (5)

279. "Giống như một hầm phân,
Đầy ắp, đã nhiều năm,
Kẻ đó cũng giống như vậy,
Nhơ nhuốt đến vậy nên khó mà thanh tẩy. (6)

280. "Khi biết một người như vậy, này các Tỳ kheo
Người dính nặng thói phàm tại gia,
Có những dục xấu ác, những ý-định xấu ác,
Có phẩm-hạnh xấu ác và chỗ lui-tới xấu ác,[16] (7)

281. "Sau khi đã cùng đến đây trong sự hòa hợp
Thì các thầy nên tránh xa kẻ đó.
Hãy tống bỏ rác rưởi!
Hãy tống khứ kẻ suy đồi đó! (8)

282. "Rồi quét sạch trấu cặn, những ngụy sa-môn,
Những kẻ tưởng tượng mình là sa-môn (chân chính)!
Sau khi đã thổi sạch những kẻ có những dục xấu ác,
Có phẩm-hạnh xấu ác và chỗ lui-tới xấu ác, (9)

283. "Hãy để những người thanh tịnh, luôn có chánh-niệm

Tạo được sự an trú với những người thanh tịnh.
Rồi, (sống tu) hòa hợp và sáng suốt,
Các thầy sẽ làm nên sự diệt-khổ." (10)

7. Kinh Truyền Thống Bà-La-Môn (Brāhmaṇadhammika Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Rồi một số bà-la-môn giàu có ở xứ Kosala (Kiều-tất-la)—đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đến tuổi xế chiều, đến giai đoạn cuối của cuộc đời—họ đã tới gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-Đàm, thời nay các bà-la-môn có tuân theo truyền thống bà-la-môn (tốt) của những bà-la-môn cổ xưa hay không?"

"Này các bà-la-môn, thời nay các bà-la-môn không tuân theo truyền thống bà-la-môn (tốt) của những bà-la-môn cổ xưa."

"Vậy Thầy Cồ-Đàm hãy nói về truyền thống bà-la-môn của những bà-la-môn cổ xưa, nếu thầy thấy không miễn cưỡng."

"Nếu vậy, này các bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói."

Các bà-la-môn đáp lại: "Dạ được." Đức Thế Tôn nói điều này:

284. "Những vị kiến giả (rishi) ngày xưa
Bản thân tự chủ và tiết độ;
Sau khi dẹp bỏ năm dây dục-lạc,
Họ thực hành vì sự tốt lành cho mình. (1)

285. "Những bà-la-môn (thời đó) không sở hữu gia súc
Không giữ vàng bạc và lúa gạo.
Họ coi sự học-vấn như của cải và lúa gạo của mình;
Họ phòng hộ một kho báu thánh thiêng.[17] (2)

286. "(Họ nhận) bất cứ thứ gì được làm (bố thí) cho họ,
Như thức ăn các thí chủ đặt ngoài cửa.

Các thí chủ nghĩ những thứ được làm vì niềm-tin thì
Nên được bố thí cho những vị tìm kiếm (loại thức ăn đó). (3)

287. "Có vải vóc được nhuộm đủ màu,
Có chăn màn, và những chỗ ở,
[Có những người] từ các tỉnh lỵ và xứ sở thịnh vượng
Đến kính lễ những bà-la-môn đó. (4)

288. "Những bà-la-môn là không thể xâm phạm,
Không thể hạ phục, họ được bảo vệ bởi Giáo Pháp.
Không bất cứ ai làm bất cứ gì để cản trở họ
Ở trước cửa nhà họ. (5)

289. "Bốn mươi tám năm họ sống tuân giữ
Đời sống tâm linh với sự độc-thân tiết hạnh.
Những bà-la-môn ngày xưa thì theo đuổi
Sự tầm cầu sự hiểu-biết và phẩm-hạnh. (6)

290. "Những bà-la-môn không cưới vợ ngoài (giai cấp),
Họ cũng không mua vợ.
Chỉ sau khi đã gặp và hợp nhau với tình cảm,
Họ đồng ý sống chung nhau như vợ chồng. (7)

291. "Ngoài thời gian có thể thụ thai,
Sau khi hết thời gian đó,
Bà-la-môn không đến gặp vợ
Để quan hệ tính dục. (8)

292. "Những bà-la-môn đề cao đời sống tâm linh
Với sự độc-thân và giới-hạnh,
Sự chánh-trực, sự nhẹ-nhàng, và sự tiết-chế (các căn),
Sự dịu-hiền, sự vô-hại, và sự nhẫn-nhịn. (9)

293. "Người cao nhất trong số họ—
Là bà-la-môn vững vàng trong sự nỗ lực (tu)—
Thì không còn dính tính dục,
Ngay cả trong giấc mơ. (10)

294. "Tu tập đúng theo sự thực hành của mình,
Những người khác ở đây (thời đó) có căn trí

Cũng đề cao đời sống tâm linh với sự độc-thân
Và giới-hạnh và sự nhẫn-nhịn. (11)

295. "Sau khi quyên góp gạo,
Chăn mền, vải vóc, và dầu thắp,
Sau khi đã quyên góp một cách chân chính
Họ thực hiện lễ cúng tế.
Nhưng tại lễ cúng tế
Họ không giết các gia súc.[103]

296. "Giống như mẹ, cha, anh em,
Hay những người thân quyến thuộc khác,
Gia súc là bạn tối thượng của chúng ta,
Vì những thuốc men được sản xuất bên trong chúng. (13)
(tức chỉ 05 thành phần: sữa, sữa đông, đạm sữa, ván, bơ)

297. "Chúng cho ta thứ để ăn và để có sức mạnh
Và vẻ đẹp và hạnh phúc.
Sau khi nhận ra ích lợi này,
Những bà-la-môn không giết các gia súc. (14)

298. "Những bà-la-môn thanh tú, có thân to,
Đẹp người, và sáng sủa,
Luôn để tâm để ý những gì nên làm và không nên làm
Theo truyền thống của mình.
Nếu điều này vẫn tiếp tục trên thế gian
Thì quần chúng sẽ phát đạt hạnh phúc. (15)

299. "Nhưng sự đảo điên đã xảy ra trong họ:
Sau khi [trước kia] đã nhìn thấy (dục lạc) tục lụy là tục lụy,
Giờ họ chỉ nhìn thấy sự huy hoàng của vua chúa
Và thấy những phụ nữ ăn diện trang điểm, (16)

300. "Thấy những cỗ xe với ngựa thuần chủng,
Được chế tạo đẹp đẽ, vải lọng màu sắc,

---

[103] [**Be** thì ghi 02 câu cuối này trong đoạn kệ kế tiếp, nhưng tôi làm theo **Ce** và **Ee** ghi ở cuối đoạn kệ này.] (103)

Những khu đất đẹp và nhà cửa được xây trên đó
Được thiết kế tươm tất với nhiều gian nhiều khu. (17)

301. "Rồi những bà-la-môn (thời sau) luôn thèm muốn
Sự giàu có của cải của con người
Với những đàn gia súc
Và những phụ nữ thê thiếp chảnh đẹp. (18)

302. "Sau khi sáng tác những bài chú tụng cho mục đích đó
Họ đến gặp vua Okkāka và nói:
'Bệ hạ có nhiều của cải và gạo lúa.
Hãy cúng tế, bệ hạ có nhiều kho báu;
Hãy cúng tế, bệ hạ có nhiều của cải.' (19)

303. "Và rồi, nghe theo lời những bà-la-môn đó,
Nhà vua, vua của những người lái xe ngựa,
Đã thực hiện lễ hiến tế những thứ này:
Hiến tế ngựa, hiến tế người
Sammāpāsa, vācapeyya, và niraggaḷa
(tên của các tục lễ nghi thức hiến tế đồng bóng mê tín)
Rồi vua lại ban phát của cải cho những bà-la-môn đó: (20)

304. "Gia súc, chăn mền và vải vóc,
Những phụ nữ trang điểm lộng lẫy,
Những cỗ xe được nài ngựa thuần chủng,
Được khéo chế tạo, với bạt phủ lọng che đủ loại sặc sỡ; (21)

305. "Những nhà cửa dinh cơ đáng thích
Được thiết kế với nhiều gian nhiều khu.
Rồi cung cấp đủ gạo lúa trong đó,
Vua ban phát những của cải này cho những bà-la-môn. (22)

306. "Sau khi đã có được của cải đó (từ nhà vua),
Họ lại thỏa hiệp (để kiếm thêm nữa) và tích trữ thêm.
Khi họ đã rớt vào sự sai khiến của dục,
Thì dục-vọng thèm-muốn của họ càng tăng thêm.
Rồi sau khi sáng tác những bài chú tụng vì mục đích này,
Họ lại đến gặp vua Okkāka và nói: (23)

307. "'Như nước và đất,
Như vàng bạc, của cải và gạo lúa,
Cũng như gia súc [là hữu ích] đối với mọi người,
Vì chúng là những thứ nhu yếu cho người sống.
Hãy cúng tế, bệ hạ có nhiều của cải;
Hãy cúng tế, bệ hạ có nhiều của cải.' (24)

308. "Và rồi nhà vua, vua của những người lái xe ngựa
Lại nghe theo lời những bà-la-môn đó,
Cho tàn sát hàng trăm và hàng ngàn con bò
Trong lễ hiến tế. (25)

309. "Những con bò đâu làm hại gì ai—
Dù bằng chân hay bằng sừng của chúng.
Những con bò hiền như những con cừu,
Cho (con người) bao thùng sữa để uống.
Vậy mà họ nắm sừng của chúng,
Rồi nhà vua cầm dao thọc huyết chúng. (26)

310. "Rồi những thiên thần và các vị cha [trời] khác,[104]
Trời Indra, các quỷ thần [a-tu-la], các vị thần [rakkhasa],
Đều la lên: 'Thật quá bất chính!',
Sao có thể dùng dao thọc giết một con bò. (27)

311. "Ngày xưa chỉ có ba loại bệnh:
Bệnh do dục, do đói khát, và do tuổi già.
Nhưng bởi do tàn sát những gia súc sinh vật,
Nên giờ (quả báo) có tới 98 loại bệnh. (28)

312. "Sự bất chính bằng bạo lực này
Lại được dối truyền như phong tục cổ tổ.
Nên họ cứ giết những sinh vật vô hại;
Những lễ hiến tế đều sa đọa khỏi sự chân chính. (29)

313. "Theo cách này có nghĩa là sự thực hành đó,

---

[104] [Chỗ này tôi đọc theo **Be** ghi: *tato devā pitaro ca*; học giả Norman cũng đọc như vầy, và rõ ràng luận giảng **Pj** II cũng đã ủng hộ cách ghi như vầy.] (104)

Dù có cổ kim, đều bị phê phán bởi những người hiền trí.
Bất cứ đâu họ nhìn thấy trò (tàn sát) như vậy,
Họ đều phê phán những kẻ làm các trò hiến tế đó. (30)

314. "Khi (chánh) Pháp (đạo đức) đã bị mất như vậy:
Giới bần-lao [sudda] và nông-thương [vessa] đã chia rẽ.
Giới giai cấp chiến-sĩ [khattiya] đã chia rẽ;
(Thậm chí có) vợ (nắm quyền rồi) khinh thường chồng.[105] (31)

315. "Giới giai cấp chiến-sĩ và thân tộc của Trời [Brahmā],
Và những người được bảo hộ bởi dòng (quý) tộc của họ,
Không còn biết tự-trọng về nơi sinh giai cấp của mình nữa,
Họ chỉ sống theo sự điều khiển của những dục-lạc." (32)

Sau khi điều này được nói ra, những bà-la-môn giàu có đó đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã nhiều cách làm rõ Giáo Pháp, cứ như dựng đứng lại những thứ đã bị quăng ngã, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ đã lạc đường lạc lối, hoặc như soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Giờ chúng con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong đức Thế Tôn ghi nhận chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay đến cuối đời."

8. Kinh Con Thuyền (Nāvā Sutta)[106]

[Đức Phật nói:]

316. Một người nên tôn kính người
Mà từ người đó mình học hỏi Giáo Pháp,

---

[105] [Tôi đọc câu này là: *patiṃ bhariyā'vamaññatha*. (Theo chú thích của luận giảng: Nghĩa là thời đạo đức suy đồi, các bà vợ lấn lướt nắm quyền quyết định mọi sự trong gia đình, dựa vào quyền của các con trai và những người ngoài xã hội, khinh thường rẻ rúng chồng, chửi mắng, và không còn lễ phép phục vụ chồng).] (105)

[106] [**Pj** II đã luận giải về kinh này với tên kinh là *Dhamma-sutta* (*Kinh Về Giáo Pháp*), nhưng cũng có đề cập tên kinh gốc là *Kinh Con Thuyền*.] (106)

Giống như các thiên thần tôn kính Trời Indra vậy.
Bậc đã học hiểu đó, khi được tôn kính,
Sẽ vui lòng với học trò, và khai dạy Giáo Pháp. (1)

317. Sau khi chú tâm và lắng nghe Giáo Pháp,
Thực hành đúng theo đó,
Người [học trò] có trí chuyên chú tu theo thầy như vậy,
Sẽ trở nên thông minh, sáng suốt, và tinh tường. (2)

318. Nhưng người (khác) dựa theo một kẻ ngu nhỏ mọn,
Là kẻ chưa chứng đắc mục tiêu, và còn đầy tính ghen tỵ,
Chưa nhận biết Giáo Pháp ở đây,
Đến khi gặp thần chết vẫn còn chìm trong nghi-ngờ. (3)

319. Ví như một người lội xuống dòng sông,
Với dòng nước chảy xiết cuồn cuộn:
Sẽ bị cuốn đi, cuốn trôi theo dòng nước,
Thì làm sao mà cứu giúp người khác vượt qua bờ-kia? (4)

320. Cũng giống vậy, nếu chưa nhận biết Giáo Pháp,
Chưa hiểu được ý nghĩa theo lời bậc học hiểu,
Mình chưa-hiểu (chưa ngộ), vẫn còn chìm trong nghi-ngờ,
Thì làm sao giúp người khác nhận thức Giáo Pháp? (5) [56]

321. Nhưng một người đã lên được con thuyền chắc chắn,
Được trang bị mái chèo và bánh lái,
Đã thiện khéo, biết suy nghĩ, biết phương pháp,
Thì có thể chở được nhiều người qua bờ-kia, (6)

322. Cũng giống vậy, một vị thầy trí-biết, đã tự thân tu tập,
Đã học hiểu, và có tính cách kiên định [bất lay động],
Tự mình đã-hiểu (đã ngộ), thì có thể giúp những người khác nhận thức được Giáo Pháp—[18]
Họ có hai tai nghe lắng nghe là điều-kiện trợ giúp. (7)

323. Vì vậy nên học theo một bậc thiện nhân,
Là người thông minh và có học hiểu.
Sau khi đã-biết (đã tri) ý nghĩa, sau khi thực-hành theo đó,
Một người đã-hiểu Giáo Pháp thì có thể chứng đắc (trạng

thái) chân-phúc. (8)

9. Kinh Giới Hạnh Gì? (Kiṃsīla Sutta)

[Đức Phật nói:]

324. "Có giới-hạnh (giới) gì,
Có loại phẩm-hạnh (hạnh) gì,
Tu dưỡng loại hành-động (nghiệp) gì,
Để một người có thể được thiết-lập đúng đắn
Và chứng đắc mục-tiêu cao nhất?" (1)

325. "Nên kính trọng những vị trưởng lão; không ghen tỵ;
Biết lúc phù hợp để gặp gỡ những sư thầy của mình.
Khi cuộc Pháp thoại đã diễn ra thì người biết (nắm) thời cơ
Nên lắng nghe kỹ càng những lời thuyết giảng hay khéo. (2)

326. "Nên đến chỗ các sư thầy vào lúc phù hợp
Sau khi đã-biết hạ thấp cái 'ta', có tính cách khiêm nhường.
Nên biết quán niệm và thực hành ý nghĩa của Giáo Pháp,
Biết tự chủ, và sống đời sống tâm linh (phạm hạnh). (3)

327. "Vui thích trong Giáo Pháp, vui thích với Giáo Pháp,
Vững vàng trong Giáo Pháp, biết cách suy xét Giáo Pháp,
Không dính vào kiểu nói chuyện phá Giáo Pháp,
Mà nên được dẫn dắt bởi lời kinh nguyên chất đã được dạy một cách hay khéo. (4)

328. "Sau khi dẹp bỏ sự cười cợt, tán gẫu, than oán,
Sự bực bội, hành động giả tạo, mưu mô, tham, ngã mạn,
Sự ngang bướng, thô lỗ, ố nhiễm, mê muội:
Người tu nên sống không bị sự phù phiếm hảo danh, nội tâm kiên định. (5)

329. "Điều gì được hiểu là cốt lõi của lời được dạy hay khéo;
Sự định-tâm chính là cốt lõi của điều đã được học và hiểu.[107]

[107] [Câu này tôi ưu tiên cách ghi của **Ee** là: *sutañca viññātaṃ samādhisāraṃ*, hơn là cách ghi của **Be** và **Ce** là: *sutañca viññātasamādhisāraṃ*. Cách ghi sau được làm theo

Trí-tuệ và sự học-hiểu không tăng trưởng
Đối với người bốc đồng và không chuyên-chú. (6)

330. "Những ai vui thích Giáo Pháp do các bậc thánh chỉ dạy
Thì họ là vô thượng về về hành-động, lời-nói, và tâm,[19]
Đã thiết lập trong sự bình-an, hiền-từ, và định-tâm,
Họ đã đạt tới cốt lõi của sự học-hiểu và trí-tuệ." (7)

10. Kinh Phát Khởi Bản Thân (Uṭṭhāna Sutta)

331. Phát khởi bản thân, hãy ngồi dậy!
Nằm ngủ thì tốt gì cho các thầy?
Vì đâu giấc ngủ nào tốt lành cho những người bị khổ đau,
Bị trúng thương, bị dính mũi tên? (1)

332. Phát khởi bản thân, hãy ngồi dậy!
Tu học mạnh mẽ để chứng được trạng thái bình-an.
Đừng để Thần Chết, sau khi tóm được các thầy phóng dật,
Lừa dẫn các thầy vì đã nằm dưới sự điều khiển của hắn. (2)

333. Hãy vượt qua sự dính-mắc này (với những tục lạc)
Vì nó mà chư thiên và con người
Đầy nhu cầu (với sáu trần), đang bị giữ chặt (theo chúng).
Đừng để tuột mất cơ hội (tu hành);
Vì những ai để mất cơ hội này
Sẽ sầu khổ khi đọa tới địa ngục. (3) **

334. Sự lơ-tâm phóng dật luôn là bụi bẩn,[108]

---

trong cả 03 phiên bản của luận giảng **Pj** II, nhưng câu này có nghĩa tốt hơn nếu chữ *viññātaṃ* được coi là một chủ thể riêng biệt.] (107)

[108] [Câu kệ này, khi được lưu truyền trong **Ee**, đã bị mất 03 âm tiết. Cả **Be** và **Ce** đều ghi 1 chữ 02 lần như vầy: *pamādo rajo pamādo*. Trong thi kệ song hành trong tập *Trưởng Lão Kệ*, **Th 404**, phiên bản **Ce** ghi là: *pamādo rajo sabbadā* [**Be**: *pamādo rajo pamādo*; **Ee**: *pamādo rajo*]. **Pj** II không trích dẫn câu này nhưng lời chú giải của nó ghi: *na hi kadāci pamādo nāma arajo atthi*, có lẽ đã dựa trên một bản gốc có ghi chữ *sabbadā*. Tôi dịch câu này với giả định rằng chữ *sabbadā* nên được thêm vào trong câu này.] (108)

Bụi bẩn theo sau sự lơ tâm phóng dật.
Bằng sự chuyên-chú (tu tập), bằng sự-biết minh bạch,
Người tu đã nhổ được mũi tên khỏi chính mình. (4)

11. Kinh La-Hầu-La (Rāhula Sutta)

[Thi kệ dẫn nhập: (Phật nói)]

335. "Có phải thầy không coi thường người trí
Vì cần phải thường xuyên sống với vị ấy?
Có phải người cầm đuốc của nhân loại
Luôn được kính trọng bởi thầy?" (1)

[Rāhula trả lời:]

336. "Con không coi thường người trí
Vì con thường xuyên sống với vị ấy.
Người cầm đuốc cho nhân loại
Luôn được kính trọng bởi con." (2)

[Lời chỉ dạy: (Phật nói)]

337. "Sau khi đã dẹp bỏ năm dây dục-lạc,
Vốn (được cho) là dễ chịu và sung sướng đối với cái tâm,
Sau khi đã từ bỏ đời sống tại gia vì niềm-tin,
Hãy là người làm nên sự diệt-khổ. (3)

338. "Giao lưu với đạo hữu tốt,
Lui về ở nơi xa lánh,
Nơi ẩn dật, ít tiếng ồn;
Tiết độ trong ăn uống. (4)

339. "Đừng để khởi dục-vọng đối với các thứ này—
Y-phục và thức-ăn,
Các vật-dụng và chỗ-ở:
Đừng quay lại thế gian này nữa. (5)

340. "Hãy được kiềm chế bởi Pātimokkha (Giới Luật Tỳ Kheo)
Và kiềm chế về năm căn cảm-nhận.
Hãy có sự chánh-niệm hướng vào thân;

Có đầy sự tỉnh-ngộ (không còn mê thích) [đối với thế gian].[20] (6)

341. "Tránh bỏ dấu-hiệu [của dục trần, đối-tượng dục lạc],
(Được cho) là đẹp đẽ và kết nối (câu hữu) với tham.
Hãy tu tập tâm (thiền) về sự không hấp-dẫn (của thân);
[Làm cho sự thiền đó] đạt nhất-điểm, khéo đạt-định.[21] (7)

342. "Và tu tập trạng thái (định) vô-tướng,
Loại bỏ khuyn-hướng tiềm ẩn sự tự-ta (tùy miên ngã mạn).
Rồi, bằng sự phá tan sự tự-ta (phá ngã mạn),
Thầy sẽ sống trong sự bình-an tĩnh lặng." (8)

Theo cách như vậy đức Thế Tôn đã thường khởi xướng (giáo giới) cho Thầy Rāhula (La-hầu-la) bằng những lời thi kệ này.

12. Kinh Vaṅgīsa (Vaṅgīsa Sutta) [109]

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở xứ Āḷavī, chỗ Đền Aggāḷava (Aggāḷava Cetiya). Bấy giờ, lúc đó vị sư giáo thọ của thầy (Tỳ kheo) Vaṅgīsa, Trưởng Lão Nigrodhakappa, vừa bát-Niết-bàn ở Đền Aggāḷava. Rồi, trong khi thầy Vaṅgīsa ở một mình trong sự tách-ly, sự suy xét này đã khởi lên trong tâm thầy ấy: "Liệu vị sư giáo thọ của mình đã bát-Niết-bàn hay không?"

Vào buổi cuối chiều, sau khi ra khỏi sự tách-ly (thiền trú), thầy Vaṅgīsa đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Vaṅgīsa đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, ở đây, khi con đang ở một mình trong sự tách-ly, sự suy xét này đã khởi lên trong tâm con: 'Liệu vị

---

[109] [**Pj** II đã luận giải về kinh này với tên kinh là *Nigrodhakappa-sutta* nhưng trong lời luận giải thì đề cập tên kinh gốc. Các thi kệ kinh này cũng là các thi kệ trong *Trưởng Lão Kệ* là **Th 1263–1278**.

- (Nhân tiện, nên nhớ Tỳ kheo Vaṅgīsa này là một người rất giỏi về thi kệ, thầy ấy đã nói nhiều thi kệ. Trong *Bộ Kinh Liên-Kết* (**SN**), Quyển 1, Chương 8, có ghi 24 thi kệ được nói bởi thầy. Còn trong tập kinh Trưởng Lão Kệ thì có 71 thi kệ của thầy ấy).] (109)

sư giáo thọ của mình đã bát-Niết-bàn hay không?'"[110] Rồi, sau khi đứng lên khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y trên vai, chấp tay kính lễ về phía đức Thế Tôn, và nói với đức Thế Tôn bằng thi kệ:

343. "Chúng con xin hỏi[111]
Vị Thầy trí-tuệ hoàn thiện,
Bậc đã chặt đứt nghi-ngờ
Ngay trong kiếp này:
Về một Tỳ kheo mới qua đời
Ở Đền Aggāḷava,
Thầy ấy có danh tiếng, nổi tiếng,
Bên trong đã nguội tắt (hết dục). (1)

344. "Tên của thầy ấy là
(Tý kheo) Nigrodhakappa,
Tên này do chính Thế Tôn
Đã đặt cho vị bà-la-môn đó.
Với sự tinh tấn vị ấy đã sống tu
Hướng tới sự giải-thoát,
Vị ấy luôn tôn kính Thế Tôn,
Bậc chỉ ra sự vĩnh-hằng (Niết-bàn). (2)

345. "Hỡi đức Thích-Ca,
Chúng con đều muốn biết
Về vị đệ tử đó,
Hỡi bậc thiên nhãn (con mắt vũ trụ, bậc nhìn-thấy tất cả).[22]
Đang chú tâm đầy đủ,
Tai chúng con sẵn sàng nghe;
Thế Tôn là đạo sư của chúng con;
Thế Tôn là vô thượng. (3)

---

110 [Coi chú thích 1212 bên dưới.] (110)

111 [Cả 03 phiên bản đều ghi chữ số nhiều *pucchāma*, nhưng trong Trưởng Lão Kệ, thi kệ **Th 1263** thì ghi chữ số ít *pucchāmi*.

- (Nhân tiện, thi kệ này người dịch tách mỗi câu kệ gốc thành 02 câu kệ Việt cho dễ đọc, vì mỗi câu gốc khá dài).] (111)

346. "Xin hãy cắt bỏ nghi-ngờ của chúng con!
Hãy nói cho con điều này:
Tuyên bố vị ấy đã chứng Niết-bàn,
Hỡi Thế Tôn, bậc trí-rộng.
Hãy nói to giữa chúng con,
Hỡi bậc thiên nhãn,
Như vị trời Đế-thích ngàn mắt
(Đang cất tiếng nói) giữa chư thiên. (4)

347. "Ở đây mọi nút-thắt,
Là những đường ngu-si,
Những phe phái vô-minh,
Những căn cứ nghi-ngờ
Khi chạm đến Như Lai,
Chúng đều không còn nữa;
Vì Như Lai là con mắt tối thượng
Của loài người.[23] (5)

348. "Nếu không ai dẹp tan được
Những ô-nhiễm (lậu hoặc)
Như cách gió có thể xua tan
Những đám mây đen,
Thì toàn thế gian sẽ bị che tối,
Như một bầu tối đen,
Đến nỗi những người sáng dạ sáng trí
Cũng không tỏa sáng được. (6)

349. "Nhưng những bậc trí
Là những bậc làm-nên ánh-sáng.
Con xem Thế Tôn là một bậc trí như vậy,
Hỡi bậc anh hùng.[112]
Sau khi đã-biết vậy,
Chúng con đến gặp bậc minh-tuệ phú:

---

112 [Chỗ này tôi đọc chữ *vīra* như trong **Be**, khác với **Ce** và **Ee** ghi *dhīra*. Sự giải nghĩa trong **Pj** II, *padhānaviriyasamannāgata*, chứng tỏ chữ *vīra* đã được ghi trong bản gốc mà những nhà luận giảng đã đọc được.] (112)

Trong các hội chúng, xin hãy công khai cho chúng con biết
Về [số phận] của thầy Kappa. (7)

350. "Hãy nhanh cất giọng nói đáng mến,
Hỡi bậc kính mến![113]
Như một con ngỗng đã duỗi hết mình,
Và nhẹ nhàng cất tiếng,
(Hãy) cất giọng tròn trịa của Thế Tôn,
Ngâm nga, thanh thoát.
Chúng con đứng ngay thẳng:
Đang chờ lắng nghe! (8)

351. "(Như Lai) là bậc đã đã tận diệt
Tất cả sinh và tử;
Sau khi hối thúc bậc thanh tịnh,
Chúng con sẽ làm bậc ấy thuyết giảng Giáo Pháp.
Bởi vì những người phàm tục
Thì không thể làm theo ý mình,
Nhưng đối với các Như Lai
Thì hành động là dựa trên sự đã thấu-hiểu. (9)

352. "Lời tuyên bố siêu xuất này
Của các ngài (Như Lai)
Đã được coi là lời
[Được nói từ] bậc trí-tuệ chánh trực.
Lần cuối chúng con chấp tay tôn kính
Xin đảnh lễ Thế Tôn.
Sau khi đã-biết (về ngài Kappa),
Xin đừng giấu chúng con, hỡi bậc trí-tuệ toàn thiện. (10)

353. "Sau khi đã ngộ Giáo Pháp thánh thiện
Từ đỉnh đến đáy,
Sau khi đã-biết (về ngài Kappa),
Xin đừng giấu chúng con, hỡi bậc tinh tấn toàn thiện.

---

[113] [Theo phiên bản **Be**, tôi đã tách ra và đọc chỗ này là *vaggu vagguṃ*, coi chữ *vaggu* là chữ xưng hô cách và chữ *vagguṃ* chữ nối đồng cách đối với chữ *giraṃ*.] (113)

Như người đang khổ ải vì nóng bức
Giữa mùa hè đang khao khát nước,
Con khao khát được nghe lời của Thế Tôn:
Hãy hãy mưa xuống (bằng) âm thanh (tiếng nói)![114] (11)

354. "Có phải thầy Kappāyana
Đã sống đời sống tâm linh (phạm hạnh) hữu ích,
Chứ không phải sống (đời sống tâm linh)
Một cách vô ích?
Có phải vị ấy đã Niết-bàn
Hay có còn tàn-dư không?
Hãy nói chúng con nghe
Cách mà thầy ấy đã được giải-thoát." (12)

[Đức Phật trả lời:]

355. "Ở đây, thầy ấy đã cắt đứt dục-vọng
Đối với danh-và-sắc"—
Đó vốn là dòng chảy của Hắc Ám
Đã ẩn nấu từ (truyền kiếp) rất lâu.
Thầy ấy đã vượt qua
Tất cả sinh và tử."
Đức Thế Tôn, bậc dẫn dắt nhóm năm đệ tử (đầu tiên),
Đã nói như vậy. (13)

[Vaṅgīsa nói tiếp:]

356. "Sau khi đã nghe được
Lời của đức Thế Tôn
Con đây rất vui lòng,
Hỡi bậc đệ nhất trong những bậc kiến giả (rishi).
Quả thật câu hỏi của con
Không phải là vô ích;
Bậc bà-la-môn xứng danh
Đã không giấu chúng con. (14)

---

[114] [Tôi đọc theo **Be** và **Ce** là *sutaṃ pavassa*, khác với **Ee** ghi là *sutassavassa*.] (114)

357. "Vị đệ tử của Phật
(tức Kappa) là một người
Đã thực hiện đúng theo
Những điều Phật đã dạy.
Ngài ấy đã cắt đứt
Mạng lưới của Tử Thần,
Vốn đã bủa vây rất chặt
Bởi Kẻ Lừa Bịp (Ma Vương). (15)

358. "Hỡi đức Thế Tôn,
Vậy là ngài Kappiya
đã nhìn thấy nguồn-gốc
Của mọi sự chấp-thủ.
Thật vậy, ngài Kappāyana,
Đã vượt qua
Lãnh cõi của Thần Chết
Vốn rất khó vượt qua." (16) [63]

13. Kinh Du Hành Chân Chính (Sammāparibbājanīya Sutta) [24]

359. "Chúng con xin hỏi bậc mâu-ni,
Là bậc giàu trí-tuệ,
Là bậc đã vượt qua, đã qua bờ-kia,
Đã chứng Niết-bàn, bên trong (nội tâm) vững vàng:
Rằng sau khi đã từ bỏ đời tại gia
Và dẹp bỏ những dục-lạc,
Thì theo cách nào
Là một Tỳ kheo du hành chân chính trong thế gian?" (1)

[Đức Phật trả lời:]

360. "Sau khi người đó được bứng sạch [về vấn đề]
Những sự may phúc với những điềm báo,[115] mộng báo,

---

[115] [Chỗ này đọc chữ *uppātā* theo cách ghi của **Be** và **Ce**, được định nghĩa bởi **DOP** là "một điều hay sự kiện lạ thường, được coi là một điềm báo". (Nhân tiện, theo ghi chú của nhà sư Thanissaro: '… những sự bói giải về điềm báo, sao băng, giấc

Và tướng (dấu hiệu) lành (hay dữ);
Sau khi đã trừ bỏ những lầm tưởng
Về những điềm may này nọ;
Là Tỳ kheo đó du hành chân chính trong thế gian.[25] (2)

361. "Một Tỳ kheo nên loại bỏ tham đối với những dục-lạc;
Những dục-lạc thuộc cõi người và cõi trời;
Sau khi đã thoát khỏi sự hiện-hữu,
Sau khi đã chứng ngộ Giáo Pháp;
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (3)

362. "Sau khi bỏ lại sau lưng những lời gây chia rẽ,
Một Tỳ kheo nên giục bỏ sự sân giận và sự hèn mọn;
Sau khi đã dẹp bỏ sự hấp-dẫn (thích) và sự đáng-chê (ghét);
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (4)

363. "Sau khi dẹp bỏ thứ sướng [dễ chịu] và khổ [khó chịu]
Không còn chấp-thủ, không phụ thuộc thứ gì,
Hoàn toàn thoát-ly khỏi những thứ gông-cùm (kiết sử);
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (5)

364. "Người đó không tìm thấy thấy một cốt lõi gì
trong những sự thu-nạp (sanh y),
Sau khi loại bỏ dục và tham đối với những thứ đã thu nhận;
Không còn phụ thuộc hay cần được dẫn dắt bởi người khác;
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (6)

365. "Không hung bạo bằng lời-nói, hành-động và tâm,
Sau khi đã chánh ngộ Giáo Pháp,
Khát nguyện đạt tới trạng thái Niết-bàn;
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (7)

366. "Một Tỳ kheo không nên phấn-khích
Khi nghĩ rằng: "Người ta tôn kính mình",
Và cũng không dung dưỡng sự bực-tức

---

mơ, dấu hiệu (điềm may, điềm dữ) là những kiểu mưu-sinh bất chính (tà mạng) của một sa-môn (Tỳ kheo, tu sĩ, du sĩ)'.] (115)

Khi mình bị người ta sỉ nhục;
Không nên say sưa với thức-ăn
Mình có được từ những người khác (thí chủ):
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (8)

367. "Sau khi dẹp bỏ tham và sự hiện-hữu,
Một Tỳ kheo kiêng cữ tránh sự tổn thương và ràng buộc,
Đã vượt qua sự ngu-mờ, không còn dính các mũi tên:
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (9)

368. "Sau khi đã hiểu điều gì phù hợp với bản thân,
Một Tỳ kheo không làm tổn thương bất cứ ai trong thế gian;
Sau khi đã ngộ Giáo Pháp đúng như nó là,
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (10)

369. "Đã không còn khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) nào
Những gốc rễ (căn) bất thiện đã được bứng sạch,
Người đó không mong cầu, không kỳ vọng:
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (11)

370. "Đã diệt dòng chảy-vào (lậu hoặc) và sự tự-ta (ngã mạn),
Đã thoát khỏi hết thảy đường lối của tham,
Đã thuần phục, đã tắt ngấm (hết dục), bên trong vững vàng,
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (12)

371. "Được phú với niềm-tin, sự học-hiểu, là người nhìn thấy lộ-trình đã định (của sự chân chánh),
Là một người trí, giữa những bè phái, không theo phe phái,
Sau khi đã loại bỏ tham, sân, sự ác cảm,
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (13)

372. "Bậc chiến thắng đã thanh tịnh
Là bậc đã cởi bỏ lớp vỏ bọc (tham, sân, si),
Bậc thầy về mọi pháp, đã qua bờ-kia, không còn xung động,
Thiện khéo về 'trí-biết về sự chấm-dứt mọi pháp hữu vi',
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (14)

373. "Đã chinh phục các tâm hành về quá khứ và tương lai,
Sau khi đã chinh phục, có trí tuệ về sự thanh-lọc

Đã thoát-ly khỏi tất cả các căn cảm-nhận (sáu nội ngoại xứ),
Là người đó du hành chân chính trong thế gian. (15)

374. "Sau khi đã-biết trạng thái đó (mỗi diệu đế),
Sau khi đã thâm nhập Giáo Pháp,
Sau khi đã chứng kiến sự trừ-diệt dòng chảy-vào (lậu tận),
Cùng với sự tiêu-diệt mọi sự thu-nạp (sanh y tận),[116]
Là người đó du hành chân chính trong thế gian." (16)

375. "Thưa Thế Tôn, chắc chắn là như vậy:
Người sống trú như vậy là một Tỳ kheo đã thuần phục,
Và đã vượt khỏi mọi thứ gông-cùm:
Là người đó du hành chân chính trong thế gian." (17)

14. Kinh Dhammika (Dhammika Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Rồi đệ tử tại gia tên Dhammika, đi cùng 500 đệ tử tại gia khác, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, đệ tử tại gia Dhammika đã thưa với đức Thế Tôn bằng thi kệ:

376. "Con xin hỏi Thế Tôn, đức Cồ-Đàm, bậc trí rộng:
Một đệ tử tốt thì nên hành động ra sao,
Dù đó là người xuất gia, đã từ bỏ tại gia,
Hay là người tại gia, đang sống tại gia? (1)

377. "Vì Thế Tôn đã biết đường lối và đích đến
Của thế gian có những thiên thần trong đó [của nó].
Không ai sánh bằng Thế Tôn, bậc chỉ ra ý-nghĩa vi diệu,
Vì họ nói Thế Tôn là một vị Phật siêu xuất. (2)

378. "Sau khi đã trải nghiệm tất cả sự-biết,

---

[116] [Tôi đọc câu này theo **Ee** và **Pj** II là: *sabbūpadhīnaṃ parikkhayā;* khác với **Be** ghi là: *sabbupadhīnaṃ parikkhayāno* và **Ce** ghi là: *sabbupadhinaṃ parik- khayāno*. Mời coi thêm *Kinh Tập* bản gốc **Ee**, trang gốc 65, chú thích số 9.] (116)

Thế Tôn khai mở Giáo Pháp, vì sự bi-mẫn đối với chúng sinh.
Những vỏ bọc đã loại bỏ, Thế Tôn là bậc thiên nhãn;
Đã vô nhiễm, Thế Tôn phát quang chiếu sáng cả thế gian. (3)

379. "Erāvaṇa, vua loài rồng (nāga), đã diện kiến Thế Tôn
Sau khi nghe được Thế Tôn là "bậc Chiến Thắng".'
Sau khi nghe Thế Tôn chỉ giáo, vị đó ra về[117], [nói rằng:]
"Thật hay khéo!", vị ấy hài lòng khi nghe [lời Thế Tôn]. (4)

380. "Vua Vessavaṇa Kuvera cũng đến gặp Thế Tôn,
Vấn hỏi về Giáo Pháp.
Khi được hỏi, Thế Tôn trả lời,
Sau khi lắng nghe ông ta cũng hài lòng, hỡi bậc trí-tuệ. (5)

381. "Những tín đồ ngoại đạo cũng đến tranh luận,
Những du khổ sĩ (Ājīvika) hay những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha),
Tất cả đều không thể qua được Thế Tôn về trí-tuệ,
Như người đứng thì đâu thể qua mặt người đi nhanh. (6)

382. "Những bà-la-môn (trẻ) này cũng đến tranh luận,
Và cũng có một số các bà-la-môn trưởng lão,
Cũng như những người khác cho mình là tài tranh biện,
Nhưng rồi họ phải nhờ Thế Tôn (giảng giải) ý-nghĩa. (7)

383. "Vì Giáo Pháp này, thật vi diệu và phúc lành,
Đã được tuyên thuyết hay khéo bởi ngài, hỡi đức Thế Tôn.
Tất cả chúng con đây muốn được nghe riêng (Giáo Pháp):
Khi được hỏi, xin hãy tuyên thuyết cho chúng con, hỡi vị
Phật tối thượng.[118] (8)

384. "Tất cả các Tỳ kheo đang ngồi cùng ở đây,
Và những đệ tử tại gia [muốn] nghe (Giáo Pháp).

---

[117] [Học giả Norman đọc chỗ này là *mantayitvā jagāma*. Chữ *jagāma* là thể hoàn thành của *gacchati*. Coi thêm chú thích 1280 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (117)

[118] [Ở đây tôi đọc theo cách ghi của **Be** và **Ce** là: *taṃ no vada*; khác với **Ee** là: *tvaṃ no vada*. **Pj** II nhận ra cách ghi sau là một cách biến thể, nhưng ưu tiên chọn cách ghi đầu.] (118)

Hãy cho họ nghe được Giáo Pháp đã được chứng ngộ bởi bậc vô-nhiễm
Giống như chư thiên thần lắng nghe những lời dạy hay khéo từ Vāsava."[119] (9)

[Đức Phật trả lời:]

385. "Này các Tỳ kheo, hãy lắng nghe, ta nói cho các thầy
Về Giáo Pháp giúp thanh lọc; tất cả hãy ghi nhớ trong tâm.[120]
Một người biết suy nghĩ, nhìn thấy điều thiện,
Nên có cách cư xử phù hợp với một Tỳ kheo. (10)

386. "Một Tỳ kheo không nên đi lại phi thời;
Nhưng vào lúc thích hợp nên đi vô làng để khất thực.[121]
Vì người đi lại phi thời dễ dính này nọ (quan hệ, trói buộc);
Do vậy những vị Phật không đi lại phi thời. (11)

387. "Hình sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị,
Và những thứ chạm-xúc làm say mê chúng sinh.
Sau khi đã loại bỏ dục đối với những thứ đó,
Vào lúc phù hợp thì đi khất thực buổi sáng. (12)

388. "Rồi, sau khi có được thí thực lần đó,
Sau khi trở về, nên ngồi xuống trong sự tách-ly.
Quán xét nội (thân), không để tâm chạy nhảy ra ngoài
Mà giữ (tâm) mình được tập trung (tự chủ). (13)

389. "Nếu có nói chuyện với một đệ tử,
Hay ai khác, hay một Tỳ kheo,
Thì chỉ nên nói về Giáo Pháp siêu xuất;
Không nhiều chuyện nói chê hay chỉ trích người khác. (14)

390. "Với những người tranh luận đang tranh cãi,
Chúng ta không khen những người thiểu trí.

---

[119] [Vāsava là một tên khác của trời Sakka (Đế-thích), vua của các thiên thần (ở cõi trời Đao-lợi, cõi trời 33).] (119)

[120] [Chỗ này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** ghi chữ *dharātha*, khác với **Be** ghi *carātha*.] (120)

[121] [Chỗ này **Ce** và **Ee** ghi *gāmaṃ*, khác với **Be** ghi *gāme*.] (121)

Sự trói buộc này nọ cứ dính bám họ (khi nói),
Vì họ nói một đằng, tâm họ phóng ra xa một nẻo. (15)

391. "Thức ăn, một chỗ trú có chỗ nằm và chỗ ngồi,
Và nước để giặt rửa bụi đất khỏi cà sa:
Sau khi nghe Giáo Pháp được dạy bởi bậc Phúc Lành,
Một đệ tử của bậc siêu-trí nên thọ dụng một cách có suy xét
(biết quán chiếu khi dùng tứ vật dụng). (16)

392. "Vì đối với thức ăn, chỗ ở,
Và nước để giặt rửa bụi đất khỏi cà sa,
Một Tỳ kheo không dính chấp những thứ này,
Như nước không dính vào lá sen. (17)

393. "Giờ ta sẽ nói về bổn phận của người tại gia,
Làm cách nào để trở thành một đệ tử tốt.
Vì toàn bộ giới-bổn Tỳ kheo nói trên thì không thể thực hiện
Bởi những người (tại gia) còn sở hữu này nọ. (18)

394. "Sau khi bỏ gậy gộc đối với mọi người,
Đối với mọi loài mạnh và yếu trên thế gian,
Không sát sinh, không gây xúi sát sinh,
Cũng không đồng tình với những người sát sinh. (19)

395. "Kế tiếp, không trộm cắp thứ gì
Không cố ý lấy những thứ không được cho.
Không xúi giục sự gian-cắp, không đồng tình sự gian-cắp;
Tránh bỏ hoàn toàn việc gian-cắp (tham ô, gian lận). (20)

396. "Người có trí thì nên tránh hành-vi bất tịnh
Như người biết tránh bị rớt xuống hầm than cháy đỏ.
Cho dù không thể sống độc thân một mình,
Cũng không phạm vào vợ [hay chồng] của người khác. (21)

397. "Nếu bước vô hội đồng hay hội chúng,
Không nói sai nói dối với ai.
Không xúi giục nói-dối, không đồng tình sự nói-dối.
Tránh bỏ hoàn toàn việc nói-dối. (22)

398. "Người tại gia sống theo Giáo Pháp này thì:

Không uống rượu bia, chất men say.
Không xúi giục uống-rượu, không đồng tình việc uống-rượu,
Sau khi đã hiểu (uống rượu bia) sẽ dẫn đến điên khùng. (23)

399. "Do say rượu những kẻ ngu làm những điều xấu ác,
Và xúi giục kẻ vô tâm làm những điều xấu ác.
Phải tránh bỏ căn bản tổn-phước này, (uống rượu bia)
Chỉ đáng khoái với kẻ ngu, gây điên loạn và ngu si. (24)

400. "(i) Không sát-sinh, (ii) không gian-cắp;
(iii) Không nói-dối, (iv) không uống-rượu uống bia men say.
(v) Kiêng cữ dâm-dục, kiêng cữ hành vi bất tịnh;
(vi) Không ăn đêm [hay] ăn ngoài giờ quy định. (25)

401. "(vii) Không đeo vòng hoa hay xức dầu thơm;
(viii) Ngủ trên giường (thấp) hay nệm lót trải trên nền nhà.
Bởi vì, như đã nghe, đây là tám chi giới bố-tát [uposatha]
Đã dạy bởi Đức Phật, bậc đã đạt tới sự diệt-khổ. (26)

402. "Rồi tự-tin trong tâm, sau khi đã tuân thủ bố-tát
Đầy đủ với tám chi giới của nó,
Vào ngày thứ 14, ngày rằm, ngày thứ 8 của nửa-tháng
Và trong thời gian các dịp lễ trai giới đặc biệt khác, (27)

403. "Vào buổi sáng sau khi người có trí
Đã tuân thủ xong lễ bố-tát,
Hoan hỷ với một cái tâm tự-tin,
Nên phân phát thức ăn thức uống
Cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo một cách phù hợp. (28)

404. "Phụng dưỡng cha mẹ một cách chân chính;
Công ăn việc làm ăn chân chính.[26]
Một đệ tử tại gia chuyên chú, tuân thủ sự thực-hành này,
Sẽ đạt tới những thiên thần được gọi là "tự phát-sáng"." (29)

3. CHƯƠNG "LỚN"
(Mahā-vagga)

1. Kinh Xuất Gia (Pabbajjā Sutta)

405. Ta sẽ nói về sự xuất gia,
Theo cách nào bậc Kiến Nhãn đã xuất gia,
Theo cách nào, khi đang điều tra tìm hiểu,
Bậc ấy đã chấp thuận sự xuất gia. (1)

406. "Đời sống tại gia là chật chội,
Là căn bản cho bụi bẩn (ô nhiễm);
Đời sống xuất gia như[122] không gian rộng mở":
Sau khi nhìn thấy điều này, bậc ấy đã xuất gia. (2)

407. Sau khi đã xuất gia, bậc ấy đã tránh bỏ
Những nghiệp xấu ác bằng thân.
Sau khi đã dẹp bỏ những hành-vi lời-nói sai trái,
Bậc ấy thanh lọc sự mưu-sinh của mình. (3)

408. Đức Phật đến Rājagaha (Vương Xá),
[Thành] Giribbaja của dân xứ Magadha (Ma-kiệt-đà).
Được tô điểm với những tướng tốt,
Phật đi bộ khất thực [trong thành]. (4)

409. Khi đứng trong cung điện,
(Vua) Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) đã nhìn ra thấy Phật.
Sau khi nhìn thấy Phật với những quý tướng,
Ông đã thốt lên câu này: (5)

410. "Này các ông, hãy nhìn vị ấy,
Đẹp người, oai nghi, trong sáng;
Được phú phong thái tốt,
Vị ấy trông chỉ cách một cây sào phía trước. (6)

---

[122] [Chỗ này tôi đọc theo **Be** và **Ce** là *va*, khác với **Ee** ghi là *ca*. Sự giải nghĩa chữ *viya* trong **Pj** II đã ủng hộ chữ *va* là đúng.] (122)

411. "Với mắt nhìn xuống, chánh-niệm,
Có lẽ vị này không phải từ gia đình hạ đẳng.
Các sứ thần của vua hãy ra đó.
[Tìm hiểu] vị Tỳ kheo đó sẽ đi đâu." (7)

412. Các sứ giả được vua phái đi
Theo sát sau Đức Phật,
[Họ nghĩ:] "Vị Tỳ kheo sẽ đi đâu?
Chỗ trú của vị ấy ở đâu?" (8)

413. Lần lượt ghé khất thực không chừa nhà nào,
Sáu cửa (căn) được phòng hộ, khéo kiềm chế,
Luôn chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác),
Vị ấy nhanh chóng khất thực đầy bình bát. (9)

414. Sau khi đã đi xong một vòng khất thực,
Bậc mâu-ni rời đi khỏi kinh thành.
Phật đi lên Núi Paṇḍava:
"Chắc chỗ trú ở của vị ấy ở đây!", (họ nghĩ). (10)

415. Sau khi thấy Phật đi vô chỗ trú ở,
Các sứ giả liền[123] đến gần;
Nhưng một sứ giả đã chạy về
Và báo cho nhà vua: (11)

416. "Thưa Đại Vương, vị Tỳ kheo này
Sống ở phía đông Núi Paṇḍava.
Vị ấy ngồi trong một hang núi
Như một con cọp, voi đực, hay sư tử." (12)

417. Sau khi nghe sứ giả báo tin,
Vị vua sát-đế-lợi (giai cấp chiến-sĩ, khattiya) liền lên đường
Trong một cỗ xe đẹp; vội vã, ông rời khỏi kinh thành
Theo hướng Núi Paṇḍava. (13)

418. Sau khi đi hết đoạn đi được bằng xe,

---

[123] [Chỗ này đọc chữ *tato* theo cách ghi của **Ce** và **Ee**, khác với **Be** ghi là *tayo* (*ba*) [sứ giả].] (123)

Vị vua sát-đế-lợi xuống khỏi xe,
Ông đi bộ vô đó,
Ông đến chỗ và bước vô. (14)

419. Sau khi ngồi xuống, vị vua chào Phật
Và nói chuyện lễ phép.
Sau khi đã xong phần chào hỏi thân thiện
Ông đã thốt ra lời này: (15)

420. "Anh còn trẻ, một chàng trai,
Một thanh niên đang trong thời thanh xuân,
Được phú vẻ đẹp và vóc dáng,
Giống một sát-đế-lợi được thiện sanh. (16)

421. "Ta sẽ cho anh của cải—
Hãy thụ hưởng và tỏa sáng đứng đầu một quân đội,
Cùng một đội voi chiến.
Khi được hỏi, hãy cho ta biết sinh cảnh của anh." (17)

422. "Thưa đức vua, có một đất nước phía trước mặt,
Dưới chân núi Himalaya (Hy-mã-lạp sơn),
Giàu có về của cải và năng lực,
[Được trị vì] bởi một người bản xứ dân Kosala (Kiều-tất-la). (18)

423. "Tính theo dòng tộc, tôi là một người Ādicca,
Tính theo sinh cảnh, tôi là một người Thích-Ca (Sakya).
Tôi đã xuất gia từ gia tộc đó, này đức vua,
Không còn thèm muốn những dục-lạc. (19)

424. "Sau khi nhìn thấy sự nguy-hại trong những dục-lạc
Sau khi nhìn thấy sự xuất gia tu hành là sự an-toàn,
Tôi sẽ (tiếp tục) đi vì mục đích tinh-cần (chuyên-cần tu):
Đây chính là điều tâm tôi vui thích làm."[27] (20)

2. Kinh Tinh Cần (Padhāna Sutta)

425. "Khi đã quyết tâm tinh-cần,
Ta đã đến chỗ Sông Ni-liên-thiền (Nerañjarā),

Trong khi ta đang thiền tập một cách chăm chỉ
Mong đạt tới sự an-toàn khỏi (mọi) sự trói-buộc,[28] (1)

426. "Thì Namucī (Ma Vương) đã đến
Giả giọng từ bi nói với ta:
'Ngài đã ốm nhách, xanh xao;
Ngài đang ở bờ vực cái chết. (2)

427. "'Một ngàn phần là chết,
Chỉ còn có một phần là sống sót.
Này ngài, hãy sống đi, cuộc sống thì tốt đẹp hơn!
Vừa sống vừa (có thể) tạo công đức mà! (3)

428. "'Khi ngài sống đời sống tâm linh
Và thực hiện việc tế thần lửa,
Thì nhiều công đức được tích lũy.
Cớ sao phải xả thân tinh-cần? (4)

429. "'Đường tinh-cần là khó đi lắm,
Khó thực hành, khó thành tựu.'"
Khi nói mấy lời kệ này,
Ma Vương đứng bên chỗ Đức Phật. (5)

430. Sau khi Ma Vương đã nói kiểu như vậy,
Đức Thế Tôn đã nói với hắn:
"Này kẻ thân tộc của phường phóng dật, này Ác Ma,
Người đã đến đây với một ý đồ. (6)

431. "Ta đâu có nhu cầu (tìm kiếm) thêm
Chút công đức nhỏ nhặt nào.[124]
Sẽ phù hợp hơn nếu ngươi nói điều đó
Với những ai có nhu cầu (tìm kiếm) phước đức. (7)

432. "Ta có cả niềm-tin, tinh-tấn,
Và trí-tuệ đều có ở trong ta.
Khi ta đang quyết tâm như vậy,

---

[124] [Câu này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là: *aṇumattenapi puññena attho*, khác với Be ghi là: *aṇumattopi puññena attho*.] (124)

Cớ sao ngươi yêu cầu ta sống (đời phàm)? (8)

433. "Gió này có thể làm khô cạn
Cả những dòng suối chảy ra sông,
Vậy cớ sao, khi ta đang quyết tâm như vậy,
Nó lại không làm khô cạn máu ta?[29] (9)

434. "Khi máu đang khô cạn,
Mật, đờm cũng khô cạn.
Các bắp thịt teo đi,
Tâm càng trở nên tĩnh-lặng,
Và sự chánh-niệm và trí-tuệ
Và sự định-tâm của ta càng trở nên vững chắc. (10)

435. "Trong khi ta sống trú như vậy
Ta đã nếm trải sự đau đớn cùng cực (của khổ hạnh),
Nhưng tâm ta không tìm hướng tới những dục-lạc:
(Ngươi) hãy ngước nhìn sự thanh-tịnh của chúng sinh! (11)

436. "Những dục-lạc là đội quân thứ nhất của ngươi;
Đội thứ hai được gọi là sự bất-mãn.
Sự đói và khát là đội thứ ba;
Đội thứ tư được gọi là dục-vọng (ái). (12)

437. "Đội thứ năm là sự đờ-đẫn và buồn-ngủ;
Đội thứ sáu được gọi là sự hèn-nhát (khiếp-sợ).
Sự nghi-ngờ là đội thứ bảy;
Đội thứ tám là sự khinh-khi và sự tự-đại. (13)

438. "Sự lợi, danh, vinh (cung kính),
Và danh vọng có được nhờ tà đạo [là thứ chín];
[Thứ mười là] tự khen mình
Và chê bai người khác. (14)

439. "Đây là đạo quân của ngươi, này Namucī,
Đây là đoàn quân của Hắc Ám.
Người yếu đuối không thắng nỗi (đạo quân) đó,
Nhưng người thắng nó thì đạt được chân-phúc (15)

440. "Ta đeo cỏ muñja;[30]

Vì cuộc sống (phàm) là thống khổ đối với ta.[125]
Thà rằng chết trong chiến trận
Còn hơn sống trong sự bại trận. (16)

441. "Những sa-môn và bà-la-môn, bị nhấn chìm
(Bởi đạo quân đó), không còn được thấy nữa.
Họ không biết con-đường (chánh đạo)
Mà những bậc kỷ cương (Phật, thánh) đã đi. (17)

442. "Sau khi nhìn thấy đội quân giương cờ bao vây,
[Và] Ma Vương với cỗ xe của hắn đã sẵn sàng,
Ta sẽ ra đó gặp hắn trong chiến trận:
Hy vọng hắn không thể tống ta khỏi chỗ này! (18)

443. "Cho dù thế gian có những chư thiên
Cũng không thể đánh thắng đội quân đó của ngươi,
(Nhưng) ta sẽ hủy diệt[126] nó bằng trí-tuệ,
Như (đập nát) cái chén gốm mới bằng cục đá (cứng). (19)

444. "Sau khi đã làm chủ được tâm-ý của mình,
Và với sự chánh-niệm được khéo thiết lập,
Ta sẽ đi từ cõi xứ này qua cõi xứ khác,
Dẫn dắt nhiều đệ tử. (20)

445. "Chuyên chú và kiên định,
Những người đó thực hành giáo pháp của ta,
Trái ngược với ý đồ của ngươi, họ sẽ đi đến
Trạng thái mà ở đó không ai còn bị ưu-sầu." (21)

446. (Ma Vương nghĩ:)
"Bảy năm trời ta đã theo vị Thế Tôn này,
[Bám theo ngài] từng bước một,
Nhưng ta không tìm thấy chỗ hở nào (để nhập vào)
Trong bậc Giác Ngộ này, bậc luôn chánh-niệm.[31] (22)

---

[125] [Tôi đọc câu này theo **Be** và **Ce**, và tất cả phiên bản của **Pj** II, là: *dhiratthu mama jīvitaṃ*. **Ee** thì ghi chữ *idha* thay vì *mama*.] (125)

[126] [Chỗ này tôi đọc chữ *bhecchāmi* theo **Be**, tương ứng với chữ *bhetsyāmi* ở **Mvu** II 240,11. **Ce** và **Ee** thì ghi chữ *gacchāmi*.] (126)

447. "Có con quạ cứ bám bu một hòn đá
Tưởng hòn đá như cục mỡ ngon, (quạ nghĩ):
'Có lẽ ta tìm thấy món ngon mềm ở đây;
Có lẽ món này ngon miệng đây.' (23)

448. "Nhưng nó chẳng tìm thấy món gì ngon ở đó,
Con quạ đành bỏ đi khỏi đó.
Giống như con quạ đã tấn công hòn đá,
Giờ chúng ta đầy thất vọng bỏ đi khỏi Cồ-đàm." (24)

449. (Ma Vương) quá buồn rầu sầu não
Đến nỗi cây đòn tỳ bà cũng tuột rớt khỏi nách.
Rồi con ma (dạ-xoa) buồn rầu đó
Biến mất ngay tại đó.[32] (25)

3. Kinh Thuyết Giảng Hay Khéo (Subhāsita Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!"

"Dạ, Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

"Này các Tỳ kheo, khi lời giảng có được bốn yếu tố này là nó được thuyết hay khéo, không phải được thuyết tồi tệ, và nó không bị chê trách và quở trách bởi bậc trí hiền. Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo (i) chỉ nói điều được nói một cách hay khéo, không nói điều được nói một cách dở tệ. Người đó (ii) chỉ nói điều Giáo Pháp, không nói điều phi Giáo Pháp. Người đó (iii) chỉ nói điều dễ chịu dễ nghe, không nói điều khó chịu khó nghe. Người đó (iv) chỉ nói điều sự thật, không nói dối nói sai sự thật. Khi lời giảng có được bốn yếu tố này là nó được thuyết hay khéo, không phải được thuyết tồi tệ, và nó không bị chê trách và quở trách bởi bậc trí hiền."

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành (Thiện Thệ), Vị Thầy, nói thêm như vầy:

450. "Thuyết giảng hay khéo là tốt nhất, bậc thiện nhân nói;
Nói Giáo Pháp, không nói phi Giáo Pháp—là thứ hai.
Nói điều dễ nghe, không nói điều khó nghe—là thứ ba;
Nói điều sự thật, không nói dối nói sai—là thứ tư." (1)

Lúc đó thầy Vaṅgīsa đứng đậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y trên một vai, và sau khi chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy thưa: "Một sự cảm hứng đã xảy đến với con, thưa Thế Tôn! Một sự cảm hứng đã xảy đến với con, thưa bậc Phúc Lành!!"[127] Đức Thế Tôn nói: "Vậy hãy diễn đạt sự cảm hứng của thầy, này Vaṅgīsa."

Rồi thầy Vaṅgīsa đã trực tiếp tán thán đức Thế Tôn bằng mấy thi kệ sau:

451. "Chỉ nên nói ra lời nói
Vốn không làm khổ mình
Cũng không làm tổn thương người khác:
Lời nói nó đích thực là được nói hay khéo. (2)

452. "Chỉ nên nói lời dễ chịu dễ nghe (khả ái),
Lời nói được hoan hỷ đón nhận.
Nên nói những lời không đưa đến điều tồi tệ,
[Lời nói] mà dễ nghe đối với người khác. (3)

453. "Quả thật, điều sự thật là lời nói bất tử:
Đây là nguyên lý tự thiên cổ.
Những thiện nhân nói rằng: Điều thiện
Và Giáo Pháp được thiết lập trên sự thật.[128] (4)

454. "Lời thuyết giảng mà Đức Phật nói ra
Để dẫn tới chứng ngộ Niết-bàn, sự an-toàn,
Để làm nên sự diệt-khổ,

---

[127] [Ở đây tôi đọc theo **Be** ghi 02 câu này là: *paṭibhāti maṃ bhagavā, paṭibhāti maṃ sugatā ti*. **Ee** đã bỏ sót câu có chữ *bhagavā* (*thưa Thế Tôn*), trong khi **Ce** thì cả 02 câu đều ghi chữ *bhagavā* (*thưa Thế Tôn*).] (127)

[128] [Tôi dịch nghĩa câu này dựa theo chú giải của chú thích 1368 đối với chú giải của **Pj** II về thi kệ 453, và theo **CDB** 461–62, chú thích 510.] (128)

Quả thực là lời thuyết giảng tối thượng." (5)

4. Kinh Sundarika Bhāradvāja (Sundarikabhāradvāja Sutta)[129]

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Kosala (Kiều-tất-la) bên bờ sông Sundarika. Bấy giờ, lúc đó có ông bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đang cúng lửa và thực hiện lễ tế lửa bên bờ sông Sundarika. Rồi bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja (bà-la-môn họ tộc Bhāradvāja ở vùng Sundarika), sau khi đã cúng lửa và thực hiện lễ tế thần lửa, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và quan sát bốn phương xung quanh, tự hỏi rằng: "Giờ ai có thể ăn phần còn lại này?"

Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây, (với y) trùm đầu. Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, ông tay trái cầm phần còn lại (đồ cúng, bánh) và tay phải cầm bình nước, đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi nghe tiếng bước chân ông bà-la-môn, đức Thế Tôn mở trùm đầu ra. Ông bà-la-môn Sundarika Bhāradvāj nghĩ "Người đáng cúng (ứng cúng) này là cạo đầu. Người đáng cúng này là người trọc đầu", nghĩ vậy ông muốn quay lưng đi, nhưng ý này liền xảy đến với ông: "Một số bà-la-môn ở đây cũng cạo đầu. Hay ta thử đến gần và tìm hiểu về nơi sinh (dòng dõi, giai cấp) của ông này." Rồi đức Thế Tôn mới nói với bà-la-môn đó bằng mấy thi kệ sau:

455. "Ta không phải một bà-la-môn hay hoàng tử;
Ta không phải một thương nông hay giai cấp nào khác.
Sau khi đã hoàn-toàn hiểu các họ tộc của người phàm,
Không sở hữu gì, với sự quán chiếu (trí tuệ), ta sống trong thế gian. (1)

---

[129] **[Pj** II đã luận giải về kinh này với tên kinh là khác, đó là kinh *Pūraḷāsa-sutta* (*kinh Bánh thiêng*). Kinh này có một phần song hành tương ứng với kinh **SN 7:09** (Quyển 1), với phần mở đầu bằng văn xuôi giống hệt nhau, nhưng chỉ có vài thi kệ tương ứng giống nhau, như thi kệ 638, 639, 641, 642 trong kinh **SN 7:09** và 462, 463, 480, 481 trong kinh **Sn 3.4** này, còn lại đều khác nhau.] (129)

456. "Khoát y cà sa, không nhà (hết ái), ta lang thang,
Cạo bỏ râu tóc, (ta) đã nguội tắt bên trong (hết dục).
Vì ta không còn dính-mắc gì với người đời ở đây,
Vì vậy sẽ không phù hợp khi ông hỏi họ tộc của ta, này bà-la-môn (bởi vì ta đã xuất gia)." (2)

[Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja nói:]

"Này ngài, vì các bà-la-môn hay hỏi các bà-la-môn khác: 'Có phải người đáng cúng là một bà-la-môn hay không?'"[130]

[Đức Thế Tôn nói:]

457. "Những nếu ông nói ông là một bà-la-môn,
Và nói ta không phải một bà-la-môn,
Vậy ta hỏi ông về kệ Sāvittī,
Với 03 ngữ và 24 âm tiết của nó."[131] (3)

[Bà-la-môn nói:]

458. "Dựa trên căn cứ gì mà nhiều kiến giả (rishi), nhiều người, nhiều sát-đế-lợi (giai cấp chiến-sĩ) và bà-la-môn,
Ở đây trong thế gian này, đã thực hiện những sự cúng tế cho chư thiên?"

[Đức Thế Tôn nói:]

"Nếu một bậc thành-tựu (bậc giải-thoát), một bậc thầy Vệ-đà, vào lúc cúng tế,
Mà nhận được đồ cúng dường từ bất cứ ai (từ họ), thì nó sẽ thành công cho thí chủ đó, ta nói vậy."[33] (4)

---

[130] [**Ee** in câu này ở dạng văn xuôi nhưng ghi thêm thi kệ bên dưới [theo cách đánh số của nó]. Còn **Be** thì đánh số nó như thể nó là một thi kệ riêng biệt chỉ có 02 câu. Còn **Ce** thì nhập nó vào thành một thi kệ gồm có những câu kệ tiếp theo dưới đây. Trong thi kệ 458 cũng vậy, chúng ta không chắc nguyên gốc nó được ghi là câu văn xuôi hay thi kệ 02-câu. (Ở đây người dịch Việt dịch như thi kệ 02-câu như bản gốc của TKBĐ ghi). Để đọc chi tiết hơn, mời đọc ý kiến giải thích của học giả Norman về mỗi thi kệ trong **GD**.] (130)

[131] [Sāvittī [Phạn: Sāvitrī) là thi kệ hay kinh cầu gửi cho mặt trời, đặc biệt là thi kệ danh tiếng của Ṛgveda, III,62,10, cũng được gọi là Gāyatrī.] (131)

[Bà-la-môn nói:]

459. "Chắc chắn sự cúng của người đó thành công,
Vì chúng tôi mới thấy một bậc thầy Vệ-đà như vậy."
Chính vì chúng tôi chưa thấy người nào giống như ngài
Những người khác thì họ ăn bánh thiêng (bánh cúng)."[34] (5)

[Đức Thế Tôn nói:]

460. "Vì vậy, này bà-la-môn, khi ông tìm kiếm sự tốt lành,
Ông đến gặp ta ở đây và đặt câu hỏi.
Có lẽ ông tìm thấy một người được bình-an,
Đã hết khói (hết sân), hết phiền (hết khổ), và thật trí tuệ." (6)

[Bà-la-môn nói:]

461. "Thầy Cồ-Đàm, vì tôi ưa thích cúng tế
Tôi mong muốn tổ chức lễ tế nhưng tôi không hiểu.
Vậy bậc đáng cúng hãy chỉ dạy tôi: [82]
Hãy chỉ tôi biết ở đâu sự cúng sẽ thành công." (7)

[Đức Thế Tôn nói:]

"Trong trường hợp đó, này bà-la-môn, hãy để tai lắng nghe. Ta sẽ chỉ dạy cho ông Giáo Pháp.[132]

462. "Chớ hỏi về nơi sinh, nên hỏi về phẩm-hạnh:
Lửa thực ra được sinh ra từ củi.
Dù sinh ra từ gia đình thấp hèn, bậc mâu-ni kiên định
Mới là bậc thuần chủng được chế ngự bởi sự biết xấu-hổ về lương tâm (tàm). (8)

463. "Người được thuần phục bằng sự-thật,
Được hoàn thiện nhờ sự thuần-phục,
Đã đạt tới tận cùng các Vệ-đà (sự-biết, trí),
Đã sống đời sống tâm linh (phạm hạnh):
Bà-la-môn nào cúng tế để có được công đức

---

[132] [Học giả Norman coi 02 câu này là một phần của thi kệ, nhưng **Be** và **Ee** và tôi coi nó chỉ là câu văn xuôi cảm thán mở đầu. Còn **Ce** thì 02 coi câu này là một thi kệ riêng chỉ có 02-câu.] (132)

Thì nên cúng cho bậc ấy vào lúc thích hợp. (9)

464. "Những bậc không nhà, đã dẹp bỏ mọi dục-lạc,
Bản thân khéo tự chủ, ngay thẳng như một con thoi:
Một bà-la-môn cúng tế để có được công đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp.[133] (10)

465. "Những ai đã hết tham, với các căn khéo định tĩnh,
Tự do như trăng hết bị nanh vuốt (nguyệt thực) của Rāhu:
Một bà-la-môn cúng tế để có được công đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (11)

466. "Những bậc du hành trong thế gian không còn những dính-mắc,
Luôn có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ những thứ được coi là 'của-ta':
Một bà-la-môn cúng tế để có được công đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (12)

467. "Sau khi đã bỏ hết dục-lạc, đi đến chiến thắng,
Là người đã-biết sự kết thúc của sinh-tử,
Đã chứng Niết-bàn, đã nguội mát như một hồ nước:
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (13)

468. "Giống những bậc chân chánh, khác xa loại bất chánh;[134]
(tức chỉ các vị Phật khác),
Như Lai là bậc trí-tuệ vô biên,
Đã vô-nhiễm ở (thế giới) đây và (thế giới) bên kia:
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (14)

469. "Không còn sự giả-ngụy và tự-ta,
Hết tham, không còn cảm giác 'của-ta', hết dục,
Với sân đã tan biến, bên trong thổi tắt,
Bậc bà-la-môn đó đã trừ bỏ sầu-ưu là ố-nhiễm:

---

133 [Lời kinh chỗ này chuyển từ số ít qua số nhiều.] (133)

134 [Tôi dịch câu này đúng theo nghĩa chữ rõ rệt của nó hơn là theo nghĩa diễn dịch mà luận giảng **Pj** II đã đưa ra. Mời đọc thêm chú thích 1392 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (134)

Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (15)

470. "Đã đã dẹp bỏ sự cư trú của cái tâm,[35]
Hoàn toàn vô sở hữu,
Không còn chấp-thủ gì ở đây hay bên kia:
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (16)

471. "Đạt định, đã vượt qua dòng-lũ,
Và đã biết Giáo Pháp với tầm-nhìn tối thượng,
Dòng chảy-vào (lậu hoặc) đã bị tiêu diệt,
Mang thân này cuối cùng:
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (17)

472. "Dòng chảy-vào của sự hiện-hữu (hữu lậu), lời nói cay độc (ác ngữ)
Đã bị thiêu cháy, đã biến mất và không còn nữa,
Là bậc thầy Vệ-đà đó đã thoát-ly về mọi mặt:
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (18)

473. "Đã vượt khỏi những sự trói-buộc,
Vì bậc ấy không còn sự trói-buộc nào,
Trong số những người bị nắm giữ bởi sự ngã-mạn,
Bậc ấy không bị nắm giữ bởi sự ngã-mạn,
Bậc ấy đã liễu ngộ sự khổ với
Đồng ruộng (nhân) và đất đai (duyên) của nó:
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (19)

474. "Không còn tùy thuộc theo dục (ái),
Là bậc nhìn-thấy sự tách-ly (ẩn dật, Niết-bàn);
Đã vượt khỏi (62) tà-kiến mà người khác truyền bá,
Vì (giáo thuyết) của họ không dựa trên loại căn cứ nào:
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (20)

475. "Đã thâm nhập các pháp (thế gian) ở gần và ở xa,
Đối với (Như Lai) chúng đã bị thiêu cháy,
Biến mất, và không còn nữa.
Bậc ấy bình-an, được giải-thoát
Trong sự diệt sạch sự chấp-thủ (thủ diệt):
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (21)

476. "Đã nhìn thấy sự triệt tiêu và sự kết thúc
Của những gông-cùm và của sự-sinh (hết kiết-sử, sinh tận),
Đã hoàn toàn xóa tan đường lối của tham,
Thanh tịnh, phi tội lỗi, phi ố nhiễm, không tì vết:
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (22)

477. "Bậc ấy, tự mình, không nhận thức bản ngã,[135]
Đạt định, chánh trực, bên trong vững vàng,
Không còn xung động, không cằn-cỗi, hết nghi-ngờ:
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng. (23)

478. "Không còn si-mờ ở trong tâm bậc ấy,
Và trí-biết của bậc ấy nhìn thấu mọi hiện-tượng (mọi pháp),
Là người mang sắc thân này cuối cùng,
Và đã đắc sự giác-ngộ—vô thượng, phúc lành—
Đến mức độ này có sự tinh-khiết của tâm linh:
Bậc Như Lai đáng được dâng bánh thiêng." (24)

[Bà-la-môn nói:]

479. "Hãy để sự cúng dường của con
Là sự cúng dường đích thật (đúng nghĩa),
Vì con mới tìm thấy bậc thầy Vệ-đà như vậy.
Cứ như chính bản thân vị Trời (Brahmā) đã hiện thị:
Kính mong đức Thế Tôn nhận nó từ con;
Kính mời đức Thế Tôn hãy dùng bánh thiêng của con."[136] (25)

[Đức Thế Tôn nói:]

480. "Thức ăn đã được tụng chú trên đó

---

[135] [Tôi dịch câu này dựa theo **Ee** ghi là: *yo attanā attānaṃ nānupassati*. **Be** thì ghi *yo attano attānaṃ nānupassati*, trong đó **Ce** ghi *yo attanāttānaṃ nānupassati*, có vẻ cũng ủng hộ với **Ee**.] (135)

[136] [**Ee** đã in 02 câu cuối này dạng văn xuôi; còn **Be** và **Ce** ghi như 02 câu của thi kệ. Học giả Norman đã viết: "Tôi không chắn chắn về vần điệu thi kệ chỗ này" (**GD** 250), (nghĩa là theo ông 02 câu này không có vần điệu hợp với thi kệ, và có lẽ nguyên thủy đó là 02 câu văn xuôi. Trong đoạn kinh tương ứng của kinh **SN 7:09** (Quyển 1) thì 02 câu mời tương ứng này cũng được ghi ở dạng văn xuôi: "*Xin mời Thầy Cồ-Đàm ăn. Người xứng đáng là một bà-la-môn.*"- ND).] (136)

Không phù hợp để ta dùng.
Này bà-la-môn, đó không phải nguyên-tắc
Mà bậc nhìn-thấy (kiến nhãn) tuân theo.
Những vị Phật từ chối thức ăn như vậy
Vì nó đã bị tụng chú trên đó.
Này bà-la-môn, do có nguyên-tắc đó như vậy,
Đó là nghi-luật về phẩm-hạnh của họ (các vị Phật). (26)

481. "Hãy mời thức ăn thức uống khác
Bậc toàn-vẹn, bậc đại kiến-giả (rishi)
Đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu hoặc) và sự hối-tiếc đã lắn lặn,
Bậc ấy là phước điền cho những ai tìm kiếm công-đức." (27)

[Bà-la-môn nói:]

482. "Xin [hãy nói cho con] thưa Thế Tôn,
Để con có thể hiểu được
Ai nên ăn đồ cúng dường của người như con,
Con nên tìm ai để cúng vào lúc cúng tế,
Sau khi đã gặp được giáo lý của bậc ấy?" (28)

[Đức Thế Tôn nói:]

483. "Người trong tâm sự hung hăng đã biến mất,
Tâm người đó đã hết ố nhiễm,
Đã không còn những dục-lạc,
Đã xua tan sự ngu mờ; (29)

484. "Người đã loại bỏ những ranh giới,
Thiện khéo (biết rõ) về sự sinh và sự chết,
Là một mâu-ni có-được 'trạng thái mâu-ni',[36]
Bậc ấy đã đến chỗ cúng này rồi. (30)

485. "Sau khi đã loại bỏ sự cau mày (coi thường, chê bai),[37]
Hãy chấp tay kính lễ bậc ấy với sự tôn kính.
Cúng kính bậc ấy bằng thức ăn thức uống:
Theo cách như vậy sự cúng dường có kết quả tốt." (31)

[Bà-la-môn nói:] **

486. "Vị Phật đáng tôn vinh xứng đáng dùng bánh thiêng,

Bậc ấy là ruộng công đức vô thượng,
Là chỗ-nhận để cho cả thế gian cúng kính:
Đồ cúng dường cho bậc xứng đáng sẽ mang lại quả lớn." (32)

Rồi bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách … Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Con xin thụ giới xuất gia dưới Thầy Cồ-Đàm, con xin thụ toàn-bộ giới."

Rồi bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đã thụ giới xuất gia (thành sa-di) dưới đức Thế Tôn, rồi thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới, thành Tỳ kheo). Và không lâu sau khi thụ toàn-bộ giới … [*như cuối kinh Sn 1.4 ở trên*] … đã trở thành một trong những A-la-hán.

5. Kinh Māgha (Māgha Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang trú ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Lúc đó có môn sinh bà-la-môn tên Māgha đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-Đàm, tôi là một thí chủ, chính chủ bố thí, (tức chỉ bố thí đồ của mình, không dùng tài vật của người khác để bố thí), rộng lòng cho đi, tận tâm với việc từ thiện. Tôi tìm kiếm sự giàu có một cách chân chính, và sau khi làm vậy, từ của cải tôi có được một cách chân chính, thu nhập một cách chân chính, tôi bố thí cho một người, tôi bố thí cho hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười người; tôi bố thí cho hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi người; tôi bố thí cho một trăm người và thậm chí nhiều hơn. Thầy Cồ-Đàm, sau khi tôi bố thí như vậy, sau khi tôi hiến thí như vậy, liệu tôi có tạo nhiều công-đức hay không?"

"Chắc chắn là có, này môn sinh, sau khi anh bố thí như vậy, sau khi anh hiến thí như vậy, anh tạo nhiều công-đức. Này môn

sinh, một người là một thí chủ, chính chủ bố thí, rộng lòng cho đi, tận tâm với việc từ thiện. Người tìm kiếm sự giàu có một cách chân chính, và sau khi làm vậy, từ của cải mình có được một cách chân chính, thu nhập một cách chân chính, mình bố thí cho một người … cho một trăm người và thậm chí nhiều hơn, thì tạo nhiều công-đức."

Rồi môn sinh bà-la-môn Māgha đã nói với đức Thế Tôn bằng thi kệ:

487. "Tôi hỏi Thầy Cồ-Đàm, bậc hào sảng,
Mặc y màu vàng úa, du hành không nhà:
Khi một gia chủ tận tâm với việc từ thiện, chính chủ bố thí,
Muốn được công-đức, hiến thí với ý định được công-đức,
Bằng sự bố thí thức ăn thức uống cho tha nhân ở đây:
Thì trong sự hiến thí này, cách nào[137] sự bố thí của người đó được thanh tịnh?" (1)

488. (Đức Thế Tôn nói: "Này Māgha",)
"Khi một gia chủ tận tâm với việc từ thiện, chính chủ bố thí,
Muốn được công-đức, hiến thí với ý định được công-đức,
Bằng sự bố thí thức ăn thức uống cho tha nhân ở đây:
Thí chủ đó sẽ thành công nhờ (người nhận) là những người xứng đáng được cúng dường." (2)

489. (Môn sinh bà-la-môn Māgha nói:)
"Khi một gia chủ tận tâm với việc từ thiện, chính chủ bố thí,
Muốn được công-đức, hiến thí với ý định được công-đức,
Bằng sự bố thí thức ăn thức uống cho tha nhân ở đây:
Thưa Thế Tôn, xin hãy mô tả cho con về những người xứng đáng được cúng dường." (3)

[Đức Thế Tôn nói:]

490. "Những ai du hành, hết dính-mắc trong thế gian,

---

[137] [Chỗ này đọc theo **Be** là chữ *kathaṃ*, khác với **Ce** và **Ee** ghi chữ *kattha* (*ở đâu?*). Tất cả 03 phiên bản của luận giảng **Pj** II đều ghi chữ *kathaṃ* trong lời giải nghĩa.] (137)

Không sở hữu gì, được toàn-vẹn, tự-chủ:
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (4)

491. "Những ai đã cắt đứt mọi gông-cùm và sự trói-buộc,
Đã thuần phục, giải thoát, hết phiền não, hết dục:
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (5)

492. "Những ai đã thoát ly khỏi tất cả gông-cùm (kiết sử),
Đã thuần phục, giải thoát, hết phiền não, hết dục:
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (6)

493. "Những ai đã trừ bỏ tham, sân, si,
Đã diệt hết lậu hoặc, đã sống xong đời sống tâm linh:
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (7)

494. "Những ai bên trong không còn giả-ngụy và tự-ta,
Hết tham, không còn cảm nhận 'của-ta', hết dục:[138]
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (8)

495. "Những ai đã không sa ngã vào dục-vọng (ái),
Đã vượt qua dòng-lũ, du hành không còn cảm nhận 'của-ta':
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (9)

496. "Những ai không thèm khát thứ gì trong thế gian
Hay trạng thái hiện-hữu nào ở cõi này hay cõi kia:

---

[138] [Chỗ này **Be** đã ghi 02 câu kệ [pāda] *ab* là: *yesu na māyā vasati na māno, khīṇāsavā vūsitabrahmacariyā,* tiếp theo là 02 câu cuối điệp khúc. **Be** thì đưa vô thêm một thi kệ khác trong đó 02 câu kệ *ab* ghi là: *ye vītalobhā amamā nirāsā, khīṇāsavā vūsitabrahmacariyā,* tiếp theo là 02 câu cuối điệp khúc. Ở đây tôi làm theo **Ce** và **Ee**: không có thi kệ thêm vô đó. Thay vì vậy: lấy câu đầu của thi kệ thêm vô trong **Be** ghi thành câu kệ *b* trong thi kệ **494**, và không có câu kệ *khīṇāsavā vūsitabrahmacariyā*.] (138)

Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (10)

497. "Những ai không nhà, đã dẹp bỏ mọi dục-lạc,
Bản thân khéo tự-chủ, ngay thẳng như một con thoi:
Một bà-la-môn cúng tế để có được công đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (11)

498. "Những ai đã hết tham, với các căn khéo định tĩnh,
Tự do như mặt trăng hết bị nanh vuốt (nguyệt thực) Rāhu:
Một bà-la-môn cúng tế để có được công đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (12)

499. "Những ai bình an, hết tham, hết bực bội,
Với họ không còn những nơi-đến (tái sinh), sau khi đã trừ bỏ chúng tại đây:
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (13)

500. "Những ai đã dứt sạch sinh-tử,
Đã thoát khỏi sự ngu-mờ (hết si):
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (14)

501. "Những ai du hành trong thế gian như hòn đảo của chính mình,
Không sở hữu gì, mọi đường đều thoát-ly:
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (15)

502. "Những ai đã biết điều này đúng như nó là:
'Đây là kiếp cuối cùng, không còn sự tái hiện-hữu nữa':
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức
Thì nên cúng dường cho họ vào lúc thích hợp. (16)

503. "Một bậc thầy Vệ-đà, ưa thích thiền định, chánh-niệm,
Đã chứng sự giác-ngộ, là chỗ nương-tựa của nhiều người:
Một bà-la-môn cúng thí với ý định được công-đức

Thì nên cúng dường cho bậc ấy lúc thích hợp."[139] (17)

[Môn sinh Māgha nói với đức Thế Tôn:]

504. "Chắc hẳn các câu hỏi của con đã không được hỏi vô ích;
Đức Thế Tôn đã mô tả cho con những vị xứng đáng được cúng dường.
Thế Tôn biết điều này đúng như nó thực là;
Vì Giáo Pháp này đã được Thế Tôn liễu ngộ như vậy. (18)

505. "Khi một gia chủ tận tâm với từ thiện, chính chủ bố thí,
Muốn được công-đức, hiến thí với ý định được công-đức,
Bằng sự bố thí thức ăn thức uống cho tha nhân ở đây:
Thưa đức Thế Tôn, hãy tuyên bố cho con về sự siêu xuất của việc cúng dường." (19)

[Đức Thế Tôn nói:]

506. ("Này Māgha",)
"Đảm nhận việc cúng dường, và trong khi đang hiến thí,
Hãy làm tâm an-tịnh trong mọi cách.
Đối với người đang cúng tế, lấy đồ cúng làm cơ sở:
Được thiết lập trên đó, người đó dẹp bỏ lỗi lầm.[38] (20)

507. "Người hết tham, đã diệt sân,
Đang tu dưỡng một tâm-từ vô lượng,
Chuyên chú miên mật suốt ngày và đêm,
Bao trùm mọi phương một cách vô lượng." (21)

[Môn sinh Māgha hỏi thêm:]

508. "Ai được thanh lọc, được giải thoát, và còn bị trói buộc?
Bằng phương tiện nào một người đi tới cõi trời brahma?[140]

---

[139] [Trong thi kệ này chủ-thể thay đổi từ chữ *ye* số nhiều trong các thi kệ trên [với các thuộc tính cũng ở số nhiều] qua chữ số ít *yo vedagū*, và người nhận cúng dường cũng thay đổi, một cách tương ứng, từ chũ số nhiều *tesu* qua chữ số ít *tamhi*.] (139)

[140] [Câu này: *Ken'attanā gacchati brahmalokaṃ*. Tôi dịch câu này theo sự giải nghĩa của **Pj** II là: *ken'attanā ti kena kāraṇena*. Mời coi thêm chú thích 1423 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (140)

Vì con chưa biết, hãy nói cho con khi con hỏi, hỡi bậc mâu-ni.
Đức Thế Tôn chính là vị trời Brahmā đã được hiện thị, được nhìn thấy bởi con hôm nay,
Vì sự thật là đức Thế Tôn giống như vị trời Brahmā (Phạm thiên) đối với chúng con.
Theo cách nào một người được tái sinh trong cõi trời Brahma (phạm thiên giới), hỡi bậc chiếu quang?" (22)

[Đức Thế Tôn nói:]

509. ("Này Māgha",)
"Người thực hiện sự cúng dường với ba điều xuất sắc,
Người như vậy nên hoàn thành việc đó với những vị đáng được cúng dường;
Sau khi đã cúng thí như vậy, thì người chân chính tận tâm với việc từ thiện,
Sẽ được tái sinh trong cõi trời Brahma, ta nói vậy." (23)

Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Māgha đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-Đàm! … *[xin quy y Tam Bảo, thành đệ tử tại gia, như kinh I,7]* … Xin Thầy Cồ-Đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia từ hôm nay đã quy y đến cuối đời."

6. Kinh Sabhiya (Sabhiya Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang trú ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), gần (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn (Bãi Sóc). Bấy giờ, lúc đó một thiên thần, kiếp trước là một người cùng dòng họ (huyết thống) với du sĩ Sabhiya, đã nói tóm tắt một số câu hỏi cho vị du sĩ đó, rằng:

"Này Sabhiya, anh hãy sống đời sống tâm linh [đi tu] theo sa-môn hay bà-la-môn nào có thể trả lời những câu hỏi này cho anh."

Rồi, sau khi học được những câu hỏi đó từ thiên thần, du sĩ Sabhiya đến gặp các sa-môn và bà-la-môn là những lãnh tụ các

đoàn tăng, lãnh tụ các nhóm đạo, đạo sư các nhóm đạo, nổi danh và nổi tiếng, là những người tạo nên những luận thuyết (giáo chủ), được nhiều người cho là thánh thiêng; chẳng hạn như: Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambali, Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Belaṭṭhiputta, và Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) Nātaputta. Du sĩ đã hỏi họ những câu hỏi đó nhưng họ đều không trả lời. Không chỉ không trả lời, họ còn thể hiện sự bực tức, sân giận và khó chịu, và họ thậm chí hỏi ngược lại du sĩ Sabhiya những câu hỏi đó.

Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với Sabhiya: "Giờ những sa-môn và bà-la-môn này là những lãnh tụ các đoàn tăng, lãnh tụ các nhóm đạo, đạo sư các nhóm đạo, nổi danh và nổi tiếng, là những người tạo nên những luận thuyết, được nhiều người cho là thánh thiêng; chẳng hạn như: Pūraṇa Kassapa … và Ni-kiền-tử Nātaputta. Khi mình hỏi họ những câu hỏi đó họ không trả lời. Không chỉ không trả lời, họ còn thể hiện sự bực tức, sân giận và khó chịu, và họ thậm chí hỏi ngược lại mình những câu hỏi đó. Vậy ta nên hoàn tục và sống thụ hưởng những dục-lạc."

Rồi ý này đã xảy đến với du sĩ Sabhiya: "Giờ sa-môn Cồ-Đàm này cũng là lãnh tụ một đoàn tăng, lãnh tụ một nhóm đạo, đạo sư một nhóm đạo, nổi danh và nổi tiếng, là một người tạo nên những luận thuyết, được nhiều người cho là thánh thiêng. Vậy ta hãy đến gặp sa-môn Cồ-Đàm và hỏi ông những câu hỏi này."

Nhưng rồi ý nghĩ khác lại xảy đến với ông: "Những sa-môn và bà-la-môn xứng đáng là lãnh tụ các đoàn tăng, lãnh tụ các nhóm đạo, đạo sư các nhóm đạo, nổi danh và nổi tiếng, là những người tạo nên những luận thuyết, được nhiều người cho là thánh thiêng, thì đã già, nhiều tuổi, chín chắn, đã tuổi xế chiều, giai đoạn cuối của cuộc đời; họ là các bậc trưởng lão, đã lâu năm, đã xuất gia lâu; chẳng hạn như: Pūraṇa Kassapa … và Ni-kiền-tử Nātaputta. Khi mình hỏi họ những câu hỏi đó họ không trả lời. Không chỉ không trả lời, họ còn thể hiện sự bực tức, sân giận và khó chịu, và họ thậm chí hỏi ngược lại mình những câu hỏi đó. Vậy làm sao một người tuổi còn trẻ và mới xuất gia như sa-môn Cồ-Đàm lại có thể

trả lời cho mình những câu hỏi này?"

Nhưng ý nghĩ này lại xảy đến với anh ta: "Không nên hạ thấp và khinh thường một sa-môn chỉ vì người đó còn trẻ tuổi. Bởi vì ngay cả khi người đó còn trẻ nhưng người đó uy lực và uy dũng. Vậy ta đến gặp sa-môn Cồ-Đàm và hỏi ông ta những câu hỏi này."

Rồi du sĩ Sabhiya đã lên đường theo hướng tới Rājagaha. Sau khi đã đi từng chặng, cuối cùng anh ta đến Rājagaha, chỗ khu Rừng Tre, gần Chỗ Cho Sóc Ăn. Anh ta gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn bằng thi kệ:

510. (Sabhiya nói:)
"Bối rối và đầy nghi ngờ,
Tôi đến muốn hỏi những câu hỏi.
Xin hãy kết thúc (những nghi vấn này) giùm tôi.
Khi được hỏi các câu theo thứ tự,
Xin hãy trả lời cho tôi bằng Giáo Pháp."[141] (1)

511. (Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya",)
"Anh đã từ xa đến đây,
Muốn hỏi những câu hỏi.
Ta sẽ kết thúc (những nghi vấn đó) cho anh.
Khi được hỏi các câu theo thứ tự,
Ta sẽ trả lời cho anh đúng theo Giáo Pháp. (2)

512. "Này Sabhiya, cứ hỏi những câu hỏi đó,
Bất cứ điều gì trong tâm anh muốn (hỏi).
Ta sẽ kết thúc (sự nghi vấn) cho anh
Đối với từng câu hỏi." (3)

---

[141] [**Ee** đã in những câu này [và các câu tương đương trong thi kệ kế tiếp] dưới dạng văn xuôi, nhưng học giả Norman đã đề xuất rằng "chúng có thể được coi là những thi điệu Śloka, với sự phân giải của âm tiết thứ sáu trong câu kệ *d* và của âm tiết thứ nhất trong câu kệ *e*", [**GD** 255–56]. Do vậy nên tôi cũng dịch và ghi ở đây như những câu thi kệ.] (141)

Rồi ý này đã xảy đến với du sĩ Sabhiya: "Thật là kỳ diệu! Thật đáng ngạc nhiên! Các sa-môn và bà-la-môn khác thậm chí không cho phép ta, nhưng ở đây ta được cho phép bởi sa-môn Cồ-Đàm." Rồi hài lòng, vui, phấn chấn, đầy vui mừng và hoan hỷ, anh ta hỏi đức Thế Tôn một câu hỏi:

513. (Sabhiya hỏi:)
"Người được gọi là Tỳ kheo,
Người đó đã chứng được gì?
Theo cách nào một người là hiền-từ,
Và theo cách nào được gọi là đã thuần-phục?
Theo cách nào được nói là đã giác-ngộ?
Khi được hỏi xin hãy trả lời, thưa Thế Tôn." (4)

514. (Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya",)
"Khi bởi nhờ đạo đã được thực hành bởi chính mình,
Người đó đã chứng Niết-bàn, đã vượt qua dòng-lũ,
Đã dẹp bỏ sự không hiện-hữu và sự hiện-hữu,
Đã sống (xong) [đời sống tâm linh (phạm hạnh)],
Đã tuyệt dứt sự tái hiện-hữu: vị đó là một Tỳ kheo. (5)

515. "Buông-xả đối với mọi thứ, có chánh-niệm
Không làm hại bất cứ ai trong tất cả thế gian,
Là một sa-môn đã qua bờ-kia, hết bị ố-nhiễm,
Với người không còn sự sưng-tấy:[39] người đó là hiền-từ. (6)

516. "Người với các căn đã được tu tập,
Ở bên trong, và bên ngoài trong cả thế giới,
Sau khi đã thấu ngộ thế giới này và thế giới sau,
Đã tu xong và chờ đến lúc:[40] vị đó đã được thuần-phục. (7)

517. "Sau khi đã xem xét những tạo-tác của tâm,
[Và] đường luân-hồi, sự qua đời và tái sinh,
Không còn dính bụi, hết tì vết, được thanh lọc,
Đã chứng đắc sự sinh-tận: vị đó được gọi là đã giác-ngộ." (8)

Rồi, sau khi vui và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, hài lòng, vui, phấn chấn, đầy vui mừng và hoan hỷ, du sĩ Sabhiya hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

518. (Sabhiya hỏi:)
"Người được gọi là một bà-la-môn,
Người đó đã chứng được gì?
Theo cách nào một người là sa-môn,
Và theo cách nào một người đã tắm gội?
Theo cách nào một người được gọi là một nāga?
Khi được hỏi xin hãy trả lời, thưa Thế Tôn." (9)

519. (Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya",)
"Sau khi đã dẹp tan mọi loại sự tà ác,
Người đó vô nhiễm, khéo đạt định,[142]
Nội tâm vững chắc;
Sau khi đã thoát khỏi luân-hồi, đã toàn-vẹn,
Người như vậy được gọi là một bà-la-môn.[143] (10)

520. "Người bình an, sau khi đã dẹp bỏ
Cả điều công đức và điều tà ác, hết dính bụi,
Sau khi đã hiểu thế giới này và thế giới sau;
Đã thoát khỏi sinh và tử,
Người như vậy đúng được gọi là một sa-môn. (11)

521. "Sau khi đã gội rửa mọi loại sự tà ác,
Ở bên trong, và bên ngoài trong cả thế giới,
Trong chư thiên và loài người dính đầy những tạo-tác của tâm (tâm hành),
Người đó không dính vào những tạo-tác của tâm:
Người đó được gọi là đã tắm gội đúng nghi thức. (12)

522. "Người không phạm tội gì trong thế gian,
Sau khi đã vứt bỏ mọi gông-ách và sự ràng-buộc,

---

142 [Học giả Norman đề nghị ghi chữ *sādhu* và *samāhito* tách riêng [**GD** 258], như vì **Pj** II đã chú giải chúng dính nhau trong một lời luận giải, tôi thì coi *sādhusamāhito* là một chữ ghép.] (142)

143 [Tôi đọc theo **Be** ghi là: *sa brahmā*. **Ce** bỏ mất chữ *sa* và **Ee** thì ghi nó trong ngoặc, nhưng học giả Norman đã chỉ ra rằng thi vần ở đây đòi hỏi phải có nó. **Pj** II nhận định chữ *brahmā* ở đây là = *brāhmaṇo*, và như vậy tôi đã dùng chữ "*brahmin*" (*bà-la-môn*) để duy trì sự nhất quán giữa câu hỏi và câu trả lời.] (143)

Ở đâu cũng không bị trói-buộc; đã giải-thoát:
Người như vậy đúng được gọi là một nāga." (13)

Rồi … du sĩ Sabhiya hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

523. (Sabhiya hỏi:)
"Ai mà các vị Phật gọi là người biết ruộng đất?
Theo cách nào một người là thiện khéo,
Và theo cách nào một người là có trí?
Theo cách nào một người được gọi là mâu-ni (muni)?
Khi được hỏi xin hãy trả lời, thưa Thế Tôn." (14)

524. (Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya",)
"Sau khi đã xét biết mọi ruộng đất (các căn xứ),[41]
Ruộng đất cõi trời, cõi người, và cõi brahma,
Không còn sự trói-buộc là gốc rễ của mọi ruộng đất,
Người như vậy đúng được gọi là người biết ruộng đất. (15)

525. "Sau khi đã xét biết mọi kho tàng,
Kho tàng cõi trời, cõi người, và cõi brahma,
Không còn sự trói-buộc là gốc rễ của mọi kho tàng,
Người như vậy đúng được gọi là người thiện khéo. (16)

526. "Sau khi đã xét biết cả hai sự trong suốt
Bên trong và bên ngoài; có trí về sự thanh-tịnh,[144]
Người đã vượt khỏi sự tối và sáng,
Người như vậy đúng được gọi là một trí giả. (17)

527. "Sau khi đã-biết bản chất của sự xấu và tốt,
Ở bên trong, và bên ngoài trong cả thế giới,
Sau khi đã thoát khỏi sự trói-buộc và mạng-lưới,
Người đó là bậc mâu-ni đáng được tôn kính
Bởi những thiên thần và loài người." (18)

Rồi … du sĩ Sabhiya hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

---

144 [Cả 03 phiên bản đều ghi chữ *suddhipañño*, trong bổ đề giải nghĩa trong **Pj** II (bản **Be**) cũng ghi vậy. Còn trong bổ đề giải nghĩa trong **Pj** II (bản **Ce** và **Ee**) thì ghi chữ *suddhapañño* (*người có trí-tuệ thanh tịnh*).

528. (Sabhiya hỏi:)
"Người được gọi là một bậc thầy Vệ-đà,
Người đó đã chứng gì?
Theo cách nào một người là có nhận thức (hiểu biết),
Và theo cách nào một người là anh hùng?
Theo cách nào một người là một bậc thuần chủng?
Khi được hỏi xin hãy trả lời, thưa Thế Tôn." (19)

529. (Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya",)
"Sau khi đã xét biết tất cả các kinh Vệ-đà,
Chúng có trong giới những sa-môn và bà-la-môn,
Người hết sạch tham đối với mọi thứ cảm-giác,
Sau khi vượt trên cả Vệ-đà, đó là một bậc thầy Vệ-đà. (20)

530. "Sau khi đã-biết sự phóng-tâm [và] danh-sắc,
Là gốc rễ của căn bệnh (khổ đau),
Không còn sự trói-buộc là gốc rễ của mọi căn bệnh,
Người như vậy đúng được gọi là có nhận thức. (21)

531. "Người đã kiêng cữ mọi điều ác ở đây,
Sau khi đã thoát khỏi sự khổ đau của địa ngục.
Người đó là chỗ cư trú của sự tinh-tấn,[145] anh hùng, nhiệt thành trong tinh-cần,
Người như vậy đúng được gọi là một anh hùng.[146] (22)

532. "Người đã chặt đứt những mối-buộc của mình,
Bên trong và bên ngoài, là gốc rễ của những sự trói-buộc,
Hết bị những mối-buộc, là gốc rễ của những sự trói-buộc,
Người như vậy đúng được gọi là một bậc thuần-chủng." (23)

Rồi … du sĩ Sabhiya hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

533. (Sabhiya hỏi:)

---

[145] [Tôi đọc chỗ này là chữ ghép *viriyavāso* theo sự giải nghĩa của **Pj** II. Học giả Norman và Jayawickrama cũng đều theo cách đọc này.] (145)

[146] [Cả 03 phiên bản của tập kinh và luận giảng **Pj** II đều ghi chữ *dhīro*, nhưng tôi chấp nhận theo đề nghị của học giả Norman [chỗ **GD** 262] là chữ *vīro* (*anh hùng*), vốn cũng tương ứng với chữ trong câu hỏi và chủ đề của thi kệ này.] (146)

"Người được gọi là một học giả,
Người đó đã chứng được gì?". [99]
Theo cách nào một người là thánh nhân,
Và theo cách nào là hành xử hay khéo?
Theo cách nào được gọi là một du sĩ?
Khi được hỏi xin hãy trả lời, thưa Thế Tôn." (24)

534. (Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya",)
"Sau khi đã học và trực-tiếp biết (liễu tri) về
Tất cả những hiện-tượng (mọi pháp) trong thế gian,
Dù đó là gì, đáng khen và đáng chê,
Bậc chiến thắng, loại bỏ sự ngu-mờ, được giải-thoát,
Không còn phiền khổ dù ở bất cứ đâu:
Người đó được gọi là 'một học giả học thức'. (25)

535. "Sau khi đã chặt dứt dòng chảy-vào (lậu hoặc)
Và những sự dính-mắc,
Bậc trí đó không còn quay lại trong bào thai.
Sau khi dẹp tan ba loại sự nhận-thức (tưởng) [và] vũng-lầy,
Không còn dính vào những tạo-tác của tâm:[42]
Người đó được gọi là 'một thánh nhân'. (26)

536. "Người ở đây thành tựu các loại hành-vi thiện,
Luôn thiện khéo, người đã hiểu (ngộ)[147] Giáo Pháp;
Không bị trói-buộc dù ở bất cứ đâu, được giải-thoát,
Người không còn ác cảm, là hành xử hay khéo. (27)

537. "Dù có nghiệp gì chín thành khổ đau,
Trên, dưới, dọc ngang ở giữa,[148]
Sau khi đã tránh nó,[149] một người tu liễu ngộ,

---

[147] [Chỗ này chữ ghi biến tấu khác nhau: trong **Ce** ghi *ājāni* và **Ee** ghi *ajāni* đều là thể quá khứ không xác định, trong khi **Be** ghi *ājānāti* là một chỉ định từ hiện tại. Học giả Norman không chú thích gì về những biến thể này. Tất cả 03 phiên bản của luận giảng **Pj** II đều ghi chữ *ājānāti*, những từ thể quá khứ không xác định như *ajāni* có lẽ tốt nghĩa hơn.] (147)

[148] [Tôi đọc câu này theo **Be** là: *uddhamadho tiriyañvāpi majjhe*. **Ce** và **Ee** ghi *cāpi* thay vì *vāpi*, nhưng cả 03 phiên bản của **Pj** II đều ghi *vāpi* trong bổ đề luận giải.] (148)

Là người chấm dứt sự giả ngụy và ngã mạn,
Và tham và sân, và danh-sắc:
Người thành tựu đó được gọi là một du sĩ." (28)

Rồi, sau khi vui và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, hài lòng, vui, phấn chấn, đầy vui mừng và hoan hỷ, du sĩ Sabhiya đứng đậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y trên một vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, và trực diện tán dương đức Thế Tôn bằng mấy thi kệ thích hợp:

538. "Có 63 sự tiếp cận
Dựa trên những tuyên giáo của các sa-môn,[43]
Hỡi bậc trí rộng,
Dựa trên nhận-thức (tưởng)
Và những nhãn hiệu thuộc nhận-thức (quy ước),
Sau khi đã loại bỏ chúng, ngài đã vượt qua dòng-lũ đen tối.[150]
(29)

539. "Ngài đã đạt đến chỗ kết thúc, đã vượt khỏi sự khổ đau;
Ngài là một A-la-hán, đã giác-ngộ toàn thiện;
Con nghĩ ngài là bậc đã tiêu diệt những lậu-hoặc.
Tỏa sáng, thông thái, đầy trí-tuệ,
Là người làm-nên sự kết-thúc sự khổ,
Xin Ngài dẫn dắt con vượt qua bờ. (30)

540. "Sau khi ngài hiểu sự bối-rối của con,
Mong ngài dẫn dắt con vượt qua nghi-ngờ: Xin kính lễ ngài!
Hỡi bậc mâu-ni, đã thành tựu những đường lối của mâu-ni (đường lối của trí-biết),
Hết cằn-cỗi, là bậc Hậu Duệ của Thái Dương, ngài là hiền trí. (31)

541. "Trong khi trước đây con đầy sự bối-rối,

---

[149] [Chỗ này tôi đọc theo **Ee** là chữ *parivajjayitā*, tương ứng với chữ *parivarjayitvā* được ghi ở **Mvu** III 400,13. Cả **Ce** và **Be** đều ghi *paribbājayitvā* (*sau khi đã trục xuất*), cách ghi này cũng được áp dụng bởi **Pj** II.] (149)

[150] [Nguyên văn chữ này: *oghatam*, như Norman đã chỉ ra [chỗ **GD** 264], là cách viết rút gọn của chữ *oghatamaṃ* (*dòng lũ đen tối, bộc lưu hắc ám*).] (150)

Ngài đã trả lời con, hỡi bậc Kiến Nhãn!
Chắc chắn ngài là một mâu-ni, một vị Phật:
Vì ngài không còn chướng-ngại nào. (32)

542. "Và đối với ngài tất cả mọi trạng thái đau thương
Đều đã được giải tỏa và xóa sạch.
Ngài đã trở nên nguội-mát, ngài đã được thuần-phục,
Vững-vàng, với sự-thật như sự nỗ lực tu của ngài. (33)

543. "Hỡi bậc long tượng (nāga), ngài, là nāga,[151]
Bậc đại anh hùng, đang thuyết giảng,
Tất cả chư thiên đều vui mừng [với giáo pháp của ngài],[152]
Có cả nhóm Nārada và Pabbata. (34)

544. "Xin kính lễ ngài, bậc thuần chủng của loài người!
Xin kính lễ ngài, bậc tối thượng giữa loài người!
Trong thế gian có những thiên thần trong đó
Ngài không có ai đối xứng. (35)

545. "Ngài là vị Phật, ngài là Vị Thầy,
Ngài là bậc mâu-ni, bậc chiến thắng Ma Vương.
Sau khi đã chặt đứt những tùy-miên,[44]
Đã vượt qua bờ-kia, rồi ngài dẫn dắt dân chúng này vượt qua. (36)

546. "Ngài đã vượt khỏi những sự thu-nạp (sanh y tận);[45]
Đã chặt đứt những dòng chảy-vào (lậu diệt).
Ngài là một sư tử, không còn sự chấp-thủ (thủ diệt),
Ngài đã trừ bỏ sự sợ sệt và sợ hãi (hết quái ngại). (37)

547. "Như một hoa sen trắng xinh đẹp

---

151 [Cả **Be** và **Ee** đều in chữ *nāganāgassa*, không cách ra, nhưng tôi đọc theo ghi là *nāga nāgassa*, cách này cũng được ủng hộ bởi luận giảng **Pj** II; mời đọc thêm chú thích 1496 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (151)

152 [Tôi thêm cụm chữ trong ngoặc cho rõ nghĩa, theo cách **Pj** II đã chú giải rằng: *dhamma-desanan ti pāṭhaseso*. - (Nhân tiện, Nārada và Pabbata được nói trong câu dưới là 02 nhóm *chư thiên nhiều trí-tuệ*).] (152)

Không bị dính nhiễm nước (bùn),
Ngài không bị nhiễm bởi điều phước và điều ác.
Hỡi bậc anh hùng, hãy chìa đôi bàn chân:
Sabhiya xin cúi lạy Vị Thầy." (38)

Rồi du sĩ Sabhiya, sau khi đã kính lạy với đầu cúi xuống hai chân của đức Thế Tôn, anh ta thưa với đức Thế Tôn: "Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! … Con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn. Thưa Thế Tôn, con xin thụ giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, con xin thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới, thành Tỳ kheo) dưới đức Thế Tôn."

"Này Sabhiya, người trước giờ thuộc giáo phái khác muốn xuất gia và thụ toàn-bộ giới trong Giáo Pháp và Giới Luật này cần phải sống thời gian tập sự 04 tháng. Sau 04 tháng, nếu các Tỳ kheo hài lòng với người đó thì họ trao truyền giới xuất gia và toàn-bộ giới cho người đó thành một Tỳ kheo. Nhưng các cá nhân khác biệt thì có thể được đặc cách bởi ta."

"Thưa Thế Tôn, người trước giờ thuộc giáo phái khác muốn xuất gia và thụ toàn-bộ giới trong Giáo Pháp và Giới Luật này cần phải sống thời gian tập sự 04 tháng. Sau 04 tháng, nếu các Tỳ kheo hài lòng với người đó thì họ trao giới xuất gia và toàn-bộ giới cho người đó thành một Tỳ kheo: vậy con xin sống thời gian tập sự 04 năm. Sau 04 năm, nếu các Tỳ kheo hài lòng với con, các thầy sẽ trao giới xuất gia và toàn-bộ giới cho con thành một Tỳ kheo."

Rồi du sĩ Sabhiya đã thụ giới xuất gia (thành sa-di) dưới đức Thế Tôn, rồi thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới, thành Tỳ kheo). Và không lâu sau khi thụ toàn-bộ giới … [*như cuối kinh Sn 1.4 ở trên*] … đã trở thành một trong những A-la-hán.

7. Kinh Sela (Sela Sutta) [46]

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang du hành giữa xứ dân Aṅguttarāpa cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, [103] với 1.250 Tỳ kheo, cuối cùng đã đến một thị trấn của

dân Aṅguttarāpa tên là thị trấn Āpaṇa.

Tu sĩ tóc búi tên Keṇiya đã nghe tin: "Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia từ một họ tộc Thích-Ca, đang du hành giữa xứ dân Anguttarāpa cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo, gồm có 1.250 Tỳ kheo, và đã đến thị trấn Āpaṇa. Giờ tin tốt lành về Thầy Cồ-Đàm đã được lan truyền như vầy:

['Đức Thế Tôn đó là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình biết và chứng ngộ về thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā (Phạm thiên), trong thế hệ chúng sinh này có những sa-môn và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, vị ấy công bố lại cho những người khác biết. Vị ấy chỉ dạy một Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, tốt lành ở cuối, bằng ý nghĩa và câu chữ; vị ấy cho thấy (hiển lộ, thể hiện) một đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết.']

Giờ sẽ tốt lành để đi gặp những vị A-la-hán đó."

Rồi tu sĩ tóc búi Keṇiya đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ ông ta bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp. Rồi, sau khi được chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã thưa với đức Thế Tôn: "Kính mong Thầy Cồ-Đàm cùng với Tăng đoàn những Tỳ kheo đồng ý nhận lời mời dùng bữa cơm ngày mai từ tôi."

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã nói với ông ta: "Này Keṇiya, Tăng đoàn những Tỳ kheo này thì lớn, [104] có tới

1.250 Tỳ kheo, còn chú thì đặt toàn niềm-tin vào các bà-la-môn."

Lần thứ hai, tu sĩ tóc búi Keṇiya thưa với đức Thế Tôn: "Thưa thầy Cồ-Đàm, mặc dù Tăng đoàn các Tỳ kheo này thì lớn, có tới 1.250 người, còn tôi thì đặt toàn niềm-tin vào các bà-la-môn, nhưng vẫn mong Thầy Cồ-Đàm cùng với Tăng đoàn các Tỳ kheo đồng ý nhận lời mời từ tôi đến dùng cơm trưa ngày mai." Lần thứ hai đức Thế Tôn vẫn nói với ông: "Này Keṇiya, Tăng đoàn các Tỳ kheo này thì lớn …".

Lần thứ ba, tu sĩ tóc búi Keṇiya thưa với đức Thế Tôn: "Thưa thầy Cồ-Đàm, mặc dù Tăng đoàn các Tỳ kheo này thì lớn … nhưng vẫn mong Thầy Cồ-Đàm cùng với tăng đoàn các Tỳ kheo đồng ý nhận lời mời từ tôi đến dùng cơm trưa ngày mai." Lần thứ ba đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi về tịnh thất của mình, ở đó ông đã nói với những bạn bè và đồng đạo, những người thân và họ hàng như vầy: "Này các vị, những bạn bè và đồng đạo, những người thân và họ hàng của tôi, hãy nghe tôi đây. Sa-môn Cồ-đàm cùng với Tăng đoàn những Tỳ kheo đã được tôi mời đến dùng bữa cơm ngày mai. Giờ quý vị hãy làm những công việc chuẩn bị giùm tôi."

"Được, thưa ngài", các bạn bè và đồng nghiệp, họ hàng và người thân gia đình của ông đáp lại. Rồi họ đào lò, một số chẻ củi, một số lo rửa dĩa, một số đặt lu nước (để rửa chân), một số sửa soạn những chỗ ngồi, trong khi tu sĩ búi tóc Keṇiya thì lo dựng rạp mái che.

Bấy giờ, lúc đó có bà-la-môn tên Sela đang ở Āpaṇa. [105] Ông là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và từ nguyên học của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, ông ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng của các vĩ nhân, và ông ta đang dạy cách đọc tụng các bài chú cho 300 môn sinh bà-la-môn.

Lúc đó tu sĩ tóc búi Keṇiya đã đặt toàn niềm-tin vào bà-la-môn Sela. Rồi bà-la-môn Sela, khi đang đi bách bộ dạo mát, đã đến chỗ tịnh thất của Keṇiya. Ở đó ông nhìn thấy những người tóc búi trong khu tịnh thất của Keṇiya đang đào lổ làm các bếp lò, một số người lo chẻ củ, một số rửa chén dĩa, một số người đặt những lu nước, một số người sửa sọn các chỗ ngồi, trong khi đó tu sĩ tóc búi Keṇiya lo dựng lều che cổng chào.

Khi nhìn thấy vậy, ông hỏi tu sĩ tóc búi Keṇiya: "Thầy Keṇiya sắp tổ chức đám cưới hay gả cưới cho ai phải không? Hay đang chuẩn bị một lễ cúng tế? Hay Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cùng với đoàn của ngài được mời dùng cơm trưa ngày mai?"

"Thưa Thầy Sela, tôi không tổ chức đám cưới hay gả cưới cho ai, cũng không phải Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha cùng với đoàn của ngài được mời dùng cơm trưa ngày mai, nhưng tôi đanh chuẩn bị một buổi cúng thí lớn. Có sa-môn Cồ-Đàm, người con của dân tộc Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, đang du hành giữa xứ Aṅguttarāpa này, cùng với một tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, gồm có 1.250 Tỳ kheo, mới đến thị trấn Āpaṇa. [106] Bây giờ tin đồn tốt về sa-môn Cồ-Đàm đang được lan truyền như vầy: ['Đức Thế Tôn đó là một A-la-hán, bậc Toàn Giác … bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.'] Tôi có mời sa-môn Cồ-Đàm cùng với Tăng đoàn các Tỳ kheo đến dùng cơm trưa ngày mai."

"Này Keṇiya, có phải ông mới nói chữ "Phật"?"

"Đúng tôi mới nói chữ "Phật", thưa thầy Sela.

"Này Keṇiya, có phải ông mới nói chữ "Phật"?"

"Đúng tôi mới nói chữ "Phật", thưa thầy Sela."

Rồi điều này đã xảy đến với bà-la-môn Sela: "Ngay cả cái tiếng 'Phật' cũng hiếm được nghe trong thế gian này (lấy đâu ra có Phật thật để được gặp!). Giờ 32 tướng tốt của một Vĩ Nhân đã được truyền dạy trong những kinh chú của chúng ta, và bậc Vĩ Nhân là người được phú cho những tướng số đó thì chỉ có hai nơi-đến mà

thôi, không có nơi-đến khác. Nếu bậc đó sống đời tại gia, thì bậc ấy trở thành một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chính trị vì bằng Giáo Pháp, là bậc thầy của bốn phương, bậc toàn-thắng, là người đã ổn định đất nước và có được bảy báu. Vị vua đó có bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, phụ nữ báu, quản gia báu, và quân sư báu là thứ bảy. Con cái của bậc đó, vượt quá một ngàn người, đều dũng cảm và anh hùng, và nghiền nát quân đội của nước khác; khắp trái đất này được bao bọc bởi đại dương, vị vua đó trị vì không bằng gậy gộc, không bằng vũ khí, chỉ bằng phương tiện là Giáo Pháp. Nhưng nếu bậc đó từ bỏ đời sống tại gia để sống đời xuất gia tu hành, thì bậc đó trở thành một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là bậc đã lột bỏ những vỏ-bọc trong thế gian."[47]

[Rồi ông ta hỏi:] "Này thiện hữu Keṇiya, giờ Thầy Cồ-Đàm, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đó đang sống ở đâu?"

Sau khi điều này được nói ra, tu sĩ tóc búi Keṇiya đưa tay phải chỉ hướng và nói: [107] "Ở hướng kia, chỗ đường ranh xanh của khu rừng, thưa Thầy Sela."

Rồi, bà-la-môn Sela, cùng với 300 môn sinh bà-la-môn đã đến gặp đức Thế Tôn. Ông dặn các môn sinh như vầy: "Này các vị, hãy đến một cách yên lặng, bước từng bước; vì những vị Thế Tôn này là khó tiếp cận, họ như sư tử đi một mình vậy. Và khi nào ta đang nói với sa-môn Cồ-Đàm thì đừng xen vào và ngắt lời ta nhé, hãy chờ đến khi nói xong rồi hãy nói."

Rồi bà-la-môn Sela đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Rồi ông nhìn tìm ba mươi hai tướng tốt của một Vĩ Nhân trên thân đức Thế Tôn. Ông ta đã nhìn thấy được hầu hết ba mươi hai tướng của Vĩ Nhân trên thân của đức Thế Tôn, ngoại trừ hai tướng; ông ta nghi ngờ và không chắc về hai tướng đó, và ông ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận nam giới được che kín trong bọc bao và độ lớn của lưỡi.

Rồi ý này đã xảy đến với đức Thế Tôn: "Bà-la-môn Sela này

nhìn thấy được hầu hết ba mươi hai tướng của Vĩ Nhân trên thân ta, ngoại trừ hai tướng; ông ta nghi ngờ và không chắc về hai tướng đó, và ông ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận nam giới được che kín trong bọc bao và độ lớn của lưỡi."

Rồi đức Thế Tôn đã làm một màn thần thông để cho bà-la-môn Sela nhìn thấy bộ phận nam của đức Thế Tôn được che kín trong bọc bao. [108] Kế tiếp đức Thế Tôn đã thè lưỡi ra và liên tục dùng lưỡi chạm tới các lỗ tai và lỗ mũi, và dùng lưỡi che hết phần trán của mình.

Rồi bà-la-môn Sela nghĩ rằng: "Sa-môn Cồ-đàm này được phú cho ba mươi hai tướng tốt của một Vĩ Nhân; chúng là đầy đủ, không phải không đầy đủ. Nhưng ta không biết ông ta có đúng là vị Phật hay không. Tuy nhiên, ta đã từng nghe những bà-la-môn lão thành nói rằng theo dòng dõi truyền dạy các vị thầy, những ai là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, sẽ bộc lộ bản thân khi người ta nói lời khen ngợi những bậc ấy. Phải chăng ta thử trực diện khen ngợi sa-môn Cồ-đàm bằng những thi kệ thích hợp."

Rồi bà-la-môn Sela đã trực diện tán dương đức Thế Tôn bằng những thi kệ thích hợp như vầy:

548. "Thân ngài hoàn hảo, đáng thích,
Được khéo sanh và đẹp đẽ để đáng ngắm nhìn.
Hỡi Thế Tôn, da ngài vàng kim,
Răng ngài trắng muốt, đầy sức sống. (1)

549. "Tướng nét có được
Bởi một người được thiện sanh
Đều thấy có trên thân ngài,
Đây là những tướng tốt cả một vĩ nhân. (2)

550. "Có mắt tỏ, diện mạo tươi sáng,
Oai vệ, thẳng thóm như ngọn lửa,
Giữa đoàn sa-môn
Ngài tỏa sáng như mặt trời. (3)

551. "Là một Tỳ kheo đẹp đẽ đáng ngắm nhìn
Với làn da óng ánh vàng kim—
Với sắc đẹp tối thượng như vậy,
Sao ngài lại vui lòng với đời sống một sa-môn? (4)

552. "Ngài thích hợp để làm một vị vua,
Một vị chuyển luân vương,
Vua của những người điều xe ngựa,
Người chiến thắng khắp bốn phương,
Và chúa tể của Lục Địa Diêm-phù-đề (Jambu). [109] (5)

553. "Với những sát-đế-lợi và các đại hoàng tử
Đều hết lòng phục vụ ngài,
Như hoàng đế của các vua,
Như vị vua của thiên hạ,
Hỡi Cồ-đàm, ngài hãy thực hiện quyền thống trị." (6)

554. (Đức Thế Tôn nói: "Này Sela",)
"Ta đã là một vị vua,
Ta là vị vua vô thượng của Giáo Pháp,
Ta quay chuyển bánh xe bằng phương tiện Giáo Pháp,
Bánh xe không thể bị quay ngược (bởi bất cứ ai)." (7)

555. (Bà-la-môn Sela nói:)
"Ngài tuyên bố mình là một vị Phật [bậc giác-ngộ],
Hỡi Cồ-đàm, ngài nói rằng:
'Ta là vị vua vô thượng của Giáo Pháp,
Ta quay chuyển bánh xe bằng phương tiện Giáo Pháp.' (8)

556. "Ai là tướng quân của ngài,
Ai là vị đệ tử làm theo Vị Thầy?
Tức ai là người giúp ngài quay chuyển bánh xe này
Sau khi đã được ngài thiết lập sự chuyển động của nó?" (9)

557. (Đức Thế Tôn nói: "Này Sela",)
"Sau khi đã được ta thiết lập sự chuyển động,
Bánh xe vô thượng này của Giáo Pháp,
Chính Xá-lợi-phất, hậu duệ của Như Lai,
Giúp quay chuyển nó. (10)

558. "Những gì nên được biết đã được trực-tiếp biết (liễu tri),
Những gì nên được tu đã được tu,
Những gì nên được trừ bỏ đã được trừ bỏ:
Bởi vậy, này bà-la-môn, ta là một vị Phật. (11)

559. "Vậy hãy loại bỏ sự nghi-ngờ về ta
Và hãy nên tín phục, này bà-la-môn!
Bởi vì hiếm thay lắm mới gặp được
Những vị Phật. (12) [110]

560. "Ta là bậc mà sự có mặt trong thế gian này
Là hy hữu hiếm thay.
Ta là một vị Phật, này bà-la-môn,
Là bậc lương y vô thượng. (13)

561. "Ta đã trở thành trời Brahmā (Phạm thiên), vô song
Là bậc đã nghiền nát đạo quân của Ma Vương.
Sau khi đã chế ngự mọi kẻ thù,
Ta hoan hỷ, không còn sợ-hãi bất cứ đâu." (14)

562. (Sela nói:)
"Hỡi quý vị, hãy nghe điều này
Như bậc Kiến Nhãn vừa mới nói,
Bậc lương y, bậc anh hùng đại dũng,
Mới cất tiếng gầm như sư tử trong rừng. (15)

563. "Ai nhìn thấy ngài, ngay cả người đó là hàng hạ tiện,
Mà không đặt niềm-tin vào ngài:
Bậc đã trở thành vị trời Brahmā, không ai sánh được,
Bậc đã nghiền nát đạo quân của Ma Vương? (16)

564. "Những ai ở đây muốn đi theo ta thì theo;
Ai không muốn đi theo thì có thể rời đi.
Ở đây ta sẽ xuất gia dưới/theo bậc ấy (Phật),
Là bậc với trí-tuệ siêu xuất này." (17)

565. (Nhóm môn sinh bà-la-môn nói:)
"Thưa thầy, nếu giờ thầy chấp thuận
Giáo lý của bậc Toàn Giác,

Thì chúng con cũng sẽ xuất gia theo bậc ấy (Phật),
Là bậc với trí-tuệ siêu xuất này." (18)

566. (Bà-la-môn Sela nói:)
"Ở đây có 300 bà-la-môn khẩn cầu ngài,
Đang chấp tay đảnh lễ ngài.
Hãy cho chúng con sống đời sống tâm linh theo ngài,
Hỡi đức Thế Tôn." (19)

567. (Đức Thế Tôn nói: "Này Sela",)
Đời sống tâm linh đã được tuyên thuyết một cách hay khéo,
Có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì,
Ở đó sự (đời sống) xuất gia sẽ không bị cằn-cỗi
Đối với người chuyên-chú tu học." (20)

Rồi bà-la-môn Sela và đoàn của ông (nhóm môn sinh bà-la-môn) đã thụ giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, và họ cũng thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới, thành Tỳ kheo).

Rồi, khi đêm đã qua, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã cho chuẩn bị nhiều món ăn ngon khác nhau trong khu tịnh thất của ông, [111] và đến lúc đến báo cho đức Thế Tôn: "Thưa Thầy Cồ-Đàm, giờ là lúc, bữa cơm đã sẵn sàng." Rồi, trong buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, cùng Tăng Đoàn những Tỳ kheo đi đến khu tịnh thất của tu sĩ tóc búi Keṇiya, và đến đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng Tăng đoàn những Tỳ kheo bằng những món ăn ngon khác nhau. Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và đã dẹp bình bát qua một bên, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên. Ngay đó đức Thế Tôn đã diễn đạt lời khen ngợi (chúc phúc) bằng thi kệ:

568. "Cúng dường lửa là tốt nhất trong các sự cúng
Sāvittī là nhất trong các bài chú tụng Vệ-đà.
Vua là nhất trong dân chúng,
Biển cả là nhất đối với những dòng sông. (21)

569. "Mặt trăng là nhất trong những tinh tú trời (đêm),
Mặt trời là nhất trong những thứ chiếu sáng.

Với những ai muốn được công-đức,
Tăng Đoàn là chỗ tốt nhất cho họ cúng dường." (22)

Sau khi đức Thế Tôn diễn đạt lời khen ngợi của mình bằng mấy thi kệ đó, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi, sau khi thụ toàn-bộ giới, sống tu một mình, thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định: với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), Thầy Sela và hội chúng của thầy ấy (tức nhóm những môn sinh), không lâu sau đó [112], ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp đã tự mình chứng ngộ chung-cuộc vô thượng của đời sống tâm linh mà (vì mục tiêu) đó những người họ tộc đã chân chính từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, họ an trú trong đó. Họ đã trực-tiếp biết: "Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa." Và Thầy Sela cùng với đoàn của thầy đã trở thành những vị A-la-hán.

Sau đó thầy Sela cùng với hội chúng của thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi xếp lại phần y áo trên một vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy đã nói với đức Thế Tôn bằng mấy thi kệ:

570. "Hỡi bậc Kiến Nhãn, đây là ngày thứ tám,
Kể từ khi chúng con quy y đức Thế Tôn.
Trong bảy đêm qua, thưa đức Thế Tôn,
Chúng con đã được thuần phục trong Giáo Pháp ngài. (23)

571. "Ngài là vị Phật, ngài là Vị Thầy,
Ngài là bậc mâu-ni, bậc chiến thắng Ma Vương.
Sau khi đã cắt đứt những tùy-miên, đã vượt qua bờ,
Rồi ngài dẫn dắt dân chúng này vượt qua.[153] (24)

572. "Ngài đã vượt khỏi mọi sự thu-nạp (sanh-y diệt);
Đã cắt đứt những dòng chảy-vào (lậu tận).
Ngài là một sư tử, không còn sự chấp-thủ (thủ diệt),

[153] [Thi kệ này giống thi kệ **545** ở kinh Sn 3.6 kế trên.] (153)

Ngài đã trừ bỏ sự sợ-sệt và sợ-hãi (hết quái ngại).[154] (25)

573. "Ở đây 300 vị Tỳ kheo đứng chấp tay
Kính lễ đức Thế Tôn với sự tôn kính.
Hỡi bậc anh hùng, hãy chìa đôi bàn chân:
Để cho những nāga này cúi lạy Vị Thầy." (26)

8. Kinh Mũi Tên (Salla Sutta)

574. Cuộc sống của người phàm hữu tử
Là không dấu hiệu gì, không biết được—
Nó khó khăn và ngắn ngủi,
Và đi liền với khổ đau.[48] (1)

575. Bởi đâu có cách nào
Người được sinh ra mà sẽ không bị chết.
Cái chết rồi sẽ đến khi người đã già:
Bởi đó là bản chất tự nhiên của chúng sinh. (2)

576. Giống như khi trái quả đã chín
Ai cũng luôn sợ nó rụng khỏi cây;[155]
Người phàm sau khi được sinh ra cũng vậy,
Luôn luôn sợ cái chết. (3)

577. Giống như những bình gốm
Được thợ gốm làm ra (từ đất sét)
Trước sau gì rồi cũng bể,
Cuộc sống của người phàm cũng giống vậy. (4)

578. Cả người trẻ và người già,
Người ngu và người khôn,
Đều sống dưới sự điều khiển của cái chết;
Tất cả đều có đích đến là cái chết. (5)

---

[154] [Thi kệ này giống thi kệ **546** ở kinh Sn 3.6 kế trên.] (153)

[155] [Tôi chấp nhận lời gợi ý của học giả Norman rằng chúng ta nên đọc chỗ này là chữ *niccaṃ* thay cho *pāto*. Mời đọc thêm chú thích 1564 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (155)

579. Khi những ai bị khống chế bởi cái chết
Từ bỏ (cõi) này đi sang cõi kế tiếp,[156]
Cha (mẹ) họ cũng đâu bảo vệ được con mình,
Cũng không ai bảo vệ được những người thân thuộc. (6)

580. Cho dù những người thân có nhìn theo
Và khóc than thảm thiết,
Hãy coi cách mỗi người phàm lần lượt bị dắt đi
Như con bò bị đưa đi giết thịt. (7)

581. Như vậy thế gian bị thống trị
Bởi sự già và sự chết;
Bởi vậy người có trí thì không ưu-sầu,
Sau khi đã hiểu được đường-lối của thế gian là vậy. (8)

582. Các người không biết đường nào
Mà người đó đã đến và đi,
Không nhận biết được đầu mối nào,
Mà cứ khóc than vô mục đích (vô ích, vô vọng).[49] (9)

583. Nếu mà ai khóc than
Đến mức thành điên dại, sau khi làm tổn hại mình,
Mà có được ích-lợi,
Thì một người có trí cũng sẽ làm như vậy. (10)

584. Không phải nhờ khóc than hay ưu sầu
Mà một người đạt được sự bình-an của tâm.
Làm vậy chỉ càng tăng thêm sự khổ,
Và thân càng tổn hại. (11)

585. Chỉ làm mình ốm yếu và xanh xao
Và chỉ làm bản thân mình tổn hại.
Người đã chết rồi đâu có nhờ vậy mà sống lại;
Do vậy sự khóc than ai oán chỉ là vô dụng. (12)

586. Nếu không gạt bỏ sầu đau,

---

[156] [Chỗ này tôi chọn dịch chữ biến thể là *paralokito*, được phân thành *paralok'ito*, theo sự giải thích của Norman [ở **GD** 73].] (156

Càng gây thêm khổ sở cho mình.
Càng khóc than cho người đã chết,
Thì mình càng bị hành hạ bởi sầu não mà thôi. (13)

587. Hãy nhìn bao người khác cũng sắp ra đi,
Họ cũng trả giá tùy theo nghiệp của họ:
Chúng sinh ở đời này [ở đây] đều run sợ,
Sau khi đã nằm trong tay của thần chết. (14)

588. Dù cho họ có nhìn nhận (cuộc sống) theo cách nào
Thì nó vẫn xảy ra khác đi.
Đó là sự ly-biệt (ắt phải xảy ra):
Hãy nhìn đường-lối của thế giới! (15)

589. Dù một người có sống trăm năm
Hay thọ hơn ít nhiều,
Thì vẫn đến lúc ly-biệt khỏi người thân họ hàng
Sau khi người đó từ bỏ mạng sống ở (đời) này. (16)

590. Vì vậy, sau khi nghe điều này từ bậc A-la-hán,
Hãy ngừng khóc than ai oán.
Sau khi đã nhìn thấy người thân đã ra đi và chết,
Hãy nhận ra: "Ta đâu thể [mang người chết sống lại]."[157] (17)

591. Ví dụ nếu nơi ở của mình bị bốc cháy,
Thì mình nên lo dập tắt lửa ngay;
Tương tự một người khôn ngoan và thực tế—
Có trí, có học hiểu, thiện khéo—
Sẽ nhanh chóng thổi bay sự sầu-não,
Như cơn gió thổi vụt bay một bông cây gòn. (18)

592. [Hãy thổi bay] sự khóc than và sự than van,
Và sự ưu-phiền của chính mình:
Khi đi tìm sự an-lạc cho mình,
Thì phải nhổ bỏ mũi tên khỏi mình. (19)

---

[157] [Nguyên chữ câu này: "Điều đó là bất khả đối với ta". Tôi thêm mấy chữ trong ngoặc […] để bổ sung nghĩa dựa theo **Pj** II, chú giải 590 của nó.] (157) (590)

593. Khi mũi tên được nhổ bỏ, không còn dính mắc,
Sau khi đã đạt tới sự bình-an của tâm,
Sau khi đã vượt khỏi tất cả ưu-sầu,
Hết ưu-sầu, người đó tịch tịnh.[50] (20)

9. Kinh Vāseṭṭha (Vāseṭṭha Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Icchānangala, trong khu rừng gần Icchānangala. Bấy giờ, lúc đó có một số bà-la-môn nổi tiếng và giàu có đang ở Icchānangala, đó là, bà-la-môn Cankī, bà-la-môn Tārukkha, bà-la-môn Pokkharasāti, bà-la-môn Jāṇussoṇi, bà-la-môn Todeyya, và những bà-la-môn nổi tiếng và giàu có khác.

Lúc đó, trong lúc các môn sinh bà-la-môn là Vāseṭṭha Bhāradvāja đang đi dạo mát, sự thảo luận này đã khởi sinh giữa họ: "Theo cách nào một người là một bà-la-môn?". Môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja nói: "Khi một người được thiện sinh về cả hai phía, phía mẫu hệ trong sạch và phía phụ hệ dòng dõi suốt bảy đời, không thể chê (không thể chối cãi) và hoàn hảo (không tỳ vết) về vấn đề sinh cảnh (gia thế, giai cấp), thì người đó là một bà-la-môn." Còn môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha nói: "Khi một người có giới-hạnh và thông thạo những giới-cấm, thì người đó là một bà-la-môn." Nhưng bà-la-môn Bhāradvāja không thể [116] thuyết phục môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha, và môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha cũng không thể thuyết phục môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja.

Rồi môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha đã nói với môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja: "Này thiện hữu[158] Bhāradvāja, có sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca, là người đã xuất gia từ một họ tộc Thích-Ca, hiện đang sống ở Icchānangala, trong khu rừng gần Icchānangala. Giờ tin tốt lành về sa-môn Cồ-đàm đã được lan

[158] [Chỗ này tôi đọc chữ *bho* thay vì chữ *kho* trong **Ee.** (*Thiện hữu* là tạm dịch Việt tính từ "*tốt, thiện*" đặt trước tên *Bhāradvāja*).] (158)

truyền như vầy: ['Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.']. Vậy thì, này thiện hữu Bhāradvāja, chúng ta hãy đến gặp sa-môn Cồ-đàm để hỏi thầy đó về vấn đề này. Khi thầy đó trả lời, chúng ta sẽ ghi nhớ nó."—"Được, thưa ngài", môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja đáp lại.

Rồi hai môn sinh bà-la-môn, Vāseṭṭha và Bhāradvāja, đã đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha đã nói với đức Thế Tôn bằng thi kệ:

[Lời mở đầu:][159]

594. "Người ta biết cả hai chúng tôi đều có được
Sự-biết mà chúng tôi tuyên bố về Ba Vệ-đà,
Vì tôi là học trò của Pokkharasāti,
Và anh ta là học trò của Tārukkha. (1)

595. "Chúng tôi đều thông thạo những điều
Được chỉ dạy bởi các chuyên sư về Ba Vệ-đà,
Chúng tôi thiện thệ về triết học và văn phạm,
Về chú tụng chúng tôi cũng giống các thầy của mình. (2)
[117]

596. "Có sự tranh chấp đã xảy ra giữa chúng tôi,
Thưa Thầy Cồ-Đàm, về học thuyết sinh cảnh gia thế:
Bhāradvāja nói: 'Một người là bà-la-môn là do sinh cảnh',
Nhưng tôi nói rằng một người là bà-la-môn là do hành-động.
Này bậc Kiến Nhãn, hãy biết (vấn đề tranh chấp) là vậy. (3)

597. "Vì không ai trong chúng tôi có thể

[159] [Tôi [TKBĐ] đã thêm các tiêu đề trong ngoặc […] ở đây và bên dưới.] (158)

Thuyết phục người kia [về quan điểm của mình],
Cho nên, thưa thầy, chúng tôi đã đến đây để hỏi thầy,
Bởi vì thầy nổi tiếng khắp nơi là bậc đã giác-ngộ. (4)

598. "Như khi trăng trở nên tròn đầy
Dân chúng nhìn chào nó với sự kính mộ,
Cũng vậy trong thế gian, khi tôn kính thầy Cồ-Đàm,
Họ kính lễ thầy. (5)

599. "Giờ chúng tôi xin hỏi Thầy Cồ-Đàm,
Là con mắt (kiến nhãn) đã khởi sinh trong thế gian:
Một người là bà-la-môn là do sinh cảnh?
Hay một người là bà-la-môn là do hành-động?
Xin hãy giải thích cho chúng tôi, những người không biết,
Chúng tôi nên hiểu một bà-la-môn theo cách nào." (6)

[Đức Phật trả lời:]

[*Những khác biệt vốn dĩ của những loài chúng sinh khác:*]

600. (Đức Thế Tôn nói: "Này Vāseṭṭha",)
"Ta sẽ giải thích cho cả hai anh,
Theo thứ tự thích hợp, đúng như chúng là,
Về sự phân chia chủng loài của chúng sinh;
Bởi vì các loại sinh cảnh của chúng khác nhau.[160] (7)

601. "Nên biết luôn cả những loài cây cỏ,
Cho dù chúng không nói ra được rằng:
Đặc điểm khác biệt của chúng là do sự sinh;
Bởi vì các loại sinh cảnh của chúng khác nhau. (8) [118]

602. "Tiếp theo là loài bướm đêm và bướm ngày,
Ngay cả những loài kiến khác nhau:
Đặc điểm khác biệt của chúng là do sự sinh;
Bởi vì các loại sinh cảnh của chúng khác nhau. (9)

---

[160] [Tôi [TKBĐ] dịch chữ *jāti* (sự sinh ra) một cách khác nhau, theo ngữ cảnh này (người dịch Việt dịch) là 'sự sinh', 'sinh cảnh', 'giai cấp', và 'loại, loài, chủng loài' tùy theo ngữ cảnh.] (160)

603. "Rồi biết: những loài bốn chân,
Loại to và loại nhỏ:
Đặc điểm khác biệt của chúng là do sự sinh;
Bởi vì các loại sinh cảnh của chúng khác nhau. (10)

604. "Rồi biết: những loài có bụng là chân đi,
Đó là những loài bò sát, những sinh vật lưng dài thòn:
Đặc điểm khác biệt của chúng là do sự sinh;
Bởi vì các loại sinh cảnh của chúng khác nhau. (11)

605. "Rồi biết: những loài cá sống dưới nước,
Chúng sống tùy nước cạn nước sâu:
Đặc điểm khác biệt của chúng là do sự sinh;
Bởi vì các loại sinh cảnh của chúng khác nhau. (12)

606. "Kế tiếp biết: những loài chim,
Chúng bay bằng cánh trên trời không:
Đặc điểm khác biệt của chúng là do sự sinh;
Bởi vì các loại sinh cảnh của chúng khác nhau. (13)

[*Loài người thì có những đặc điểm chung không khác nhau:*]

607. "Trong khi giữa nhiều loài chúng sinh
Những đặc điểm khác biệt của chúng là do sự sinh,
Nhưng giữa loài người thì không có sự khác biệt do sự sinh
Vì đều có những đặc điểm chung như nhau. (14)

608. "(Đặc điểm chung là họ đều có:)
Đầu và tóc,
Tai và mắt;
Miệng và mũi,
Môi và chân mày; (15)

609. "Cổ và vai,
Bụng và lưng;
Mông và ngực,
Hậu môn và bộ phận giới tính; (16)

610. "Tay và chân,
Ngón tay và móng tay;

Đầu gối và bắp đùi,
Màu da và nói được tiếng:
Sự sinh ra không tạo ra đặc điểm nào khác biệt với nhau
Như sự khác biệt trong những loài sinh vật khác. (17) [119]

611. "Chỉ riêng trong loài người
Không thấy đặc điểm khác biệt nào trên thân họ.[161]
Sự phân loại giữa những con người
Chỉ là do họ nói (phân biệt) theo quy ước mà thôi. (18)

[*Cách mà sự khác nhau giữa những con người chỉ là do họ phân biệt theo quy ước như vầy:*]

612. "Ai trong số loài người
Kiếm sống bằng nghề nông,
Thì anh nên biết, này Vāseṭṭha:
Người đó là nông dân, không phải bà-la-môn. (19)

613. "Ai trong số loài người
Kiếm sống bằng các nghề thủ công,
Anh nên biết, này Vāseṭṭha:
Người đó là thợ nghề, không phải bà-la-môn. (20)

614. "Ai trong số loài người
Kiếm sống bằng nghề buôn bán,
Anh nên biết, này Vāseṭṭha:
Người đó là thương buôn, không phải bà-la-môn. (21)

615. "Ai trong số loài người
Kiếm sống bằng nghề phục vụ người khác,
Anh nên biết, này Vāseṭṭha:
Người đó là người phục vụ, không phải bà-la-môn. (22)

616. "Ai trong số loài người
Kiếm sống bằng nghề trộm cắp,

---

161 [Tôi đọc theo **Be** ghi là: *paccattañca sarīresu*; khác với **Ce** và **Ee** ghi là: *paccattaṃ sasarīresu*. Kinh song hành **MN 92** [bản **Ce**] thì ghi câu này là: *paccattaṃ ca sarīresu*.] (161)

Anh nên biết, này Vāseṭṭha:
Người đó là ăn trộm, không phải bà-la-môn. (23)

617. "Ai trong số loài người
Kiếm sống bằng cung kiếm,
Anh nên biết, này Vāseṭṭha:
Đó là một chiến binh, không phải bà-la-môn. (24)

618. "Ai trong số loài người
Kiếm sống bằng nghề cúng tế,
Anh nên biết, này Vāseṭṭha:
Đó là thầy cúng,[162] không phải bà-la-môn. (25)

619. "Ai trong số loài người
Cai trị làng mạc và lãnh thổ,
Anh nên biết, này Vāseṭṭha:
Đó là vua, không phải bà-la-môn. (26)

[*Những đặc điểm của một bà-la-môn đích thực* (*hàm chỉ những A-la-hán*):]

620. "Ta không gọi ai là một bà-la-môn
Dựa trên gia phả và nguồn gốc mẹ đẻ.
Đó chỉ là một kẻ nói lời tự tôn nếu[163]
Người đó còn bị chướng-ngại bởi nhiều thứ.
Người không sở hữu gì, không giữ lấy thứ gì:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (27)

621. "Ai đã chặt đứt mọi gông-cùm (kiết sử),
Không còn bị lo sợ,
Đã thoát mọi trói-buộc, không còn dính-mắc:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (28) [120]

622. "Ai đã cắt bỏ dây buộc và đai ách,

---

[162] [Nguyên văn chữ này là *yājako*. Đúng nghĩa chữ, là một người thực hiện việc cúng tế, thầy cúng, thầy tế, thầy chẩn tế.] (162)

[163] [Chỗ này tôi đọc chữ *sace* theo **Be** và **Ce** và tất cả 03 phiên bản của luận giảng **Pj** II, khác với **Ee** thì ghi *sa ve*. Kinh **MN 92** [bản **Ce**] cũng ghi chữ *sace*.] (163)

Dây cương và dây thắng,
Đã tháo bỏ thanh rào-cản (vô minh), đã giác-ngộ:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (29)

623. "Ai không còn tức giận,
Nhẫn nhịn lời mắng chửi, sự tấn công, và sự giam cầm;
Sức mạnh là hạnh nhẫn-nhịn, như đạo quân hùng mạnh:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (30)

624. "Ai không còn bực tức,
Giữ giới hạnh và bổn phận, không còn những sự sưng-tấy,
Đã thuần phục (các căn), mang thân này cuối cùng:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (31)

625. "Như nước trên lá sen,
Như hạt cải trên đầu mũi dùi,
Không còn dính chút gì dục-lạc nào:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (32)

626. "Ai hiểu (ngộ) được ngay tại đây (trong kiếp này)
Sự diệt-khổ cho chính mình,
Đã đặt xuống gánh nặng, đã thoát-ly:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (33)

627. "Người có trí-tuệ thâm sâu, thông minh,
Thiện thạo về (chánh) đạo và phi (chánh) đạo,
Đã đạt tới mục-tiêu tối thượng:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (34)

628. "Ai không còn tạo sự ràng-buộc thân luyến
Với những người tại gia hay người xuất gia,
Là người du hành không nhà-cửa, thiểu dục:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (35)

629. "Ai đã từ bỏ gậy gộc (hành động, lời nói bất thiện)
Đối với tất cả chúng sinh dù mạnh hay yếu,
Là người không sát sinh hay xúi giục giết hại:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (36)

630. "Ai không hung bạo giữa những người hung bạo,

Nguội-tắt (tịch tịnh) giữa những người còn cầm gậy gộc,
Không nắm chấp gì giữa những người nắm-chấp (năm uẩn):
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (37)

631. "Ai đã phủi sạch tham và sân,
Sự tự-ta (ngã mạn) và sự kiêu-mạn,
Như hạt cải trên đầu mũi dùi:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (38) [121]

632. "Ai không nói lời thô lỗ,
Lời nói của mình luôn rõ nghĩa và chân thật,
Lời nói không làm tổn thương ai:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (39)

633. "Ai ở đây[164] trong đời này
Không lấy cắp thứ gì, dù dài hay ngắn,
Tinh nhỏ hay thô lớn, đẹp quý hay tầm thường:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (40)

634. "Ai bên trong (tâm) không còn tha thiết muốn
Cõi kiếp này hay cõi kiếp sau,
Đã hết-dục,[165] đã thoát-ly:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (41)

635. "Ai bên trong (tâm) không còn sự dính-mắc,
Thông qua trí-biết, đã loại bỏ sự nghi-ngờ,
Chứng nhập thâm sâu trong trạng thái bất-tử:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (42)

636. "Ai bên trong không còn dính gì
Với cả điều phước và điều ác,
Vô ưu, không còn bụi bẩn, và đã thanh tịnh:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (43)

---

164 [Chỗ này tôi làm theo Norman, đọc theo **Be** và **Ce** ghi chữ *yo' dha*; khác với **Ee** ghi là *yo ca*.] (164)

165 [Tôi đọc chữ này theo **Ce** là *nirāsasaṃ* [**Be** ghi *nirāsāsaṃ*], khác với **Ee** ghi *nirāsayaṃ*.] (165)

637. "Ai như mặt trăng không dấu mờ
Tinh khiết, sáng trong, không vẫn đục;
Đã tiêu diệt sự thích-thú hiện-hữu (hữu ái):[51]
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (44)

638. "Ai vượt qua đầm lầy này, vốn rất khó vượt,
Tức luân-hồi (saṃsāra), si-mê;
Là thiền giả đã vượt qua, đã qua bờ-kia,
Không còn những xung-động, và đã hết nghi-ngờ;
Đã chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự không còn chấp-thủ:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (45)

639. "Ai đã dẹp bỏ những dục-lạc,
Bỏ nhà, sống xuất gia
Đã chấm dứt sinh hữu trong cõi dục-giới:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (46)

640. "Ai đã trừ bỏ dục-vọng (ái),
Du hành không nhà,
Đã tiêu diệt dục-vọng và sự (tái) hiện-hữu:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (47)

641. "Ai đã bỏ trói-buộc với cõi người,
Và vượt khỏi trói-buộc với cõi trời,
Thoát ly khỏi tất cả những ràng-buộc:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (48)

642. "Ai đã bỏ hết sự thích-thú (tham) và bất-mãn (ưu),
Trở thành nguội-mát, không còn sự thu-nạp (sanh y diệt),
Là anh hùng đã vượt qua toàn thế giới (của năm uẩn):
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (49) [122]

643. "Ai đã biết hoàn toàn
Sự chết đi và tái sinh của tất cả chúng sinh (thiên nhãn minh),
Bậc đó thong dong, phúc lành (thiện thệ), đã giác-ngộ:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (50)

644. "Ai mà nơi-đến của họ chúng sinh không thể biết được—
Dù đó là cõi chư thiên, càn-thát-bà, hay cõi người—[52]

Đã diệt những dòng chảy-vào (lậu tận), là bậc A-la-hán:
Thì người đó ta gọi là một bà-la-môn. (51)

645. "Ai mà tất thảy trước, sau và ở giữa—
Không còn bất cứ gì (trở ngại) gì,[53]
Không sở hữu gì, không nắm giữ gì:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (52)

646. "Bậc dẫn đàn, bậc anh hùng siêu xuất,
Bậc đại kiến-giả (rishi), đã dành được chiến thắng,
Không còn xung-động, đã thanh-tẩy, đã giác-ngộ:
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (53)

647. "Ai biết những cõi kiếp trước của mình (túc mạng minh),
Nhìn thấy những cõi trời và những cõi [cảnh giới] đọa đày,
Đã chứng sự tiêu-diệt sự-sinh (sinh đã tận)
Hoàn thiện các siêu trí; tất cả đều viên mãn.[166]
Người đó ta gọi là một bà-la-môn. (54)

[*Sự khác biệt dựa trên hành-động:*]

648. "Vì tên và họ tộc được gán cho ai
Chỉ là những sự chỉ danh trong thế gian.
Phát sinh từ những quy ước truyền thống,
Chúng được gán cho (người) này (người) kia. (55)

649. "Vì họ không biết điều này,
Quan-điểm sai trái (tà kiến) đã từ lâu là khuynh-hướng của

---

[166] [Các *siêu trí* hay *siêu năng lực* (*abhiññā*) là gồm *03 loại siêu trí* và *03 loại siêu năng* (tam minh và tam thông). 03 minh là: *trí-biết nhìn thấy những cõi kiếp quá khứ của mình* (túc mạng minh, *pubbenivāsānussatiñāṇa*), *trí-biết có thể nhìn-thấy sự chết đi và tái sinh của chúng sinh* (thiên nhãn minh, *dibbacakkhu*), và *trí-biết về sự đã tiêu-diệt mọi ô-nhiễm* (lậu tận minh, *āsavakkhayañāṇa*). Và 03 thông là: *siêu năng biến hóa* (thần thông biến hóa, biến hóa thông, *iddhividha*), *siêu năng nghe được âm thanh cõi người và cõi trời* (thiên nhĩ thông, *dibbasota*), và *siêu năng hiểu được tâm của người khác và chúng sinh* (tha thông tâm, *cetopariyañāṇa*).

- *Tất cả đều viên mãn* là tạm dịch cụm chữ *sabbavositavosānaṁ*. *Sabba*: tất cả, toàn bộ; *vosita* (từ *voseti*): đã hoàn thành, đã hoàn thiện; *vosāna* (cùng gốc từ trước): sự hoàn tất, sự kết thúc cuối cùng, chung cuộc viên mãn.] (166)

họ.
Do không biết như vậy nên họ cứ nói:
'Một người là bà-la-môn do sinh cảnh gia thế.' (56)

650. "Không phải do nơi sinh một người là bà-la-môn,
Cũng không phải do nơi sinh một người không trở thành bà-la-môn.
Mà do hành-động một người là một bà-la-môn,
Do hành-động một người không trở thành bà-la-môn.[167] (57)

651. "Do hành-động (việc làm) một người thành nông dân,
Do hành-động một người thành thợ nghề.
Do hành-động một người thành thương buôn,
Do hành-động một người thành người phục vụ. (58)

652. "Do hành-động một người thành trộm cướp,
Do hành-động một người thành chiến binh.
Do hành-động một người thành thầy cúng tế,
Do hành-động một người thành ông vua. (59) [123]

[*Thế gian xoay vòng do hành-động:*]

653. "Do vậy đó là cách người có trí
Nhìn thấy hành-động đúng như nó thực là—
Là những người nhìn-thấy về 'lý duyên-khởi',
Họ thiện khéo về nghiệp và những nghiệp quả.[54] (60)

654. "Do nghiệp mà thế gian xoay vòng,
Do nghiệp mà quần thể chúng sinh xoay vòng.
Những chúng sinh hữu tình bị trói bởi nghiệp,[55]

---

[167] [So sánh với thi kệ 136 ở kinh **Sn 1.7** ở Chương 1.] (166)

- (Chữ *quan-điểm* người dịch Việt đã dùng trong các bản dịch các Bộ Kinh là thay thế nhau và đồng nghĩa với: *kiến*, *tri-kiến cá nhân*, *cách-nhìn*, *quan-kiến*, *ý-kiến* hay *tà-kiến*, *sự kiến-chấp*. Một người có *cách-nhìn* hay *tri-kiến cá nhân* hay *kiến-chấp* thì họ thể hiện *quan-điểm* (kiến) của họ. Và khi cách-nhìn hay tri-kiến cá nhân của một người là sai lầm, sai lạc, không chánh đúng, không đúng với chân lý, tự nhiên và chánh pháp, thì được gọi là *tà-kiến* (cách-nhìn, quan-điểm, quan-kiến, ý-kiến, kiến-chấp *sai lạc*). *Tà-kiến* thì ngược lại với *chánh-kiến* (cách-nhìn chánh đúng).).]

Như trục bánh xe dính với chiếc xe đang chạy. (61)

655. "Bằng sự tiết-độ, bằng đời sống tâm linh (phạm hạnh),
Bằng sự tự-chủ và bằng sự thuần-phục bên trong (tâm)—
Bằng cách này một người trở thành bà-la-môn;[56]
Đây mới là phẩm cách bà-la-môn tối thượng. (62)

656. "Người có được ba loại minh-trí (tam minh),
Bình-an, không còn sự (tái) hiện-hữu (hữu tận):
Này Vāseṭṭha, hãy biết vị ấy như vậy,
Đối với những ai hiểu thì (coi vị ấy) như trời Phạm Thiên và Đế-thích vậy." (63)

Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha và Bhāradvāja đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! … *[như cuối kinh **Sn I,7**]* … Chúng con xin quy y theo Thầy Cồ-Đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Xin Thầy Cồ-Đàm chấp nhận chúng con là một đệ tử tại gia từ hôm nay đã quy y đến cuối đời."

10. Kinh Kokālika (Kokālika Sutta)[168]

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có Tỳ kheo Kokālika đến gặp đức Thế Tôn, [124] kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Ngài, thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên có các dục xấu ác (ác dục); họ bị điều khiển bởi các dục xấu ác."

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn nói với Tỳ kheo

---

[168] [Trong **Ee** tên viết giống nhau là Kokāliya, nhưng trong phiên bản **Be** và **Ce** của tập kinh **Sn** này và trong cả 03 phiên bản của luận giảng **Pj** II, thì ghi là Kokālika. Học giả Norman [chỗ **GD 148**] có giải thích về các đuôi chữ *ka*/*ya* được ghi thay thế nhau trong các danh từ tên riêng Pāli.

- (Có 02 kinh song hành là **SN 6:10** (Quyển 1) và **AN 10:89**, chỉ khác một chút là 02 kinh đó ít hình ảnh hơn và ngắn gọn kinh này, đều kết thúc kinh ở thi kệ 660.).] (167)

Kokālika:

"Đừng nói vậy, này Kokālika! Đừng nói vậy, này Kokālika! Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là đức hạnh."

Lần thứ hai Tỳ kheo Kokālika nói với đức Thế Tôn: "Thưa Ngài, cho dù con có niềm-tin và sự tin-tưởng vào đức Thế Tôn, con vẫn nói y vậy rằng thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên có dục xấu ác; họ đã bị chi phối bởi các dục xấu ác." Và lần thứ hai đức Thế Tôn nói với Tỳ kheo Kokālika:

"Đừng nói vậy, này Kokālika! … Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là đức hạnh."

Lần thứ ba Tỳ kheo Kokālika nói với đức Thế Tôn: "Thưa Ngài, cho dù con có niềm-tin và sự tin-tưởng vào đức Thế Tôn, con vẫn nói y vậy rằng thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên có dục xấu ác; họ đã bị chi phối bởi các dục xấu ác." Và lần thứ ba đức Thế Tôn nói với Tỳ kheo Kokālika:

"Đừng nói vậy, này Kokālika! … Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là đức hạnh."

Rồi Tỳ kheo Kokālika đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn và đi ra, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình. Không lâu sau khi Tỳ kheo Kokālika đi khỏi, toàn thân thầy đó nổi đầy mụn nhọt bằng cỡ hạt cải. Rồi chúng to lên bằng cỡ hạt đậu xanh; rồi to lên bằng cỡ hạt đậu gà; rồi to lên bằng cỡ hạt táo tàu; rồi to lên bằng cỡ trái táo tàu; rồi to lên bằng cỡ trái *āmalaka [myrobalan]*;[169] rồi to lên bằng cỡ trái *beḷuva* chưa chín; rồi to lên bằng cỡ trái *beḷuva* đã chín.[170] Sau khi đã to lên bằng cỡ trái *beluva* đã chín, chúng bể bung, xì ra mủ và máu.

---

[169] [Chữ *āmalaka* [tiếng Sinhala (Tích Lan cổ) là *artalu*)] là đồng nghĩa trái *myrobalan*, là loại trái dược thảo, bằng cỡ trái ô liu.] (168)

[170] [Chữ *beuva* [tiếng Sinhala (Tích Lan cổ) là *belli*] là trái có vỏ cứng có thể lớn tới bằng cỡ trái cam; (đó là trái *feijoa*, gọi là trái ổi thơm, ổi dứa, vỏ xanh ruột trắng rời, to cỡ bằng trái ổi nhưng không phải ổi).] (169)

Rồi, do bị căn bệnh như vậy, Tỳ kheo Kokālika đã chết, và bởi do thầy đó chấp chứa sự thù hận đối với thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên, sau khi chết thầy đó bị tái sinh trong địa ngục Sen Hồng [Paduma].

Rồi, khi đêm đã khuya, vị Trời Sahampati, với sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng cả Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và đứng qua một bên, và thưa:

"Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Kokālika đã chết, và bởi do thầy đó chấp chứa sự thù hận đối với thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên, sau khi chết thầy đó bị tái sinh trong địa ngục Sen Hồng." Đây là lời vị Trời Sahampati đã thưa. Sau khi đã thưa, vị trời kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải mình, và biến mất ngay tại đó.

Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy:

"Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, vị Trời Sahampati đã đến gặp ta và thưa với ta … [*Phật kể lại toàn bộ đoạn kể trên*] … và biến mất ngay tại đó."

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo [126] đã hỏi đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, kiếp hạn ở địa ngục Paduma dài bao nhiêu?"

"Kiếp hạn trong địa ngục Sen Hồng là dài, này Tỳ kheo. Không dễ gì tính được nó để nói theo kiểu nó dài nhiều năm, hay nhiều trăm năm, hay nhiều ngàn năm, hay nhiều trăm ngàn năm."

"Vậy có thể cho một ví dụ về nó không, thưa Thế Tôn?"

"Có thể, này Tỳ kheo", đức Thế Tôn nói. "Ví dụ có một thùng xe chứa 20 giạ hột mè theo đơn vị đo lường của người Kosala. Cuối mỗi 100 năm một người lấy khỏi đó một hột mè. Với nỗ lực này thì (thời gian để) số hột mè đó cạn đi và hết sạch còn ngắn hơn thời gian của (1) một kiếp trong chỉ một địa ngục Abbuda. (2) 20 địa ngục Abbuda = 01 kiếp trong địa ngục Nirabbuda; (3) 20 địa ngục Nirabbuda = 01 kiếp trong địa ngục Ababa; (4) 20 địa ngục Ababa = 01 kiếp trong địa ngục Aṭaṭa; (5) 20 địa ngục Aṭaṭa =

01 kiếp trong địa ngục Ahaha; (6) 20 địa ngục Ahaha = 01 kiếp trong địa ngục Hoa Súng [Kumuda]; (7) 20 địa ngục Hoa Súng = 01 kiếp trong địa ngục Hương Thơm [Sogandhika]; (8) 20 địa ngục Hương Thơm = 01 kiếp trong địa ngục Sen Xanh [Uppala]; (9) 20 địa ngục Sen Xanh = 01 kiếp trong địa ngục Sen Trắng [Puṇḍarīka]; và (10) 20 địa ngục Sen Trắng = 01 kiếp trong địa ngục Sen Hồng [Paduma]. Này Tỳ kheo, giờ Tỳ kheo Kokālika đã bị tái sinh trong địa ngục Sen Hồng bởi do thầy đó chấp chứa sự thù hận đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm (các thi kệ) này: [127]

657. "Khi một người sinh ra
Búa rìu cũng sinh ra trong miệng hắn,
Với nó kẻ ngu tự chặt chém mình
Bằng sự nói ra những lời sai quấy. (1)

658. "Khen một người đáng chê,
Hoặc chê một người đáng khen,
Như tích vận rủi bằng cái miệng,
Do đó không tìm thấy an lạc. (2)

659. "Vận xấu khi ném một con xúc xắc:
(Kết quả là) thua mất sạch tài sản,
[Coi như mất luôn] cả bản thân mình.
Nhưng vận xấu này còn tệ hại hơn nhiều, đó là:
Chấp chứa sự thù hận đối với những bậc thiện thánh.[171] (3)

---

[171] [Nguyên văn câu này: *Yo sugatesu manaṃ padosaye*. Mời coi thêm chú thích 1623 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc) về chữ *sugata* như vầy: [Chữ *sugata*, nghĩa chữ là "*đã khéo đi, thiện thệ*" được dùng như một biệt từ riêng để chỉ một vị Phật [*bậc Đã Khéo Đi/ bậc Thiện Thệ*]. Nhưng trong các ngữ cảnh và các kinh khác tôi [TKBĐ] đã dịch nghĩa là "*bậc Phúc Lành*". Tuy nhiên riêng chỗ câu kệ này, chữ này được áp dụng *chung* cho tất cả những người đã "*đã khéo đi*" dọc theo con đường Bát Thánh Đạo và chứng đắc "trạng thái thiện lành" là Niết-bàn.]]

- (Như vậy là chỉ chung những Tỳ kheo là những A-la-hán. Và trong câu kệ này là

660. "Suốt thời gian 136 ngàn nirabbuda,
Cộng thêm 05 abbuda,[172]
Kẻ nói xấu những bậc thánh sẽ đi xuống địa ngục,
Sau khi đã đặt lời-nói và tâm xấu ác đối với họ.// [173] (4)

661. "Kẻ nói lời lăng mạ đi xuống địa ngục,
Kẻ có nói mà chối rằng: 'Tôi không nói' cũng đi xuống đó.
Sau khi qua đời cả hai đều như nhau,
Những kẻ mang nghiệp hạ đẳng trong cõi kiếp sau. (5)

662. "Khi ai bôi nhọ một người vô tội,
Một người thanh khiết không tỳ vết ố nhiễm,
Thì nghiệp ác quật lại chính kẻ ngu đó,
Như quăng bụi đất vào gió ngược." [174] (6)

663. "Ai ý định về bản chất tham (tham ái)
Nhục mạ chửi người khác bằng phương tiện lời-nói;
Bất tín, bần tiện, keo kiệt, bủn xỉn [128],
Kẻ đó ý định về lời-nói gây chia rẽ. (7)

---

chữ tính từ, cho nên người dịch Việt tạm dịch ra danh từ chung là "*những bậc thiện thánh*" hay "*thánh thiêng*", thay vì "*những bậc thiện thệ*" hay "*phúc lành*").] (170)

172 [Về những đơn vị thời gian dài 'không thể tưởng được' này, luận giảng **Pj** II đã chú giải dài ở phần chú giải về kinh này ở trang 972 bản gốc tiếng Anh.] (660)

– Quý vị có thể đọc chú thích 408 và 409 trong kinh song hành với kinh này là kinh **SN 6:10** (Quyển 1), người dịch trích dẫn luôn đây:

– [**Spk**: *Địa ngục Paduma* (*Địa ngục Sen Hồng*) không phải là một cõi địa ngục riêng biệt mà đó là một địa ngục thuộc đại địa ngục A-tỳ (Avīci), ở đó thời gian bị nhục hình tra tấn được tính theo số thời gian của các *địa ngục Abbuda*, *địa ngục Nirabbuda* … như được nói trong đoạn kinh bên dưới (và chú thích 409).] (408)

[**Spk** đã chú giải thang đo thời gian như sau: 01 *koṭi* = 10 triệu năm; 01 *koṭi* lần *koṭi* (10 triệu x 10 triệu) = 01 *pakoṭi*; 01 *koṭi* lần *pakoṭi* = 01 *koṭipakoṭi*; 01 *koṭi* lần *koṭipakoṭi* = 01 *nahuta*; 01 *koṭi* lần *nahuta* = 01 *ninnahuta*; 01 *koṭi* lần *ninnahuta* = 01 *abbuda*; 20 *abbuda* = 01 *nirabbuda*. (01 *nirabbuda* là con số không thể nào tính được và bất khả tưởng tượng bởi đầu óc con người; gần như là vô lượng, vô hạn).] (409)

173 [Các kinh song hành là **SN 6:10** (Quyển 1) và **AN 10:89** thì kết thúc ở đây.] (172)

174 [Tôi đánh dấu ngoặc kép " ở đây để kết thúc dãy thi kệ này, là làm theo luận giảng **Pj** II, cho rằng dãy thi kế tiếp là được nói bởi thầy Mục-kiền-liên hoặc bởi [theo một số người khác] Mahābrahmā (vị Trời Lớn, Đại Phạm Thiên).] (173)

664. "Kẻ miệng thối, nói láo, không cao thượng,
Kẻ sát hại, kẻ ác, kẻ tà nghiệp sai bậy,
Kẻ hạ đẳng, kẻ mang họa, kẻ được sinh ra hèn hạ:
Đừng nói nhiều ở đây, ngươi sắp xuống địa ngục. (8)

665. "Ngươi quăng bụi đất làm hại chính mình,
Khi ngươi, kẻ làm nghiệp ác, phỉ báng người thiện.
Sau khi đã làm nhiều nghiệp xấu,
Ngươi sẽ rớt xuống hố thẳm (đại địa ngục) dài hạn. (9)

666. "Bởi mỗi nghiệp ai làm đâu bao giờ mất đi;
Vì nó trở lại, chủ nghiệp phải nhận lãnh nó.
Trong cõi (đọa) kia kẻ ngu đần, kẻ làm nghiệp ác,
Chứng kiến sự khổ đau trong chính mình. (10)

667. "Kẻ đó đến nơi (địa ngục) đâm xiêng,
Có móc câu sắt, dao bén, và cọc sắt. [129]
Rồi có những thức ăn là những hòn sắt cháy đỏ,
Là thích đáng (với ác nghiệp đã làm). (11)

668. "[Các cai ngục] khi nói không hề nói nhẹ giọng.[175]
Họ không vội vã; họ không cho chỗ trú nghỉ nào.
Những [chúng sinh địa ngục] đó nằm trên nền than (cháy);
Họ (bị quăng) vào khối lửa cháy khổng lồ. (12)

669. "Và sau khi tóm họ trong lưới bọc,
Ở đó [các cai ngục] nện họ bằng những búa sắt;
[Các chúng sinh địa ngục] (bị quăng) vào bầu tối mù mịt,
Phủ kín khắp nơi như màn sương mù tối.[57] (13)

670. "Rồi (bị quăng) vào Chảo Đồng lớn,
Đó là những chảo lửa đang bốc cháy;
Họ bị luộc trong chúng rất lâu ngày,
Trồi lên chìm xuống trong những chảo lửa đó.[58] (14)

671. "Rồi kẻ làm ác bị nấu ở trong đó

---

[175] [Trong thi kệ này và các thi kệ tiếp theo, tôi ghi chú thể trong ngoặc […] dựa theo sự chú giải và nhận định của **Pj** II.] (174)

Trong (chảo) [đồng nấu chảy] trộn với mủ và máu. [130]
Bất cứ khu nào kẻ đó tìm tới,
Kẻ đó đều bị đày đọa[176] khi đụng tới những chỗ đó.[59] (15)

672. "Ở đó kẻ làm ác bị nấu
Trong nước đầy những giun giòi.[60]
Không có bờ nào để thoát lên,
Vì (trong) những nồi nấu xung quanh đều như nhau. (16)

673. "Rồi họ (bị quăng) vào Rừng Lá Kiếm,
Chúng sắc bén nên thân thể bị cắt ra từng mảnh.
Sau khi dùng móc câu kéo lưỡi họ ra,
[Các cai ngục] cắt băm lưỡi ra và đập chúng.[61] (17)

674. "Rồi họ đến sông Vetaraṇī bất khả vượt qua,
Chứa đầy lưỡi dao, lưỡi dao lam bén (trong nước).[62]
Những kẻ ngu rớt xuống đó—
Những kẻ làm ác đã làm những nghiệp ác. (18) [131]

675. "Khi họ đang than khóc ở đó (địa ngục),
Lũ chó lông nâu và lông đốm đến cắn xé họ,[177]
Rồi lũ quạ đen và chó rừng tham ăn,[178]
Trong khi lũ diều hâu và quạ khác thì bu mổ rỉa.[63] (19)

676. "Cuộc đời này là khó khổ ở đây,

---

[176] [Chữ này tôi đọc theo **Be** và **Ce** là *kilissati*, khác với **Ee** *kilijjati* (bị thối rửa, phân rã, bị thối nát ra), mà luận giảng **Pj** II đã nhận định là một cách ghi thay thế. Mời coi thêm chú thích 1640 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] *Bị đày đọa*: bị áp bức, bị hành hạ (hoặc như **Ee** ghi chữ *kilijjati*: bị thối rửa, thối nát ra).] (175)

[177] [Chỗ này tôi dịch theo **Pj** II, chú giải rằng chữ "*nâu [và] đốm*" trong câu kệ *b* nên được nối kết với "*lũ chó*" trong câu kệ *c* chứ không phải với "*lũ quạ đen*" trong câu kệ *b* [*sāmā sabalā ti etaṃ parato soṇā ti iminā yojetabbaṃ*]. (176)

[178] [Chỗ này **Ce** và **Ee** ghi chữ have *paṭigijjhā*; giống phiên bản Thái. **Be** thì ghi chữ *paṭigiddhā*. Mời đọc thêm chú thích 1644 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (177)

- Theo Pj II Chữ đầu nghĩa là *lũ quạ đen* (thường to hơn), chữ sau là *đám quạ không đen khác*.] (675)

Những kẻ làm ác đã chứng kiến.
Bởi vậy ai còn sống trong quãng đời còn lại ở đây
Bên biết phận tu và không lơ tâm phóng dật." (20)

677. [179] Người trí đã đếm số hạt của những đống mè
Được ví như thời gian [kiếp hạn] trong địa ngục Sen Hồng:
Họ tính ra tới 05 *koṭi* lần *nahuta*,
Cộng thêm 12 ngàn *koṭi*. (21)

678. Những địa ngục là đau đớn như được nói ở đây,
Vì thời gian dài thăm thẳm một người phải bị đọa trong đó;
Bởi vậy hãy luôn phòng hộ lời-nói và tâm
Đối với những bậc thanh tịnh, đức hạnh, đầy những phẩm chất thiện. (22)

11. Kinh Nālaka (Nālaka Sutta)

[*Các thi kệ mở đầu:*]

679. Bậc tiên kiến (rishi) Asita (A-tư-đà), khi an trú ban ngày,
Nhìn thấy chư thiên Đao-lợi vui sướng và hưng phấn.
Sau khi tôn vinh trời Indra, họ mặc y phục tinh khôi,
Mang theo những dải băng, tung hô ca ngợi nồng nhiệt. (1) [132]

680. Sau khi nhìn thấy chư thiên, nồng nhiệt và hưng phấn,
Sau khi tôn trọng chào họ, ông ta nói điều này với họ:
"Vì sao quý chúng tiên vui sướng và nồng nhiệt như vậy?
Vì sao quý tiên mang những dải băng vẫy phất đầy trời? (2)

681. "Ngay cả khi có chiến trận với những quỷ thần (a-tu-la),

---

[179] [Luận giảng **Pj** II 477,13–14 có nói rằng: "*02 thi kệ cuối, 677-678, không có trong phần lời kinh bằng chữ được giảng nghĩa trong quyển Đại Luận Giảng*" (*avasāne gāthādvayameva pana mahā-aṭṭhakathāyaṃ vinicchitapāṭhe natthi*). (Coi trang 978 của bản gốc, luận giảng **Pj** II cũng chỉ chú giải tới thi kệ 676 là cuối cùng). Vì vậy tôi (cũng ghi dấu ngoặc " ở cuối thi kệ 676) và không đánh dấu ngoặc " cho 02 thi kệ này, mà chỉ coi chúng là phần thêm vào của người đời sau.] (178)

Mà phe những thiên thần thắng trận và quỷ thần bại trận,
Ngay cả khi như vậy cũng đâu có sự phấn khích đến vậy.
Vậy các thiên thần đã thấy điều kỳ diệu gì mà lại vui mừng đến mức như vậy? (3)

682. "Họ huýt sáo, ca hát, và chơi nhạc;
Họ vỗ tay và nhảy múa vòng quanh.
Tôi xin hỏi các quý tiên, những cư dân trên Đỉnh Núi Meru:
Thưa quý vị, hãy nhanh xua tan sự thắc mắc của tôi." (4)

[Chư thiên trả lời ông:]

683. "Rằng ở Lumbinī, trong một làng của nước Thích-Ca,
Vị Bồ-tát—Viên ngọc tuyệt vời, bậc vô song—đã sinh ra
Trong cõi người, vì phúc lợi và hạnh phúc (của chúng sinh);
Vì vậy chúng tôi thật vui mừng và cực kỳ hân hoan. (5)

684. "Đó là bậc nhất trong chúng sinh, người cao nhất,
Bậc dẫn đàn của loài người, bậc nhất trong mọi loài chúng sinh. [133]
Vị ấy sẽ quay chuyển bánh xe trong khu rừng mang tên những bậc kiến-giả,[180]
Cất tiếng gầm sư tử đại hùng, chúa tể của muôn loài vật." (6)

685. Sau khi nghe lời họ nói, ông liền nhanh xuống núi,
Và đến nơi cư ngụ của Suddhodana (vua Tịnh Phạn).
Sau khi ngồi xuống ở đó, ông hỏi những người họ Thích-Ca:
"Thái tử đang ở đâu? Tôi rất muốn gặp ngài." (7)

686. Các vị họ tộc Thích-Ca đã chỉ cho Asita con trai của họ,
Đứa bé sáng rỡ, với sự huy hoàng và màu sắc hoàn hảo;
Thái tử tỏa sáng như vàng được đánh bóng sáng trưng
Bên miệng lò nung bởi một thợ nấu vàng điêu luyện. (8)

687. Sau khi nhìn thái tử tỏa sáng, như đầu ngọn lửa;

---

[180] [Nguyên văn: *Isivhaye vane*. Chữ này ám chỉ địa danh Isipatana (nghĩa là "*nơi những thiên thần hạ thế*"), là nơi Đức Phật đã nói bài thuyết giảng đầu tiên (kinh Chuyển Pháp Luân).] (179)

Tinh khiết như mặt trăng, chúa mọi vì sao, đi trong bầu trời;
Như mặt trời mùa thu chiếu sáng khi trời không mây nào;
Ông đã vui mừng trước đó, giờ càng thêm nhiều hoan hỷ. (9)

688. Chư thiên giương cao trên trời một chiếc lộng che nắng
Có nhiều nan hoa và một ngàn vòng tròn.
Có những cây quạt cán bằng vàng vẫy lên vẫy xuống
Nhưng không thấy ai cầm lộng che hay vẫy quạt. (10) [134]

689. Vị tiên kiến tóc búi tên "Hắc Huy Hoàng",
Sau khi nhìn thấy thái tử như cục vàng trên khăn đỏ,
Với lộng trắng che trên đầu ngài,
Ông bồng lấy ngài, vui mừng và hạnh phúc. (11)

690. Sau khi đã bồng vị trai cả của họ Thích-Ca,
Sau khi xem xét ngài, vị thầy tướng số và chú tụng
Đã vui lòng trong tâm và thốt ra rằng:
"Ngài là vô thượng, bậc nhất loài hai chân." (12)

691. Rồi, sau khi nghĩ mình sẽ qua đời sớm,
Ông chợt hoảng hốt, và rơi lệ đắng cay.
Nhìn thấy vậy họ đã hỏi vị tiên kiến đang khóc:
"Có phải vận rủi sẽ giáng xuống thái tử hay không?" (13)

692. Nhìn những người Thích-Ca hoảng hốt,
Vị tiên kiến tóc búi nói rằng:
"Tôi không thấy sự nguy hại nào cho thái tử.
Không có trở ngại nào cho thái tử,
Không hề có, quý vị hãy yên tâm. (14)

693. "Vị thái tử này sẽ đạt sự giác-ngộ cao nhất;
Là bậc có tầm-nhìn được thanh lọc tối thượng,
Và có lòng bi-mẫn với dân chúng,
Ngài sẽ thiết lập sự chuyển động bánh xe Giáo Pháp;
Đời sống tâm linh của ngài sẽ truyền rộng. (15) [135]

694. "Nhưng vì kiếp sống tôi còn lại không bao lâu;
Cái chết của tôi sẽ xảy ra ở giữa
(Tức từ giờ tới trước khi thái tử giác-ngộ).

Tôi sẽ không được nghe Giáo Pháp của bậc vô-song về nghị-lực (tức Phật).
Nên tôi mới hoảng hốt, sầu khổ và buồn bã như vậy." (16)

695. Sau khi đưa tin niềm vui lớn cho những người Thích-Ca,
Vị (tiên tri) thiện thánh đã rời khỏi cung điện.
Vì có sự bi-mẫn đối với người cháu trai (là Nālaka),
Cho nên ông đã dặn dò anh ta sau này phải tìm học
Giáo Pháp của bậc vô-song về nghị-lực đó. (17)

696. "Khi nào cháu nghe ai nói chữ 'Phật' (Buddha),
[Và] chữ 'người đã chứng đắc giác-ngộ
Đang khai mở[181] Giáo Pháp tối cao',
Thì sau khi cháu đi gặp bậc ấy,
Hỏi bậc ấy về giáo pháp của bậc ấy,
Rồi hãy sống đời tâm linh (đi tu) theo đức Thế Tôn." (18)

697. Rồi đã được chỉ dẫn bởi người (cậu) có tâm từ bi,
Là bậc thầy tiên tri, đã thanh lọc tối thượng,
Nālaka, người có sẵn kho công-đức được tích luỹ,
Trong khi chờ đợi để gặp bậc Chiến Thắng,
Anh ta sống với các căn được phòng hộ. (19)

698. Sau khi nghe tin về bậc Chiến Thắng đang thiết lập quay chuyển bánh xe [Pháp] siêu xuất,
Sau khi đến đó, anh đã gặp được bậc kiến-giả dẫn đầu (Phật) và anh thấy vui lòng. [136]
Vì [thời cơ] mà ngài Asita đã chỉ dẫn đã đến,
Anh đến hỏi bậc mâu-ni siêu xuất về trạng thái mâu-ni. (20)

699. "Lời tuyên bố này của Asita
Đã được con biết là đúng sự thật.
Vì vậy con thỉnh cầu ngài, thưa Ngài Cồ-đàm,
Là bậc đã siêu thoát mọi pháp (hữu vi). (21)

---

[181] [Chữ này tôi đọc là *vivarati* theo cách ghi của **Be**; khác với **Ce** và **Ee** ghi là *vicarati*.] (180)

700. "Vì con vốn đã sống đời xuất gia,
Đang kiếm sống bằng việc khất thực,
Hỡi bậc mâu-ni, khi được hỏi hãy giảng giải cho con,
Về trạng thái mâu-ni, về con-đường rốt ráo." (22)

[*Sự chỉ dạy của Phật:*]

701. (Đức Thế Tôn nói:)
"Ta sẽ mô tả cho anh trạng thái mâu-ni,
Vốn khó tu được, khó nắm được.
Ta sẽ nói cho anh về điều đó—
Hãy vững tâm và vững vàng (lắng nghe). (23)

702. "Một người nên điềm giữ thái độ[182]
Cho dù mình bị sỉ nhục hay được tôn kính trong làng.
Nên phòng hộ tránh sân trong tâm;
Nên giữ tâm bình lặng, không bị phấn khích. (24) [137]

703. "Nhiều loại ấn tượng cao thấp
Xảy đến như lửa trong rừng.
Phụ nữ thường cố ve vãn một mâu-ni (người tu)—
Hãy đừng để họ tán tỉnh mình! (25)

704. "Kiêng cữ tà dâm,
Sau khi đã từ bỏ những dục-lạc tinh và thô;
Không hung ghét cũng không dính mắc với chúng sinh,
Dù chúng sinh (loại) mạnh hay yếu. (26)

705. "[Biết suy xét:] 'Ta vậy, họ cũng vậy;
Họ vậy, ta cũng vậy',
Sau khi biết đặt mình vào vị trí của người khác,
Thì không nên sát sinh hay gây xúi sát sinh. (27)

706. "Sau khi đã từ bỏ dục và tham
Đối với những thứ mà người phàm dính vào,

---

[182] [**Be** và **Ce** ghi chỗ này chữ *samānabhāgaṃ*, khác với **Ee** ghi *samānabhāvaṃ*. Bổ đề chủ giải của **Pj** II trong cả 03 phiên bản đều có đuôi chữ *–bhāgaṃ*, bản song hành tiếng Phận của **Mvu** III 387,6 cũng có.] (181)

Người có tầm nhìn thì nên tu tập
Để có thể vượt qua hố ngục này.[64] (28)

707. "Không nhét căng bụng, tiết độ trong ăn uống,
Là người thiểu dục, không thèm khát.
Là người không đói khát về mặt dục;
Hết dục, thì người được tịch tịnh. (29)

708. "Sau khi đi một vòng khất thực
Nên lánh về chỗ rừng cây.
Ở dưới gốc cây,
Một mâu-ni thì nên ngồi ở đó. (30)

709. "Người vững vàng muốn thiền định,
Nên ưa thích cảnh rừng núi.
Nên thiền tập chỗ dưới gốc cây,
Làm cho bản thân mình được hoàn toàn hài lòng. (31)

710. "Sau khi đêm đã qua, (vào buổi sáng)
Vị đó nên đi vô làng (để khất thực).
Không nên đón nhận những lời mời (tới nhà dân ăn)
Và những thứ họ (làm sẵn) dâng cúng từ làng đó.[65] (32)

711. "Khi một mâu-ni đi vô làng,
Không nên hành xử khinh xuất trước những gia đình.
Dẹp bỏ kiểu lời nói vì mục đích để có được thức ăn,
Không nên nói ra những lời gợi ý này nọ. (33)

712. "(Tâm niệm rằng:) 'Ta nhận được gì cũng tốt;
Ta không nhận được gì cũng tốt.'
Cả hai trường hợp (tâm) vẫn vô tư,
Rồi vị đó quay về lại chỗ gốc cây. (34) [138]

713. "Đi bộ với bình bát trên tay,
Không bị câm mà như người câm,
Không chê đồ cho ít
Cũng không chê bai người bố thí. (35)

714. "Bậc Sa-môn chỉ dạy về sự tu tập
(Cách tu) cao và (cách tu) thấp.

Những người tu không đi hai lần đường để qua bờ-kia;
[Nhưng] nó (bờ-kia) không phải chỉ được trải nghiệm bằng một đường duy nhất.[66] (36)

715. "Với người không còn sự tràn-lan (dục vọng),
Với một Tỳ kheo đã cắt đứt dòng-chảy (ô nhiễm),
Đã buông bỏ điều cần làm hay không cần làm,
Không còn sự sốt não [của các lậu hoặc]. (37)

716. (Đức Thế Tôn nói:)
"Ta sẽ mô tả trạng thái mâu-ni cho anh.
Người tu nên coi nó như lưỡi dao cạo.[67]
Sau khi lấy lưỡi đè lên vòm họng,
Cố kiềm chế cái bụng (thèm ăn). (38)

717. "Không nên ì ạch trong tâm
Cũng không nên nghĩ ngợi thái quá.
Hãy không bị ô nhiễm, không bị ràng buộc,
Lấy đời tu (phạm hạnh) là chỗ dựa của mình. (39)

718. "Nên tu tập trong chỗ ngồi đơn độc (tách ly, ẩn dật)
Và trong bổn phận tu tập (thiền tập) của một sa-môn.
Chính sự độc trú được gọi là trạng thái mâu-ni.
Nếu anh vui thích một mình,[183]
Anh sẽ thắp sáng mười phương.[184] (40)

719. "Sau khi nghe lời khen ngợi trên của bậc trí tuệ,
Của các thiền giả đã từ bỏ những dục-lạc,
Đệ tử của ta nên tu tập thêm
Cảm nhận biết xấu hổ lương tâm (tàm) và niềm-tin (tín). (41)
[139]

720. "Hiểu được điều này theo cách của các dòng sông

---

[183] [Tôi đọc câu kệ *d* là: *eko **ce** abhiramissasi* như **Be** và **Ee** đã ghi.] (182)

[184] [Câu kệ này nguyên văn: *Atha bhāsihi* [**Be** ghi: *bhāhisi*] *dasadisā* xuất hiện ở đây như một câu bị dư. **Pj** II cho rằng nó thuộc về thi kệ kế tiếp nhưng đặt nó ở đây mới đúng ý nghĩa với thi kệ này, như cách ghi trong **Be**. Cho dù hợp lý thì chúng ta cũng phải chấp nhận ở đây một thi kệ bất quy tắc gồm 05 câu kệ.] (183)

Và theo kiểu những khe núi và khe suối.
Những suối lạch thì chảy ồn ào,
Nhưng những dòng sông lớn thì chảy bình lặng. (42)

721. "Thứ gì rỗng thì kêu tiếng;
Thứ gì đầy thì luôn im lặng.
Kẻ ngu như thùng rỗng kêu to,
Người trí như hồ nước đầy. (43)

722. "Khi bậc Sa-môn thuyết nhiều,[185]
Điều đó là có ý nghĩa và ích lợi.
Sau khi đã-biết, bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp;
Sau khi đã-biết, bậc ấy thuyết nhiều. (44)

723. "Nhưng người tu, sau khi đã-biết, trở nên tự-chủ,
Người tu, sau khi đã-biết, không nói nhiều:
Vị mâu-ni đó là xứng đáng với trạng thái mâu-ni;
Vị mâu-ni đó đã thành tựu trạng thái mâu-ni."[68] (45)

12. Kinh Quán Niệm Về Cặp Điều (Dvayatānupassanā Sutta)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của 'Mẹ của Migāra' (Migāramātā). Bấy giờ, vào lúc đó—nhằm ngày rằm lễ bố-tát, đêm trăng tròn—đức Thế Tôn đang ngồi ở ngoài trời, xung quanh là Tăng đoàn các Tỳ kheo. [140] Rồi, sau khi quan sát Tăng đoàn đang hoàn toàn im lặng, đức Thế Tôn đã nói như vầy:

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Mục đích là gì để lắng nghe những giáo pháp là thiện lành, thánh thiện, mang tính giải thoát, dẫn tới sự giác-ngộ?' thì các thầy nên trả lời họ như vầy: 'Là để biết một cách chánh đúng về những điều được sắp xếp theo cặp.' Và cái gì được gọi là một cặp điều?

[1. Bốn Diệu Đế] [186]

[185] [Như **Pj** II chú giải, chữ *samaṇo* (Sa-môn) (ở đây viết hoa) là chỉ Đức Phật. Coi chú thích của **Pj** II về thi kệ 721-722.] (184)

"[Đây là khổ, đây là nguồn-gốc khổ]—đây là điều quán niệm.

"[Đây là khổ, đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy—chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định—thì có thể trông đợi một trong hai (thánh) quả: trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư, là trạng thái Bất-lai."[69]

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, nói thêm như vầy:

724. "Những ai không hiểu sự khổ hay nguồn-gốc khổ;
Không biết chỗ mà sự khổ
Diệt sạch không còn tàn dư;
Và không biết-được con-đường (đạo)
Dẫn tới sự tiêu trừ sự khổ: (1)

725. "Thì họ thiếu hụt sự giải-thoát của tâm
Và thiếu luôn sự giải-thoát nhờ trí-tuệ.
Họ không khả năng làm nên sự kết-thúc (khổ),
Cứ đi trong sinh-già. (2)

726. "Nhưng ai hiểu sự khổ,
Và nguồn-gốc khổ;
[Cũng biết luôn] chỗ mà sự khổ
Diệt sạch không còn tàn dư; [141]
Và họ hiểu-được con-đường
Dẫn tới sự tiêu trừ khổ: (3)

727. "Thì họ có được sự giải-thoát của tâm
Và có luôn sự giải-thoát nhờ trí-tuệ.
Họ có khả năng làm nên sự kết-thúc (khổ),
Không còn đi trong sinh-già. (4)

[2. Sự Thu-Nạp (Sanh Y)]

[186] [Từ chỗ này và bên dưới tôi [TKBĐ] tôi ghi thêm các tiêu đề cho thấy rõ chủ đề của các phần.] (185)

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên [tác động, điều kiện] là sự thu-nạp (sanh y)]—đây là điều quán niệm.

[Khi những sự thu-nạp biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … thì có thể trông đợi một trong hai (thánh) quả … Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, nói thêm như vầy:

> 728. "Sự khổ với nhiều dạng khác nhau trong thế gian
> Đều khởi sinh dựa trên sự thu-nạp (sanh y).
> Kẻ ngu vô minh tạo ra sự thu-nạp[187]
> Sẽ gặp khổ hoài hoài.
> Vì vậy, sau khi hiểu, người không nên tạo sự thu-nạp nữa,
> Hãy quán niệm nó là nguồn và gốc của khổ. (5)

[3. Vô-Minh]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên là vô-minh]—đây là điều quán niệm.

---

[187] [Trong bài kinh, phần văn xuôi ở trên thì dùng chữ *upadhīnaṃ* số nhiều, nhưng trong thi kệ chỗ này thì ghi ở thể số ít đối cách là *upadhiṃ*.] (186)

►Mời đọc thêm chữ *upadhi* (*sự thu-nạp*, *sanh y*) ở trang 61-62 trong phần Giới Thiệu Tập Kinh Tập (trong bản gốc tiếng Anh của TKBĐ). (Và trong các bài kinh nổi tiếng quen thuộc như kinh **MN 26**, mục 19 (*Kinh Cuộc Tìm Cầu Thánh Thiện*), kinh **SN 1:06** (Quyển 1), cuối đoạn đầu; **SN 22:90** (Quyển 3), đoạn thứ 3; **SN 48:50** (Quyển 5) cuối đoạn thứ 6 … vân vân, có ghi thuật ngữ "*sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu-nạp*" (sanh y diệt, sanh y tận) là đồng nghĩa *sự chấm-dứt khổ*, *Niết-bàn*. – Mời đọc thêm các chú thích về chữ quan trọng này trong kinh **SN 1:12** (Quyển 1), chú thích 21; trong kinh **MN 26**, chú thích 299).]

[Khi vô-minh biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy: [142]

729. "Những ai cứ đi lại hoài hoài
Trong luân hồi sinh tử
Hữu sinh thành vầy, hữu sinh thành vậy:[70]
Chuyến đi đó là do bị vô-minh. (6)

730. "Chính do vô-minh, sự đại si mê,
Mà (chúng sinh) đó lang thang dài thăm thẳm.
Nhưng những chúng sinh đắc được minh trí,
Thì không quay lại sự tái hiện-hữu.[188] (7)

[4. Những Sự Tạo-Tác (Hành)]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên là những sự tạo-tác (các hành)]—đây là điều quán niệm.

[Khi những sự tạo-tác biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

731. "Mọi sự khổ khởi sinh
Đều có duyên là những sự tạo-tác.
Khi những sự tạo-tác biến sạch và chấm dứt
Thì không còn khởi sinh khổ. (8)

732. "Sau khi đã-biết sự nguy hại này:
[Sự khổ có duyên là những sự tạo-tác],

---

[188] [Chỗ này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là: *nāgacchanti*; khác với khác với **Be** ghi là**:** *na te gacchanti*.] (187)

Bằng cách làm lặn những sự tạo-tác (hành lặn),
Bằng cách dừng những sự nhận-thức (tưởng lặn),
Thì sự diệt khổ sẽ xảy ra đối với người
Đã biết được điều này đúng như nó thực là. (9)

733. "Sau khi đã chân chính nhìn thấy, những bậc trí sư,
Những bậc trí, sau khi đã chánh đúng biết điều này,
Họ đã thoát khỏi gông ách của Ma Vương
Và không quay lại sự tái hiện-hữu. (10) [143]

[5. Thức]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên là thức]—đây là điều quán niệm.

[Khi thức biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

734. "Mọi sự khổ khởi sinh
Đều có duyên là thức.
Khi thức chấm dứt
Thì không còn khởi sinh khổ. (11)

735. "Sau khi đã-hiểu sự nguy hại này:
[Sự khổ có duyên là thức],
Bằng cách làm lặn thức, thì một Tỳ kheo
Hết thèm khát, đã chứng Niết-bàn. (12)

[6. Sự Tiếp-Xúc (Xúc)]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên là sự tiếp-xúc]—đây là

điều quán niệm.

[Khi sự tiếp-xúc biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

736. "Những ai bị xúc tác bởi sự tiếp-xúc
Cứ trôi dài trong dòng hiện-hữu,
Sau khi đã rớt vô đường tà đạo:
Sự tiêu diệt những gông-cùm (kiết sử) còn ở rất xa họ. (13)

737. "Nhưng ai đã hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sự tiếp-xúc,
Sau khi đã-biết nó, vui thích sự bình-an,
Bằng cách phá bỏ sự tiếp-xúc,
Hết thèm khát, hoàn toàn tịch tịnh. (14)

[7. Cảm-Giác (Thọ)]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên là cảm-giác (thọ)]—đây là điều quán niệm.

[Khi cảm-giác biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy: [144]

738. "Dù là sướng hay khổ,
Hay không sướng không khổ (trung tính),
Mọi sự được cảm nhận ra sao,
Ở bên trong và bên ngoài, (15)

739. "Sau khi đã-biết:
[Đây là khổ, thuộc bản chất giả tạm, đang tan biến],

Sau khi đã tiếp xúc hoài với chúng, nhìn thấy chúng tan biến,
Người tu hiểu chúng như vậy.[189]
Thông qua sự tiêu diệt những cảm-giác,[71] một Tỳ kheo
Hết thèm khát, hoàn toàn tịch tịnh. (16)

[8. Dục-Vọng (Ái)]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên là dục-vọng (ái)]—đây là điều quán niệm.

[Khi dục-vọng biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

740. "Với dục-vọng là bạn đồng hành
Một người lang thang trên chuyến đi dài thăm thẳm,
Không thoát khỏi luân hồi
Hữu sinh thành vầy, hữu sinh thành vậy. (17)

741. "Sau khi đã-biết sự nguy hại này:
[Dục-vọng là nguồn gốc của khổ],
Một Tỳ kheo nên du hành một cách có chánh-niệm,
Không còn dục-vọng, không còn nắm giữ. (18)

[9. Sự Chấp Thủ (Thủ)]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên là sự chấp-thủ (thủ)]—đây

---

[189] [Tôi đọc câu này theo **Ce** và **Be** là: *evaṃ tattha vijānāti*; khác với **Ee** ghi là: *evaṃ tattha virajjati*. Nhưng mời đọc thêm chú thích 1735 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (188)

là điều quán niệm.

[Khi sự chấp-thủ biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

742. "Sự hiện-hữu có duyên là sự chấp-thủ;
Một chúng sinh hiện-hữu phải bị sự khổ.
Bởi ai sinh ra đều phải chết;
Đây là nguồn gốc sự khổ. (19)

743. "Vì vậy, sau khi đã hiểu chánh đúng,
Sau khi trực-tiếp biết (liễu tri) sự tận diệt sự-sinh (sinh tận),
Thông qua sự tiêu diệt sự chấp-thủ (thủ diệt),
Người trí không còn quay lại sự tái hiện-hữu nữa. (20) [145]

[10. Sự Khởi Sự]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên là sự khởi-sự]—đây là điều quán niệm.

[Khi sự khởi-sự biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

744. "Mọi sự khổ khởi sinh
Đều có duyên là sự khởi-sự.[72]
Khi sự khởi-sự chấm dứt,
Thì không còn khởi sinh khổ. (21)

745. "Sau khi đã-biết sự nguy hại này:
[Sự khổ có duyên là sự khởi-sự],
Sau khi đã từ bỏ tất cả sự khởi-sự,
Người tu được giải thoát trong vô-sự.[73] (22)

746. "Một Tỳ kheo với một cái tâm bình-an,
Đã cắt đứt dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái),
Đã tuyệt dứt sự lang thang trong những sự tái-sinh;[190]
Đối với vị đó không còn sự tái hiện-hữu. (23)

[11. Dưỡng Chất]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên là dưỡng-chất]—đây là điều quán niệm.

[Khi dưỡng-chất biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.[74]

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

747. "Mọi sự khổ khởi sinh
Đều có duyên là dưỡng-chất.
Khi chấm dứt dưỡng-chất
Thì không còn khởi sinh khổ. (24)

748. "Sau khi đã-biết sự nguy hại này:
[Sự khổ có duyên là dưỡng-chất],
Sau khi đã hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) tất cả dưỡng-chất,
Người tu không dính líu dưỡng-chất nào nữa. (25) [146]

749. "Sau khi đã-hiểu chánh đúng trạng thái khỏe mạnh
Thông qua sự diệt sạch những dòng chảy-vào (lậu tận),
Sử dụng với sự quán chiếu, vững vàng trong Giáo Pháp,
Bậc trí sư không còn có thể được chỉ danh (là gì nữa).[75] (26)

[12. Sự Động Vọng]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm

---

190 [Tôi đọc theo **Be** là *vikkhīṇo jātisaṃsāro*, khác với **Ce** và **Ee** ghi là *vitiṇṇo jātisaṃsāro*.] (189)

chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Mọi sự khổ khởi sinh đều có duyên là sự động-vọng]—đây là điều quán niệm.

[Khi sự động-vọng biến sạch và chấm dứt thì không còn khởi sinh khổ]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

750. "Mọi sự khổ khởi sinh
Đều có duyên là sự động-vọng.
Khi chấm dứt sự động-vọng
Thì không còn khởi sinh khổ. (27)

751. "Sau khi đã-biết sự nguy hại này:
[Sự khổ có duyên là sự động-vọng],
Vì vậy sau khi từ bỏ sự xung-động,
Sau khi đã dừng những hành-vi tạo-tác,[76]
Không còn xung-động, không còn chấp-thủ,
Một Tỳ kheo nên du hành một cách có chánh-niệm. (28)

[13. Sự Phụ Thuộc]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Với ai còn phụ thuộc thì có sự dao-động]—đây là một điều quán niệm.

[Người không phụ thuộc thì không dao-động]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

752. "Người không phụ thuộc thì không dao động,
Nhưng người phụ thuộc, chấp-thủ [vào các pháp]
Thì không thoát khỏi vòng luân-hồi,

Hữu sinh thành vầy, hữu sinh thành vậy. (29)

753. "Sau khi đã-biết sự nguy hại này:
[Có hiểm họa lớn trong những sự phụ thuộc],
Trở nên độc lập, hết chấp-thủ,
Một Tỳ kheo nên du hành một cách có chánh-niệm. (30)

[14. Sắc Giới và Vô Sắc Giới]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Các trạng thái vô sắc giới là bình an hơn các trạng thái sắc giới]—đây là điều quán niệm. [147]

[Sự chấm-dứt (tịch diệt) là bình an hơn các trạng thái vô sắc giới]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

754. "Những chúng sinh sống trong sắc giới
Và những chúng sinh trú trong vô sắc giới
Không hiểu được sự chấm-dứt (tịch diệt),
Nên họ cứ quay lại sự tái hiện-hữu. (31)

755. "Nhưng những ai hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sắc giới,
Và (cũng) không ở lại cư trú trong các cõi vô sắc giới,[191]
Những ai được giải-thoát trong sự chấm-dứt (tịch diệt):
Là những người đã đoạn trừ cái chết. (32)

---

[191] [Tôi đọc câu này theo **Be** là: *arūpesu asaṇṭhitā*; khác với **Ce** và **Ee** ghi: *arūpesu susaṇṭhitā* (*đã khéo cư trú trong các cõi vô sắc giới*). Coi thêm chỗ kinh **It 62**,9 (tập kinh '*Phật Thuyết Như Vậy*') của tất cả 03 phiên bản đều ghi câu này là: *arūpesu asaṇṭhitā*, được giải nghĩa bởi luận giảng **It-a II 42**,16 là: *arūpabhavesu appatiṭṭhahantā*.] (190)

- (Nghĩa của thi kệ này: những người đã hiểu các cõi sắc giới và vô sắc giới vẫn là vô-thường, cho nên họ cũng không an phận an trú dài lâu trong các cõi đó, mà họ muốn được giải-thoát trong sự tịch diệt = Niết-bàn, là mục tiêu của đạo Phật, là sự tuyệt dứt mọi dạng hiện-hữu, thoát khỏi sinh tử khổ đau. *Sự chấm-dứt* (tịch diệt) ở đây là chỉ Niết-bàn) (755).]

[15. Sự Thật và Hư Giả]

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Này các Tỳ kheo, trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, trời Brahmā (Phạm thiên),[192] trong thế hệ chúng sinh này có những sa-môn và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, điều được cho "Đây là sự thật" thì những thánh nhân đã nhìn thấy rõ bằng trí-tuệ chánh đúng: "Đây là hư giả"]—đây là điều quán niệm.

[Này các Tỳ kheo, trong thế gian này … điều được cho "Đây là hư giả" thì những thánh nhân đã nhìn thấy rõ bằng trí-tuệ chánh đúng: "Đây là sự thật"]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy … Vị Thầy, nói thêm như vầy:

> 756. "Nhìn xem thế gian với những thiên thần của nó
> Cứ nhìn nhận có ngã trong thứ vô ngã.
> Chỉ dựa trên danh-sắc,
> Rồi họ nhìn nhận (nó): 'Đây là sự thật.' (33)
>
> 757. "Dù họ nhìn nhận nó theo cách nào,
> Nó cũng không phải là vậy.
> Đó thực sự chỉ là sự hư giả,
> Vì bản chất hư giả thì luôn biến đổi.[77] (34) [148]
>
> 758. "Niết-bàn có bản chất không hư giả:
> Những bậc thánh biết đó là sự thật.
> Thông qua sự chứng ngộ tới sự thật,
> Hết thèm khát, họ đã hoàn toàn tịch diệt. (35)

[16. Lạc và Khổ]

---

[192] [**Ee** đã ghi thiếu chữ *sabrahmakassa*, nhưng có ghi trong **Be** và **Ce**. Cả học giả Norman và Jayawickrama đều dịch câu này dựa trên bản **Ee**.] (191)

"Này các Tỳ kheo, nếu ai khác hỏi các thầy 'Có sự quán niệm chánh đúng nào theo cách khác hay không?' thì các thầy nên trả lời họ: 'Có.' Và theo cách nào là có?

[Này các Tỳ kheo, trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, trời Brahmā (Phạm thiên), trong thế hệ chúng sinh này có những sa-môn và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, điều được cho "Đây là lạc" (sướng, hạnh phúc) thì những thánh nhân đã nhìn thấy rõ bằng trí-tuệ chánh đúng: "Đây là khổ"]—đây là điều quán niệm.

[Này các Tỳ kheo, trong thế gian này … điều được cho "Đây là khổ" thì những thánh nhân đã nhìn thấy rõ bằng trí-tuệ chánh đúng: "Đây là lạc"]—đây là điều quán niệm thứ hai.

Khi một Tỳ kheo an trú quán niệm một cách chánh đúng cặp điều như vậy—chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định—thì có thể trông đợi một trong hai (thánh) quả: trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư, là trạng thái Bất-lai."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, nói thêm như vầy:

759. "Những hình-sắc, âm-thanh, mùi-vị, mùi-hương,
Những sự chạm-xúc, và những đối-tượng của tâm—
(sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp)—
Tất cả đều đáng thích, khả ái, dễ chịu,
Họ cứ cho rằng: 'Chúng là vậy'. (36)

760. "Chúng được cho là lạc
Trong thế gian này với những thiên thần của nó;
Nhưng khi chúng không còn (mất đi, chấm dứt)
Thì họ lại cho là khổ. (37)

761. "Các bậc thánh đã thấy được
Sự chấm-dứt cái danh-tính cá thể mới là sự lạc.[78]
Chính sự đi ngược dòng với toàn bộ thế gian
Mới là [trí tuệ] của những bậc nhìn-thấy. (38) [149]

762. "Điều người đời nói là lạc (sướng, hạnh phúc),

Các bậc thánh gọi là khổ.
Điều họ nói là khổ,
Các bậc thánh gọi là lạc.
Hãy nhìn xem Giáo Pháp này, vốn khó hiểu được:
Ở đây người ngu đang bị hoang mang.[193] (39)

763. "Có sự u mê cho những ai bị che mờ,
Sự tăm tối cho những ai không nhìn thấy,
Nhưng nó (Niết-bàn) được mở ra cho những người thiện
Như ánh sáng (mở ra) cho những ai nhìn thấy được.
Những tục tử không thiện khéo về Giáo Pháp[194]
Thì không hiểu được nó ngay cả khi ở gần nó. (40)

764. "Giáo Pháp này vốn không dễ hiểu được
Bởi những ai bị chế ngự bởi tham-muốn được hiện-hữu,
Bởi những ai đang trôi giạt trong dòng hiện-hữu,
Đang lún lầy sâu trong lãnh cõi của Ma Vương. (41)

765. "Đâu có ai khác ngoài những bậc thánh
Có thể hiểu (ngộ) được trạng thái này (tức Niết-bàn)?
Sau khi đã-biết một cách chánh đúng trạng thái đó,
Những vị hết ô-nhiễm (lậu tận) sẽ chứng ngộ Niết-bàn." (42)

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài thuyết giảng này đã được nói, tâm của 60 vị Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm [dòng chảy-vào, lậu hoặc] nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).

---

[193] [**Be** và **Ce** coi 02 câu cuối của đoạn kệ này nối tiếp 02 câu đầu của đoạn kệ kế tiếp thành 01 đoạn kệ riêng, như vậy sẽ thành 03 đoạn kệ 04 câu (vốn có vẻ phù hợp với loại hình thi kệ 04-câu của cả bài kinh). Nhưng tôi làm theo **Ee**, ghi thành 02 thi kệ 06-câu như vầy.] (192)

[194] [Điều cần thiết là nên đọc câu kệ này với dấu chấm câu ngay chỗ này nếu ghi theo cách ghi của **Ee** là: *magā dhammass' akovidā*. Cách ghi của **Be**: *maggā dhammassa kovidā* và của **Ce**: *magā dhammassa 'kovidā* nên được tu chỉnh lại như vậy.] (193)

4. CHƯƠNG "TÁM THI KỆ"

(Aṭṭhaka-vagga)[79]

1. Kinh Dục Lạc (Kāma Sutta)

766. [151] Khi một người phàm mong muốn dục-lạc,
Nếu điều đó có được,
Thì người đó vui sướng trong tâm,
Sau khi đã đạt được điều mình muốn. (1)

767. Nhưng sau khi, (tâm) đầy dục tham,
Một người bị dục kích thích,
Nếu những dục-lạc đó giảm đi,
Thì người đó khổ sở như bị găm một mũi tên. (2)

768. Người nào biết tránh những dục-lạc
Như chân tránh đạp trúng đầu rắn,
Có chánh-niệm, thì sẽ vượt khỏi
Sự dính-mắc này đối với thế gian. (3)

769. Đồng ruộng, đất đai, vàng bạc,
Trâu bò và ngựa, nô lệ và người hầu,
Phụ nữ, người thân họ hàng—khi một người tham lam
Thèm muốn nhiều thứ dục-lạc, (4)

770. Thì ngay cả kẻ yếu cũng hạ được người đó;
Rồi bao trở ngại sẽ đè bẹp người đó.
Rồi khổ đau sẽ tràn vào người đó
Như nước tràn vào một chiếc thuyền đã lủng. (5)

771. Do vậy hãy luôn có chánh-niệm,
Người tu nên tránh xa những dục-lạc.
Sau khi đã dẹp bỏ chúng, thì có thể vượt qua dòng-lũ,
Bằng cách tát nước khỏi thuyền, có thể qua bờ-kia (đáo bỉ ngạn). (6)

2. Kinh Hang Động Tám Thi Kệ (Guhaṭṭhaka Sutta)

772. Kẹt trong hang động, bị bao phủ dày đặc,
Cư trú chìm nghỉm trong sự hoang mang, [152]
Một người như vầy thì còn ở xa với sự tách-ly (ẩn dật),[80]
Vì trong thế gian những dục-lạc thì đâu dễ trừ bỏ. (1)

773. Dựa trên dục, bị dính theo sự thích thú hiện-hữu,
Họ khó buông bỏ, bởi làm gì có sự giải-thoát nhờ tha nhân.
Đã vậy họ chỉ quan tâm tới tương lai hoặc quá khứ,
Nên họ cứ khao khát những dục-lạc hiện tại hay những dục-lạc trước đó. (2)

774. Những người tham dục-lạc, luôn ý định về chúng,
Họ đều ngu mờ, keo kiệt, định phận trong sự bất chính.
Đến khi gặp khổ đau thì họ than khóc:
"Chúng ta sẽ ra sau khi qua đời ở đây?" (3)

775. Bởi vậy một người nên tu học ngay tại đây:
Điều gì trong thế gian một người có thể biết là bất chính,
Thì không nên dựa theo đó mà hành động bất chính,
Vì người trí đã nói cuộc đời là ngắn ngủi. (4)

776. Ta nhìn thấy trong thế gian này dân chúng đang run rẩy khắp nơi,
Dính nặng dục-vọng muốn trạng thái hiện-hữu (hữu ái);
Những người hạ liệt chỉ lảm nhảm trong miệng thần chết,
Chứ không biết tránh bỏ dục-vọng muốn các trạng thái hiện-hữu khác nhau. (5)

777. Nhìn họ đang run rẩy với các thứ họ coi là "của-ta",
Giống con cá mắc kẹt trong suối cạn chỉ còn chút nước.
Sau khi thấy vậy, người tu không nên coi thứ gì là "của-ta",
Không tạo lập sự dính vào những trạng thái hiện-hữu. (6)

778. Sau khi đã loại bỏ dục cả hai đầu (nhân duyên),
Sau khi đã hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sự tiếp-xúc (xúc), hết tham lam,
Không làm bất cứ gì để mình có thể chê trách chính mình,
Người trí không bị dính nhiễm với những thứ được nhìn thấy hay thứ được nghe thấy.[81] (7) [153]

779. Sau khi đã hoàn-toàn hiểu sự nhận-thức (tưởng),
Người tu có thể vượt qua dòng-lũ.
Bậc mâu-ni, không bị dính nhiễm với thứ sở hữu nào,
Đã nhổ bỏ mũi tên, sống chuyên-chú, không còn ham muốn thế gian này hay cõi khác. (8)

3. Kinh Sự Thù Nghịch Tám Thi Kệ (Duṭṭhaṭṭhaka Sutta)

780. Có những người nói với tâm thù nghịch,
Trong khi có những người nói với tâm hướng theo sự thật.
Bậc mâu-ni không tham gia cuộc tranh cãi đã phát sinh;
Vì vậy bậc mâu-ni không có sự cằn-cỗi ở bất cứ đâu.[82] (1)

781. Cách nào để vượt khỏi quan-điểm (kiến) của mình
Nếu người đó, do dục lôi kéo, dính cứng với thiên kiến đó?
Cứ coi [quan-điểm] của mình là hoàn hảo,
Nên người đó hiểu sao nói vậy. (2)

782. Một người, khi không được hỏi,
Mà tuyên bố về giới-hạnh (đức hạnh) và trai-giới của mình,
Bậc thiện khéo nói người đó có bản chất không thánh thiện,
Vì người đó tự mình tuyên bố về mình.[83] (3)

783. Nhưng khi một Tỳ kheo bình an, đã tịch lặng trong tâm,
Không khoát lác về giới-hạnh của mình "Tôi là vầy nè",
Bậc thiện khéo nói vị đó có phẩm chất thánh thiện,
Là người không còn những sự sưng-tấy ở bất cứ đâu trong đời. (4) [154]

784. Người đã hình thành những giáo lý không thanh tịnh,
Kết tập chúng lại và khai triển chúng,
Người đó bị dính theo những ích lợi người đó thấy cho mình,
Dính theo sự bình-an dựa trên những thứ bất-ổn.[84] (5)

785. Sự dính-mắc các quan-điểm là khó thể nào vượt qua;
Sau khi quyết định trong số giáo lý đó, người đó nắm chặt [một quan-điểm].
Bởi vậy, trong số những cơ sở tạo ra sự dính-mắc,

Người đó bác bỏ và nhận lấy một giáo lý.[85] (6)

786. Người đã được thanh tẩy thì dù ở bất cứ đâu
Cũng không hình thành các quan-điểm về các trạng thái hiện-hữu khác nhau.
Sau khi dẹp bỏ sự đạo đức giả và ngã mạn, vậy thì thông qua thứ gì
Mà người đã được thanh tẩy như vậy lại đi [lạc đường],[195]
sau khi người đó đã không còn dính-líu gì?[86] (7)

787. Người còn dính-líu thì vướng vào những tranh cãi về những giáo lý;
Nhưng với người không còn dính-líu nếu tranh cãi với bậc ấy thì tranh cãi về vấn đề gì?
Vì bậc ấy đâu còn chấp lấy hay bác bỏ quan-điểm gì;
Vì bậc ấy đã phủi sạch tất cả mọi quan-điểm này nọ ngay tại đây. (8)

4. Kinh Sự Thanh Tịnh Tám Thi Kệ (Suddhaṭṭhaka Sutta)

788. "[Ta thấy người thanh tịnh, người sức khỏe tối thượng;
Một người thành tựu sự thanh-lọc hoàn toàn nhờ [thông qua] thứ được nhìn thấy (hình sắc).]"
Sau khi đã trực-tiếp biết như vậy,[196] sau khi đã-biết rằng:
"[Đó mới là] tối thượng, ta quán sát người thanh tịnh",
Là người quay về với sự-biết (tri).[87] (1) [155]

789. Nếu người đạt sự thanh-lọc nhờ thứ được nhìn thấy,
Hoặc nếu người trừ diệt sự khổ nhờ sự-biết như vậy,

---

[195] [Nguyên văn câu kệ này: *Sa kena gaccheyya anūpayo so*. Tôi thêm chữ *[đi lạc]* trong ngoặc để bắt được ý của cá cách giải thích khác nhau được đưa ra bởi luận giảng **Pj** II và **Niddesa**. Mời đọc thêm chú thích 1049 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (194)

[196] [Chữ này tôi đọc theo **Be** là *evābhijānaṃ* (= *evaṃ abhijānaṃ*), được ủng hộ bởi sự giải nghĩa trong luận giảng **Pj** II và **Niddesa**. **Ce** và **Ee** thì ghi chữ *etābhijānaṃ* (= *etad abhijānaṃ*).] (195)

Vậy thì ai vẫn còn những sanh-y (cũng có có thể) được thanh lọc nhờ thứ khác (hơn là thánh đạo);
Quan-điểm này nói lên rằng anh ta (bà-la-môn Candābha) là người khẳng định như vậy.[88] (2)

790. Một bà-la-môn đích thực (A-la-hán) thì không nói về sự thanh-lọc nhờ thứ khác; nhờ thứ được nhìn thấy, thứ được nghe,
Hay thứ được cảm-nhận; hay nhờ giới-hạnh và giới-cấm.[89]
(Thay vì vậy) nhờ không còn ố nhiễm bởi điều phước hay điều ác, vị đó đã loại bỏ thứ đã chấp lấy,[90]
Và không tạo tác thứ gì khác ở đây. (3)

791. (Người ngoại đạo) sau khi bỏ (giáo lý) này, theo kia,
Bị lôi đi bởi xung-động (ái), họ không vượt qua sự trói-buộc.
Họ cứ chụp lấy, rồi bỏ đi,
Như con khỉ cứ nắm cành rồi thả cành. (4)

792. Một người sau khi tự mình đã thụ giới (Tỳ kheo)
Rồi cứ trồi sụt lên xuống, dính mắc nhận-thức (vọng tưởng).
Nhưng sau khi bằng sự-biết[197] đã giác ngộ Giáo Pháp,
Người có trí, rộng trí-tuệ, thì không bị trồi sụt lên xuống. (5)

793. Là người xa lánh khỏi mọi hiện-tượng (các pháp, trần),
Khỏi thứ được nhìn thấy, thứ được nghe thấy, thứ được cảm nhận—
Thì ai trong thế gian có thể phân loại được vị đó—
Là bậc kiến-nhãn với đức-hạnh công khai đó—là gì?[91] (6)

794. Họ không tạo tác, họ không có thiên kiến,
Không khẳng định: "[Đây mới là] sự thanh lọc rốt ráo". [156]
Sau khi đã tháo bỏ nút-thắt kiến-chấp vốn đã bị thắt chặt,
Họ không tạo các dục đối với thứ gì trong thế gian nữa. (7)

795. Vì một bà-la-môn là người đã vượt khỏi ranh giới,

---

[197] [Ở đây ghi chữ *vedehi* (*sự-biết*, *tri*) là chữ số nhiều, có lẽ để tạo nên sự tương phản với *Veda* (Vệ-đà, các kinh Vệ-đà) của các bà-la-môn.] (196)

Là người đã-biết và đã-thấy, không còn nắm chặt điều gì.
Không bị kích động bởi tham hay ỷ lại sự vô-tham [chán-bỏ],
Vị đó không còn chấp thứ gì ở đây (đời này) là tối thượng. (8)

5. Kinh Sự Tối Thượng Tám Thi Kệ (Paramaṭṭhaka Sutta)

796. Tự cho [quan-điểm của mình] là tối thượng trong các loại quan-điểm,
Khi một người tôn sùng một pháp nào là nhất trong thế gian,
[Rồi so sánh] người đó nói mọi pháp khác là "thấp kém":[92]
Bởi do vậy người đó không thoát khỏi những sự tranh cãi. (1)

797. Khi một người thấy có ích-lợi nào cho mình
Trong thứ được nhìn thấy, thứ được nghe,
Thứ được cảm nhận, hoặc trong giới-hạnh và giới-cấm,
Sau khi cố chấp mỗi (quan-điểm) đó,
Người đó coi mọi (quan-điểm) khác là thấp kém. (2)

798. Bậc thiện khéo nói điều đó giống như một nút-thắt,
Khi một người dính theo nó và coi các (quan-điểm) khác là thấp kém.
Bởi vậy một Tỳ kheo thì không nên dính theo thứ được nhìn thấy,
Theo thứ được nghe thấy hay được cảm nhận,
Hay theo giới-hạnh và giới-cấm. (3) [157]

799. Cũng không nên tạo thêm quan-điểm nào trong thế gian
Bằng phương tiện là sự-biết, giới-hạnh và giới-cấm.
Không nên coi mình là "bằng" ai,
Hoặc coi mình là "thấp kém" hay "cao siêu" hơn ai." (4)

800. Sau khi đã dẹp bỏ điều đã cố chấp, không còn chấp-thủ,
Không nên tạo sự tùy-thuộc vào ngay cả sự-biết (tri),
Không phe phái trong giữa những người chia phái,
Không nên rớt vào bất kỳ quan-điểm (kiến chấp) nào. (5)

801. Đối với người ở đây không mong-muốn đối với đầu nào,
Đối với các trạng thái (cõi) hiện-hữu ở đây hay trên kia;

Không nắm giữ các nơi [để] cư trú nào
Sau khi đã quyết định trong những giáo thuyết.[93] (6)

802. Vị đó không hình thành một ý-niệm nào dù vi tế
Về thứ được thấy, thứ được nghe, thứ được cảm nhận ở đây (trong kiếp này),
Vậy thì ai trong thế gian có thể phân loại được vị đó—
Là một bà-la-môn đó không còn kiến-thủ nào—? (7)

803. Họ không còn tạo tác, họ không còn thiên kiến;
Ngay cả những giáo lý họ cũng không ôm giữ. [158]
Bà-la-môn (đích thực) thì không thể bị dẫn dắt bởi (sự chấp nhất) giới-hạnh và giới-cấm;
Bậc vô thiên vị đó, đã qua bờ-kia, không còn bị rớt lại.[94] (8)

6. Kinh Sự Già (Jarā Sutta)

804. Ôi ngắn thay kiếp sống này;
Ai cũng chết dưới một trăm năm.
Ngay cả có ai sống lâu hơn,
Rồi cũng chết đi vì già. (1)

805. Người đời sầu khổ vì những thứ họ nhận lầm là "của-ta"
Bởi đâu có thứ sở hữu nào thường hằng bất hoại.
Sau khi đã nhìn thấy sự chia-ly này,
Một người không nên sống đời sống tại gia. (2)

806. Cái gì một người nhìn nhận "Đây là của-ta",
Thì khi chết cũng bỏ lại nó.
Sau khi đã hiểu điều này, một người có trí, đệ tử của ta,
Không nên có xu hướng (thói tâm) coi các thứ là "của-ta". (3)

807. Giống như lúc tỉnh dậy sau khi ngủ
Một người đâu thấy có thứ gì như đã gặp trong mơ, [159]
Tương tự vậy, đâu thể gặp lại người thân yêu
Sau khi họ đã chết và qua đời. (4)

808. Mặc dù họ đã được nhìn thấy và nghe thấy,
Và được biết bởi tên là vầy, tên là vậy,

Nhưng sau khi một người chết đi,
Chỉ còn cái tên để gọi mà thôi. (5)

809. Những ai tham lam những tài sản cá nhân
Thì không thoát khỏi sự buồn sầu, ai oán, và tâm keo kiệt.
Bởi vậy những mâu-ni, những bậc nhìn thấy sự an-toàn,[95]
Sống du hành sau khi đã từ bỏ mọi sở hữu. (6)

810. Khi một Tỳ kheo sống thu thúc (thu tâm),
Lui về chỗ ngồi tu ẩn dật,
Họ nói rằng sẽ phù hợp nếu Tỳ kheo đó
Không được thấy cứ sống hoài ở một chỗ cố định.[96] (7)

811. Những mâu-ni không tùy thuộc theo thứ gì;[97]
Không chấp thứ gì là dễ chịu, thứ gì là khó chịu.
Sự than oán và tính keo kiệt không còn dính vị ấy
Như nước không bám trên lá. (8)

812. Như giọt nước không dính trên lá sen,
Hoặc nước không dính trên hoa sen,
Một mâu-ni không dính chấp thứ gì trong những thứ
Được nhìn thấy, được nghe, hay được cảm nhận. (9) [160]

813. Người đã thanh tẩy thì do đó không còn nhìn nhận
Thứ được nhìn thấy, được nghe, hay được cảm nhận là gì.
Không cầu ước có được sự thanh-lọc nhờ thứ khác,
Vì vị đó đã trở thành 'không si-mê cũng không chán-bỏ'.[98]
(10)

7. Kinh Tissa Metteyya (Tissa Metteyya Sutta)

814. (Ngài Tissa Metteyya nói:)
"Với ai thích thú dâm dục,
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho con về sự khổ sở (của nó).
Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn,
Chúng con sẽ tu tập trong sự tách-ly (lánh trần, ẩn dật)."[99] (1)

815. (Đức Thế Tôn nói: "Này Metteyya",)
"Khi ai thích thú dâm dục,

Thì ngay cả giáo lý cũng bỏ quên,
Và người đó tu tập sai trái:
Đây là sự bất thánh thiện trong người đó. (2)

816. "Người tu trước đây sống độc thân
Nhưng giờ tìm đến chuyện dâm dục
Thì giống chiếc xe đã chạy lạc bậy:
Trong thế gian người đó được gọi là người phàm hèn. (3)

817. "Mọi tiếng tốt và lời khen có được trước đây,
Đều rớt khỏi người tu đó.
Sau khi nhìn thấy điều này, một người nên tu học
Để dẹp bỏ sự dâm dục. (4)

818. "Rồi bị áp lực bởi những ý nghĩ của mình,
Người đó nghĩ suy như một kẻ khốn khổ.
Khi nghe lời quở trách của người khác,
Người như vậy thấy bị nhục nhã. (5)

819. "Rồi người đó chuẩn bị vũ khí [phòng vệ]
Mỗi khi bị phỉ báng bởi lời chỉ trích của người khác.
Điều này giống như khu rừng lớn (bao vây) người đó,
Nên người đó bị chìm trong những lời-nói sai trái.[100] (6)

820. "Người đó từng được biết là người có trí
Khi xưa quyết tâm sống tu độc thân,
Nhưng sau khi người đó dính vào chuyện dâm dục,
Như một kẻ ngu, người đó dính vào khổ đau. (7) [161]

821. "Sau khi đã-biết sự nguy-hại
Ở đây trong thời trước và sau,[101]
Một mâu-ni nên nhất quyết sống độc thân;
Không nên dính vào chuyện dâm dục. (8)

822. "Người tu nên tu học chỉ trong sự tách-ly (ẩn dật);
Điều này là tối thượng trong số những bậc thánh.
(Nhưng) không nên nhìn nhận mình là nhất vì điều này:[102]
Như vậy người đó thật sự gần với Niết-bàn. (9)

823. "Khi một mâu-ni sống trống không,[103]

Bàng quan với những dục-lạc,
Những người bị trói buộc với dục-lạc thì ghen tỵ với vị đó,
Đó là một bậc đã vượt qua dòng-lũ." (10)

8. Kinh Pasūra (Pasūra Sutta)

824. "Họ tuyên bố 'Chỉ ở đây là sự thanh tịnh';
Họ nói không có sự thanh lọc trong những giáo lý khác.
Cứ tuyên bố những thứ mình dựa vào là tuyệt vời,
Nên nhiều người bị kẹt trong những [sự thật] riêng biệt.[104] (1)

825. "Ham muốn tranh biện, sau khi lao vô hội chúng,
Thành các cặp cãi nhau cáo buộc nhau là đồ ngu.
Mỗi người đức tin khác nhau khẳng định luận điểm của họ,
Họ muốn được khen, muốn tuyên bố mình là tài giỏi [thiện khéo]. (2)

826. "Hăng nói giữa hội chúng,
Mong muốn được khen ngợi, nên người cãi bị bất-an.
Nếu điều mình khẳng định bị bác bỏ, thì thấy nhục nhã.
Khi bực tức vì bị chê bai, thì vạch lá tìm sâu [ở đối thủ]. (3)
[162]

827. "Khi bị nói điều mình khẳng định là khiếm khuyết,
Và những người phán quyết coi điều đó đã bị bác bỏ,
Kẻ thua ai oán và buồn sầu,
Rồi than vãn: 'Hắn đã vượt hơn ta'. (4)

828. "Những tranh cãi này đã phát sinh giữa những tu sĩ;
Vì từ những cuộc cãi, kẻ được hân hoan và người thì bực tức.
Sau khi nhìn thấy điều này, người tu nên tránh tranh luận,
Vì đâu được ích-lợi gì ngoài mấy lời khen và lợi lộc. (5)

829. "Tuy nhiên, nếu như người cãi được khen ngợi ở đó
Sau khi đã tuyên bố giáo thuyết của mình giữa hội chúng,
Kẻ đó lại phấn-khích vì điều đó và sưng phồng sự tự-hào,
Sau khi đã đạt được ích lợi theo như mình mong muốn. (6)

830. "Dù sự tự-hào của mình là căn cứ của phiền-khổ,

Nhưng kẻ đó vẫn cứ nói từ sự tự-ta và ngạo-mạn.
Sau khi nhìn thấy điều này, người tu không nên tranh cãi;
Vì bậc thiện khéo nói nó chẳng đưa đến sự thanh-lọc nào. (7)

831. "Làm như người hùng, được nuôi bằng cơm của vua,
Ra mặt sấm sét, cố tìm đối thủ (để tranh biện),
Ông cứ nhào tới đó [tới hướng đối thủ], này Sūra;[198]
Đây đã thuộc về quá khứ, đâu còn chỗ cho cuộc (khẩu) chiến nào nữa.[105] (8)

832. "Nếu họ cứ nắm giữ một quan-điểm và tranh luận
Và khẳng định 'Chỉ điều này là đúng', [163]
Thì ông hãy nói với họ rằng: 'Sau khi cuộc cãi phát sinh
Ở đây không có đối thủ nào cho các ông cả.'. (9)

833. "Nhưng trong số những người sống lánh xa,[106]
Không phản đối quan-điểm này bằng quan-điểm khác,
Vậy thì ông đắc được gì ở đây, này Pasūra,
Từ những người không chấp điều nào là tối thượng cả? (10)

834. "(Chưa kể) giờ ông đã đến đây suy tính
Và thiết đặt 'những quan-điểm do suy đoán' trong tâm mình.
Ông đã đụng phải người là bậc thanh-tịnh (tức Phật):
Thực sự, ông sẽ không thể (cãi) thắng được gì." (11)

9. Kinh Māgandiya (Māgandiya Sutta)

835. "Sau khi nhìn thấy Taṇhā, Aratī, và Ragā,
Mà ta còn không muốn gì về tính dục,
Vậy tại sao [ta lại muốn] (thân) này, đầy nước tiểu và phân?
Ta không muốn chạm vào cô ta, ngay cả bằng chân ta."[107] (1) [164]

836. "Nếu ngài không muốn một viên ngọc như vầy,
Một phụ nữ được nhiều quan chúa thèm muốn,

[198] [Tôi coi chữ *sūra* ở đây, có nghĩa là "*người hùng*", đó là tên tắt của tên *Pasūra* của du sĩ *Pasūra* (đã được nói trong chú thích ở đầu kinh).] (197)

Thì loại quan-điểm nào, giới-hạnh và giới-cấm nào,
Lối sống, sự hiện-hữu và tái sinh nào ngài đã tín thủ?" (2)

837. (Đức Thế Tôn nói: "Này Māgandiya",)
"Sau khi đã quyết định trong số những giáo lý,
Điều này không xảy ra với ta: 'Tôi khẳng định điều này',
[Như một quan-điểm] được khư khư nắm giữ.
Nhưng khi nhìn vào các quan-điểm này nọ, không nắm giữ cái nào trong chúng,
Sau khi điều tra (và ngộ được sự thật), ta đã nhìn thấy sự bình-an bên trong."[108] (3)

838. (Māgandiya nói:)
"Đúng vậy, này bậc mâu-ni, ngài nói mà không nắm giữ
Những phán quyết đã được hình thành như vậy.
Còn vấn đề được gọi là "sự bình-an bên trong",
Bậc trí tuệ tuyên thuyết ra sao?" (4)

839. (Đức Thế Tôn nói: "Này Māgandiya",)
"Sự thanh-lọc là nhờ quan-điểm, hay nhờ sự-học hay sự-biết,
Hay nhờ giới-hạnh và giới-cấm—ta không nói vậy;
Nhưng cũng không phải không có quan-điểm, không sự-học, không sự-biết,
Hay không có giới-hạnh và giới-cấm—không phải như vậy.[109]
Nhưng, sau khi đã từ bỏ những điều đó, không nắm giữ điều nào trong chúng,
Được bình-an, không tùy-thuộc, người tu không nên khao khát sự hiện-hữu." (5)

840. (Māgandiya nói:)
"Nếu thật có ai nói rằng: sự thanh-lọc là không nhờ quan-điểm, không nhờ sự-học hay sự-biết,
Cũng không nhờ giới-hạnh và giới-cấm; [165]
Cũng không phải không có quan-điểm, không sự-học, không sự-biết,
Không giới-hạnh và giới-cấm—không phải như vậy,

Thì tôi nghĩ đây là một giáo lý hoàn toàn ngu mờ;
Bởi vì cũng có người quay lại (biết) sự thanh-lọc nhờ có
[phương tiện] quan-điểm (kiến chấp) mà." (6)

841. (Đức Thế Tôn nói: "Này Māgandiya",)
"Hỏi đi hỏi lại trong khi vẫn phụ thuộc vào một kiến chấp,
Thì ông càng bị mờ rối với những điều ông đã nắm chặt.
Nhưng từ 'điều này' ông đã không đạt được manh mối nào;
Vì vậy ông coi nó là hoàn toàn ngu mờ.[110] (7)

842. "Một người nghĩ mình 'bằng', 'tốt hơn' hoặc 'kém hơn'
Thì có thể dính vào những tranh cãi vì lý do đó.
Nếu ai không dao động trong mấy sự phân biệt đó,
Thì người đó không nghĩ mình 'bằng' hay 'hơn' ai.' (8)

843. "Tại sao bà-la-môn đó cứ khẳng định 'Này là đúng',
Hoặc đi cãi với ai 'Này là sai'?
Nếu đối với ông ta không có ai 'bằng' hay ai 'hơn'
Thì đâu có ai để ông ta tranh cãi? (9)

844. "Sau khi xuất gia đi lang thang không cõi cư trú,
Trong làng bậc mâu-ni không thân mật với ai.
Không có những dục-lạc, không có những thiên kiến,
Không nói chuyện có thể tạo tranh cãi với dân chúng.[111] (10)

845. "Khi du hành tách-ly khỏi những thứ trong thế gian,
Bậc long tượng [nāga] không nắm giữ hay tín thủ vào
chúng.[112] [166]
Như bông sen trên cuốn gai, được sinh ra trong nước,[199]
Nhưng không bị ố nhiễm bởi nước và bùn,
Cũng vậy bậc mâu-ni, người theo đuổi sự bình-an, hết tham,
Thì không bị ố nhiễm bởi những dục-lạc và thế gian. (11)

846. "Do một quan-điểm[200] hay do một ý kiến,

---

[199] [Câu này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là: *elambujaṃ kaṇṭakaṃ vārijaṃ yathā*. **Be** thì bắt đầu bằng chữ *jalambujaṃ*.] (198)

[200] [Chữ này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *diṭṭhiyā*; khác với **Be** ghi là *diṭṭhiyāyako*.] (199)

Một bậc thầy Vệ-đà không trở nên kiêu ngạo,
Vì vị ấy không nhận mình là chúng.
Không bị dẫn dắt bởi nghiệp hay bởi điều được nghe,
Vị ấy không bị lôi kéo tới (tái sinh) cõi trú nào. (12)

847. "Đối với người đã tách ly khỏi sự nhận-thức (tưởng) thì không còn những nút-thắt;
Đối với người đã được giải-thoát bằng trí-tuệ thì không còn những ngu-si.
Nhưng những ai đã nắm giữ những nhận-thức (tưởng) và những quan-điểm này nọ (kiến),
Thì đi lại trong thế gian tạo ra sự xích-mích."[113] (13)

10. Kinh Trước Khi Tan Rã (Purābheda Sutta)[114]

848. "Nhìn thấy cách nào, hành xử cách nào,
Một người được nói là 'bình-an'?[115]
Khi được con hỏi, hỡi đức Cồ-đàm,
Xin hãy mô tả về người tối thượng là như nào." (1)

849. (Đức Thế Tôn trả lời:),
"Hết sạch dục-vọng (ái tận) trước khi tan rã,
Không còn tùy thuộc quá khứ,
Không được quy tính ở giữa,
Vì đối với vị ấy không còn những thiên kiến.[116] (2) [167]

850. "Vị ấy không còn sân, không sợ sệt,
Không khoe khoang, không hối tiếc,
Suy xét quán chiếu khi nói, không bất an:
Vị ấy thực sự là một mâu-ni tự chủ về lời nói. (3)

851. "Vị ấy không còn dính mắc đối với tương lai;
Không buồn sầu về quá khứ.
Là bậc nhìn-thấy sự ẩn-dật giữa bao sự tiếp-xúc,
Vị ấy không bị dẫn lạc giữa những quan-điểm (tà kiến). (4)

852. "Thu thúc, không mưu tính toan tính,
Không thèm khát, không keo kiệt,

Lễ độ, không đáng ghê tởm [về mặt đạo đức],
Không ý định phỉ báng (bất cứ ai). (5)

853. "Không bị cuốn trôi bởi sự thụ hưởng,
Và không bị sưng tấy với sự kiêu ngạo;
Hiền từ, được phú với sự tinh nhạy,
Không cả tin, không tăng thêm sự chán-bỏ nữa.[117] (6)

854. "Vị đó không phải đi tu vì ham muốn lợi lộc,
Cũng không bực bội vì thiếu lợi lộc.
Không hiềm thù; vị đó không khao khát những hương-vị
(Thơm ngon) vì sự thèm-khát (dục-vọng).[118] (7)

855. "Buông-xả, luôn có chánh-niệm,
Trong thế gian không nhìn nhận bản thân
Là bằng, hơn hay kém hơn ai:
Đối với vị đó không còn những sự sưng-tấy. (8)

856. "Không có những sự phụ thuộc (vào ái và kiến)—
Sau khi đã-biết Giáo Pháp, vị đó độc lập.
Trong vị đó không còn thấy có dục-vọng (ái)
Muốn được hiện-hữu hay không hiện-hữu. (9)

857. "Ta gọi vị đó là 'bình-an',
Là người không màng những dục-lạc.
Bên trong vị đó không thấy còn những nút-thắt;
Vị đó đã vượt qua sự ràng buộc dính mắc. (10)

858. "Vị đó không có con cái hay gia súc,
Cũng không sở hữu của cải hay đất đai. [168]
Bên trong vị đó không còn thấy điều gì
Được chấp lấy hay bác bỏ. (11)

859. "Những điều mà người ta nói về vị đó—
(Bởi) những phàm phu và các sa-môn và bà-la-môn (xấu)—
Thì vị đó không coi trọng;
Vì vậy vị đó không bị quấy động bởi những lời đó.[119] (12)

860. "Hết tham, hết tâm keo kiệt,
Bậc mâu-ni không nói [về bản thân mình]

Là cao siêu, hoặc bằng, hoặc thấp kém hơn ai.
Không còn phó mặc cho sự tạo-tác của tâm,
Vị ấy không còn dính vào những sự tạo-tác của tâm. (13)

861. "Người không nhận thứ gì trong thế gian là của mình,
Và không buồn sầu với thứ gì thiếu vắng,
Là người không dính vào các thứ (vì đã hết tham, sân, si):
Vị đó đúng thực được gọi là 'bình-an'." (14)

11. Kinh Tranh Cãi Và Tranh Chấp (Kalahavivāda Sutta)

862. "Những tranh cãi và tranh chấp phát sinh từ đâu,
Sự ai oán, sự buồn sầu, và tính keo kiệt?
Sự tự-ta (ngã mạn) và sự kiêu-ngạo phát sinh từ đâu,
Cùng với sự phỉ báng? Xin nói cho con biết." (1)

863. "*Sự cải vã và tranh chấ*p phát sinh từ thứ muốn có,
Sự ai oán, buồn sầu, và tính keo kiệt cũng vậy,
Sự tự-ta và sự kiêu-ngạo cùng với sự phỉ báng cũng vậy.[120]
Những tranh cãi và tranh chấp nối kết tính keo kiệt
Và phỉ báng xảy ra sau khi tranh chấp khởi sinh."[201] (2) [169]

864. "*Những thứ muốn có* trong thế gian khởi sinh từ đâu,
Và những trạng thái tham đó có đầy khắp thế gian?
Sự thèm muốn và sự thỏa mãn khởi sinh từ đâu,
Mà một người lại có mấy sự đó về tương lai?"[121] (3)

865. "*Những thứ muốn có* trong thế gian phát sinh từ dục,
Và từ đó những trạng thái tham có đầy khắp thế gian.
Từ đây phát sinh sự thèm muốn và sự thỏa mãn
Mà một người có mấy sự đó về tương lai."[122] (4)

866. "*Dục* trong thế gian phát sinh từ đâu?
Và từ đâu những phán quyết này nọ cũng phát sinh,
Cả sự sân giận, lời nói sai trái, và sự ngu mờ,

[201] [Trong bản gốc tiếng Pāli thì thi kệ này là thi kệ 05 câu.] (200)

Và những sự [khác] mà bậc Sa-môn (Phật) đã đề cập?"[123] (5)

867. "Dục phát sinh dựa trên thứ họ cho là sướng (dễ chịu)
Hay cho là khổ (khó chịu) trong thế gian.
Sau khi nhìn thấy sự trở-thành và biến-diệt của các thứ,
Một người hình thành sự phán quyết trong thế gian.[124] (6)

868. "Sự sân giận, lời nói sai trái, và sự ngu mờ:
Những sự này cũng khởi sinh khi so đo hai-mặt (sướng-khổ).
Người ngu-mờ thì nên tu học theo con-đường của sự-biết;
Sau khi đã-biết: bậc Sa-môn đã nói rõ những điều này." (7)

869. "*Sự sướng và sự khổ* phát sinh từ đâu?
Khi thứ gì không có thì không có những sự này?
Cũng như đối với vấn đề sự trở-thành và biến-diệt,
Hãy nói cho con biết từ đâu nó phát sinh." (8)

870. "Sự sướng và sự khổ phát sinh từ sự tiếp-xúc (xúc);
Khi không có sự tiếp-xúc thì không có những sự này. [170]
Đối với vấn đề sự trở-thành và biến-diệt,
Ta nói với các vị nó phát sinh từ (sự tiếp-xúc) này." (9)

871. "*Sự tiếp-xúc* trong thế gian phát sinh từ đâu?
Từ đâu những sự sở hữu cũng phát sinh?
Khi thứ gì không có thì không có sự chấp là 'của-ta'?
Sau khi thứ gì biến diệt thì sự tiếp-xúc không tiếp xúc ai?" (10)

872. "Những sự tiếp-xúc[202] là tùy thuộc vào danh và sắc;
Những sự sở hữu thì dựa trên dục.
Khi dục không còn[203] thì không có sự chấp là 'của-ta'.
Sau khi sắc thân đã biến diệt thì sự tiếp-xúc đâu tiếp xúc ai."[125] (11)

---

[202] [Chữ này tôi đọc là chữ số nhiều theo cách ghi của **Ce** và **Ee**: *phassā*. **Be** thì ghi dạng số ít.] (201)

[203] [Khác với **Ee** ghi là: *icchā na santyā*, tôi đọc chỗ này theo **Be** và **Ce** là tuyệt đối từ sở cách: *icchāy'asantyā*. Đây cũng là cách ghi câu này trong luận giảng **Niddesa**, được ủng hộ bởi sự giải nghĩa.] (202)

873. "Người tu chứng đắc cách nào để sắc thân biến mất?
Cách nào sự sướng và khổ cũng biến mất?
Hãy nói cho chúng còn, làm cách nào chúng biến mất.[126]
Chúng con muốn biết điều đó—đó là ý nghĩ của con." (12)

874. "Không có tưởng thông qua sự tưởng
(Không có nhận-thức thông qua sự nhận-thức),
Không có tưởng thông qua sự loạn tưởng
(Không có nhận-thức thông qua sự nhận-thức rối loạn),
Không phải tất thảy không có tưởng,
Không có tưởng về thứ đã biến mất:
Sắc thân sẽ biến mất đối với người đã chứng đắc như vậy,
Vì những khái niệm do phóng tâm đều dựa trên tưởng."[127]
(13)

875. "Ngài đã giảng giải cho chúng con mọi điều đã hỏi.
Xin hỏi thêm điều khác: hãy nói cho chúng con. [171]
Có phải những người trí ở đây nói rằng tại điểm này:
Đây là sự thanh-lọc cao nhất về tâm linh,[128]
Hay họ nói khác vầy?"[204] (14)

876. "Một số người trí nói rằng tại điểm này:
Đây là sự thanh-lọc cao nhất về tâm linh.
Nhưng[205] một số họ, sau khi tuyên bố (mình) là thiện khéo,
Có nói về một sự chứng đắc không còn tàn-dư.[129] (15)

877. "Sau khi đã-biết các (trạng thái) này vẫn là 'tùy-thuộc",
Và sau khi đã-biết 'những sự tùy-thuộc' đó, bậc mâu-ni, bậc trạch pháp,
Sau khi đã-biết, đã được giải-thoát, không còn dính vào những tranh chấp;[130]
Bậc trí tuệ không còn đi đến những trạng thái hiện-hữu khác nhau." (16)

---

[204] [Đây là một thi kệ 05 câu kệ.] (203)

[205] [Chữ này tôi đọc là *pan'eke* theo cách ghi của **Be** và Ce, khác với **Ee** ghi là *pun'eke*.] (204)

12. Tiểu Kinh Phân Bố (Cūḷaviyūha Sutta)

878. "Mỗi người cư trú trong quan-điểm của mình,
Khi tranh cãi, người tài giỏi thì khẳng định khác nhau:
'Rằng ai biết điều này là người đó hiểu Giáo Pháp;
Còn phản bác điều này là người đó không toàn vẹn.' (1)

879. "Sau khi đã tranh luận như vậy, họ tranh chấp và nói:
'Đối phương là ngu, là bất tài.'
Vậy điều khẳng định (của ai) trong số đó là đúng,
Bởi vì trong khi tất cả họ đều cho mình là giỏi [thiện khéo]?" (2) [172]

880. "Nếu ai không công nhận giáo lý của đối phương
Thì do vậy là một người ngu, người thô lỗ,[206] thiếu trí-tuệ,
Như vậy tất cả đều là người ngu, toàn thiếu trí-tuệ:
Bởi vì tất cả họ đều cư trú trong quan-điểm của mình. (3)

881. "Nhưng nếu nhờ các quan-điểm của họ mà họ được thanh tẩy,[207]
Được thanh tịnh về trí-tuệ, thiện khéo, thông minh,
Như vậy đâu ai trong số họ thiếu hụt về trí-tuệ,
Bởi vì họ đều cố chấp các quan-điểm của họ theo kiểu giống nhau. (4)

882. "Ta (Phật) thì không nói điều bên nào là đúng,
Trong khi những người ngu đang thành cặp cãi nhau.
Họ đều cho quan-điểm của mình là sự thật;
Do vậy họ cho rằng đối phương là kẻ ngu." (5)

883. "Điều mấy người này nói là 'thật, đúng',

---

206 [Chỗ này đọc theo **Ce** và **Ee** là**:** *bālo mago*; khác với **Be** ghi là: *bālomako*.] (205)

207 [Có cả 02 cách ghi phủ định và khẳng định của câu này. Tôi làm theo cách ghi khẳng định của **Ee** là: *sandiṭṭhiyā **ce** pana vīvadāt*; khác với cách ghi của phủ định của **Ce** là: *sandiṭṭhiyā c'eva na vevadātā* và của **Be** là: *sandiṭṭhiyā c'eva na vīvadātā*. **Pj II** đã giải nghĩa dựa trên cơ sở cách ghi phủ định nhưng lại thừa nhận cách ghi khẳng định là một cách ghi khác được chấp nhận.] (206)

Mấy người khác lại nói là 'rỗng, sai'.
Sau khi tranh luận như vậy, họ tranh chấp.
Vì sao những sa-môn không nói đồng nhất với nhau?" (6)

884. "Thực ra, 'sự thật thì chỉ có một—đâu có hai';
Ai hiểu được điều này thì không còn tranh chấp.[208]
Nhưng họ cứ tuyên bố nhiều sự thật khác nhau;
Cho nên những sa-môn không nói đồng nhất nhau." (7) [173]

885. "Nhưng tại sao họ tuyên bố nhiều sự thật khác nhau
Rồi những người hùa theo vậy tuyên bố mình là thiện khéo?
Có phải những sự thật đó là nhiều và đa dạng,
Hay chỉ vì họ dính theo một dòng lý giải nào đó?" (8)

886. "Những sự thật chắc chắn không phải nhiều và đa dạng,
Ngoại trừ do nhận thức [sai lầm] những thứ trong thế gian là thường hằng.
Nhưng do đã hình thành sự lý giải các quan-điểm này nọ,
Cho nên họ khẳng định hai-mặt 'đúng' và 'sai'. (9)

887. "'Thứ được thấy, thứ được nghe, giới-hạnh và giới-cấm,
Và thứ được cảm nhận'—khi ỷ lại những thứ này, người đó thể hiện sự khinh thường (đối phương).
Chỉ dựa trên sự suy đoán, rồi chế nhạo, người đó nói:
'Đối phương là kẻ ngu, không thiện khéo.'[131] (10)

888. "Khi anh ta coi đối phương là kẻ ngu,
Cùng luận điệu đó mô tả mình là 'thiện khéo'.
Tự ý, tự tuyên bố mình là thiện khéo,
Anh ta khinh thường người khác, (mà họ là những người)
cũng nói giọng kiểu như anh ta.[209] [132](11)

889. "Bị thổi phồng bởi quan-điểm cực đoan,
Bị say sưa với tính ngã-mạn, tự cho mình hoàn hảo,

---

[208] [Tôi đọc câu này theo **Be** và **Ce** là: *yasmiṃ pajā no vivade pajānaṃ*, vốn cũng được ủng hộ bởi luận giảng **Pj II**. **Ee** thì ghi là: *yasmiṃ pajāno vivade pajānaṃ*.] (207)

[209] [Đọc chỗ này theo **Ce** và **Ee** là: *tath'eva*; khác với **Be** ghi là: *tadeva*.] (208)

Tự ý, tự tâm 'phong thánh' cho chính mình,
Vì quan-điểm đó của anh ta được cố chấp theo kiểu như vậy. (12)

890. "Nếu đối phương nói ông A là thiếu (trí tuệ),
Vậy chính đối phương cũng là thiếu trí-tuệ chứ đâu khác gì.
Nhưng nếu ông A là một bậc thầy hiểu-biết, một bậc trí,[133]
Vậy thì đâu có ai trong số sa-môn đó là người ngu. (13) [174]

891. "Những ai cứ khư khư chấp rằng:
'Giáo lý nào khác với điều này coi như là khiếm khuyết',
Thì họ đã thất bại, không đạt được sự thanh-lọc nào:
Vậy đó, những người giáo phái cứ nói những kiểu khác nhau,
Bởi vì họ cũng dính kẹt với những quan-điểm của họ.[134] (14)

892. "Lại có mấy người cứ khư khư: 'Chỉ đây là sự thanh-lọc;
'Không có sự thanh-lọc nào trong những giáo lý khác'.
Tới lượt những người giáo phái cũng bảo thủ
Theo Những người giáo phái này cũng cố chấp như vậy
Cũng khẳng định theo cách (nghĩ) của mình. (15)

893. "Mình cứ khư khư cố chấp theo cách của mình,
Đối phương nào ở đây mình cứ gọi họ là kẻ ngu?
Trong khi chính mình là kẻ gây ra sự xung đột
Bằng cách gọi đối phương là kẻ ngu, bản chất bất tịnh. (16)

894. "Chỉ dựa vào sự suy đoán, tự lấy mình là 'chuẩn mực',
Tiếp tục nhảy vào những tranh cãi khác trong đời.
Chỉ sau khi trừ bỏ tất cả mọi phán-đoán, thì
Một người không còn gây ra sự xung đột trong đời." (17)

13. Đại Kinh Phân Bố (Mahāviyūha Sutta)

895. "Những người cư trú trong quan-điểm này nọ,
Họ tranh cãi, nói rằng 'Chỉ điều này là đúng':
Thì tất cả họ chỉ nhận lấy lời chê bai
Hay cũng có người nhận được lời khen?" (1) [175]

896. "[Lời khen] chỉ tựa lông hồng, đâu đủ để bình-an;
Ta nói có hai quả của sự tranh chấp.
Sau khi đã nhìn thấy điều này, thì không nên tranh chấp,
Nhìn thấy được giai đoạn không tranh chấp mới là sự an-toàn.[135] (2)

897. "Dù có những ý-kiến thường tình thế tục nào,
Người có trí thì không dính vô chúng.
Cớ gì người không dính líu mà bị dính líu
Khi mình đâu chấp nê theo thứ được thấy, được nghe?[136] (3)

898. "Người coi giới-hạnh là tối thượng thì nói
Sự thanh-lọc có được nhờ sự tự-chủ (kiềm chế).
Sau khi đã thụ lãnh một giới kiêng-cữ, họ bám trụ trên đó,
Và nghĩ rằng: 'Hãy tu tập ngay đây, rồi sẽ có sự thanh-lọc.'[210]
Tự xưng là thiện khéo, họ bị dẫn dắt trở lại sự hiện-hữu. (4)

899. "Khi người đó khi bị rớt khỏi giới-hạnh và giới-cấm,
Rồi run rẩy vì mình đã thất bại trong hành-động của mình.
Người đó khao khát và mong mỏi sự thanh-lọc ở đây,[137]
Giống như kẻ lữ hành đã lạc khỏi đoàn lữ hành của mình. (5)

900. "Nhưng sau khi dẹp bỏ tất cả giới-hạnh và giới-cấm,
Và những nghiệp đó, đáng trách và đáng chê, [176]
Không khao khát sự thanh-tịnh hay sự không thanh-tịnh,
Người tu nên sống tách-biệt, không nắm chấp sự bình-an.[138]
(6)

901. "Dựa theo sự khổ hạnh và sự cẩn trọng tỉ mỉ,[211]

---

[210] [Chữ này tôi làm theo Norman đọc là *suddhi* thay vì chữ *suddhiṃ* được ghi trong tất cả các phiên bản.] (209)

[211] [Tôi đọc theo **Ee** chữ này là *tapūpanissāya*, học giả Norman cũng theo vậy. **Be** và **Ce** thì ghi chữ *tamūpanissāya*. Mời đọc thêm chú thích 1961 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).

- (Nhân tiện: thuật ngữ "*sự cẩn trọng tỉ mỉ*" cũng có ghi trong kinh **MN 12**, mục 47 (3) và chú thích 193 ở đó. Nghĩa là, có số người tu khổ hạnh tín thủ thực hành *sự cẩn trọng tỉ mỉ* đến mức không để rớt giọt nước nào xuống khe hở dưới đất có thể vô tình làm tổn hại một vi sinh vật dưới đó! Như được tả trong kinh **MN 12**: [Sự

Hoặc thứ được nhìn thấy, được nghe, hay được cảm nhận,
Cứ chạy tới trước, họ lại tuyên bố sự thanh-tịnh,
Trong khi chưa loại bỏ dục-vọng với các trạng thái hiện-hữu khác nhau (chưa hết hữu-ái).[139] (7)

902. "Với ai còn thèm-muốn thì còn mong-cầu
Và cả sự run-rẩy về những điều đã hình thành trong tâm;
Nhưng với người ở đây không còn chết hay tái sinh,
Thì có gì còn run-rẩy hay còn mong-cầu cái gì?" (8)

903. "Giáo lý mà một số ở đây cho là tối thượng,
Số khác thì cho nó là tiểu nhược.
Vậy sự khẳng định nào của họ là đúng
Trong khi tất cả họ đều cho mình là thiện khéo?" (9)

904. "Họ nói giáo lý của họ là toàn vẹn,
Nhưng nói giáo lý của người khác là tiểu nhược.
Sau khi cãi nhau như vậy, họ đi tới tranh chấp,
Vì mỗi họ đều nói ý kiến của mình là đúng. (10)

905. "Nếu một người là tiểu nhược do đối phương hạ thấp,
Vậy đâu có gì là khác biệt trong những giáo thuyết đó.
Vì mỗi họ đều nói giáo lý của đối phương là tiểu nhược,
Và kiên cố chủ trương giáo lý của mình. (11) [177]

906. "Và sự tôn kính của họ đối với giáo lý của mình[212]
Cũng được làm như kiểu họ đề cao đường lối của mình vậy.
(Nếu vậy) tất cả những khẳng định của họ có lẽ là đúng,
Bởi theo họ thì sự thanh-lọc là của riêng họ mà thôi. (12)

907. "Đối với một bà-la-môn (đích thực) thì không còn sự bị dẫn dắt bởi người khác,
Không chọn chấp giữa các giáo thuyết và khư khư nắm giữ.

---

thương hại của vị khổ sĩ lúc đó là hướng tới những vi sinh vật nằm trong những khe nứt dưới đất có thể bị tổn thương hay bị chết bởi giọt nước thả xuống một cách bất cẩn vô ý tứ.]).] (210)

[212] [Tôi đọc theo **Ce** và **Ee** câu này là: *sadhammapūjā ca pana tath'eva*. **Be** ghi là 's *sad-dhammapūjā*, nên được sửa lại cho đúng.] (211)

Do vậy vị ấy đã vượt qua những tranh chấp này nọ,
Vì vị ấy không coi giáo thuyết nào khác là tối thượng. (13)

908. "Sau khi nói rằng 'Tôi biết, tôi thấy, điều đó chỉ là vầy',
Có người tin 'sự thanh-lọc có được nhờ sự nhìn thấy'.
Nếu một người đã nhìn thấy, thì như vậy ích gì cho anh ta?
Sau khi đã đi quá xa, họ lại khẳng định 'sự thanh-lọc đạt được nhờ thứ khác'. (14)

909. "Khi nhìn thấy, một người nhìn thấy danh-và-sắc
Sau khi đã nhìn thấy, người đó chỉ nhìn thấy (hai) thứ này;
Coi như có nghĩa, người đó nhìn thấy nhiều hay ít,
(Nhưng) bậc thiện khéo thì nói 'sự thanh-lọc không đạt được bằng (nhìn thấy) như vậy'. (15)

910. "Một người duy giáo điều không dễ được kỷ cương,[213]
Là người ngã theo một quan-điểm đã được hình thành.
Lại tuyên bố sự tốt thiện có trong thứ mình thụ thuộc vào,
Là người chủ trương sự thanh-lọc, người đó đã nhìn mọi thứ theo cách đó ở đó. (16)

911. "Sau khi đã thấu-hiểu,[214] một bà-la-môn không chấp lấy những tạo-tác của tâm;
Vị đó không phải người theo đuổi những quan-điểm, cũng phải người thân thiết với kiến-thức này nọ. [178]
Sau khi đã-biết những ý-kiến thường tình thế tục đó,
Vị đó giữ sự buông-xả trong khi thiên hạ vẫn kiến chấp. (17)

912. "Sau khi đã tháo bung những nút-thắt ở đây trong thế gian,
Bậc mâu-ni không đứng về bên nào trong các cuộc tranh

---

[213] [Chữ này đọc theo **Be** và **Ce** là: *subbinayo* thay cho *suddhināyo* trong **Ee.** Luận giảng **Pj II** (của **Ee**) cũng ghi *subbinayo* trong bổ đề chú giải của mình.] (212)

[214] [Tôi làm theo **Be** chỗ này ghi tuyệt đối từ *saṅkhā*, khác với **Ce** và **Ee** ghi dạng quá khứ phân từ là *saṅkhaṃ*. Cả hai luận giảng **Pj II** và **Niddesa** đều giải nghĩa chữ này như một tuyệt đối từ. Mời coi chú thích 1165 thuộc phần "*Chú Thích về tập Kinh Tập*" (bản gốc tiếng Anh).] (213)

chấp đã phát sinh.
Bậc ấy bình-an giữa những người bất an; bậc ấy buông-xả,
Không còn nắm chấp trong khi thiên hạ vẫn kiến chấp. (18)

913. "Sau khi đã dẹp bỏ những lậu hoặc [dòng chảy-vào] của quá khứ, vị đó không tạo ra những lậu hoặc mới,
Bậc ấy không chạy theo dục, cũng không phải người duy giáo điều.
Đã thoát-ly những quan-điểm do suy đoán, bậc trí đó,
Hết hổ thẹn về mình, hết bị dính nhiễm bởi thế gian.[140] (19)

914. "Bậc ấy lánh xa khỏi tất cả các pháp,
Khỏi mọi thứ được nhìn thấy, được nghe, được cảm nhận.
Đã đặt xuống gánh nặng, đã thoát-ly,[215]
Bậc mâu-ni, không còn buông theo sự tạo-tác của tâm,
Không kiêng-khem, không mong-cầu" —[141]
Đức Thế Tôn đã nói như vậy. (20) [179]

14. Kinh Nhanh Chóng (Tuvaṭaka Sutta)[142]

915. (Hỏi:)
"Hỡi người Thân Tộc của Thái Dương, bậc kiến giả (rishi),
Con xin hỏi về sự tách-ly (ẩn dật) và trạng thái bình-an.
Sau khi đã nhìn thấy, cách nào một Tỳ kheo chứng ngộ
Niết-bàn, không còn chấp-thủ gì trong thế gian?" (1)

916. (Đức Thế Tôn trả lời:)
"Bằng sự quán chiếu, vị đó nên dừng 'sự tự-ta' (ngã mạn),
Là toàn bộ gốc rễ của những khái-niệm do phóng tâm,
Có dục-vọng (ái) nào bên trong (tâm),
Vị đó luôn tu học một cách chánh-niệm để loại bỏ chúng. (2)

917. "Điều gì người tu có biết,
Dù ở bên trong hay bên ngoài,
Người tu không nên cố chấp điều đó,

[215] [Chữ này đọc theo **Be** là *vippamutto*, khác với **Ce** và **Ee** là *vippayutto*.] (214)

Vì kiểu đó không được bậc chân thiện gọi là sự làm nguội-tắt (tịch diệt).[143] (3)

918. "Vì lý này người tu không nên nghĩ mình tốt hơn,
Cũng không nên coi mình là nhược hơn hay ngang bằng.
Do bị tác động theo nhiều cách,
Người tu không nên cứ định vị bản thân mình.[144] (4)

919. "Chính ở bên trong mình mới đạt được sự bình-an;
Một Tỳ kheo không nên tìm kiếm sự bình-an qua người khác.
Đối với người bình-an bên trong mình
Thì không còn chấp lấy, cũng không phản bác điều gì.[145] (5)
[180]

920. "Ví như giữa đại dương không có sóng khởi lên,
Mà đại dương luôn vững chắc như vậy;
Tương tự, người đó nên vững chắc, không có xung-động;
Một Tỳ kheo không nên gây ra sự sưng-tấy bất cứ đâu." (6)

921. (Hỏi:)
"Bậc có mắt-đã-được-khai-mở đã tuyên bố Giáo Pháp
Mà mình đã tự chứng kiến, đó là sự loại bỏ những trở-ngại.
Thưa bậc tôn kính, hãy nói cho con về sự thực-hành,
Về giới bổn Pātimokkha và cả sự định-tâm." (7)

922. (Đức Thế Tôn trả lời:)
"Người tu không nên động-vọng [bất-an] với mắt,
Nên ngăn tai khỏi những chuyện hàn huyên trong làng.
Không nên tham lam mùi vị (thơm ngon),
Và không nên coi bất cứ gì trong thế gian là 'của-ta'. (8)

923. "Khi bị động chạm bởi một sự tiếp-xúc,
Một Tỳ kheo không nên than khóc ai oán bất cứ đâu.
Không nên khao-khát một trạng thái (cõi) hiện-hữu nào,
Cũng không run-rẩy giữa những hoàn cảnh đáng sợ. (9)

924. "Sau khi (khất) được thức ăn và thức uống,
Những thứ để ăn hoặc y áo để mặc,
Người tu không nên tích trữ chúng,

Cũng không bực bội âu lo khi không có được chúng. (10)

925. "Nên là một người tu thiền, không là người với hai chân bất-an;
Nên kiêng cữ sự hối-tiếc; không nên lơ-tâm phóng dật.
Một Tỳ kheo nên chọn trú giữa những chỗ-ngồi và chỗ-nằm
[Trong những nơi trú ngụ] có ít tiếng ồn. (11) [181]

926. "Không nên ngủ quá nhiều;
Nên tận tâm hết mình vì sự sự tỉnh-thức; nhiệt-thành (tu tập).
Nên dẹp bỏ sự lười-biếng, sự đạo đức giả, cười cợt, chơi đùa,
Dâm dục, và những trang sức trang điểm này nọ. (12)

927. "Không dùng mấy bùa chú Atharva (của Vệ-đà),
Hay giải mộng, giải điềm, hoặc cúng sao giải hạn.
Đệ tử của ta không phải là người bói dịch tiếng động vật,
Hay chữa trị hoặc làm cho phụ nữ hết vô sinh. (13)

928. "Một Tỳ kheo không nên bị lay chuyển bởi lời chê bai,
Cũng không hồ hởi phấn khích khi được khen.
Người đó nên dẹp sạch tính tham-lam và keo-kiệt,
Cũng như sự sân-giận và lời nói xấu vu khống. (14)

929. "Một Tỳ kheo thì không dính vô chuyện mua bán;
Không nên làm bất cứ điều gì gây ra sự chỉ trích.
Không tạo sự (quan hệ) thân-mật trong làng mạc;
Không nói với người dân với ý muốn được lợi lộc. (15)

930. "Một Tỳ kheo không nên nói khoát lác,
Và không nên nói lời bóng gió ám chỉ (vì mục đích tư lợi).
Không nên tu luyện bản thân trong sự vô sỉ (bất nhã);
Không nên nói ra lời nói gây tranh cãi. (16)

931. "Không để bị dẫn dắt tới sự nói-dối nói láo,
Cũng không cố ý làm điều gì gian-dối lừa lọc. [182]
Cho dù có được lối sống (phạm hạnh), trí tuệ
Hay giới-hạnh và giới-cấm của mình,
Cũng không nên khinh thường người khác. (17)

932. "Khi bị khiêu khích, sau khi nghe nhiều lời

Từ những sa-môn nói năng nhiều lời,
Không nên đáp trả họ gay gắt nặng nề,
Vì người thiện thì không trả thù trả đũa. (18)

933. "Sau khi đã-hiểu Giáo Pháp này, sau khi đã trạch-pháp,
Một Tỳ kheo nên luôn tu học một cách có chánh-niệm.
Sau khi đã-biết sự nguội-tắt (tham, sân, si) mới là sự bình-an,
Thì người đó không nên lơ-là về giáo pháp của Cồ-Đàm. (19)

934. "Vì bậc ấy là một người chiến thắng, bản thân không bị khuất phục (bởi những ô-nhiễm, lậu hoặc);
Bậc ấy đã nhìn-thấy Giáo Pháp như một người chứng-kiến, chứ không phải nghe qua lời đồn lời truyền.[216]
Bởi vậy, hãy chuyên-chú trong giáo pháp của đức Thế Tôn,
Luôn tôn kính nó, người tu nên tu học đúng theo nó." (20)

15. Kinh Người Cầm Gậy Gộc (Attadaṇḍa Sutta)[146]

935. "Sự sợ-hãi đã khởi sinh từ người đã cầm gậy gộc:
Nhìn những người dân tham gia trận xung đột.
Ta nói với các người về 'cảm-nhận về sự cấp-bách' của ta,
Về cách ta bị khấy động bởi 'cảm-nhận về sự cấp-bách'.[147] (1)
[183]

936. "Sau khi đã nhìn thấy quần chúng đang run rẩy
Như cá trong chậu còn ít nước,
Sau khi đã nhìn thấy họ hung bạo lẫn nhau,
Sự sợ-hãi đã ập đến với ta. (2)

937. "Cả thế gian khắp nơi đều là phi thực chất;
Tất cả mọi phương đều hỗn loạn.
Mong muốn một chỗ trú ẩn cho mình,
(Nhưng) ta không thấy [chỗ nào] chưa bị chiếm ngự.[148] (3)

---

[216] [Dĩ nhiên chữ Pali *so* (người đó, vị đó, bậc ấy) [ở đây có nghĩa là "*bậc ấy*", "*bậc Thế Tôn đó*"] là chỉ Đức Phật (vì đang nói tiếp theo câu cuối thi kệ kế trên nói về "*giáo pháp của Cồ-Đàm*', chứ không phải đang nói về Tỳ kheo đó).] (215)

938. "Sau khi đã thấy sự thù nghịch vẫn còn đến cuối (đời),
Sự bất mãn đã ập đến ta.
Rồi ta nhìn thấy mũi tên ngay đây,
Vốn khó nhìn thấy, nằm ở trong tim.[149] (4)

939. "Khi người bị bắn bởi mũi tên đó
Người chạy lạc lối chúi nhũi mọi hướng.
Nhưng sau khi rút được mũi tên ra,
Người không còn chạy chúi, không bị chìm."[217] (5)

940. Những sự tu-tập được tụng giảng như vầy: [218]
"Mọi sự ràng-buộc[219] có trong đời,
Người không nên để tâm để ý đến chúng.
Sau khi đã hoàn toàn thấu ngộ những dục-lạc,
Người nên tu học để đạt đến Niết-bàn của chính mình. (6)

941. "Nên chân thật, không trịch thượng,
Không đạo đức giả, tránh bỏ lời-nói gây chia rẽ.
Không sân giận, một mâu-ni nên vượt qua
Sự tà ác của tính tham-lam và keo-kiệt. (7)

942. "Nên chế ngự sự buồn-ngủ, sự uể-oải, và sự đờ-đẫn;
Không nên thân quen với sự lơ-tâm phóng dật.
Một người có tâm được thiết lập trên (hướng tới) Niết-bàn
Thì không nên còn có sự kiêu-ngạo. (8) [184]

943. "Không để bị dẫn dắt tới sự nói-dối nói láo;
Không làm phát sinh luyến ái đối với sắc thân.
Nên hoàn-toàn hiểu sự tự-ta (ngã mạn),
Và nên kiêng cữ sự hấp tấp đường đột. (9)

944. "Không nên thích thú thứ cũ (quá khứ);

---

[217] [Chỗ này đọc theo **Be** và **Ce** là: *na sīdati*; khác với **Ee** ghi là: *nisīdati*.] (216)

[218] [Nguyên văn câu này là: *Tattha sikkhānugīyanti.* Đây giống như lời nhận xét của những người kết tập kinh, dần dà lâu ngày bị gán vô lời kinh luôn. Coi thêm chú thích 2009 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (217)

[219] [Chữ này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *gathitāni*.] (218)

Không nên tạo ưa thích thứ mới (hiện tại).
Không nên buồn sầu về thứ đang sút giảm;
Không nên dính mắc vào sự hấp dẫn (dục-vọng) nào.[150] (10)

945. "Ta gọi sự tham-lam là lũ lớn,
Ta gọi sự thèm-muốn là thác đổ,
Là căn cứ, là sự ép buộc,[220]
Là đầm lầy của dục vốn khó vượt qua.[151] (11)

946. "Không tà lệch khỏi chân-lý, một mâu-ni,
Một bà-la-môn (đích thực) đứng trên nền đất cao.
Sau khi đã từ-bỏ tất cả,
Bậc ấy đúng thực được gọi là bình-an. (12)

947. "Đích thực là một người-biết, một bậc thầy Vệ-đà,
Sau khi đã-biết Giáo Pháp, không còn tùy-thuộc.[152]
Đang sống chân chánh trong thế gian,
Bậc ấy không còn thèm-muốn bất cứ gì ở đây. (13)

948. "Một người ở đây đã vượt qua những dục-lạc,
Là sự trói-buộc vốn rất khó vượt qua trong thế gian,
Là người đã cắt dòng-chảy, không còn dính-buộc,
Không sầu, không cầu vọng. (14)

949. "Hãy làm khô cạn những gì thuộc về quá khứ;
Để không còn gì về sau (tương lai).
Nếu các người không nắm giữ ở-giữa (hiện tại),
Các người sẽ sống trong bình-an.[153] (15)

950. "Người không tuyên bố là 'của-ta'
Đối với bất cứ gì ở đây trong danh-và-sắc,
Cũng không buồn sầu vì thứ gì không có,
Thì thực sự đâu mất gì trong thế gian. (16)

951. "Đối với người không gì được nhận lấy
Là 'của-ta' hoặc [thứ này thuộc về] 'của-ai',

---

[220] [Cho dù cả 03 phiên bản đều ghi chữ *pakappanaṃ*, nhưng tôi đọc theo luận giảng **Pj II** (bản **Be**) ghi là *pakampanaṃ* (bản **Ce** và **Ee** thì ghi *kampanaṃ*).] (219)

Không tìm thấy thứ gì để nhận lấy là 'của-ta',
Thì không buồn sầu, vì nghĩ: 'Nó đâu phải của-ta'. (17) [185]

952. "Không cay đắng, không tham lam,
Không xung-động, mọi nơi đều như vậy—
Khi được hỏi về người bất lay chuyển,
Ta gọi đó là ích-lợi.[154] (18)

953. "Đối với người không xung-động, người hiểu (ngộ),
Thì không có sự kích hoạt nào nữa.[221]
Sau khi kiêng cữ sự khởi-sự,
Người đó nhìn thấy sự an-toàn mọi lúc mọi nơi.[155] (19)

954. "Bậc mâu-ni không nói về chính mình
Là trong số người ngang bằng, nhược hơn, hay siêu hơn.
Bình-an, không còn tính keo kiệt ích kỷ,
Vị đó không chấp lấy, không bác bỏ"—
Đức Thế Tôn nói như vậy. (20)

16. Kinh Xá-Lợi-Phất (Sāriputta Sutta) [156]

955. (Ngài Xá-lợi-phất nói:)
"Con chưa từng thấy trước đây,
Cũng chưa từng nghe từ ai—
Một vị thầy với lời thuyết giảng đáng mến như vậy,[157]
Người dẫn đoàn, đã đến từ cõi trời Đâu-suất (Tusita), (1)

956. "Như một Bậc Tầm-Nhìn (Kiến Nhãn) được nhìn thấy
Trong thế gian có những thiên thần của nó.
Sau khi đã xua tan tất cả bầu u tối,
Một mình, bậc ấy thành tựu niềm vui-thích.[158] (2) [186]

957. "Đối với vị Phật, hết dính-mắc, hết thiên-vị,
Không phải người mưu đồ, là bậc đã đến như một người dẫn đoàn,

[221] [Câu này đọc theo **Ce** là: *kāci nisaṅkhiti*.] (220)

Con đến đây với nhu cầu là một câu hỏi
Thay mặt cho số đông ở đây vốn đang bị trói-buộc.[159] (3)

958. "Khi một Tỳ kheo thấy chán-ngán
Và lánh đi tới một chỗ ngồi vắng vẻ,
Chỗ một gốc cây hay một nghĩa địa,
Hoặc [chỗ ngồi] trong hang động trên núi, (4)

959. "Tới nhiều chỗ trú ngụ khác nhau,
Thì có bao nhiêu thứ đáng sợ
Mà vì chúng một Tỳ kheo không nên run sợ
Trong một chỗ trú ít tiếng ồn? (5)

960. "Bao nhiêu trở-ngại trong thế gian đối đầu
Với người đang đi đến miền chưa đến được,[222]
[Những trở-ngại] mà một Tỳ kheo phải vượt qua
Khi đang sống ở chỗ trú cách xa hẻo lánh? [160] (6)

961. "(Tỳ kheo) đó nên dụng những cách nói nào?
Những chỗ nương tựa nào người đó nên dựa vào?
Giới-hạnh nào và những sự trai-giới nào
Là của một Tỳ kheo, là người kiên định? (7)

962. "Sau khi đã thụ lãnh sự tu-học,
An trú (với tâm) hợp-nhất, sáng suốt, có chánh-niệm,
Thì người đó có thổi bay những ố-nhiễm
Như một thợ rèn [loại bỏ tạp chất khỏi] vàng bạc?" (8)

963. (Đức Thế Tôn trả lời: "Này Xá-lợi-phất",)
Là người hiểu (ngộ), ta sẽ nói cho thầy đúng theo Giáo Pháp,
Điều gì là thuận tiện cho người đã biết chán-ngán,
Nếu, do khát nguyện đạt giác-ngộ,
Người đó lánh về chỗ vắng vẻ. (9)

964. "Một người có trí, một Tỳ kheo có chánh-niệm,
Có hạnh được giới biên, thì không nên sợ năm hiểm-họa:

---

[222] [Tôi đọc chỗ này theo **Be** và **Ce** là: *agataṃ disaṃ*, khác với **Ee** ghi là: *amataṃ disaṃ*. Cả **Pj II** và **Niddesa** đều chú giải với chữ *agataṃ*.] (221)

Ruồi trâu, muỗi mòng, rắn rít,
Gặp phải người (xấu), và thú rừng bốn chân,[161] (10) [187]

965. "Cũng không nên sợ những người theo ngoại đạo,
Ngay cả khi chứng kiến nhiều điều đáng sợ mà họ làm ra.
Một người tìm cầu sự tốt thiện thì nên chinh phục
Mọi trở-ngại khác [mà mình sẽ gặp phải]. (11)

966. "(Chịu đựng) bệnh đau và đói khát,
Chịu đựng (thời tiết) lạnh cóng và nóng bức.
Người xuất gia, phải bị những thứ này theo nhiều cách,
Nên giữ mình vững vàng, cố gắng nỗ-lực. (12)

967. "Không nên gian cắp, không nói dối;
Phóng rải tâm-từ đối với mọi loài (chúng sinh) mạnh và yếu.
Nếu nhận thấy ố-nhiễm nào của tâm,
Người đó nên xua tan nó như 'một bè Hắc Ám'. (13)

968. "Không nên để mình bị chế ngự bởi sự sân và ngạo mạn,
Mà nên bứng nhổ chúng tận gốc.
Rồi, trong khi đứng vững trước sự khổ và sự sướng,
Người đó nên thắng phục chúng luôn. (14)

969. "Đặt trí-tuệ lên hàng đầu, hoan-hỷ với điều thiện,
Người đó nên trấn áp những trở-ngại nói trên.
Nên thắng phục sự bất-mãn đối với những nơi ở hẻo lánh;
Nên thắng phục cả bốn yếu tố than-van (như sau:). (15)

970. "'Mình sẽ ăn gì? Mình sẽ ăn ở đâu?
Ôi trời, mình ngủ không ngon giấc! Mình sẽ ngủ ở đâu?':
Một người đang tu học, du hành không nhà,
Thì nên loại bỏ những ý nghĩ than-van như vậy. (16) [188]

971. "Sau khi đã có được thức-ăn và y-áo hợp lúc,
Nên biết sự tiết-độ để có sự biết hài-lòng (tri túc) ở đây.
Được phòng hộ về những điều này,[223] đi lại trong làng xóm

[223] [Chỗ này tôi đọc theo **Be** và **Ce** là: *so tesu*. Phiên bản **Ee** ghi chữ *sotesu* đính liền, nên được sửa lại cho đúng.] (222)

(với thân tâm) được kiềm-chế,
Ngay cả khi bị chửi chọc khiêu khích, người đó cũng không nên thốt ra lời gay gắt nặng nề. (17)

972. "Hai mắt nên hướng xuống;
Hai chân không nên bất-an (bồn chồn, hấp tấp);
Chú ý về thiền định (jhāna), người đó luôn tỉnh-thức.
Bên trong đạt-định, dựa trên sự buông-xả,
Nên cắt đứt sự hối-tiếc và khuynh-hướng sinh ý-nghĩ.[162] (18)

973. "Nếu bị chỉ trích bằng lời nói, một người có chánh-niệm nên đón nhận chúng;
Nên xuyên phá trái tim cằn cỗi đối với những những người đồng tu.
Nên nói lời nói thiện lành, nhưng không nói quá mức;
Không nên cố ý [nói lời] mà người ta có thể quở trách.[163] (19)

974. "Thêm nữa, có năm loại bụi-bẩn trong thế gian,
Một người có chánh-niệm nên tu học để loại bỏ chúng.
Nên chinh phục tham đối với những hình-sắc, âm-thanh,
Đối với mùi-hương, mùi-vị, và đối-tượng chạm xúc. (20)

975. "Một Tỳ kheo là người có chánh-niệm, khéo được giải-thoát trong tâm,
Nên loại bỏ dục đối với (năm) thứ đó. [189]
Vào lúc thích hợp khi đang chân chánh trạch Pháp,
(Tâm) hợp-nhất, người đó nên hủy diệt sự u-tối." —[164]
Đức Thế Tôn đã nói như vậy. (21)

5. CHƯƠNG "ĐƯỜNG VƯỢT QUA BỜ KIA"
(Pārāyana-vagga)

[190] Các Thi Kệ Dẫn Nhập (Vatthugāthā) [224]

976. Muốn đạt trạng thái 'không-có-gì' (vô sở hữu),[165]
Một bậc thầy bà-la-môn về những kinh chú (Vệ-đà),
Đã đi từ kinh thành đẹp đẽ của dân Kosala (Kiều-tất-la)
Xuống một vùng miền nam. (1) [166]

977. Nằm trong lãnh địa của Assaka,
Trong vùng láng giềng của Aḷaka,
Ông ta sống bên bờ sông Godhāvarī ở đó
Bằng cách lượm nhặt (đồ ăn) và trái cây.[167] (2)

978. Gần bên chỗ đó
Có một khu làng lớn.
Với thu nhập phát sinh từ làng đó,
Ông ta tổ chức một lễ cúng tế lớn.[168] (3)

979. Sau khi đã hoàn thành lễ cúng tế lớn,
Ông quay về lại trong ẩn thất.
Sau khi ông đã nhập thất lại,
Có một bà-la-môn khác đã đến đó. (4)

980. Bàn chân ông này chai sạn, ông khát nước;
Răng ông dơ dáy và đầu đầy bụi đất.
Sau khi đến gặp [vị đạo sư chủ nhà],
[Vị khách] hỏi xin 500 [đồng tiền]. (5)

981. Sau khi nhìn xem ông,

---

[224] [**Ee** đánh số phần "*Các Thi Kệ Dẫn Nhập*" này là kinh số "1" và "*Những Câu Hỏi Của Ajita*" là bắt đầu kinh số "2", có thêm số để chỉ '*người nói*' được ghi trong ngoặc […] ngay sau tên kinh. Để duy trì sự tương ứng sự đánh số thứ tự của các phần với các môn sinh bà-la-môn đặt câu hỏi, tôi không đánh số phần "*Các Thi Kệ Dẫn Nhập*" này và bắt đầu đánh số từ phần "*Những Câu Hỏi Của Ajita*" là kinh số "1".] (223)

Bāvari[225] đã mời ông chỗ ngồi.
Hỏi thăm ông về hạnh phúc và sức khỏe,
Và nói (với ông ta) điều này: (6)

982. "Mọi tiền của tôi có để cho đi,
Tôi đã phân phát hết tất cả rồi.
Hãy tin tôi, này bà-la-môn:
Hiện tôi không có 500 [đồng tiền]." (7) [191]

983. (Ông bà-la-môn xin tiền nói:),
"Khi tôi thỉnh cầu như này,
Nếu ông không đưa nó (tiền) cho tôi,
Thì ngày thứ bảy tính từ hôm nay
Đầu của ông sẽ bể (chẻ) thành bảy miếng." (8)

984. Sau khi đã giở trò như vậy,
Kẻ lừa đảo đã thốt ra lời nguyền rủa đáng sợ đó.
Sau khi nghe lời (rủa) của ông ta,
Bāvari thấy nản lòng. (9)

985. Không ăn uống gì, rồi gầy ốm hốc hác,
Bị bắn bởi mũi tên ưu-sầu.
Rồi, trong trạng thái tâm như vậy,
Ông không thích thiền định gì nữa. (10)

986. Sau khi nhìn thấy ông bị khủng hoảng và nản lòng,
Một thiên thần mong muốn điều tốt lành cho Bāvari
Nên đã đến gặp ông,
Và (thiên thần) nói ra điều này: (11)

987. "Kẻ lừa đảo đó chỉ muốn có tiền của,
Hắn đâu hiểu biết gì về cái đầu.
Hắn cũng không có chút kiến thức nào
Về cái đầu hay sự bể đầu là gì đâu." (12)

988. (Đạo sư Bāvari mới hỏi thiên thần đó:)

---

[225] [Chữ này tôi đọc theo **Ce**, ghi tên là *Bāvari*, học giả Norman cũng làm theo như vầy. **Be** và **Ee** thì ghi tên là *Bāvarī*.] (224)

"Nếu tiên đã-biết, này bậc xứng đáng,
Khi được hỏi về cái đầu và sự bể đầu,
Hãy nói cho chúng tôi biết:
Hãy cho chúng tôi nghe chính lời của tiên." (13)

989. (Thiên thần nói:)
"Tôi không biết gì về vấn đề này;
Tôi cũng không có chút kiến thức nào về vấn đề này.
Đối với cái đầu và sự bể đầu:
Đây là điều mà các bậc tối thắng đã nhìn thấy." (14)

990. (Đạo sư Bāvari hỏi:)
"Vậy, trong vòng trái đất này,
Ai biết về (vấn đề) cái đầu
Và sự bể đầu?
Này tiên, hãy nói cho tôi biết!" (15) [192]

991. (Thiên thần trả lời:)
"Trước đây đã-có 'bậc dẫn dắt thế gian',
Là hậu duệ của Vua Okkāka,
Người con của dòng họ Thích-Ca, bậc làm nên ánh-sáng, (16)
Đã xuất gia từ (kinh đô) Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

992. "Này bà-la-môn, vị ấy là vị Phật [bậc Giác-Ngộ],
Bậc đã vượt trên tất cả mọi pháp (hiện tượng, pháp hữu vi),
Bậc đã chứng đắc tất cả siêu-trí và năng-lực,
Bậc có tầm-nhìn (kiến nhãn) nhìn thấu tất cả mọi pháp.
Sau khi đã chứng đắc sự tiêu-diệt mọi nghiệp,[226]
Bậc ấy đã giải-thoát trong sự tuyệt-dứt mọi sanh-y. (17)

993. "Đức Phật, bậc Thế Tôn trong thế gian,
Bậc Kiến Nhãn, đang chỉ dạy Giáo Pháp.
Ông hãy đến gặp ngài ấy để đặt hỏi của ông:
Ngài ấy sẽ giảng giải vấn đề đó cho ông." (18)

---

[226] [Câu này tôi đọc theo **Be** và **Ce** là: *sabbakammakkhayaṃ*. Còn **Ee** thì ghi: *sabba-dhammakkhayaṃ*, cần được sửa lại cho đúng.] (225)

994. Sau khi nghe được được chữ "Phật",
Ông Bāvari đã phấn chấn vui mừng.
Sự ưu-sầu của ông vơi đi,
Và ông đạt được sự hoan-hỷ dồi dào. (19)

995. Vui mừng, phấn chấn, hăng hái,
Ông Bāvari đã hỏi vị thiên thần:
"Ở làng nào, thành thị nào, hay quốc xứ nào,
Bậc Bảo Hộ Thế Gian đó đang cư ngụ,
Chúng tôi có thể đến đó để đảnh lễ [227]
Vị Phật đó, là bậc nhất trong loài hai chân?" (20)

996. (Thiên thần trả lời:)
"Bậc tối thắng đó đang ở Sāvatthī (Xá-vệ),
Trong lãnh thổ của nước Kosala (Kiều-tất-la);
Bậc giàu trí-tuệ, thông minh quảng đại siêu xuất [đang ở đó],
Người con dân tộc Thích-Ca, là bậc vô đối, không còn những dòng chảy-vào (vô lậu), bậc đầu đàn của loài người,
Là bậc hiểu biết về sự bể đầu." (21)

997. Rồi vị đạo sư nói với các môn sinh,
Là những bà-la-môn thông thạo các kinh chú (Vệ-đà):
"Này các môn sinh bà-la-môn hãy đến đây, ta sẽ nói.
Hãy lắng nghe lời nói của ta. (22) [193]

998. "Giờ trong thế gian đã khởi sinh
Người được nổi danh là 'vị Phật',
Mà sự hiện thị của người đó
Là hiếm thay gặp được.
Vậy hãy nhanh chóng đi tới Sāvatthī
Để gặp vị bậc nhất trong loài hai chân." (23)

999. (Các môn sinh nói:)
"Thưa bà-la-môn, khi chúng con đến gặp vị đó,
Làm sao chúng con có thể biết vị đó là vị Phật?

---

[227] [Chữ này đọc theo **Ce** và **Ee** là: *namassemu*; khác với **Be** ghi là: *passemu* (*có thể gặp*).] (226)

Vì chúng con không biết, hãy nói cho chúng con
Cách để chúng con có thể nhận ra vị đó." (24)

1000. (Đạo sư Bāvari nói:)
"Những tướng nét (đặc điểm) của một bậc vĩ nhân
Đã được truyền dạy trong các kinh chú (Vệ-đà).
Ba mươi hai tướng nét như vậy
Đã được giảng giải đầy đủ theo thứ tự của chúng. (25)

1001. "Đối với ai trên thân có những tướng này
Của một bậc vĩ nhân,
Thì chỉ có duy nhất hai nơi-đến;
Nơi-đến thứ ba không có: (26)

1002. "Rằng: nếu vị đó sống tại gia,
Thì sau khi đã chinh phục nhân gian [trái đất] này:
Không bằng bạo lực, không vũ khí,
Vị đó trị vì khắp trái đất một cách chân chính. (27)

1003. "Nhưng nếu vị đó rời bỏ đời sống tại gia
Đi vào đời sống xuất gia tu hành,
Thì vị đó sẽ trở thành một vị Phật đã lột bỏ những vỏ-bọc,[169]
Là một A-la-hán vô thượng. (28)

1004. "Chỉ bằng tâm mình, các anh thử hỏi vị ấy
Về sinh cảnh, họ tộc và những tướng tốt [của ta],
Về những kinh chú (Vệ-đà), và những môn sinh, và hỏi thêm
Về cái đầu và sự bể đầu. (29)

1005. "Nếu vị ấy là vị Phật,
Là bậc có kiến-nhãn không còn bị che cản,
Thì vị ấy sẽ trả lời lại bằng lời-nói
Cho những câu hỏi đã được hỏi bằng tâm." (30)

1006. Sau khi đã nghe lời của đạo sư Bāvari,
Mười sáu môn sinh bà-la-môn của ông ta—
Là: Ajita, Tissa Metteyya,
Puṇṇaka, and Mettagū, (31) [194]

1007. Dhotaka and Upasīva,

Nanda và Hemaka,
Cặp đôi Todeyya và Kappa,
Và Jatukaṇṇī có trí, (32)

1008. Bhadrāvudha và Udaya,
Và bà-la-môn Posāla,
Và Mogharāja thông minh,
Và đại kiến-giả (rishi) Piṅgiya— (33)

1009. Họ đều là (16) người đứng đầu của mỗi nhóm của mình
Đều nổi tiếng cả thế gian,
Họ là những thiền giả ưa thích các tầng thiền định (jhāna),
Họ đã hình thành những tạo-tác thói quen quá khứ,[170] (34)

1010. (Rồi họ) kính lễ chào đạo sư Bāvari,
Và sau khi đi nhiễu quanh ông,
Tất cả họ đều búi tóc, mặc áo bào da thú,
Họ lên đường tiến hướng bắc— (35)

1011. (Họ) tới Patiṭṭhāna của xứ Aḷaka,
Rồi tới (thành phố) trước kia (tên là) Māhissatī,
Tới Ujjenī và Gonaddhā,
Tới Vedisā, and Vanasa, (36)

1012. Tới Kosambī và Sāketa,
Tới kinh thành Sāvatthī (Xá-vệ) tối cao,
Tới Setavya và Kapilavatthu,
Và tới thành Kusinārā, (37)

1013. Tiếp tục tới Pāvā và thành Bhoga,
Tới Vesālī (Tỳ-xá-li), tới thành Rājagaha (Vương Xá) [của xứ Māgadha (Ma-kiệt-đà)], và tới Đền Pāsāṇaka (Cetiya),
Đẹp đẽ và đáng thích. (38) [195]

1014. Như một người khát nước [tìm kiếm] nước mát,
Như một thương nhân [tìm kiếm] tiền lời lớn,
Hoặc như người bị nóng bức [tìm kiếm] bóng mát,
Họ vội vã leo nhanh lên núi. (39)

1015. Lúc đó đức Thế Tôn (đang ngồi)

Giữa Tăng đoàn các Tỳ kheo,
Đang chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo
Như một sư tử cất tiếng gầm trong rừng núi. (40)

1016. Ông Ajita (A-tư-đà) đã nhìn thấy Đức Phật,
Như thái dương huy hoàng với một trăm tia hào quang,[228]
Như mặt trăng vào đêm rằm (15) [của 2-tuần đầu],
Khi nó đã đạt tới độ tròn đầy của nó. (41)

1017. Rồi, sau khi nhìn thấy thân Phật,
Và những tướng nét đầy đủ của ngài,
Ông đứng qua một bên, xúc động hồi hộp,
Ông hỏi những câu hỏi bằng tâm: (42)

1018. "Hãy nói về sinh cảnh của ngài ấy (tức đạo sư Bāvari);
Nói về họ tộc và những tướng tốt của ông;
Nói về sự hoàn-thiện của ông về các kinh chú (Vệ-đà).
Vị bà-la-môn đó đang dạy bao nhiêu môn sinh?" (43)

1019. (Phật trả lời:)
"Tuổi của ông ta là 120 năm,
Và gọi theo họ tộc ông ta là một người (tên) Bāvari;
Có ba tướng tốt trên thân của ông ta;
Ông ta là một bậc thầy về Ba Kinh Vệ-đà, (44)

1020. "Và cả về môn tướng số và các lịch sử,
Cùng với từ vựng và những luật lệ nghi lễ.
Ông đang dạy 500 môn sinh;[171]
Ông đã đạt tới sự hoàn-thiện về giáo lý của chính ông." (45)
[196]

1021. (Ajita hỏi tiếp:)
"Hỡi bậc tối thượng, hãy nói thêm chi tiết
Về (03) tướng tốt của ngài Bāvari.

---

[228] [Chỗ này đọc theo **Ce** là: *sataraṃsiva* [**Be** ghi: *sataraṃsiṃ va*]. Học giả Norman thì chấp nhận **Ee** ghi là: *vītaraṃsi va*, nhưng ghi *sataraṃsi* ở những chỗ khác như: *suvaṇṇavaṇṇaṃ sambuddhaṃ, sataraṃsiṃva bhāṇumaṃ* ở **Ap** I 130, I 146, và *suvaṇṇavaṇṇaṃ sambuddhaṃ, sataraṃsiṃva uggataṃ* ở **Ap** I 191.] (227)

Hỡi đức ngài, bậc đã cắt đứt dục-vọng (ái tận),
Đừng để còn sự nghi-ngờ trong chúng con!". (46)

1022. (Phật trả lời:)
"Ông ta có thể che phủ mặt mình bằng lưỡi mình;
Ông ta có nhúm lông giữa hai chân mày;
Bộ phận nam của ông được bao bọc trong một bọc bao:
Hãy biết như vậy, này môn sinh bà-la-môn." (47)

1023. "Sau khi (đại chúng ở đó) chỉ nghe sự trả lời các câu hỏi,
Nhưng (họ) không nghe thấy ai hỏi những câu hỏi đó,
Tất cả họ thấy phấn khích, họ chấp tay kính lễ,
Họ ngạc nhiên thắc mắc rằng: (48)

1024. "Đó là một thiên thần hay trời Brahmā (Phạm thiên),
Hay thậm chí là trời Indra—phu quân của Sujā,
Ai đã hỏi những câu hỏi đó bằng tâm?
Đức Phật mới trả lời cho ai vậy?" (49)

1025. (Bà-la-môn Ajita hỏi thêm:)
"Ngài Bāvari cũng hỏi về 'cái đầu'
Và 'sự bể đầu'.
Hỡi đức Thế Tôn, xin hãy giải thích!
Hãy loại bỏ nghi-ngờ của chúng con, hỡi bậc kiến giả!" (50)

1026. (Phật trả lời:)
"Hãy biết sự vô-minh là 'cái đầu'
Sự-biết sáng suốt (minh trí) là 'sự bể đầu'
Khi được kết hợp với niềm-tin, sự chánh-niệm,
Sự định-tâm, sự mong-muốn, và sự nỗ-lực.[172]
(tín, niệm, định, dục, tinh tấn)." (51)

1027. Ngay đó môn sinh bà-la-môn (Ajita),
Thấy bay bổng với sự phấn chấn lớn,
Ông xếp lại phần y trên một vai
Và cúi đầu dưới chân Đức Phật. (52)

1028. (Bà-la-môn Ajita nói:),
"Thưa đức ngài, bà-la-môn Bāvari

Cùng với những môn sinh của mình,
Thật vui mừng trong tâm trí, thật hoan-hỷ,
Xin tôn kính dưới chân ngài, hỡi bậc Kiến Nhãn." (53) [197]

1029. (Đức Phật nói:)
"Ta chúc bà-la-môn Bāvari an lạc,
Cùng với những môn sinh của ông ta.
Chúc ông cũng an lạc!
Chúc ông sống lâu, này môn sinh bà-la-môn! (54)

1030. "Ông Bāvari có những nghi-ngờ nào, và cả ông,
Hoặc tất cả những người (môn sinh) khác—
Thì ở đây ông được cho phép,
Vì vậy cứ hỏi những gì trong tâm mình ông muốn hỏi." (55)

1031. Sau khi được cho phép bởi Đức Phật,
Ông Ajita đã ngồi xuống, và chấp tay kính lễ,
Rồi ở đó ông đã hỏi Như Lai
Câu hỏi trước tiên.[173] (56)

1. Những Câu Hỏi Của Ajita (Ajitamāṇavapucchā) [229]

1032. (Lúc đó Ngài Ajita đã hỏi:)
"Bởi do gì thế giới bị che phủ?"
Vì sao nó không chiếu sáng?
Ngài nói cái gì là chất kết-dính của nó?
Cái gì là đại hiểm-họa của nó?"[174] (1)

1033. (Phật nói: "Này Ajita",)
"Thế giới bị che phủ bởi vô-minh
Nó không chiếu sáng bởi do sự quá-tham và phóng-dật.
Ta nói sự ham-muốn là chất kết-dính của nó.
Sự khổ đau là đại hiểm-họa của nó."[175] (2) [198]

1034. (Ajita hỏi:)
"Mọi chỗ những dòng-chảy đang chảy,
Cái gì là thứ ngăn-chặn những dòng-chảy?
Hãy nói về thứ chế-ngự những dòng-chảy:
Bằng thứ gì những dòng-chảy bị đóng bít?"[176] (3)

1035. (Phật nói: "Này Ajita",)
"Mọi dòng-chảy có trong thế gian,
Sự chánh-niệm là thứ ngăn-chặn chống lại chúng.
Ta nói thứ này là sự chế-ngự những dòng-chảy.
Chúng được đóng bít bởi trí-tuệ." (4)

1036. (Ajita hỏi:)
"Trí-tuệ và sự chánh-niệm,

---

[229] [Chỗ này tôi cũng làm giống theo các học giả Norman và Jayawickrama, không dịch chữ *māṇava* (*môn sinh bà-la-môn*) trong các tên các bài kinh.] (228)

- (Nhân tiện: câu đầu trong ngoặc (…) chỉ người hỏi có ghi chữ "*Ngài*"; bởi vì *lúc này*, lúc ngài Ananda đang thuật chuyện kinh để hội đồng kết tập nghe, cho nên thầy đã gọi Ajita, Tissa … là "*Ngài*" (vì lúc kết tập thì những vị đó đã thành những vị Tỳ kheo trưởng lão rồi), cho dù chiếu lại bối cảnh "*lúc đó*" là lúc họ gặp và hỏi Đức Phật thì họ còn là những môn sinh bà-la-môn chứ chưa xuất gia và thành các Tỳ kheo trưởng lão sau này. ND).] (228)

Và phần danh-sắc, thưa ngài—
Khi được con hỏi xin hãy tuyên bố:
Chúng đi đến chấm dứt ở đâu?" (5)

1037. (Phật nói:)
"Về câu hỏi này ông đã hỏi,
Ta sẽ nói cho ông, này Ajita,
Về nơi mà danh và cả sắc
Sẽ đi đến chấm-dứt không còn tàn dư (đó là:)
Chính bằng sự chấm-dứt của thức (thức diệt)
Thì tại đó những thứ trên sẽ đi đến chấm-dứt."[177] (6)

1038. (Ajita nói:)
"Những người hiểu biết Giáo Pháp,
Và nhiều hạng học nhân khác nhau ở đây:
Con muốn hỏi thêm về (đạo) hạnh của họ,[178]
Mong bậc sáng suốt tuyên bố về điều đó, thưa ngài." (7)

1039. (Phật nói:)
"Người tu không nên tham lam những dục-lạc;
Nên (giữ) thanh sạch vô uế trong tâm.
Thiện khéo đối với tất cả mọi hiện-tượng (mọi pháp),
Một Tỳ kheo nên du hành một cách có chánh-niệm."[179] (8)
[199]

2. Những Câu Hỏi Của Tissa Metteyya (Tissametteyya-māṇavapucchā)

1040. (Lúc đó Ngài Tissa Metteyya đã hỏi:)
"Ai ở đây vui lòng với thế gian?
Với ai thì không còn sự động vọng?
Ai, sau khi đã trực-tiếp biết (liễu tri) cả hai đầu,
Bằng sự quán chiếu, không còn bị dính ở-giữa?[180]
Ai mà ngài gọi là một vĩ nhân?
Ai ở đây đã vượt thoát khỏi thợ may?" (1)

1041. (Phật nói: "Này Metteyya",)

"Người sống đời sống tâm linh giữa những dục-lạc,[181]
Người không dục-vọng (vô ái), và luôn có chánh-niệm,
Là một Tỳ kheo đã nguội tắt, sau khi đã thấu hiểu:
Với vị đó không còn sự động vọng. (2)

1042. "Sau khi đã trực-tiếp biết cả hai đầu,
Bằng sự quán chiếu, người tu không còn bị dính ở-giữa.[182]
Ta gọi người đó là một vĩ nhân:
Tại đây người đó đã thoát khỏi thợ may: (dục-vọng)." (3)

3. Những Câu Hỏi Của Puṇṇaka (Puṇṇaka-māṇavapucchā)

1043. (Lúc đó Ngài Puṇṇaka đã hỏi:)
"Với bậc không còn xung-động, bậc nhìn thấy gốc-rễ,
Con đã đến đây với nhu cầu hỏi một câu hỏi: [200]
Dựa trên căn cứ gì mà nhiều kiến giả (rishi),
Nhiều người, sát-đế-lợi (giai cấp chiến-sĩ) và bà-la-môn
Ở đây trong thế gian này
Đã thực hiện những sự cúng tế cho chư thiên?"[230]
Con hỏi, thưa đức Thế Tôn: vui lòng nói cho con biết." (1)

1044. (Phật nói: "Này Puṇṇaka",)
"Nhiều kiến giả, nhiều người, sát-đế-lợi và bà-la-môn
Ở đây trong thế gian
Đã thực hiện sự cúng tế cho chư thiên,
Này Puṇṇaka, họ làm vậy cầu ước một trạng thái hiện-hữu.
Bị dính sự già, họ thực hiện những sự cúng tế."[183] (2)

1045. (Puṇṇaka hỏi:),
"Nhiều kiến giả, nhiều người, sát-đế-lợi và bà-la-môn
Ở đây trong thế gian,
Chuyên chú về đạo cúng tế, đã thực hiện những sự cúng tế
cho chư thiên:

---

[230] [Câu hỏi này cũng thấy có ghi trong thi kệ **458**, kinh **Sn 3.4**, ở đó đang có cuộc thảo luận về mục đích của việc cúng tế (lễ tế, hiến tế, lễ cúng) có lẽ phù hợp hơn.] (229)

Như vậy họ có vượt qua sinh-già hay không, thưa ngài?
Con hỏi ngài, thưa Thế Tôn: hãy nói điều này cho con." (3)

1046. (Phật nói: "Này Puṇṇaka",)
"Họ cầu ước, ca tụng, van vái, dâng cúng,
Họ mong muốn những dục-lạc vì lợi lộc.
Cố ý cúng tế, bị kích thích bởi tham-muốn được hiện-hữu,
Họ không vượt qua sinh-già, ta nói vậy."[184] (4) [201]

1047. (Puṇṇaka hỏi:),
"Thưa ngài, nếu những ai cố ý cúng tế,
Bằng những sự cúng tế họ đã không vượt qua sinh-già,
Vậy thì ai ở đây trong thế gian có chư thiên và loài người
Đã vượt qua sinh-già, thưa ngài?
Con hỏi ngài, thưa Thế Tôn: hãy nói điều này cho con." (5)

1048. (Phật nói: "Này Puṇṇaka",)
"Sau khi đã thấu ngộ điều xa và điều gần trong thế gian,
Một người không còn động-vọng bất cứ đâu trong thế gian,
Bình-an, hết khói, hết phiền não, hết mong cầu,
Vị đó đã vượt qua sinh-già, ta nói vậy."[185] (6)

4. Những Câu Hỏi Của Mettagū (Mettagū-māṇavapucchā)

1049. (Lúc đó Ngài Mettagū đã hỏi:)
"Thưa Thế Tôn, con xin hỏi ngài, hãy nói cho con,
Con coi ngài như bậc thầy Vệ-đà, bậc đã tu tập hướng nội.
Từ đâu những sự khổ đã khởi sinh
Với nhiều dạng khác nhau trong thế gian?" (1) [202]

1050. (Phật nói: "Này Mettagū",)
"Ông đã hỏi ta về nguồn-gốc sự khổ (khổ tập).
Là một người hiểu, ta sẽ nói ông điều này:
Sự khổ với nhiều dạng khác nhau trong thế gian
Đều khởi sinh dựa trên sự thu-nạp (sanh y).[231] (2)

---

[231] [02 cuối của thi kệ này, cùng với thi kệ kế tiếp, tạo thành thi kệ số **728** của kinh

1051. Kẻ ngu vô minh tạo ra sự thu-nạp
Sẽ gặp khổ hoài hoài.
Vì vậy, sau khi hiểu,[232] người không nên tạo sự thu-nạp nữa,
Hãy quán niệm nó là nguồn và gốc của khổ." (3)

1052. (Mettagū hỏi:)
"Ngài đã nói điều chúng con đã hỏi.
Con xin hỏi thêm một câu khác—hãy nói cho con điều này.
Theo cách nào người trí vượt qua dòng-lũ,
Vượt qua sự sinh-già, sự buồn sầu và than khóc?[186]
Hỡi bậc mâu-ni, hãy giảng giải cho con tường tận,
Vì Giáo Pháp này đã được liễu ngộ bởi ngài." (4)

1053. (Phật nói: "Này Mettagū",)
"Ta sẽ tuyên thuyết cho ông Giáo Pháp này,
Được nhìn-thấy ngay trong kiếp sống này, không phải do nghe nói
Sau khi đã-hiểu (đã ngộ) nó, sống có chánh-niệm,[187]
Một người có thể vượt qua sự dính-mắc với thế giới." (5)

1054. (Mettagū nói:)
"Và, hỡi bậc đại kiến giả, con ưa thích
Giáo Pháp tối thượng đó,
Rằng sau khi đã-hiểu nó, sống có chánh-niệm,
Một người có thể vượt qua sự dính-mắc với thế giới."[188] (6)

1055. (Phật nói:)
"Những gì ông thấu hiểu,
Trên, dưới, và ngang giữa, [203]
Sau khi xóa tan sự thích-thú và dính-mắc với những sự đó,
Thì thức không còn tồn tại trong sự hiện-hữu.[189] (7)

1056. "Một Tỳ kheo trú như vậy, có chánh-niệm, chuyên-chú,

Sn 3.12, mục 2, ở Chương 3 ở trên, là một thi kệ gồm 06 câu.] (230)

[232] [Chữ này **Be** ghi là: *pajānaṃ*; khác với **Ce** và **Ee** ghi là: *hi jānaṃ*. Luận giảng **Niddesa** thì ghi là: *pajānaṃ*, chữ này được ủng hộ bởi các chữ đồng nghĩa theo sau nó. Trong thi kệ **728** thì cả phiên bản **Ce** và **Ee** đều ghi chữ *pajānaṃ*.] (231)

Sau khi đã từ bỏ sự nhận lầm các thứ là 'của-ta',
Ngay tại đó một người có trí như vậy có thể diệt sự khổ:
Sự sinh-già; buồn-sầu và than-khóc." (8)

1057. (Mettagū nói:)
"Con vui thích lời dạy được thuyết hay khéo
Của bậc đại kiến giả; đức Cồ-đàm,
(Về) trạng thái không còn sanh-y (tức Niết-bàn).
Chắc chắn đức Thế Tôn đã diệt sự khổ,
Vì Giáo Pháp này đã được thấu ngộ bởi ngài. (9)

1058. "Chắc chắc họ (các Tỳ kheo) cũng có thể diệt sự khổ,
Các vị đó là những người được Thế Tôn, bậc mâu ni, thường xuyên khởi xướng (giáo giới).
Bởi vậy, sau khi gặp được ngài, hỡi bậc long tượng (nāga),
con xin kính lễ:
Mong đức Thế Tôn cũng thường xuyên khởi xướng cho con." (10)

1059. (Phật nói:)
"Bà-la-môn nào ông có thể biết là bậc thầy Vệ-đà,
Không sở hữu gì, không dính mắc dục-lạc và sự hiện-hữu,
Thì vị đó chắc chắn đã vượt qua dòng-lũ này,
Và vị đó đã qua bên bờ-kia, hết cằn-cỗi, hết nghi-ngờ. (11)

1060. "Và bậc trí ở đây, bậc thầy Vệ-đà,
Sau khi đã tháo sự trói-buộc này đối với những trạng thái hiện-hữu khác nhau, [204]
Hết dục-vọng, hết phiền não, hết mong cầu,
Đã vượt qua sinh-già, ta nói vậy." (12)

5. Những Câu Hỏi Của Dhotaka (Dhotaka-māṇavapucchā)

1061. (Lúc đó Ngài Dhotaka đã hỏi:)
"Thưa Thế Tôn, con hỏi ngài, hãy nói cho con điều này.
Con mong muốn nghe lời của ngài, hỡi bậc đại kiến giả:
Sau khi nghe lời ngài nói,

Con sẽ tu tập để (chứng) Niết-bàn cho mình." (1)

1062. (Phật nói: "Này Dhotaka",)
"Trong trường hợp đó, hãy áp dụng sự nhiệt thành,
Hãy sáng suốt và có chánh-niệm ngay tại đây.
Sau khi nghe lời ta nói ra,
Ông hãy tu tập để (chứng) Niết-bàn cho mình." (2)

1063. (Dhotaka nói:)
"Con thấy trong thế gian những thiên thần và loài người,
Có một bà-la-môn không sở hữu gì, du hành đó đây.
Do vậy con xin kính lễ ngài, hỡi bậc thiên nhãn!
Thưa đức Thích-Ca, hãy giải tỏa sự nghi-ngờ khỏi con." (3)

1064. (Phật nói:)
"Ta sẽ không thể giải thoát bất cứ ai trong thế gian,[233]
Những người vẫn bị hành khổ bởi nghi-ngờ, này Dhotaka.
Nhưng bằng cách hiểu Giáo Pháp tối thượng,
Nhờ đó ông sẽ vượt qua dòng-lũ." (4)

1065. (Dhotaka nói:)
"Hỡi vị Trời [Brahmā], vì sự bi-mẫn hãy chỉ dạy cho con
Trong trạng thái tách-ly con có thể hiểu. [205]
Giống như không gian hoàn toàn không bị che cản,
Ngay tại đây con sẽ sống, bình-an và hết dính-mắc."[190] (5)

1066. "(Thưa Thế Tôn) con sẽ mô tả sự bình-an cho Thế Tôn,
[Được nhìn-thấy] ngay trong kiếp sống này, không phải do nghe nói
Sau khi đã hiểu nó, sống có chánh-niệm,
Một người có thể vượt qua sự dính-mắc với thế giới." (6)

---

233 [Chữ này tôi đọc theo **Be** là: *sahissāmi*; khác với **Ce** và **Ee** là: *gamissāmi*. Mời coi thêm chú thích 2097 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).

- (Nhân tiện, trong thi kệ kế trên: *bậc nhìn-thấy tất cả* (bậc biến nhãn): nguyên văn là "*con mắt toàn vũ trụ*": hàm nghĩa chỉ *sự biết tất cả* (sự toàn tri, toàn trí) của Đức Phật).] (232)

1067. "Và, hỡi bậc đại kiến giả, con ưa thích
Sự bình-an tối thượng đó,
Rằng sau khi đã-hiểu nó, sống có chánh-niệm,
Một người có thể vượt qua sự dính-mắc với thế giới."[191] (7)

1068. (Phật nói: "Này Dhotaka",)
"Những gì ông thấu hiểu,
Trên, dưới, và ngang giữa, [203]
Sau khi đã-hiểu đây là một sự "trói-buộc" trong thế gian,
Thì đừng tạo dục-vọng đối với những trạng thái hiện-hữu
khác nhau; (đừng tạo hữu-ái)." (8)

6. Những Câu Hỏi Của Upasīva (Upasīva-māṇavapucchā)

1069. (Lúc đó Ngài Upasīva đã hỏi:)
"Thưa đức Thích-Ca, một mình, không được trợ gì,
Con không thể vượt qua dòng-lũ lớn.
Hỡi bậc thiên nhãn, hãy tuyên dạy cho con một căn bản,
Khi được trợ bởi nó, con có thể vượt qua dòng-lũ này."[234] (1)

1070. (Phật nói: "Này Upasīva",)
"Quán niệm sự 'không-có-gì' (vô sở hữu), hãy chánh-niệm,
Được trợ bởi 'sự không-có', vượt qua dòng-lũ. [206]
Sau khi đã dẹp bỏ những dục-lạc, tránh bỏ sự mờ-rối,
Đêm và ngày nhìn thấu sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt)."[192] (2)

1071. (Upasīva hỏi:)
"Một người hết tham đối với tất cả những dục-lạc,
Được trợ bởi sự 'không-có-gì', sau khi đã giục bỏ tất cả (tầng)
khác,
Được giải thoát trong sự giải-thoát tối thượng của nhận-thức
(tưởng): [235]

---

[234] [Tôi đọc ở đây động từ là *tareyyaṃ* ngôi thứ nhất theo cách ghi của **Be**, **Ce** và tất cả 03 ấn bản của **Nidd** II; khác với **Ee** ghi chữ *tareyya*.] (233)

[235] [Tất cả 03 phiên bản đều ghi chữ *vimutto* chỗ này, nhưng **Ce** ghi *dhimutto* [= *adhimutto*] trong câu song hành trong thi kệ kế tiếp. **Pj II** khi chú giải không ghi lại

Có phải người đó vẫn ở đó chứ không rời đi?" [193] (3)

1072. (Phật nói:)
"Người đã hết tham đối với tất cả những dục-lạc,
Được trợ bởi sự 'không-có-gì', sau khi đã giục bỏ tất cả (tầng) khác,
Được giải thoát trong sự giải-thoát tối thượng của nhận-thức:
Thì người đó vẫn ở đó chứ không rời đi." (4)

1073. (Upasīva hỏi:)
"Nếu người đó ở đó chứ không rời đi trong vô số năm,
Hỡi bậc thiên nhãn, có phải người đó đã nguội mát (tịch diệt), được giải-thoát ngay tại đó—
[hoặc] liệu thức của người như vậy có qua đời không?"[236] (5)

1074. (Phật nói:)
"Như một ngọn lửa, bị thổi tắt bởi một cơn gió,
Sẽ đi mất và không thể gọi (mô tả, chỉ danh) là gì,
Tương tự, bậc mâu-ni, được giải-thoát khỏi danh-thân,
Sẽ đi mất và không thể gọi là gì."[194] (6)

1075. (Upasīva hỏi:)
"Nhưng có phải người đã đi mất thì không còn hiện-hữu,
Hay người đó vẫn là nguyên-vậy trong vĩnh hằng?
Hỡi bậc mâu-ni, hãy giảng giải vấn đề này cho con,
Vì Giáo Pháp này đã được thấu ngộ bởi ngài." (7)

1076. (Phật nói:)
"Không có sự ước lượng nào về một bậc đã đi mất,
Không có phương tiện nào để nói về bậc ấy là gì.
Khi tất cả mọi pháp đã được bứng sạch,

---

câu này, nhưng **Niddesa** có ghi lại với chữ *dhimutto*. Mời coi thêm chú thích 2103 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).] (234)

[236] [(*Qua đời*: biến qua, chết đi, chuyển kiếp). Chữ *bhavetha* ghi trong **Ee** nên được sửa lại đúng là *cavetha*. Tôi đã thêm chữ *[hoặc]* trong ngoặc, theo ý chú giải trong **Niddesa** và **Pj II**. Tuy nhiên học giả Norman đã không nhìn thấy các chữ thay thế nhau chỗ này, cho nên ông đã dịch nghĩa là: "*Nếu người đó vẫn ở lại đó … liệu đối với người đó thức có biến mất trong trạng thái như vậy hay không?*"] (235)

Thì mọi đường hướng của lời nói cũng bị bứng sạch."[195] (8)

7. Những Câu Hỏi Của Nanda (Nanda-māṇavapucchā)

1077. (Lúc đó Ngài Nanda đã hỏi:)
"Có những mâu-ni trong thế gian,
Người ta nói vậy, nhưng thực ra là sao?
Họ có tuyên bố một người có sự-biết (tri) là mâu-ni
Hay đó chỉ là người theo một lối sống đặc thù mà thôi?" (1)

1078. (Phật nói:)
Không phải do (có) cách-nhìn (kiến), sự học-hiểu (văn) hay sự-biết (tri)
Mà những bậc thiện gọi đó là [nói về] một mâu-ni. [208]
Ta nói, những mâu-ni là những vị sống lánh trần,
Hết phiền não, hết mong cầu.[196] (2)

1079. (Nanda hỏi:)
"Những sa-môn và bà-la-môn nói rằng sự thanh-lọc
[Đạt được] nhờ thứ được nhìn thấy, thứ được nghe,
Sự thanh-lọc cũng [đạt được] nhờ giới-hạnh và giới-cấm,[197]
Họ nói sự thanh-lọc [đạt được] nhờ nhiều phương pháp—
Khi đang sống được kiềm-chế[237] ở đó, thưa Thế Tôn, thì họ đã vượt khỏi sự sinh-già hay chưa?[198]
Con hỏi ngài, thưa Thế Tôn. Xin trả lời cho con." (3)

1080. (Phật trả lời: "Này Nanda",)
"Những sa-môn và bà-la-môn nào nói rằng sự thanh-lọc
[Đạt được] nhờ thứ được nhìn thấy, thứ được nghe,
Sự thanh-lọc cũng [đạt được] nhờ giới-hạnh và giới-cấm,
Họ nói sự thanh-lọc [đạt được] nhờ nhiều phương pháp—
Khi đang sống được kiềm-chế ở đó, ta nói rằng họ chưa vượt khỏi sự sinh-già." (4)

---

[237] [**Ee** ghi chữ này là *yathā*, và ngay bên dưới trong thi kệ trả lời nên chỉnh lại cho đúng là *yatā*, như được ghi trong **Be** và **Ce**.] (236)

1081. (Nanda hỏi:)
"Những sa-môn và bà-la-môn nào nói rằng sự thanh-lọc
[Đạt được] nhờ thứ được nhìn thấy, thứ được nghe,
Sự thanh-lọc cũng [đạt được] nhờ giới-hạnh và giới-cấm,
Họ nói sự thanh-lọc [đạt được] nhờ nhiều phương pháp—
Còn bậc mâu-ni thì nói họ chưa vượt qua dòng-lũ,[238] [209]
Vậy thì ai trong thế gian này có chư thiên và loài người
Đã vượt qua khỏi sự sinh-già, thưa ngài?
Con hỏi ngài, thưa Thế Tôn. Xin trả lời cho con." (5)

1082. (Phật trả lời: "Này Nanda",)
"Ta không nói về tất cả các sa-môn và bà-la-môn,
Rằng tất cả họ đều vẫn bị chôn lấp bởi sự sinh-già.
Có những vị ở đây đã dẹp bỏ thứ được nhìn thấy, thứ được nghe thấy và được cảm nhận,
Và (đã dẹp bỏ) tất cả giới-hạnh và giới-cấm,
Họ cũng đã dẹp bỏ mọi sự của nhiều loại (phương pháp) đó,
Sau khi đã hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) dục-vọng (ái), không còn những dòng chảy-vào (lậu tận):
Những vị đó, ta nói, là 'những người đã vượt qua dòng-lũ'."
(6)

1083. (Nanda nói:)
"Con vui mừng với lời dạy này của bậc đại kiến giả (rishi).
Hỡi đức Cồ-Đàm, trạng thái hết sanh-y (sanh y tận) đã được (ngài) tuyên thuyết hay khéo.
Có những vị ở đây đã dẹp bỏ thứ được nhìn thấy, thứ được nghe thấy và được cảm nhận,
Và (đã dẹp bỏ) tất cả giới-hạnh và giới-cấm,
Họ cũng đã dẹp bỏ mọi sự của nhiều loại (phương pháp) đó,
Sau khi đã hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) dục-vọng (ái), không còn những dòng chảy-vào (lậu tận):

---

[238] [Trong **Ce** thì câu kệ này bắt đầu thi kệ mới, trong khi đó trong **Be** và **Ee** thì câu này và những câu kế tiếp đều nằm trong cùng một thi kệ cùng với những câu dẫn trước kế trên.] (237)

Con cũng nói rằng: 'Họ đã đã vượt qua dòng-lũ'." (7)

8. Những Câu Hỏi Của Hemaka (Hemaka-māṇavapucchā)

1084. (Lúc đó Ngài Hemaka đã hỏi:)
"Những người trước kia đã giảng giải các thứ cho con, [210]
Trước khi [con gặp được] giáo lý của Cồ-Đàm, họ cứ nói:
'Điều đó đã là như vậy, điều đó sẽ như vậy', (nhưng)
Tất cả đó chỉ là lời nói nghe,
Tất cả là sự gia tăng của ý-nghĩ.[199]
Con không ưa thích điều đó.[239] (1)

1085. "Hỡi bậc mâu-ni, hãy tuyên thuyết cho con Giáo Pháp,
(Là) sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt),
(Để) sau khi đã hiểu nó, sống có chánh-niệm,
Người tu có thể vượt qua sự dính-mắc với thế giới." (2)

1086. (Phật trả lời:)
"Này Hemaka, sự xóa-tan dục và tham đối với những thứ
Được nhìn thấy, được nghe, được cảm nhận, và được nhận biết ở đây—[200]
Đối với những thứ có bản chất sướng (lạc)—
Chính là trạng thái Niết-bàn, trạng thái bất diệt. (3)

1087. "Sau khi đã-hiểu điều này, những người có chánh-niệm
Sẽ được nguội tắt (tịch tịnh) ngay trong kiếp này.[201]
Và luôn luôn bình-an,
Họ đã vượt qua sự dính-mắc với thế giới." (4)

9. Những Câu Hỏi Của Todeyya (Todeyya-māṇavapucchā)

1088. (Lúc đó Ngài Todeyya đã hỏi:)
"Đối với người bên trong nhục-dục không trú ở,

---

[239] [Chỗ này tôi làm theo cách phân chia thi kệ của **Be** và **Ce**, vốn cũng được ủng hộ bởi **Nidd** II. Còn **Ee** thì coi câu kệ '*nāhaṃ tattha abhiramiṃ*' là câu bắt đầu của thi kệ kế tiếp.] (238)

Bên trong dục-vọng không thấy có,
Và người đó đã vượt qua sự ngu-mờ (hết si),
Thì sự giải-thoát của người đó thuộc loại gì?" (1) [211]

1089. (Phật trả lời: "Này Todeyya",)
"Đối với người bên trong nhục-dục không trú ở,
Bên trong dục-vọng không thấy có,
Và người đó đã vượt qua sự ngu-mờ:
Không có thêm sự giải-thoát nào nữa đối với người đó."[202] (2)

1090. (Todeyya hỏi:)
"Người đó vô dục[240] hay người đó có dục?
Người đó có được trí-tuệ, hay chỉ có tư cách khôn khéo?
Để con có thể hiểu được, hỡi đức Thích-Ca,
Hãy giảng giải về mâu-ni cho con, hỡi bậc thiên nhãn." (3)

1091. (Phật nói:)
"Vị đó vô dục; vị đó không có dục.
Vị đó có được trí-tuệ, chứ không chỉ tư cách khôn khéo.
Hãy hiểu mâu-ni là vậy, là vị không sở hữu gì, này Todeyya,
Không còn dính mắc những dục-lạc hay sự hiện-hữu." (4)

10. Những Câu Hỏi Của Kappa (Kappa-māṇavapucchā)

1092. (Lúc đó Ngài Kappa đã hỏi:)
"Cho những người đang đứng giữa dòng nước,
Sau khi dòng lũ hiểm họa đã khởi lên,
Cho người bị áp bức bởi già-chết,
Hãy tuyên thuyết một hòn đảo, thưa ngài.
Hãy giảng giải cho con một hòn đảo,
Để (hiểm họa) này không còn xảy ra nữa."[203] (1) [212]

1093. (Phật trả lời: "Này Kappa",)
"Cho những người đang đứng giữa dòng nước,

---

[240] [Ở đây và trong thi kệ trả lời kế dưới tôi đọc chữ này là *nirāsaso* theo như **Be** và **Ce**; khác với **Ee** ghi chữ *nirāsayo*.] (239)

Sau khi dòng lũ hiểm họa đã khởi lên,
Cho người bị áp bức bởi già-chết,
Để ta tuyên thuyết cho ông một hòn đảo. (2)

1094. "Không sở hữu gì, không lấy gì:
Đây là hòn đảo, không gì thêm nữa.[204]
Ta gọi đây là 'Niết-bàn',
Là sự tiêu-diệt (hiểm họa) già-chết. (3)

1095. "Sau khi đã-hiểu điều này, những người có chánh-niệm
Sẽ thổi tắt (tịch tịnh) ngay trong kiếp này.
Họ không con bị sự điều khiển của Ma Vương,
Không thành những đồ đệ quân hầu của Ma Vương." (4)

11. Những Câu Hỏi Của Jatukaṇṇī (Jatukaṇṇī-māṇavapucchā)

1096. (Lúc đó Ngài Jatukaṇṇī đã hỏi:)
"Sau khi đã nghe về bậc anh hùng, bậc không còn ham muốn những dục-lạc,
Con đã đến đây để hỏi bậc vô-dục đã thoát khỏi dòng-lũ.
Hãy nói cho con trạng thái bình-an, hỡi bậc thiên phú nhãn.
Thưa Thế Tôn, hãy nói cho con về điều đó, như nó thực là. (1)

1097. "Vì đức Thế Tôn đã vượt khỏi những dục-lạc,
Như mặt trời huy hoàng vượt trên sự huy hoàng của trái đất.
Vì con thuộc trí hạn hẹp, xin chỉ dạy cho con Giáo Pháp,
Hỡi bật trí-rộng, để con có thể hiểu sự trừ bỏ sự già-chết ở đây."[205] (2) [213]

1098. (Phật trả lời: "Này Jatukaṇṇī",)
"Hãy loại bỏ tham đối với những dục-lạc,
Sau khi đã nhìn thấy sự từ-bỏ là sự an-toàn.
Đừng chấp lấy hay kháng lại bất cứ gì:[206]
Đừng để chấp hay kháng có mặt đối với ông. (3)

1099. "Hãy sạch ráo mọi thứ thuộc quá khứ,
Không chấp lấy thứ gì thuộc tương lai [chưa xảy tới].
Và nếu cũng không nắm giữ thứ gì ở-giữa (hiện tại),

Ông sẽ sống bình-an. (4)

1100. "Này bà-la-môn, đối với người đã hoàn toàn
hết-tham đối với danh-và-sắc,[207]
Thì vị đó không còn có những dòng chảy-vào (lậu hoặc),
Mà do còn chúng nên người ta nằm trong tay thần chết." (5)

12. Những Câu Hỏi Của *Bhadrāvudha* (*Bhadrāvudha-māṇavapucchā*)

1101. (Lúc đó Ngài Bhadrāvudha đã hỏi:)
"Con khẩn cầu bậc bỏ-nhà (xuất gia),
Bậc đã cắt bỏ dục-vọng, bậc không còn xung-động,
Đã dẹp bỏ khoái-lạc, đã vượt qua dòng-lũ, đã giành được sự giải-thoát,
Đã trừ bỏ những tạo-tác của tâm—bậc cực kỳ trí-tuệ:
Rồi sau khi nghe được (lời dạy) này từ bậc long tượng [nāga],
Họ sẽ rời khỏi đây.[241] (1) [208]

1102. "Nhiều người khác nhau từ những xứ [khác nhau]
Đã tụ họp (ở đây) muốn (nghe) lời ngài, hỡi bậc anh hùng.
Xin hãy giảng giải những vấn đề cho họ,
Vì Giáo Pháp này đã được hiểu (được ngộ) bởi ngài." (2)

1103. (Phật trả lời: "Này Bhadrāvudha",)
"Người tu nên loại bỏ tất cả dục-vọng mang tính thu-nạp,
Trên, dưới, và ngang giữa. [214]
Hễ họ chấp-thủ bất cứ gì trong thế gian,
Thì chính do vậy Ma Vương truy bám một người.[209] (3)

1104. "Vì vậy khi hiểu điều này, một Tỳ kheo có chánh-niệm
Không nên chấp-thủ bất cứ gì trong toàn bộ thế gian.
Khi quán sát thấy 'Họ bị kẹt vì còn sự chấp-lấy', [vị đó biết:]

---

241 [Lời kinh gốc chỉ ghi: *apanamissanti ito*, chứ không ghi rõ chủ từ của động từ số nhiều này là ai. Chủ từ ắt hẳn là *nhiều người khác nhau* (*nānā-janā*) như đã được đề cập trong thi kệ kế tiếp.] (240)

Dân chúng này bị dính mắc với cõi tử thần."[210] (4)

13. Những Câu Hỏi Của Udaya (Udaya-māṇavapucchā)

1105. (Lúc đó Ngài Udaya đã hỏi:)
"Con đã đến với nhu cầu thưa một câu hỏi
Với bậc tọa thiền, đã sạch bụi bẩn,
Bậc đã hoàn thành phận sự, không còn những dòng chảy-vào (hết lậu hoặc, hết ô nhiễm),
Bậc đã vượt trên tất cả những hiện-tượng (các pháp).[211]
Xin hãy thuyết về 'sự giải thoát bằng trí-biết cuối cùng',
Tức là sự phá tan vô-minh." (1)

1106. (Phật trả lời: "Này Udaya",)
"Sự trừ-bỏ cả hai thứ,
Dục và ưu thuộc giác-quan (dục tham và dục ưu);
Sự xua tan sự đờ-đẫn trong tâm,
Sự xua đuổi những hối-tiếc:[212] (2)

1107. "Được thanh lọc bởi sự buông-xả và sự chánh-niệm,
Được dẫn dắt bởi ý-nghĩ về Giáo Pháp—
Ta gọi đây là 'sự giải-thoát nhờ trí-biết cuối cùng',
Là sự phá tan vô-minh."[213] (3) [215]

1108. (Udaya hỏi tiếp:)
"Thế gian bị gông cùm bởi thứ gì?
Phương tiện của nó đi lại (vận hành) là gì?
Bằng sự trừ diệt thứ gì
Mà 'Niết-bàn' được nói tới?"[214] (4)

1109. (Phật trả lời:)
"Thế gian bị gông cùm bởi sự khoái-thích;
Ý-nghĩ là phương tiện của nó để đi lại.[215]
Chính bằng sự trừ diệt dục-vọng (ái diệt)
Mà 'Niết-bàn' được nói tới." (5)

1110. (Udaya hỏi tiếp:)
"Theo cách nào một người sống có chánh-niệm

Để cho thức đi đến chấm-dứt (thức diệt)?
Sau khi đã đến để hỏi đức Thế Tôn,
Hãy cho chúng con nghe lời dạy của ngài." (6)

1111. (Phật trả lời:)
"Đối với người không tìm kiếm khoái-thích trong cảm-giác
Ở bên trong và ở bên ngoài,
Đối với người đang sống có chánh-niệm như vậy,
Thì thức sẽ chấm-dứt."[216] (7)

14. Những Câu Hỏi Của Posāla (Posāla-māṇavapucchā)

1112. (Lúc đó Ngài Posāla đã hỏi:)
"Con đã đến với nhu cầu thưa một câu hỏi
Với bậc chỉ ra quá khứ,
Là bậc không còn xung-động, bậc đã cắt đứt nghi-ngờ,
Bậc đã vượt trên tất cả những hiện-tượng (các pháp).[217] (1)

1113. "Thưa đức Thích-Ca, con hỏi về sự-biết
Của người mà nhận-thức về sắc (sắc tưởng) đã biến mất,
Người đã hoàn toàn dẹp bỏ thân,
Người nhìn thấy sự 'vô sở hữu' [không-có-gì]
Ở bên trong và ở bên ngoài:
Một người như vậy được dẫn dắt ra sao?" (2) [216]

1114. (Phật trả lời: "Này Posāla",)
"Sau khi đã trực-tiếp biết tất cả các trạm-trú của thức,
Như Lai biết rõ người này còn lại (ở đó),
Là người được giải-thoát,
Là người có đó là chỗ-trợ.[218] (3)

1115. "Sau khi đã-biết nguồn gốc của vô sở hữu (xứ)
Như vậy: 'sự thích-thú là cái gông-cùm (kiết sử)',
Sau khi đã-biết nó theo cách như vậy,[242]

---

[242] [Chỗ này tôi đọc theo **Be** và **Ce** ghi là: *evaṃ etaṃ*, khác với **Ee** ghi là: *evam evaṃ*.] (241)

Người tu (chỉ ngồi) nhìn vào trong nó với sự minh-sát.
Đây là trí-biết đích thực của bà-la-môn đó,[219]
Vị đó đã sống đời sống tâm linh." (4)

15. Những Câu Hỏi Của Mogharāja (Mogharāja-māṇavapucchā)

1116. (Lúc đó Ngài Mogharāja đã hỏi:)
"Con đã hỏi đức Thích-Ca hai lần,
Nhưng bậc Kiến Nhãn không trả lời con.
Tuy nhiên con đã nghe rằng bậc kiến giả (rishi) thiên thánh[220]
Sẽ trả lời (khi con) thỉnh cầu lần thứ ba. (1)

1117. "Đối với thế gian này, cõi giới khác,
Cõi trời phạm thiên (brahma) có những thiên thần ở đó,
Con không biết quan-điểm của ngài là gì,
[Quan-điểm] về bậc Cồ-Đàm nổi tiếng. (2) [217]

1118. "Vì vậy con đã đến với nhu cầu thưa một câu hỏi
Với bậc tầm-nhìn siêu xuất.
Theo cách nào người tu nhìn vào thế giới,
Để cho Tử Thần không nhìn thấy người đó?" (3)

1119. (Phật trả lời: "Này Mogharāja",)
"Hãy nhìn vào thế giới là trống-không,
Luôn có chánh-niệm.
Sau khi đã bứng bỏ quan-điểm có cái 'ta' (ngã kiến),
Như vậy người tu có thể vượt qua khỏi cái chết.
Thần Chết sẽ không nhìn thấy
Người nhìn vào thế giới (theo cách) như vậy." (4)

16. Những Câu Hỏi Của Piṅgiya (Piṅgiya-māṇavapucchā)

1120. (Lúc đó Ngài Piṅgiya đã hỏi:)
"Con già, yếu, màu da đã phai,
Mắt nhìn không rõ, tai nghe yếu ớt.
Đừng để con chết trong sự ngu-mờ ở dọc đường dang dở.
Hãy tuyên thuyết Giáo Pháp

Để con có thể hiểu sự trừ-bỏ sự già-chết ở đây." (1)

1121. (Phật trả lời: "Này Piṅgiya",)
"Sau khi đã nhìn thấy những người bị hành hạ bởi sắc thân,
Những người lơ-tâm phóng dật, bị khổ sở bởi thân,
Bởi vậy, này Piṅgiya, hãy chuyên-chú (tu tập),
Hãy dẹp bỏ sắc-thân để chấm-dứt sự tái hiện-hữu." (2)

1122. (Piṅgiya hỏi tiếp:)
"Trong bốn hướng, bốn hướng ở giữa,
Trên, dưới: trong mười hướng này, [218]
Không có thứ mà ngài chưa nhìn thấy, nghe, và cảm nhận,
Và không có gì trong thế gian chưa được nhận biết bởi ngài.
Hãy tuyên thuyết Giáo Pháp để con có thể hiểu được
Sự trừ-bỏ sự sinh-già ở đây."[221] (3)

1123. (Phật trả lời: "Này Piṅgiya",)
"Khi quan sát con người sa ngã trong dục-vọng (ái lụy),
Bị hành hạ, bị nghiền nát bởi sự già,
Bởi vậy, này Piṅgiya, hãy chuyên-chú (tu tập),
Hãy dẹp bỏ dục-vọng để chấm-dứt sự tái hiện-hữu." (4)

PHẦN KẾT

Những Thi Kệ Đề Cao 'Con Đường Vượt Qua Bờ-kia' [243]

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói khi đang ở xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha), ở Đền Pāsāṇaka (Pāsāṇaka Cetiya). Khi được thỉnh cầu bởi 16 bà-la-môn có mặt và mỗi người đã hỏi, đức Thế Tôn đã trả lời những câu hỏi của họ. Nếu ai hiểu ý nghĩa và giáo lý trong mỗi [phần (kinh) của] những câu hỏi này, và thực hành tu tập theo đúng Giáo Pháp, thì người đó có thể vượt qua sinh-già. Vì những giáo lý này dẫn dắt vượt qua bờ-kia, cho nên phần bài giảng Giáo Pháp này được gọi là *Pārāyana* (*Con Đường Vượt Qua Bờ-kia*)."

1124. Ajita, Tissa Metteyya, Puṇṇaka và Mettagū,
Dhotaka và Upasīva, Nanda và cả Hemaka; (1) [219]

1125. Todeyya và Kappa, và Jatukaṇṇī có trí,
Bhadrāvudho và Udaya, và bà-la-môn Posāla,
Mogharājā thông minh, và đại kiến giả (rishi) Piṅgiya: (2)

1126. Họ đến gặp Đức Phật,
Là bậc kiến giả (rishi) phẩm-hạnh siêu xuất;
Khi hỏi những câu hỏi vi tế,
Họ đã đến chỗ Đức Phật. (3)

1127. Khi được họ hỏi những câu hỏi,
Đức Phật đã trả lời đúng theo sự-thật.
Bằng những câu trả lời cho những câu hỏi của họ,
Bậc mâu-ni đã làm hài lòng các bà-la-môn đó. (4)

1128. Được làm hài lòng bởi bậc Kiến Nhãn,
Bởi Đức Phật, bậc Hậu Duệ của Thái Dương,
Họ đã sống đời sống tâm linh

---

[243] [Trong **Be** và **Ce** thì phần này được đặt tên là *Pārāyanatthutigāthā*. **Ee** thì không đặt tên cho phần này. **Ee** đánh số phần này là "**18**", nhưng tôi làm theo theo **Be** và **Ce**, không đánh số.] (242)

Theo bậc trí-tuệ siêu xuất (tức Phật). (5)

1129. Nếu ai thực hành theo cách
Mà họ đã được chỉ dạy bởi Đức Phật
(Như Phật) đã đáp lại mỗi câu hỏi họ đã hỏi,
Thì người đó có thể đi từ bờ-này qua bờ-kia. (6)

1130. Sau khi đã tu tập đạo tối thượng,
Người tu có thể đi từ bờ-này qua bờ-kia.
Đạo đó là để vượt qua bờ-kia;
Do vậy nó được gọi là "Con Đường Vượt Qua Bờ-kia". (7)

Những Thi Kệ Được Tụng Lại về 'Con Đường Vượt Qua Bờ-kia' [244]

[Môn sinh Piṅgiya trở về Godhāvarī và thưa với đạo sư Bāvari:]

1131. "Giờ con sẽ tụng lại "*Con Đường Vượt Qua Bờ-kia*".
Như (Phật) đã nhìn thấy nó, và đã thuyết nó như vậy,
Bậc vô nhiễm, bậc thông minh quảng đại.
Đâu lý gì một bậc long tượng (nāga),[245]
Bậc đã hết dục, hết vướng rối, mà nói sai sự thật?[222] (8) [220]

1132. "Lại đây, hãy để con giải thích
Lời nói đẹp đẽ của một bậc,[223]
Là bậc đã trừ diệt những ố-nhiễm và si-mê,
Đã trừ bỏ sự tự-ta (ngã mạn) và sự chê-bai. (9)

1133. "Là bậc xua tan bóng tối, Vị Phật, bậc thiên nhãn,
Bậc đã đến chỗ kết-thúc thế giới, đã siêu thoát khỏi mọi sự hiện-hữu,
Bậc không còn những dòng chảy-vào, đã diệt tất cả sự khổ; thưa bà-la-môn,
Bậc hữu danh hữu thực thì được con phụng sự.[224] (10)

---

[244] [Trong **Be** và **Ce** thì phần này được đặt tên là *Pārāyanānugītigāthā*. **Ee** thì không đặt tên cho phần này.] (243)

[245] [Chữ này đọc theo **Be** và **Ce** là *nāgo*, khác với **Ee** ghi *nātho*. Sự giải nghĩa của **Niddesa** cũng xác nhận chữ *nāgo*.] (244)

1134. "Như chim đã bỏ lại sau lưng khu rừng nhỏ
Giờ có thể trú đậu một khu rừng nhiều trái cây,
Cũng vậy, khi gạt bỏ những điều thuộc tầm nhìn nhỏ,
Con như con ngỗng mới đến được một hồ nước lớn.[225] (11)

1135. "Những người trước kia đã giảng giải các thứ cho con,
Trước khi [con gặp được] giáo lý của Cồ-Đàm, họ cứ nói:
'Điều đó đã là như vậy, điều đó sẽ như vậy', (nhưng)
Tất cả đó chỉ là lời nói nghe,
Tất cả là sự gia tăng của ý-nghĩ.[246] (12) [210]

1136. "Bậc xua tan bóng tối ngồi một mình,
Bậc sáng suốt,[247] bậc tạo nên ánh sáng,
Đức Cồ-Đàm trí-tuệ quảng đại,
Đức Cồ-Đàm thông-minh quảng đại—(13) [221]

1137. "Bậc ấy là người đã dạy cho con Giáo Pháp,
Có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì,[226]
Là sự tiêu diệt dục-vọng, hết nghịch cảnh,
Không bất cứ đâu có gì sánh đồng với (Giáo Pháp) đó." (14)

[Đạo sư Bāvari hỏi môn sinh Piṅgiya:]

1138. "Này Piṅgiya, vậy sao giờ anh ở cách xa ngài
Dù chỉ trong chốc lát,
Xa Cồ-Đàm trí-tuệ quảng đại,
Xa Cồ-Đàm thông-minh quảng đại, (15)

1139. "Là bậc đã dạy cho anh Giáo Pháp,
Có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì,
Là sự tiêu diệt dục-vọng, hết nghịch cảnh,
Không đâu có gì sánh đồng với (Giáo Pháp) đó?" (16)

[Piṅgiya trả lời:]

1140. "Thưa bà-la-môn, con đâu có ở cách xa bậc ấy
Cho dù trong chốc lát,

---

[246] [Lời thi kệ 1135 này giống thi kệ 1084 ở kinh **Sn 5.8** ở trên.] (245)

[247] [Chữ này đọc theo **Be** và **Ce** ghi là *jutimā*.] (246)

Xa Cồ-Đàm trí-tuệ quảng đại,
Xa Cồ-Đàm thông-minh quảng đại, (17)

1141. "Là bậc đã dạy cho con Giáo Pháp,
Có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì,
Là sự tiêu diệt dục-vọng, hết nghịch cảnh,
Không bất cứ đâu có gì sánh đồng với (Giáo Pháp) đó." (18)

1142. "Thưa bà-la-môn, ngày đêm con chuyên-chú
Con bằng tâm nhìn thấy bậc ấy như thể bằng mắt vậy.
Con trải qua đêm kính lễ tới bậc ấy;
Do vậy con không nghĩ con ở xa bậc ấy. (19)

1143. "Niềm-tin và sự hoan-hỷ, tâm và sự chánh-niệm của con
Không cách xa giáo lý của Cồ-Đàm.
Dù phương nào bậc trí-tuệ quảng đại tới đó,
Con kính lễ bậc ấy ở phương đó.[227] (20) [222]

1144. "Vì con đã già và yếu ớt,
Thân con không đi được đến đó,
Nhưng con vẫn thường trực đi-đến-đó bằng ý-nghĩ,
Vì tâm con liên ứng với bậc ấy, thưa bà-la-môn.[228] (21)

1145. "Khi con nằm run rẩy trong bùn lầy,
Con trôi giạt từ đảo này qua đảo khác.
Rồi con đã gặp được vị Phật [bậc Giác Ngộ],
Bậc vô-lậu [hết dòng chảy-vào], đã vượt qua dòng-lũ." (22)

[Đức Phật xuất hiện ở đó và nói:]

1146. "Như Vakkali đã phát tâm tịnh tín,
Và Bhadrāvudha và Āḷavi Gotama,
Vì vậy ông cũng nên phát tâm tịnh tín:[229]
Rồi, này Piṅgiya, ông sẽ đi
Vượt qua cõi thần chết." (23)

[Piṅgiya thưa rằng:]

1147. "Con thậm chí càng vui lòng hơn,
Sau khi nghe được lời của bậc mâu-ni.
Bậc Giác Ngộ, đã lột bỏ những vỏ-bọc,

Không cần-cỗi, được phú với biện-tài.[230] (24)

1148. "Sau khi đã-biết về những thiên thần,
Ngài đã-hiểu mọi thứ, cao và thấp.
Vị Thầy là người làm nên 'sự kết-thúc những nghi vấn'
Của những ai bị nghi-ngờ và thừa nhận điều đó.[231] (25) [223]

1149. "Sự bất động, sự bất lay chuyển,
Không bất cứ đâu có gì sánh đồng (với trạng thái đó).
Chắc chắn con sẽ đi tới đó; con không nghi-ngờ về điều này.
Vậy xin (Phật) ghi nhớ con là người có tâm đã quyết."[232] (26)

— HẾT KINH TẬP —

PHẦN CHÚ THÍCH

---

[1] [►*Xin lưu ý*:

{- (1) Những chú thích ở phần cuối sách này là do người dịch Việt tóm lược sự giải nghĩa của ***Paramatthajotikā II*** (*Chú Giải Ý Nghĩa Rốt Ráo*) [**Pj** II], là tập luận giảng về tập *Kinh Tập* này. Có chỗ dẫn nguyên văn lời chú giải.

- (2) Những lời kinh đã tự rõ nghĩa về mặt ngôn từ thì người dịch không chú thích và không dịch các chú giải hay diễn dịch từ các luận giảng để đưa vào.}

- Trong thi kệ đầu tiên này: Chữ '*ở đây*' là chứ để chỉ '*cá tính*' (phẩm tính cá nhân, phẩm tính con người) *của mình* và chữ '*bên kia*' là chữ để chỉ '*cá tính*' *của người khác*. Hoặc '*ở đây*' là chỉ 6 nội xứ (6 giác quan, 6 căn) và '*bên kia*' là 6 ngoại xứ (6 đối tượng giác quan, 6 trần); hoặc '*ở đây*'/ '*bên kia*' là = cõi người/ cõi trời; = dục giới/ sắc giới và vô sắc giới … vân vân. (Ý nghĩa là loại bỏ những thứ trong cái 'ta' và những thứ ở ngoài của những 'thế giới'). (1)

[2] [*Hồn cốt*: là tạm dịch = cốt lõi, thứ thường hằng, sự thường hằng, cái 'ta', cái 'ngã', 'linh hồn' cố định. (Ý nghĩa: mọi trạng thái hiện-hữu đều là vô ngã). *Những trạng thái hiện-hữu*: là chỉ tất cả: sự hiện-hữu trong dục giới, sắc giới, vô sắc giới; sự hiện-hữu có nhận-thức (tưởng), không có nhận-thức (phi tưởng), không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi phi tưởng); sự hiện-hữu 01 thành phần (chỉ 1 sắc uẩn), 04 thành phần (chỉ 04 uẩn vô sắc), và 05 thành phần (gồm 05 uẩn). *Tìm kiếm*: hàm nghĩa là tìm kiếm bằng trí-tuệ. *Như người tìm kiếm hoa trong những cây ưu đàm [udumbara]*: Giống như một bà-la-môn tìm kiếm hoa trong những cây ưu đàm không thấy có hoa nào, một thiền sĩ, sau khi soi xét mọi thứ bằng trí-tuệ, không tìm thấy có một cốt lõi (hồn cốt, bản ngã, thực thể thường hằng) nào trong tất cả các cảnh giới hiện-hữu. Rồi, sau khi nhìn thấy bằng minh-sát tuệ rằng mọi hiện-tượng đó đều là vô-thường và vô-ngã bởi vì bản chất của chúng không có một cốt lõi gì cả, vị đó dần dần chứng ngộ những trạng thái vượt khỏi thế gian (siêu thế) và từ-bỏ mọi sự 'ở đây' và 'bên kia' như một con rắn lột bỏ lớp da cũ mòn của nó.] (5)

[3] [Chỗ này chỉ *09 loại ý-nghĩ bất thiện khéo*, đó là: [03 ý-nghĩ tham dục, 04 ý-nghĩ ác ý, và 03 ý-nghĩ hung bạo; hoặc là: ý-nghĩ về người thân quyến, ý-nghĩ về quê hương xứ sở, ý-nghĩ về sự trường tồn bất tử, ý-nghĩ quan tâm lo lắng cho những người khác, ý-nghĩ về 'lợi, danh, vinh (được cung kính)', và ý-nghĩ không bị người khác khinh thường].] (7)

[4] ['*Không chạy tới xa cũng không chạy lùi*': là tránh cả 02 cực đoan như cố sức /lười biếng, thích/chê, khoái lạc/khổ hạnh, thường kiến/đoạn kiến, nghĩ tương

lai chưa tới/ nghĩ quá khứ đã qua/ chay tới tương lai/chạy lại quá khứ. Nghĩa là đã tu theo con đường trung-đạo dẫn tới trí-tuệ giác-ngộ.] (8)

[5] [Chỉ những sự phóng tâm sinh ra từ dục-vọng, sự tự-ta, và quan-điểm này nọ (ái, ngã, tà kiến).] (8)

[6] [Tất cả này là tất cả những thứ hữu vi đều không thực, không có tự tính, đều là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'.] (9)

[7] [*Những trạng thái khổ não*: chính là những ô-nhiễm (lậu hoặc), đó là các điều-kiện (duyên) tạo ra sự *quay lại bờ-gần này* (sự tái sinh lại thế gian này, sự có lại danh-tính, sự mang lại năm-uẩn trong cõi hiện-hữu), không thoát được qua bờ-xa (sự giải-thoát, sự không còn tái-sinh hay hiện-hữu).] (15)

[8] [Lược dẫn chú giải về đoạn thi kệ này: Ở đây, *người chủ gia súc Dhaniya*: cụm chữ tên gọi này của ông là chữ kết hợp, ông là con trai một nhà giàu, được gọi tên là *Dhaniya* vì ông sở hữu tài sản (*dhana*) là đàn gia súc, để phân biệt với những loại tài sản khác (như ruộng đồng …) vì họ cho rằng 'Không tài sản nào tốt cho bằng đàn gia súc' [như cũng được nói trong kinh **SN 1:74** (Quyển 1), thi kệ 230, câu *c*] vì chúng cung cấp cho con người 05 loại thực phẩm từ sữa để nuôi sống con người. Vì ông là người chủ đàn gia súc nên ông không cần tiền lương, những người chăn mướn gia súc mới cần tiền công.

- Rồi, khi người chủ gia súc Dhaniya, khi đang nằm trên giường lớn, khi nghe tiếng sấm trên trời, ông đã nói: *Tôi đã nấu cơm*: tức đã có cơm ăn no ấm, hạnh phúc. *Tôi đã vắt sữa*: để chỉ phương tiện để ông loại bỏ sự khổ tâm và tạo ra sự an tâm hạnh phúc. *Gần bờ sông Mahī*: để chỉ ông đã có được chỗ cư trú tốt lành, và *tôi sống với gia đình của tôi*: cho thấy không có sự buồn sầu vì phải bị chia ly với những người thân yêu, như nhiều người trong đời phải bị. *Chòi của tôi được lợp tranh*: chỉ sự an toàn, sự phòng trừ những khổ đau về thân. *Lửa được đốt lên*: là cách những người chủ gia súc thường làm, đốt lửa xung quanh chỗ ở để tạo ra khói và tạo hơi ấm, ngăn phòng những thú dữ tấn công, đuổi muỗi ruồi khỏi bu gia súc và chó mèo … Sau khi nói để chỉ ra những điều này, ông thấy tràn ngập niềm-vui và hoan-hỷ bởi vì ông, nhà ông và đàn gia súc sẽ không bị gì nếu trời mưa xuống. Do vậy ông mới nói: *Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!*] (18)

[9] [*Những thứ đã tu đạt được*: ở đây hàm chỉ *trí-biết toàn tri* và *niềm chân-phúc của những trạng thái thiền định siêu thế* mà Phật đã có được. *Ta không hề cần [những] tiền lương*: nghĩa là, tiền lương hay những thứ người đời thu nạp tích lũy và do đó chưa trừ bỏ được sự sinh tử. Vì vậy, nếu ai tùy hỷ với sự hết phụ thuộc vào những thứ đó của Phật thì có thể nói câu: "Vậy nếu muốn, hãy mưa xuống, hỡi ông trời!", vì Phật là người mà ông trời có thể mưa xuống để chứng minh điều này.] (25)

[10] [*Gậy gộc* (*daṇḍa*): có thể dịch theo hàm nghĩa là *bạo lực*, *sự hung bạo*. Theo chú giải thì chỉ hàm nghĩa là các hành-vi bất thiện gồm: gậy thân, gậy lời-nói, gậy tâm-ý bất thiện đối với chúng sinh; *chúng sinh* ở đây là chúng sinh hữu tình; *người đồng hành*: nghĩa là người sống chung, người ở chung, người đi chung, bạn đồnh hành.

- *Người tu nên sống*: Nguyên văn chú giải: [Chữ *sống* ở đây gồm *08 loại sự sống*, đó là: (i) đối với người có được quyết tâm, đó là sự sống theo một tư thế trong số 04 tư thế (đi, đứng, nằm, ngồi); (ii) đối với người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (phòng hộ sáu căn), đó là sự sống trong các căn cảm-nhận trong số các căn cảm-nhận bên trong (sáu nội xứ); (iii) đối với người an trú chuyên-chú, đó là sự sống với sự chánh-niệm trong 04 nền-tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ); (iv) đối với người ý định tu tập phần tâm bậc cao (thiền định), đó là sự sống bằng sự định-tâm của 04 tầng thiền định sắc giới (jhāna); (v) đối với người có đượ sự thông minh, đó là sự sống bằng sự-biết (trí) của 04 Diệu Đế; (vi) đối với người thực hành một cách chân chánh, đó là sự sống trên một chặng đạo trong số 04 thánh đạo; (vii) đối với người đã thành tựu quả, đó là sự sống trong sự chứng đắc của 04 tháng quả của đời sống sa-môn (04 sa môn quả); (viii) đối với 03 loại Phật, đó là sự sống trong tất cả chúng sinh vì sự tốt lành của thế gian, cũng có một phần các vị Phật Độc Giác (*paccekabuddha*) và các đệ tử thinh văn.].] (35)

[11] [Ý nghĩa thi kệ này là: Nếu người tu chỉ lo cảm thương mật thiết với những bạn hữu, cả bạn đời và bạn đạo, thì *tâm bị dính mắc*, bị ràng buộc, phụ thuộc, vì luôn đặt mình vào tư thế thấp, cứ luôn phụ thuộc, cần thiết, muốn quan tâm và có mặt với bạn hữu thân ái đó (theo nghĩa quá mật thiết, không tiết chế tình-cảm, không phòng hộ luyến ái), và do vậy sẽ không còn chú tâm tu tập, coi như *bỏ mất* (*mục tiêu*) *thiện* tức là bỏ lơ những sự chứng đắc và những sự chưa chứng đắc, là mục-tiêu của đời sống tu hành. Như vậy sự thân mật, thân ái, là sự nguy-hại cản trở việc tu tập hướng tới mục-tiêu, vì vậy người tu thà nên tránh bỏ; thà hy sinh sự thân mật giao hảo luyến ái để sống tu một mình thì tốt hơn.

- (Dĩ nhiên những bạn hữu tại gia hay đạo hữu xuất gia mà tốt thiện, cùng chí-tu, cùng giới-hạnh và hỗ trợ cho đời sống tu hành, như được nói trong thi kệ 45 bên dưới, thì nên duy trì).] (37)

[12] [Nguyên văn chú giải câu kệ *c* này: [*Tìm kiếm* (*loại*) *sự tự do mà không do sự thèm-muốn* (*dục-vọng*)—nghĩa là, [tự do] bằng cách của những phẩm-chất và những cá nhân, và [tự do] bởi vì đó không bị sự kiểm soát của người khác—Tôi đảm nhận sự minh-sát và dần dần thành tựu sự độc giác (pacceka).” (Bản thân người dịch Việt cũng không hiểu rõ ý nghĩa lời chú giải này).] (40)

[13] [*Con cái của người khác*: Thi kệ này được chú giải bằng một câu chuyện, tóm lược: Sau khi hoàng hậu của vua xứ Bārāṇasī qua đời, nhà vua buồn sầu. Các quan thần khuyên vua nên tìm một hoàng hậu môn đăng hộ đối khác. Họ chỉ một hoàng hậu nước láng giềng có vua mới qua đời. Nghe lời họ vua đã hỏi cưới hoàng hậu đó về làm hoàng hậu của mình. Ông rất thương yêu hoàng hậu đó, do vậy cũng thương yêu cả con trai nhỏ của bà. Nhưng sau đó đám tùy tùng của hoàng hậu và bà sinh lòng nghi ngờ ông, vì họ nghĩ một người không thể thương yêu *con của người khác* đến mức như vậy. Họ *không vừa lòng*, không hài lòng, và họ nói hoàng tử bé đó tránh xa nhà vua mỗi khi ông gọi lại để cưng chiều. Nhà vua thấy người đời bất thiện, khi mình tốt với họ thì họ cũng nghi ngờ và nói xấu mình. Chán nản, nhà vua bỏ ngôi đi tu. Các quan thần cũng đi tu theo. Họ được dân chúng cúng dường thức ăn khất thực và các thứ; nhà vua thường được cúng với các thứ tốt hơn vì lớn tuổi thâm niên hơn. Rồi những Tỳ kheo khác thấy *không vừa lòng*, không hài lòng, họ ghen tỵ, họ trách sao họ làm nhiều việc hơn mà lại được bố thí đồ ít hơn thấp hơn. Nhà vua thấy ngay cả trong số những tu sĩ cũng có người ganh tỵ, chê xấu lẫn nhau, cho nên nhà vua bỏ vô rừng sống tu một mình, thà một mình như chiếc sừng tê giác. (Thi kệ này được nói trong hoàn cảnh câu chuyện đó, và được kết tập ở đây).] (43)

[14] [Trong đạo Phật, *người ăn thức ăn khất thực một cách phi tội lỗi*: là chỉ người tu chân chính, người tu hành chuyên chú, không phụ lòng những thí chủ cúng dường thức ăn cho mình. Ngược lại là *người ăn thức ăn khất thực một cách tội lỗi*, cũng thường được gọi là *người ăn thức ăn của xứ sở như một con nợ* (tức ăn mà không tu thành gì, coi như một con nợ, ăn nợ).] (47)

[15] [Có lẽ thi kệ này mô tả một người tu đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư (tứ thiền).] (67)

[16] [*Chỗ lui-tới*: là tạm dịch từ nghĩa là chỗ nương dựa, chỗ kiếm sống, chỗ hành sự xấu xa tà đạo, trái với giới-luật, (chẳng hạn các Tỳ kheo giả, thầy chùa giả thường kiếm sống, nhận đồ cúng dường từ chỗ dân làm nghề thất đức, tà đạo, xấu ác, những kẻ tà quyền, làm nghề bất thiện bất chính, thất đức, hoặc chỗ những thí chủ mê tín, xấu ác, tà đạo; hoặc thậm chí (như chú giải) có những Tỳ kheo giả lui tới chỗ có nữ giới, gái gú, kỹ nữ, tệ nạn, vân vân).] (280)

[17] [Nguyên văn chú giải về câu này: [*Họ phòng hộ một kho báu thánh thiêng*: Sự an trú này trong tâm-từ (*mettādivihāra*), vân vân, được gọi là *một kho báu thiêng thánh* (*brahmanidhi*) bởi vì nó là điều tốt nhất và bởi vì nó luôn đi theo bên họ; họ phọng hộ nó bằng cách luôn luôn chú-ý vào việc tu tập tu dưỡng nó (tức tu dưỡng 04 phạm-trú (*vihāra*) là từ, bi, hỷ, xả).] (285)

[18] [Chữ *nhận thức* ở đây và ở câu kệ 320*d* kế trên theo chú giải có nghĩa là thông thường *nhận ra*, *nhận biết*, *nhận thấy* (chứ không phải nghiêm ngặt nghĩa thuật ngữ là *nhận-thức* = *tưởng*). (320)

[19] [Về 02 câu đầu, nguyên văn chú giải: [Ở đây, *Giáo Pháp do các bậc thánh chỉ dạy* chính là Giáo Pháp về định và tuệ; bởi vì thậm chí không có một vị Phật nào đã bát-Niết-bàn mà chưa chỉ dạy Giáo Pháp về định và tuệ. Bởi vậy, *những ai vui thích Giáo Pháp do các bậc thánh chỉ dạy* thì họ hoan hỷ với Giáo Pháp đó, họ chuyên-chú, họ liên tục áp dụng bản thân vào đó, cho nên họ là *vô thượng về hành-động*, *lời-nói*, *và tâm*. Và vân vân.] (330)

[20] [Nguyên văn chú giải: [Cho dù ở đây chỉ nói *05 căn cảm-nhận* (05 giác quan thuộc thân, 05 thân căn) bởi vì chúng dễ nhìn thấy trên thân, nhưng phải nên hiểu Phật cũng hàm ý bao gồm cả căn thứ sáu là *tâm* [tâm căn; vì nó cũng thuộc cùng loại các căn, thuộc 06 căn], (như vậy câu thứ hai có nghĩa là *sự chế ngự 06 căn*, *phòng hộ 06 căn*). *Hãy có sự chánh-niệm hướng vào thân*: Khi người tu đã được thiết lập trong 04 sự thanh-lọc về giới-hạnh, thì hãy có *sự chánh-niệm hướng vào thân* bằng cách "tu tập nó" thông qua sự giải biết tỏ tường về 04 yếu-tố (tứ đại), sự rõ-biết (tỉnh giác), sự chánh-niệm về hơi-thở, sự nhận-thức về sự đáng ghê-tởm (ô uế) của thực-dưỡng (thức ăn), và vân vân. Sự "tu tập nó" có nghĩa là như vậy. *Có đầy sự tỉnh-ngộ [đối với thế gian]*: (*sự tỉnh-ngộ* là chữ người dịch Việt dùng để dịch nghĩa "sự không còn mê-thích, sự không còn mê-muội, sự không còn mê đắm"): Ý nghĩa là "sự không hài lòng, bất mãn, đã chán chê với vòng luân-hồi [*saṃsāra*]". Là sự nhìn-thấy không có sự gì đáng thích đáng mê trong toàn-bộ thế giới."].] (240)

[21] [Như chú giải: *Tránh bỏ*: là không chú-ý, không để-tâm, *không chú-tâm*, *không tác-ý*; từ bỏ chúng; *dấu-hiệu* (tướng, hình tướng) ở đây có nghĩa là những dấu-hiệu đẹp, tướng đẹp (hấp dẫn) là cơ sở phát sinh hay liên hệ *tham-dục*. Do vậy, câu này nên hiểu nghĩa kỹ thuật Phật muốn nói là: Hãy tránh bỏ (không chú-tâm hay tác-ý) dấu-hiệu đẹp (tướng đẹp) nối kết (câu hữu) với tham-dục. *Hãy tu tập cái tâm* (*thiền*) *về sự không hấp-dẫn* (của thân): Đây là sự tu tập cái tâm (thiền quán) về bản chất *không hấp-dẫn* (ô uế) *của thân*, gồm cả thân chúng sinh hữu tình và thân của những chúng sinh. *Đạt nhất-điểm*: là bằng phương tiện (trạng thái) cận-định; "*khéo đạt-định*": nghĩa là đạt định-sâu bằng sự định-tâm trong các tầng thiền định. Tất cả thi kệ có nghĩa: Người tu phải tu tập những sự tu tập như vậy].] (341)

[22] [Như chú thích ở thi kệ 1069, kinh **Sn 5.6** bên dưới: [*Bậc thiên nhãn* là dịch chữ *con mắt vũ trụ*: nghĩa là = *bậc nhìn-thấy tất cả*, *bậc biến nhãn*: ở đây hàm nghĩa chỉ *sự toàn-tri* (sự-biết tất cả) của Đức Phật. (Đức Phật có được năng-lực và danh-hiệu này).] (**Nidd** II 91–92)

[23] [Nguyên văn chú giải: [Thi kệ này được nói để đề cao Đức Phật. *Ở đây mọi nút-thắt*: những nút-thắt là chỉ sự thèm-muốn, dục-vọng, những phẩm chất bất thiện, đó được gọi là *những đường ngu-si* bởi vì hễ khi nào còn chưa trừ bỏ những nút-thắt đó thì không diệt trừ được sự ngu-si và nghi-ngờ; chúng cũng được gọi là *những phe phái vô-minh* và *những căn-cứ của nghi-ngờ*. Tất cả chúng, *khi chạm đến Như Lai sẽ không còn nữa*: nghĩa là, chúng sẽ bị giải tán bởi năng-lực của Giáo Pháp của Như Lai, và sẽ diệt vong. Vì lý do gì? *Bởi vì bậc ấy là con mắt tối thượng của loài người*: bởi vì Như Lai tạo ra con mắt trí-tuệ (tuệ nhãn) để giải tán phá tan tất cả những nút-thắt đó, cho nên Như Lai được gọi là "con mắt tối thượng của loài người"].] (346)

[24] [Nguyên nhân kinh này: Kinh này còn được gọi với tên là *Kinh Đại Hội* vì nó được Đức Phật nói nhân dịp có sự tập hợp lớn của các hội chúng. Nhân duyên là để trả lời câu hỏi, được hỏi bởi "*vị Phật được tạo bằng tâm*" do chính Đức Phật tạo ra để đóng vai trò người vấn hỏi trong khi cả đại chúng không ai chịu đặt câu hỏi; (Phật không muốn được thấy là tự mình đặt câu hỏi và tự mình trả lời, cho nên Phật đã tạo ra một vị Phật bằng-tâm để đặt câu hỏi). [Phần chú giải về hoàn cảnh nguyên nhân của kinh này *rất dài*, gồm nhiều câu chuyện và giải thích, được ghi tới 10 trang từ 833-843 trong bản gốc của TKBĐ.]

- Cần ghi nhớ: tại đại hội này Phật đã thuyết giảng *06 bài kinh* trong tập *Kinh Tập* này, mỗi bài nói về 1 trong 06 loại tính-khí (tập khí, ô nhiễm), đó là: *Kinh Trước Khi Tan Rã* (**Sn 4.10**), *Kinh Tranh Cãi và Tranh Chấp* (**Sn 4.10**), *Tiểu Kinh Phân Bố* (**Sn 4.12**), *Đại Kinh Phân Bố* (**Sn 4.13**), *Kinh Nhanh Chóng* (**Sn 4.14**) ở Chương 4 bên dưới, và *Kinh Du Hành Chân Chính* này (**Sn 2.13**); riêng kinh này được nói cho phù hợp cho số những thiên thần có tính-khí "*tham*".] (359)

[25] [Thi kệ này có lẽ nói rằng một Tỳ kheo chân chính là phải từ bỏ những ý-nghĩ đọ đoan, mê tín, điềm báo, mộng mị, cúng sao giải hạn. Vì Phật giáo là con-đường dựa trên nhân-quả chứ không dựa trên những điềm báo lành dữ hay sao chiếu mệnh gì cả.] (360)

[26] [*Công ăn việc làm chân chính* nghĩa là: Không làm 05 công việc bất chính: buôn bán vũ khí, con người, thịt động vật, rượu và chất độc hại, và làm những công việc chân chính. Câu kệ cuối nghĩa là: khi thân tan rã sau khi chết, *sẽ đạt tới những thiên thần được gọi là tự phát-sáng*, nghĩa là người đó được tái sinh trong 06 loại thiên thần cõi dục-giới; họ được gọi là '*tự phát-sáng*' (phát quang) bởi vì họ xua tan bóng tối bằng sự tự phát quang của họ và họ tạo ra ánh sáng."] (404)

[27] [Toàn bộ kinh này là do Ngài Ananda nói ra ở Tịnh Xá Kỳ Viên, Xá-vệ. Kinh kế tiếp là do Phật nói ra cho các Tỳ kheo, sau khi ra khỏi cốc Hương Thất (Gandhakuti) ở đó.] (424)

[28] [Thuật ngữ "*sự an-toàn khỏi* (*mọi*) *sự trói-buộc*" đã được Đức Phật dùng rất nhiều trong các bộ kinh Nikaya, có nghĩa chỉ *Niết-bàn*, *sự giải-thoát*, *sự thoát khỏi hiện-hữu*, *sự bất-tử*, *sự tự-do vĩnh viễn*, *sự diệt khổ*.] (ND)

[29] [Nguyên văn chú giải: [*Gió này* chuyển động khắp thân ta, phát khởi bởi lực tinh-tấn được ứng dụng vào sự 'thiền nín-thở', có thể làm khô cạn ngay cả những dòng sông trong thế gian, như sông Hằng và sông Yamuna, *vậy có sao*, *khi ta đang quyết tâm, nó không làm khô cạn máu ta?*, trong khi máu trong thân chỉ có 04 *nāḷi* (1 *nāḷi cỡ* = 1.25 lít).] (433)

- (Trong Bộ Kinh Trung (MN) Phật đã kể lại những sự quyết tâm thiền tập của mình, trong đó có cả "thiền nín-thở" và những kiểu thiền cưỡng ép thân tâm khác. Và tất cả những cách này đều không đưa đến kết quả tốt.)]

[30] [Những người lính trong chiến trận đã lấy cỏ *muñja* cột lên đầu, lên cờ, lên vũ khí để chứng tỏ lời thề quyết chiến đến chết chứ không đầu hàng hay chịu thua.] (440)

[31] [*Chỗ hở* có nghĩa là kẻ hở, sơ hở, chỗ có thể nhập vào, có thể bị tấn công, và hàm nghĩa là tội, lỗi, khuyết điểm, hành-vi sai tà (tà hạnh) trong thân và lời-nói (của người tu). Ma Vương không nhìn thấy hay tìm thấy một khuyết điểm nào trong chánh nghiệp và chánh ngữ của Đức Phật, vì vậy hắn không thể quở trách hay tấn công Đức Phật. Theo chú giải: 07 năm là Ma Vương theo đuổi suốt 06 năm tu khổ hạnh và 01 năm sau khi Phật đã toàn-giác.] (446)

[32] [Theo chú giải: Ma Vương thất vọng, hai chân sụm xuống, làm rớt cây đờn tỳ bà mà hắn hay kẹp trong nách. Đờn tỳ bà này, được hắn gọi tên là "*Quả Beḷuva Vàng*", mỗi lần chơi bằng những ngón tay phát ra những âm thanh ngọt ngào hấp dẫn suốt 04 tháng liền. Vua trời Đế-thích (Sakka) đã từng lấy nó đưa cho vị nhạc công nhà trời là Pañcasikha. - Vào lúc này Ma Vương còn đang ngơ ngác không nhận thức được mình đã thất bại, vì vậy đức Thế Tôn đã nói thi kệ này (để tả cái cảnh Ma Vương buồn rầu thất vọng vì không thể lừa bịp làm hại được Đức Phật). Một số người cho rằng các nhà kết tập kinh điển đã thêm vào thi kệ cuối này, nhưng luận giảng **Pj** II không đồng tình với ý kiến đó.] (449)

[33] [Trích lược chú giải: Sau khi đã hỏi Phật về vấn đề này, bà-la-môn đã hỏi thêm bằng thi kệ 02-câu [bất thường] (458). Đây là ý nghĩa: *Dựa trên căn cứ gì*: nghĩa là, cho mục đích gì, vì muốn được gì (mà cúng tế cho chư thiên). Có nhiều kiến giả (rishi), nhiều sát-đế-lợi, bà-la-môn và nhiều người đã thực hiện—làm, tổ chức—những lễ cúng-tế**.** Đức Phật đã trả lời bằng thi kệ 02-câu sau. Ở đây *bậc thành-tựu* (*antagū*) là người đã đạt tới sự kết-thúc vòng luân-hồi thong qua 03 sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ). {Chữ *antagū* có nghĩa người đi đến chỗ tận cùng, chỗ kết thúc, như chú thích 1383 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc).} *Một bậc thầy Vệ-đà* (*vedagū*)

bởi vì người đó đã đi (thiện thệ) bằng cách phá tan những ô-nhiễm (diệt lậu) bằng các vệ-đà (*veda*) (= trí-biết) [gồm có] 04 loại trí-biết của 04 thánh đạo. {Chữ *vedagū* có nghĩa là người đã đi đến chỗ kết thúc tận cùng của Vệ-đà. Mời coi thêm chú thích 1384 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc). Và mời đọc thêm chú thích 449 ở đoạn thi kệ song hành trong kinh **SN 7:09** (Quyển 1).}

Từ bất cứ ai: nghĩa là, từ bất cứ ai trong số những người, những kiến giả, sát-đế-lợi, hay bà-la-môn đó. *Vào lúc cúng tế*: tức vào lúc có bất cứ loại thức ăn có sẵn, ngay cả chỉ là lá rừng, rễ cây, trái cây, vân vân (để dâng cúng); *nhận được* (*có được*) *đồ cúng dường*: nghĩa là nhận được bất cứ vật phẩm gì được cúng dường bởi người đó, *thì nó* (sự cúng đó) *sẽ thành công cho thí chủ đó*: nghĩa là, viêc cúng đó có thể mang lại quả tốt, ý Phật nói như vậy. {Dù nhiều chữ đặc biệt cần chú giải, người dịch nghĩ rằng: ý nghĩa nôm na là nếu ai trong số nhiều người nói trên mà cúng dường cho bậc thành-tựu (bậc giải-thoát), còn gọi là bậc thầy Vệ-đà, thì sự cúng dường đó mang lại phước quả tốt; vì người nhận cúng dường là một bậc thanh-tịnh, làm thanh tịnh sự cúng dường từ những vị đó, tạo ra phước quả tốt lành.}] (458)

[34] [Chú giải ghi: "Bởi vì những lần trước lần này chúng tôi chưa từng thấy những người nào giống như ngài – giống như một bậc thành-tựu hay một bậc thầy Vệ-đà – trong số những người đó lại ăn bánh tế, lễ vật và bánh do chúng tôi chuẩn bị trong lễ cúng tế."] (459)

[35] [*Sự cư trú của cái tâm* theo luận giảng là chỉ sự cư trú của dục-vọng và những kiến-chấp này nọ (ái và tà kiến) mà trước giờ bởi do chúng mà tâm (của chúng sinh) cứ cư trú trong *03 cõi hiện-hữu* (dục giới, sắc giới và vô sắc giới).] (470)

[36] [Câu kệ đầu '*đã loại bỏ những ranh giới*' (hay *biên giới*, *hạn giới*): chú giải của PJ II về chữ này rất khó hiểu và phức tạp. Người dịch nghĩ đó là danh từ chung để chỉ mọi giới hạn của sự hiện-hữu, như những lậu hoặc, những phẩm chất bất thiện, những sự ràng buộc dính mắc với thế gian, những sự giới hạn bởi luân hồi sinh tử mà Phật đã loại bỏ và giải thoát. Đây là một danh từ chung số nhiều. *Trạng thái mâu-ni*: dĩ nhiên trạng thái mâu-ni là trạng thái của một vị Phật Mâu-Ni với những phẩm hạnh siêu xuất nhất như đại trí, đại bi …] (484)

[37] [Nhiều người nhìn thấy những sa-môn hay những tu sĩ trọc đầu thì cau mày, tỏ vẻ coi thường, chê bai, tránh xa, thấy quái lạ. Và ý Phật ở đây dạy ông bà-la-môn phải bỏ thái độ coi thường và bất kính đó đối với những sa-môn đạo Phật.] (485)

[38] [02 câu đầu: Luận giảng **Pj** II đã giải nghĩa lời Phật có nghĩa là sự cúng

dường [bố thí, cúng thí, hiến thí] nên được thực hiện với (tâm) *hoan-hỷ* trước khi làm, khi đang làm, và sau khi làm. Đây là 03 điều xuất sắc tạo nên sự thành công và phước quả của sự cúng dường, đúng như đã được nói trong kinh **AN 6:37**: [*Trước khi bố thí một người hoan-hỷ/ Trong khi bố thí làm an-tịnh cái tâm trong sự tín tưởng/ Sau khi bố thí người đó hân-hoan:/ Đây là sự thành công của hành động cúng dường*.]

- Và 02 câu kệ kế tiếp nghĩa là gì: Hỏi: Cách nào để làm tâm an-tịnh. Trả lời: Bằng cách dẹp bỏ những lỗi lầm.

- Và thi kệ 509 cuối kinh Phật đã nói lại 03 điều xuất sắc này của sự cúng dường (sự bố thí, từ thiện).] (506)

[39] [*Sự sưng-tấy* là [TKBĐ] dịch từ chữ gốc *ussadā*; đây là chỉ bộ 07 phẩm chất tệ hại: *tham*, *sân*, *si*, *ngã mạn*, *những tà kiến*, *những lậu hoặc*, và *ác hành*.

- Chú thích 1450 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc) ghi rằng: [Trong tiếng Pāli có chữ *ussadā*, (Phạn: *utsanno*), và tiếng Hán có chữ 諸 縛 (*những trói-buộc*, *những ràng-buộc*)." Học giả Levman 2014, 222–28, có thảo luận về những chữ biến thể này. Thời các luận giảng xuất hiện một bộ gồm 07 *ussada* được lập ra.] Như vậy những *sự sưng-tấy* là chỉ những phẩm chất tệ hại này.

- Bên dưới, trong các thi kệ 624 kinh **Sn 3.9**, thi kệ 785 kinh **Sn 4.3**, thi kệ 855 kinh **Sn 3.9**, và thi kệ 920 kinh **Sn 4.14** có lặp lại chữ này.] (515)

[40] [*Chờ đến lúc* nghĩa là chờ đến lúc chết, kết thúc kiếp này, mà không sợ chết, vì khi chết là không còn tái hữu tái sinh, là Bát-niết-bàn. Giống như ngài Xá-lợi-phất đã từng nói trong kinh thi *Trưởng Lão Kệ* [Th 606]:

Với ta không còn sợ sự chết,
Cũng không còn ràng buộc sự sống.
Ta không còn dục để chết,
Cũng không còn dục để sống.
Ta chỉ chờ đến lúc
Như người đầy tớ chờ đến lúc nhận lương.] (516)

[41] [*Ruộng đất* là chữ được dùng để chỉ *các cơ-sở cảm nhận* (06 xứ, 06 căn xứ), đối với chúng sinh cõi người và cõi trời đều có 06 nội xứ và 06 ngoại xứ, tất cả là 12 căn xứ, và cõi trời phạm thiên (brahma) thì có 06 căn xứ. Trong tập *Bộ Pháp Tụ* thuộc *Vi Diệu Pháp Tạng* có ghi "*Mắt này*, *cơ-sở mắt* (*nhãn xứ*) *này* … *ruộng đất này*, *cơ sở [căn xứ] này*." [**Dhs** 170].] (524)

[42] [*03 loại nhận-thức sai trái* (tà tưởng) là sự nhận-thức về dục lạc, sự nhận-thức ác độc, và sự nhận-thức hung dữ. Coi **Vibh 420** (§911). *Vũng-lầy*: là vũng lầy những dục-lạc mà chúng sinh đã sa vào.] (535)

[43] [Thi kệ này có nhiều thuật ngữ và ẩn ngữ. Theo chú giải của **Pj** II thì: (i) Những *sự tiếp-cận* là có hàm nghĩa là những 'chỗ tắm gội, bờ cạn, bến cạn, cồn cạn' (của sông); nghĩa ở đây là chỉ những quan-điểm (kiến, tà kiến). (Câu 1) ghi *63 quan-điểm* hàm chỉ *62 tà-kiến* được Phật nói ra trong kinh *Lưới Trời* (Phạm Võng, **DN 1**) cộng với *thân-kiến* (quan-điểm có danh tánh cái 'ta') thành 63. Tính theo chủ-đề hơn là nguồn-gốc thì những quan-điểm này dựa trên những luận thuyết được tuyên bố bởi các tu sĩ thuộc các giáo phái ngoại đạo (câu 2). Nhưng tính theo nguồn-gốc thì chúng dựa trên *những nhãn hiệu* (tên, danh nghĩa, danh từ do quy ước), ví dụ như phụ nữ, đàn ông ... đều là những danh tên do con người quy ước để gọi chứ không phải thực tại, và dựa trên *những nhận-thức đảo điên* (nghịch tưởng) của người phàm—tất cả những lời tuyên giáo đó dựa trên những quy ước và sự nhận-thức đảo điên chứ không dự trên sự nhận-biết trực tiếp (câu 3). Sau khi loại bỏ chúng, Phật đã qua khỏi *dòng-lũ đen tối* (câu 4). Nếu coi nguyên văn là *oghatam' agā* thì có nghĩa là "(Phật) đã vượt qua sự đen tối của dòng-lũ", hoặc nếu coi nguyên văn là *oghantam agā* thì nghĩa là "đã đi đến chỗ kết thúc dòng-lũ". (538)

[44] [Theo giáo lý Phật giáo, *tùy-miên* = *khuynh-hướng tiềm ẩn* (*anusaya*) là những tiềm năng nằm ngủ bên dưới tâm thức để tạo ra những tâm tính hay phẩm chất bất thiện, đó là: (i) tùy-miên tạo ra tham-dục (*kāmarāga-anusaya*, tham tùy miên), (ii) tùy-miên tạo ra sân và ác-ý (*paṭigha-anusaya*, sân tùy miên), (iii) tùy-miên tạo ra những quan-điểm (tà kiến) này nọ (*diṭṭhi-anusaya*, kiến tùy miên), (iv) tùy-miên tạo ra sự nghi-ngờ (*vicikiccha-anusaya*, nghi tùy miên), (v) tùy-miên tạo ra sự tự-ta [ngã mạn] (*māna-anusaya*, mạn tùy miên), (vi) tùy-miên tạo ra sự tham-mê sự hiện-hữu (*bhavarāga-anusaya*, hữu-tham tùy miên), và (vii) tùy-miên tạo ra vô-minh (*avijjā-anusaya*, vô minh tùy miên).] (545)

[45] [Theo giáo lý Phật giáo, đó là chỉ *04 sự thu-nạp* (sanh y): (i) sự thu-nạp năm uẩn (uẩn sanh y), (ii) sự thu-nạp những lậu-hoặc (lậu hoặc sanh y), (iii) sự thu-nạp năm dây dục-lạc (dục lạc sanh y), và (iv) sự thu-nạp những sự tạo-tác (hành sanh y).] (546)

[46] [Đây là kinh song hành với kinh **MN 92** (Quyển 2) của Bộ Kinh Trung.]

[47] [*Những vỏ-bọc, đã lột bỏ những vỏ-bọc*: Mời coi phần chú thích ở thi kệ 1003 trong phần *Các Thi Kệ Dẫn Nhập (Vatthugāthā)*, đầu Chương 5 bên dưới.] (548)

[48] [Ở đây nghĩa là: *không có dấu hiệu gì* cho thấy là sẽ sống mãi không chết; *không biết được* là không biết được tuổi thọ là bao nhiêu, vì sống nay chết mai hoặc cái chết xảy ra bất cứ lúc nào, không có tuổi thọ cố định như các chúng sinh cõi trời; *khó khăn* là cuộc sống phải được duy trì bằng rất nhiều yếu tố như thời tiết, điều kiện sống, sức khỏe, ăn uống … phải luôn chăm sóc và duy trì sự sống của thân từng ngày; *ngắn ngủi* là kiếp người thật sự ngắn ngủi, ví dụ so với kiếp sống chư thiên các cõi trời thì kiếp người tồn tại ngắn ngủi như giọt

sương trên đầu ngọn cỏ, hoặc nếu tính theo từng sát-na tâm thì mỗi sát-na chỉ 'sống' trong một cái tích-chưa-tắt. *Và đi liền với khổ đau* vì luôn luôn bị nóng lạnh, ruồi mũi, đói khát, những khổ đau vốn có sẵn như già bệnh, khổ do bản chất vốn dĩ là khổ (khổ khổ), khổ là thay đổi (vô thường khổ), và khổ vì bị tàn hoại diệt (hoại khổ).] (574)

[49] [*Không biết đường nào* là không biết đường nào hay từ đâu một người được tái sinh trong dạ con người mẹ và đường nào hay nơi nào người đó sẽ đến sau khi chết. *Không biết* (*vô minh*) *về cả hai đầu mối đó* mà cứ *khóc than một cách vô mục đích* (vô ích, vô vọng, vô tác dụng). Nhưng những người có trí, những người có tu học và có chánh kiến, sau khi hiểu biết được lý do của luân hồi sinh tử, thì họ sẽ không sầu não, than khóc, ai oán như vậy. (Vì sao? Vì họ biết có than khóc chỉ vô ích, không ai cứu được, cho dù có tụng kinh lạy Phật thì Phật cũng không cứu được. Chỉ có tu học theo con đường đạo Phật thì mới có mục đích và hy vọng thoát khỏi luân-hồi sinh tử).] (582)

[50] [Đoạn thi kệ kế trên: *sự than van* (than thở, than phiền) là = *dục-vọng* (ái) liên tục của con người. *Sự ưu-phiền* là = sự khổ về tâm, khổ tâm. Đoạn thi kệ kết này chỉ trạng thái thánh quả A-la-hán; *không còn dính-mắc* là = không còn dính mắc bởi những tà-kiến và dục-vọng (ái).] (592, 593)

[51] [Đó là *dục-vọng* (tham ái) được tái sinh trong 03 cõi hiện-hữu.] (637)

[52] [Sau khi những A-la-hán (chứng) Niết-bàn, họ đi về đâu thì những phàm chúng sinh không thể biết, họ chỉ được nói là *đã niết-bàn* hay *bát-niết-bàn* mà thôi. *Khīṇāsavaṁ*: đã tận diệt dòng chảy-vào, đã diệt những lậu hoặc. Nhân tiện, chữ *āsava* được dịch Việt trong tất cả các bộ kinh bằng những thuật ngữ đồng nghĩa là: *những dòng chảy-vào = những ô-nhiễm = những lậu hoặc*.] (644)

[53] [*Trước*: đối với quá năm-uẩn thuộc quá khứ; *sau*: đối với năm-uẩn tương lai; *ở giữa*: đối với năm-uẩn hiện tại. *Tất thảy không có bất cứ gì*: không có bất cứ *trở-ngại* nào – [*trở-ngại* là chữ chỉ *sự ám-muội* hay *dục-vọng* (ái)] − đối với những đối-tượng (năm-uẩn) đó.] (645)

[54] [*Người nhìn-thấy về 'lý duyên-khởi'* (lý nhân duyên, sự khởi-sinh tùy thuộc) là hiểu-biết lý duyên-khởi: mọi sự xảy ra vì nhân duyên và nhân quả chứ không phải do nơi sinh giai cấp. *Thiện khéo [giỏi biết, khéo sống, khéo tu] về nghiệp và nghiệp quả* nghĩa là biết rành hiểu rõ về chân lý nghiệp-quả: nghĩa là sinh ra ở nơi sinh cao quý hay thấp hèn, hạnh phúc hay khổ đau, là bà-la-môn hay không bà-la-môn … đều do *nghiệp tốt và nghiệp xấu là nhân tương ứng*.] (653)

[55] [Nghĩa là: Do nghiệp mà thế gian, quần thể chúng sinh, những chúng sinh hữu tình "xoay vòng" trong những cảnh giới tái sinh khác nhau, chứ không có ai là đấng sáng tạo hay thượng đế tạo ra và đặt để nơi sinh giai cấp. Và tất cả

mọi chúng sinh bị trói bởi nghiệp chứ không phải bởi những thế lực thần linh hay thượng đế nào khác.] (654)

[56] [*Bằng sự tiết độ*: tức bằng sự kiềm chế tu tập các căn; *bằng đời-sống tâm linh*: bằng cách sống đời sống xuất gia, phạm hạnh; *bằng sự tự chủ*: bằng giới hạnh; *bằng sự thuần phục bên trong* (*tâm*): bằng trí tuệ.] (655)

[57] [Các hình phạt này không có ghi trong kinh "*Các Thiên Sứ*" (Devadūta Sutta, **MN 130** (và **AN 3:36**).] (669)

[58] [Hình phạt này cũng có ghi trong "*Các Thiên Sứ*" (Devadūta Sutta, **MN 130** (và **AN 3:36**); đọc thêm cách mô tả trong các kinh đó.] (670)

[59] [Hình phạt này cũng không có ghi trong kinh "*Các Thiên Sứ*" (Devadūta Sutta).] (671)

[60] [Như trong kinh "*Các Thiên Sứ*" (Devadūta Sutta, **MN 130**) thì đây là khu *Chảo Đồng* này cũng được gọi là "*Địa Ngục Hầm Phân*" trong đó tràn ngặp những sinh vật (giun, giòi) có miệng nhọn như mũi kim sẽ bu bám khắp thân và bu đâm xuyên da, thịt, xương tới tận trong tủy. Và người đó bị nấu trong chìm, nổi, đảo lộn, úp, ngửa trong đó đau đớn nên thấy bờ nào để thoát lên.] (672)

[61] [Hình phạt này cũng không có ghi trong kinh "*Các Thiên Sứ*" (Devadūta Sutta).] (673)

[62] [Sông *Vetaraṇī* được mô tả trong kinh *Ba Thiên Sứ* (**MN 130**, mục 24) như vầy: [là một sông lớn đầy nước ăn mòn (axít). Người đó rớt vô đó. Người đó bị cuốn trôi xuôi ngược và ngược xuôi trong dòng nước (bào mòn thân). Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau đớn, đau buốt, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.] - **Pj** II chú giải đại ý: Họ đến đó muốn uống nước sông, tắm trong nước sông. Những bên dưới, trên, hai bên bờ đầy những lưỡi dao bén lên xuống liên tục. Khi họ đến đó, do ác nghiệp đã làm họ rớt xuống sông (coi như thân bị ngàn mảnh lưỡi dao và dao lam cắt đứt và ngâm đắm trong nước axít thì sự đau đớn là không thể nào tả xiết).] (674)

[63] [Hình phạt này cũng không có ghi trong kinh "*Các Thiên Sứ*" (Devadūta Sutta).] (675)

[64] [*Hố ngục* là tạm dịch, hàm nghĩa là hố địa ngục hay vực sâu lớn, khó lắp đầy cho được. Chú giai ghi: [Khi đang tu tập những điều nói trên, *người tu có thể vượt qua hố ngục này*, nghĩa là người tu có thể vượt qua dục-vọng đối với những thứ nhu yếu tiện nghi, đó là nguyên nhân của sự mưu-sinh sai trái (tà mạng); dục-vọng (tham ái) đó được cho là *hố ngục* theo cái nghĩa nó khó được

lắp đầy, khó được thỏa mãn. Hoặc có nghĩa nếu tu tập tốt các điều nói trên thì người tu có thể vượt qua dục-vọng này.].] (706)

[65] [Nghĩa là không nhận lời mời tới ăn cơm ở nhà dân hay các tư gia của người giàu; cũng không nhận đồ ăn đã nấu sẵn (thường là ngon và tươm tất) họ mang ra dâng cúng cho mình; người tu nên đi khất thực liên tục từng nhà để có thức ăn, không phân biệt hay bỏ qua nhà nào trong một vòng khất thực, như giới luật đã quy định.] (710)

[66] [*Cách tu cao* (ưu): là cách tu dễ chịu và có trí tuệ nhanh hơn; *cách tu thấp* (nhược) là cách tu khổ hạnh và trí tuệ chậm chạp hơn. *Bờ-kia* là chỉ Niết-bàn.

- Pj II chú giải: "Và bằng cách tu đó, dù cao hay thấp, *họ không đi hai lần đường để qua bờ-kia.* Nghĩa là họ không đi đến Niết-bàn 02 lần bằng 1 đường duy nhất. Tại sao? Vì những ô-nhiễm (lậu hoặc) sau khi đã được trừ bỏ bởi một đường tu thì không cần phải được trừ bỏ lại nữa. (Tức đạo được tu sau khi chứng A-la-hán thì không cần phải tu lại nữa, vì thánh quả là bất thối chuyển). Với điều này Phật muốn chỉ ra [rằng người đã chứng đạo] thì không còn bị rớt lại nữa. *[Nhưng] nó không phải chỉ được trải nghiệm (chứng nhập) bởi một đường duy nhất*: Vì bờ-kia (Niết-bàn) không thể chỉ được trải nghiệm một lần. Tại sao? Vì không thể có sự trừ bỏ mọi ô-nhiễm (lậu diệt) bằng một đường duy nhất. (Tức có nhiều cách tu và đường tu để dẫn tới sự lậu diệt, lậu tận). Với điều này Phật muốn chỉ ra rằng [sự chứng đắc] A-la-hán không phải chỉ bằng một đường duy nhất."] (714)

[67] [Chỗ này hàm chỉ ví dụ lưỡi dao cạo có mật ong ngon ngọt, người tham liếm mật trên lưỡi dao cạo sẽ bị đứt lưỡi đau đớn. Ý chỉ người tu phải biết hưởng dụng những thứ vật phẩm thiết yếu (y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang) một cách chân chính, không phải vì tham muốn, biết kiềm chế tham muốn. Nhiều lúc phải nghiến răng đè lưỡi để hướng tâm thèm khát đi chỗ khác, đè nén sự thèm muốn, biết kiềm chế cái bụng tham ăn thèm uống, vì đó là những sự ố nhiễm của tâm, là gốc của tham và sân.] (716)

[68] [**Pj** II có đoạn chú giải về 02 thi kệ 721 và 722 này, tóm lược như vầy: (i) Phật, sau khi đã-biết, nói nhiều thuyết nhiều là vì ích lợi của những đệ tử và chúng sinh, để giảng giải những ý nghĩa của Giáo Pháp cho họ. (ii) Nhưng người tu sĩ chân chính, sau khi đã-biết Giáo Pháp (Phật đã chỉ dạy) thì (nên) biết tự-chủ, chủ tâm thực hành để đạt tới trạng thái mâu-ni đó; người đó mới là một mâu-ni xứng đáng và thành tựu trạng thái mâu-ni như Phật.] (721-722)

[69] [Trong các bộ kinh Phật thường dùng câu thuật ngữ này: "*trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này*" là chỉ thánh quả A-la-hán; hoặc còn 1 hay 2 gông-cùm (kiết sử) thì thánh quả Bất-lai.] (ND)

[70] [Nghĩa là: Cứ trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử, tử sinh; *hữu sinh*: còn sự hiện-hữu (và tái sinh) thành chúng sinh như vầy, rồi sau khi chết đi tái sinh thành chúng sinh như vậy … Nghĩa là: Có khi trở thành người, hay trở thành chúng sinh khác, hay dạng hiện-hữu khác trong 03 cõi hiện-hữu.] (729)

[71] [*Sau khi đã-biết: [Đây là khổ …]* nghĩa là: Sau khi đã-biết tất cả cảm-giác là nhân của khổ. *[Thuộc bản chất giả tạm]*: phải bị hoại diệt; *[đang tan biến]*: đang tan rã, phải bị già chết. *Sau khi đã tiếp xúc hoài với chúng*: nghĩa là sau khi đã thường xuyên tiếp xúc và tiếp xúc nhiều lần với chúng bằng trí-biết về lẽ sinh-diệt của người tu. *Nhìn thấy chúng tan biến* cho đến khi chấm dứt. *Thì người tu hiểu chúng như vậy*: hiểu những cảm-giác đó và bản chất khổ của chúng. *Thông qua sự tiêu diệt những cảm-giác* bằng trí-biết của thánh đạo, thông qua sự tiêu diệt những cảm-giác nối kết (liên hữu, câu hữu) với nghiệp.] (739)

[72] [*Sự khởi-sự* ở đây là chỉ năng-lượng hay sự nỗ-lực hội với (câu hữu) nghiệp (*kamma*).] (744).

- (*Sự khởi-sự* là tạm dịch chữ *ārambha* (phát khởi, khích khởi, kích giục, khởi phát, khích động), và ngược lại với nó là *sự vô-sự* (không khởi sự này nọ nữa). Chữ này cũng được nói trong các kinh **AN 1:18**, và kinh **AN 6:38**, mục (1) và chú thích 1309 ở đó, trong đó Phật có nói về *yếu-tố khởi-sự* (*ārambhadhātu*); và kinh **AN 4:171**, mục (1) với nghĩa là sự khích-giục, sự xúi-giục.) (ND)

[73] [Trạng thái không còn khởi-sự, trạng thái vô-sự chính là = Niết-bàn.] (745)

[74] [*Dưỡng-chất* ở đây cũng là *dưỡng-chất hội với* nghiệp (*kamma*). Dưỡng-chất là dịch chữ *āhāra*, chỉ tất cả các điều-kiện, các duyên (trực tiếp và gián tiếp), các sự xúc-tác để duy trì một sự hay một trạng thái nào đó; (ví dụ thức ăn là một loại dưỡng-chất (điều kiện) để duy trì sự sống). Trong câu kinh này thì dưỡng-chất là chỉ các điều-kiện tạo nên hay kéo dài sự khổ.

- Chẳng hạn dưỡng-chất gồm 04 dạng chính: (1) *Thức ăn thông thường* (*kabalinikahara*; đoàn thực); (2) *sự tiếp-xúc* của các giác-quan (gồm cả giác quan Tâm) với thế giới bên ngoài (*phassahara*; xúc thực); (3) *thức* (*vinnanahara*; thức thực); và (4) s*ự cố-ý (tư) của tâm* (*manosancetanahara*; tâm tư thực).] (747)

[75] [*Trạng thái khỏe mạnh* là đồng nghĩa Niết-bàn. *Vững chắc trong Giáo Pháp* là vững chắc về Giáo Pháp *Tứ Diệu Đế*. *Không còn có thể được chỉ danh* là không còn có thể được gọi danh (được quy ước, chỉ định, gọi danh, định nghĩa) là '*thiên thần*' hay '*người*' hay '*loại chúng sinh*' nào nữa, vì vị đó đã Niết-bàn, vô-sinh, đã tịch-diệt, không còn là một chúng sinh loại nào nữa.] (749)

[76] [*Từ bỏ sự xung-động* là trừ bỏ dục-vọng (diệt ái); *dừng những hành-vi tạo-tác* là dừng các nghiệp và trừ bỏ những hành-vi tạo-tác nối kết nghiệp.] (751)

[77] [Nghĩa là: Những chúng sinh phàm tục (con người, thiên thần) đều nhận lầm danh-sắc (của họ) là bản ngã, là thực thể cố định, thậm chí như 'linh hồn bất biến' của mình; nhưng sự thật thì danh-sắc (thậm chí thân và tâm) là vô thường, luôn biến đổi, luôn đang biến đổi, không bao giờ là một dạng hay thực thể cố định nào sau một giây phút nào. Vì vậy, nếu coi danh-sắc (thân-tâm hay năm-uẩn) này là 'ta' hay 'của-ta' thì không đúng sự thật, vì đó chỉ là sự kết hợp giả tạm, luôn biến đổi, vô thường. Nói cách khác, cho dù họ có coi uẩn nào (sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, hay thức) trong tổ hợp danh-sắc (thân-tâm, năm-uẩn) này là 'bản ngã' hay là 'ta' hay 'của-ta', trong khi bản chất của chúng là 'luôn biến đổi', thì cái cảm nhận 'chúng là cố định bất biến' chỉ là hư giả; giống như khi bản chất của chúng đều là hư giả, giả tạm và luôn biến đổi, thì sự nhìn-nhận đó chỉ là sai lầm, không đúng sự thật.] (757)

[78] [*Sự chấm-dứt cái danh-tính cá thể* là = sự chấm-dứt năm uẩn, tức = Niết-bàn. *Sự-biết bằng trí-tuệ* (tuệ tri) hay *trí-tuệ nhìn-thấy* của các bậc thánh là *ngược dòng* (đối ngược) với cách-nhìn và sự chấp-thủ sai lầm của thế gian. (Vì vậy thường nói đạo *Phật là đạo ngược dòng*).] (761)

[79] [(Tóm tắt): Đây là một chương quan trọng trong tập kinh này. Một số học giả cho rằng các kinh trong chương này là hình ảnh "*Đức Phật trước khi có Phật giáo*", nghĩa là các kinh có trước tất cả các phiên bản kinh (định dạng, khuôn mẫu) của các các Bộ Kinh kia. Cho dù họ nói như vậy, nhưng về mặt thời gian vẫn có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này.

- Chương này được gọi là "*Tám*", được dịch luôn là "*Tám Kệ*" vì có 04 bài kinh có *08 thi kệ*, đó là các kinh 2-5. Đây là ý nghĩa của *tên* Chương này.] (ND)

[80] [Chú giải ghi: *Kẹt*: bị dính cứng, cố định. *Trong hang động*: nghĩa là, trong cái thân. Bởi vì thân được gọi là một cái hang bởi vì hang động là chỗ những dã thú, như tham và những ô-nhiễm khác, cư trú trong đó. *Bị bao phủ dày đặc*: nghĩa là, bị bao phủ bởi lưới dày đặc những ô-nhiễm như tham, vân vân; đây là chỉ *sự trói-buộc bên trong*, sự trói-buộc trong tâm. *Cư trú*: ở đây là cư trú dưới sự điều khiển của tham, vân vân; *chìm nghỉm trong sự hoang mang* (*mohanasmiṃ pagāḷho*): Những dây dục-lạc được gọi là sự hoang mang, sự mờ rối; bởi vì những thiên thần và loài người bị dẫn lừa (bị lầm lạc; *muyhanti*) bởi chúng, bị nuốt chửng trong chúng; đây là chỉ *sự trói-buộc bên ngoài*. *Một cá nhân*—một chúng sinh—*như vầy thì còn ở xa với sự tách-ly* (ẩn dật): nghĩa là, một cá nhân như vậy thì còn ở xa với *03 loại sự tách-ly*: đó là sự tách-ly về thân (*kāya viveka*), sự tách-ly về tâm (*citta viveka*), và sự tách-ly khỏi sự chấp-thủ (*upahi viveka*) (sự chấp-thủ năm uẩn là nguyên nhân của sự khổ). Bởi vì sao? *Bởi vì trong thế gian những dục-lạc là không dễ trừ bỏ*.] (772)

[81] [*Hai đầu* là chỉ *sự tiếp-xúc* (xúc) và *nguồn-gốc sự tiếp-xúc* (xúc tập) … (của vòng *12 nhân-duyên* ở đó tạo ra *danh-sắc* (= danh tính cá thể, hay một 'chúng

sinh'). *Sau khi đã loại bỏ dục*: sau khi đã loại bỏ tham và dục; *sau khi đã hoàn-toàn hiểu* (*liễu ngộ*) *sự tiếp-xúc*: nghĩa là, sau khi đã hoàn-toàn hiểu bằng "*03 loại sự hoàn-toàn hiểu*", sự tiếp-xúc như tiếp-xúc mắt (nhãn xúc), tiếp-xúc tai (nhĩ thức) … hoặc tất cả danh-sắc đồng khởi sinh với sự tiếp-xúc, đó là, những hiện-tượng thuộc vật chất (sắc pháp) có vai trò là các cơ-sở (xứ), các cửa (giác quan), và các đối-tượng. *Không còn tham lam*: không tham lam bất cứ thứ gì trong sắc-thân … *Không làm bất cứ điều gì để mình có thể chê trách mình, người có trí không bị dính nhiễm với những thứ hình-sắc, âm-thanh [thứ được nhìn thấy, được nghe thấy]* …: nghĩa là, một người trí được phú trí thông minh thì không bị dính theo những hình-sắc hay âm-thanh … Hết bị ố nhiễm, trong suốt như không gian, người đó đạt tới sự thanh tẩy tối thượng.] (778)

- **Nidd** I 37 thì chú giải: *Hai đầu*: *Sự tiếp-xúc* là một đầu, *nguồn-gốc sự tiếp-xúc* là một đầu; rồi quá khứ là một đầu, tương lai là một đầu; lạc thọ … khổ thọ; danh … sắc; 06 nội xứ … 06 ngoại xứ; danh tính cá thể … nguồn-gốc danh tính cá thể. Sau khi đã loại bỏ: sau khi đã dẹp bỏ, xua tan, kết thúc, xóa bỏ dục đối với cả 02 đầu.] (**Nidd** I 37)

- *03 loại sự hoàn-toàn hiểu* (03 sự liễu ngộ) là gì? Đó là: *sự hoàn-toàn hiểu về điều đã biết*, *sự hoàn-toàn hiểu bằng sự suy-xét kỹ lưỡng*, và *sự hoàn-toàn hiểu bằng sự trừ-bỏ*.

- (i) *Sự hoàn-toàn hiểu về điều đã biết* là gì? Người tu biết sự tiếp-xúc. Người tu biết và thấy rằng: "Đây là sự tiếp-xúc mắt (nhãn xúc) … đây là sự tiếp-xúc hiện tại." Đây chính là sự hoàn-toàn hiểu về những điều đã biết.

- (ii) *Sự hoàn-toàn hiểu bằng sự suy-xét kỹ lưỡng* là gì? Sau khi đã biết sự tiếp-xúc như vậy, người tu suy xét nó kỹ lưỡng. Người tu suy xét kỹ lưỡng nó [sự sự tiếp-xúc, sự khoái-thích] là vô-thường, là khổ, là vô-ngã, như căn bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, sự thống khổ, sự khổ sở, như kẻ lạ, đang biến hoại, như nghịch cảnh, như tai ương, như hiểm họa, như tai nạn, đang run lắc, mong manh, bất ổn định; không phải nơi trú ẩn, hang trú, nơi nương tựa; là rỗng tếch, trống không, trống rỗng; là vô-ngã, như mối nguy, phải bị biến đổi, không có cốt lõi gì, là gốc rễ của thống khổ; như kẻ sát nhân, như sự kết liễu, phải bị dòng chảy-vào (ô nhiễm, lậu hoặc), là có điều-kiện (hữu vi), là miếng mồi của Ma Vương; phải bị 'sinh, già, chết', phải bị 'buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não)'; phải bị ô-nhiễm; sau khi sinh thì diệt; người tu thấy nó theo cách nó khởi sinh, rồi biến diệt, sự thỏa thích, sự nguy hại trong nó, và sự thoát khỏi nó.

- (iii) *Sự hoàn-toàn hiểu bằng sự trừ-bỏ* là gì? Sau khi đã suy xét kỹ lưỡng sự tiếp-xúc theo cách như vậy, như trên, người tu trừ bỏ, xua tan, kết thúc, và loại bỏ *dục và tham* đối với sự tiếp-xúc.] (778, **Nidd** I 37–38)

[82] [Một *bậc mâu-ni không tham gia*, không dính vào (những) cuộc tranh cãi (tranh luận, tranh chấp) đã phát sinh bởi vì bậc ấy không phải là người bắt đầu hay thủ phạm của cuộc tranh cãi đó; bậc ấy là bất động. Một *bậc mâu-ni không có sự cằn-cỗi ở bất cứ đâu*: 03 *sự cằn-cỗi* (*khila)* là chỉ *tham*, *sân*, *si*; nghĩa là bậc ấy không còn tham, sân, si ở bất cứ đâu.] (780, ND)

[83] [Nội dung và ý nghĩa của thi kệ này tựa như '*tiền đề*' của bài kinh rất hay là kinh **AN 4:73** về một cách mà Đức Phật định nghĩa một người tốt hoặc một người xấu thông qua 'sự tự nói về mình và nói về người khác' khi không được hỏi và khi được hỏi. Mời quý vị đọc thêm bài kinh đó. (ND).

- *Có bản chất không thánh thiện* là ngược lại với phẩm chất của bậc thánh. Bậc thánh ở đây được gọi là *bậc thiện khéo*: có nghĩa là *thiện thạo về Phật giáo* (về Giáo Pháp, về tất cả những giáo lý của Phật giáo; hay pháp học) và *thiện thạo về đạo Phật* (sự thực hành, sự chứng ngộ, thánh đạo, và thánh quả; hay pháp hành/ pháp chứng ngộ.] (782)

[84] [*Người*: chỉ những đạo sư ngoại đạo vào thời Phật; *đã hình thành*: đã lập ra, chế ra; *đã kết tập lại*: biên tập, chế lại, theo các lý giải; *khai triển*: phát triển, ưu tiên, ngã theo (những quan-điểm đó); *những giáo lý*: những quan-điểm, những tà kiến của họ. *Bị dính theo ích lợi người đó thấy cho mình*, *dính theo sự bình-an dựa vào những thứ bất-ổn*: nghĩa là đạo sư đó khai triển *những quan-điểm do suy đoán* (tà kiến) đó vì ông nhìn thấy có ích lợi cho mình (như được danh tiếng, được nhiều đệ tử kính trọng, được tái sinh tốt trên cõi trời trong kiếp sau). Do vậy ông ta bị dính (dính mắc, chấp trước) theo lợi ích và tà kiến đó, điều đó được gọi là *dính theo sự bình-an vốn dựa trên những thứ bất-ổn*, những thứ khởi-sinh tùy thuộc, chỉ là do người đời hay truyền thống quy ước cho là sự bình-an (chứ thực ra không phải là sự bình-an rốt ráo). Do bị dính theo những điều như vậy, người đó hay tự ca ngợi về mình với những đức-hạnh mà ông không thực có và chê bai những người khác vì những tội lỗi khuyết điểm mà họ không có.] (784)

[85] [Nghĩa của thi kệ này được luận giảng (nôm na là) như vầy: *Những sự dính-mắc các quan-điểm là khó thể vượt qua* bởi vì, sau khi đã quyết định 01 quan-điểm nào đó trong *62 loại tà-kiến* (được Phật nói trong kinh *Lưới Trời*, **DN 1**), người đó nắm chặt cố chấp theo nó. *Bởi vậy*, *trong số những cơ sở tạo ra sự dính-mắc*, *một người bác bỏ và tiếp nhận một giáo lý* này hay một giáo lý nọ trong số đó, rồi khai triển [thành những sự thực hành] bằng những kiểu tu hành xác khổ hạnh như: hạnh con chó, hạnh con bò (như trong kinh **MN 57**), hoặc nằm ngủ trên gai nhọn, ngồi xổm, ngồi bên mép vực sâu … (rất nhiều kiểu hành xác như đã được Phật mô tả trong kinh **MN 12**, mục 45; **MN 51**, mục 8, **MN 76**, mục 17); và những sự thực hành đó đã được phân thành khác nhau tùy theo các đạo sư, các giáo phái. Suốt thời đó các đạo sư và nhiều người tu khổ hạnh

cứ bỏ giáo lý này chụp qua giáo lý khác, tâm trí và quan điểm của họ thay đổi liên tục; giống như con khỉ bỏ tay khỏi cành này chụp lấy những cành khác, cứ chuyền nhảy liên tục.] (785)

[86] [Xin trích luôn đoạn chú giải của **Pj** II, lý giải như vầy: [Người đó "*đã được thanh tẩy*" bởi vì người đó có được trí-tuệ, loại trí-tuệ phủi sạch [tẩy sạch] tất cả những quan-điểm do suy đoán [tà kiến] và những sai-lầm khác. Một người *đã được thanh tẩy*, bằng cách có được những phẩm-chất của sự thanh-tẩy, là một A-la-hán, là người đã phủi sạch mọi sự xấu ác. Một người như vậy thì không hình thành *quan-điểm [kiến chấp] nào về các trạng thái hiện-hữu khác nhau*. *Thông qua sự không có mặt quan-điểm nào như vậy*, vậy thì thông qua (bởi tại) thứ gì mà *người đã được thanh tẩy như vậy lại có thể đi [lạc đường, tà đạo]* cho được; (người đã được thanh tẩy thì) đâu thể đi theo đường lối lầm lạc mà những giáo phái khác đã đi? [(Đường lối của họ chỉ là) che giấu những điều xấu ác họ đã làm vì *sự giả ngụy* hay *ngã mạn* của họ]. Rồi, *sau khi đã dẹp bỏ sự giả ngụy và ngã mạn, vậy thì thông qua* (*bởi tại*) *thứ gì mà một người đã được thanh tẩy như vậy có thể [lạc đường, tà đạo]* đi tới những tội lỗi do tham, sân, si gây ra? Ngay trong kiếp này hay kiếp sau, *người đã được thanh tẩy như vậy* đâu còn có thể được quy đoán sẽ đi (tái sinh) về cõi nào hay địa ngục nữa? *Sau khi bậc ấy không còn dính-líu*: nghĩa là *thông qua sự không có mặt 02 loại sự dính-líu* [đó là sự dính-líu theo dục-vọng (ái) và theo những quan-điểm này nọ (tà kiến); (nghĩa là sau khi đã diệt ái và diệt tà kiến), (thì đâu còn tái sinh nên đâu còn có thể nhận định vị đó là đi về đâu hay tái sinh ở đâu).] (786)

[87] [**Pj** II chú giải với điển tích như vầy: [Đây là nghĩa của thi kệ này: "Này các Tỳ kheo, không có sự thanh-lọc có được thông qua loại cảnh (*thứ được nhìn thấy*) như vậy. Hơn nữa, người triết lý ngu xuẩn là người đã nhìn thấy bà-la-môn Candābha hay ai giống ông ta là người không thanh tịnh bị uế nhiễm bởi những ô-nhiễm (lậu hoặc), và người là người bệnh bởi vì người đó không vượt khỏi căn bệnh của những ô-nhiễm. Nhưng ông ta tuyên bố rằng ông ta trực-tiếp biết rằng: '*Ta nhìn thấy người thanh tịnh, người sức khỏe tối thượng*.'" Và bằng cảnh đó—(*cảnh* ở đây là chữ để chỉ một *quan-điểm*)—[ông ta tuyên bố: (đó là) *một người thành tựu sự thanh-tịnh hoàn toàn*. Rồi, *sau khi đã trực-tiếp biết như vậy*, sau khi đã-biết *cảnh* (*thứ được nhìn thấy*) đó là tối thượng, sau khi quán niệm *cảnh* đó là thanh tịnh, ông ta đã quay lại coi *cảnh* này như *sự-biết* (tri) *của đạo*.] (788) (Đối với người dịch Việt lời chú giải này cũng khó hiểu!)-

- Luận giảng **Nidd I 60** thì chú giải như vầy: **[***Ta thấy người thanh tịnh*: nghĩa là: Ta xem xét, quan sát, quán sát, xem xét kỹ người thanh tịnh; *người sức khỏe tối thượng*: là người đã đạt được sức khỏe tối thượng, đã đạt được sự bảo hộ, hang động lớn, một nơi trú ẩn, sự không sợ-hãi, sự bất khả hại, sự bất tử, Niết-bàn. *Một người thành tựu sự thanh-lọc hoàn toàn thông qua thứ được nhìn thấy*

(cảnh, hình sắc): bằng sự nhìn thấy một hình-sắc bằng thức-mắt, một người thành tựu sự thanh tịnh, sự thanh lọc, sự thanh tịnh hoàn toàn, sự giải thoát; người đó được thanh lọc, được giải thoát, được thoát ly. *Sau khi đã trực-tiếp biết như vậy, sau khi đã-biết:* "[*Điều đó*] *là tối thượng*: nghĩa là: sau khi đã trực-tiếp biết như vậy, đã hiểu, nhận thức, nhận biết, thâm nhập như vậy. Sau khi đã-biết, đã hiểu, đã nhận biết, đã biết rõ: "Điều này là tối thượng, cao nhất, tốt nhất, trội nhất, cao nhất, siêu xuất nhất, thì "*Ta quán sát người thanh tịnh*": nghĩa là: Một người nhìn thấy người thanh tịnh là người quán sát người thanh tịnh. *Người quay về với sự-biết*: là người quay về với niềm tin rằng sự-biết xảy ra nhờ sự nhìn thấy bằng thức-mắt, người quay về với niềm tin rằng đây là đạo … đây là con đường … đây là sự giải-thoát. (**Nidd** I 60).

- (Lời chú giải là vậy, tùy quý độc giả có thể đọc và hiểu. Đây là lần hiếm hoi người dịch Việt không hoàn toàn hiểu nghĩa lời chú giải, và do vậy không thể cắt nghĩa lại bằng ngôn từ tiếng Việt đơn giản dễ hiểu như mọi chỗ khác!).

88 [Bối cảnh kinh này là bà-la-môn Candābha đã đến gặp Phật và nói lên quan-điểm của mình. Luận giảng **Pj** II giải nghĩa: [Nhưng đó đâu phải là sự-biết của đạo (đạo tri, đạo trí). Do vậy Phật nói tiếp đoạn thi kệ thứ hai này với nghĩa như vầy: "*Nếu một người đắc sự thanh tịnh nhờ [thông qua] thứ được nhìn thấy*" có nghĩa là: "Nếu một người nắm giữ điều đó nhờ *thứ được nhìn thấy*—[cảnh, hình sắc]—*một người đắc được sự thanh tịnh* từ những ô-nhiễm (lậu hoặc), hoặc *người đó trừ diệt sự khổ*—[= sự khổ của sinh, già, chết …] *nhờ sự-biết* (*tri*), thì trong trường hợp đó *người đó được thanh lọc nhờ thứ khác* chứ đâu phải nhờ (tu tập) thánh đạo, tức nhờ thứ khác chứ không phải con-đường (tu tập) dẫn tới sự thanh tịnh. Hệ quả kéo theo là: như vậy thì *một người vẫn còn những sanh-y* (*những sự thu-nạp*), là người vẫn còn những sanh-y [như tham, sân, vân vân] cũng có thể được thanh lọc (và đạt được sự thanh tịnh) hay sao? Nhưng (thực ra về lý) điều đó đâu đúng, người còn sanh-y như vậy thì đâu được thanh lọc hay đạt sự thanh tịnh cho được. Bởi vậy *cái quan-điểm đó nói lên rằng bà-la-môn Candābha là người khẳng định như vậy*, nghĩa là: Cái quan-điểm đó tự nó tuyên bố về người khẳng định, theo quan-điểm (tà kiến) của anh ta, rằng: "Thế giới là bất diệt" … (62 tà kiến được nói trong kinh **MN** 63, mục 3-4): Như vậy suy ra "ông ta là người có quan-điểm sai lạc (tà kiến)".] (789)

- **Nidd** I 61 cũng chú giải tương tự: [*Nếu một người đắc sự thanh tịnh nhờ [thông qua] thứ được nhìn thấy*, nghĩa là: Nếu thông qua sự nhìn thấy một hình-sắc bằng thức-mắt mà một người thành tựu sự thanh tịnh, sự thanh lọc, sự thanh lọc hoàn toàn, sự giải thoát, sự thoát ly; Hoặc *nếu một người trừ diệt sự khổ nhờ sự-biết* (*tri*), nghĩa là: Nếu nhìn thấy một hình-sắc bằng thức-mắt mà một người trừ bỏ được sự khổ [của sinh, già, chết, của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu não); *vậy thì một người vẫn còn sanh-y*

(*những sự thu-nạp*) thì cũng có thể *được thanh lọc bởi thứ khác*, nghĩa là: Một người vẫn những sanh-y—[như tham, sân, si, ngã mạn, ái, tà kiến, lậu hoặc, sự chấp-thủ]—vẫn có thể được thanh lọc, được thanh lọc hoàn toàn, được giải thoát, được thoát ly *nhờ thứ khác*, tức nhờ thứ khác chứ đâu phải nhờ đạo (tu tập) dẫn tới sự thanh tịnh, tức nhờ sự thực-hành sai lạc (tà tu) khác, bằng đường lối không giúp giải thoát, tức bằng những phương tiện *khác chứ không phải* bằng *bốn nền tảng chánh-niệm* (tứ niệm xứ), *bốn sự chuyên-cần tu* (tứ chánh cần), *bốn cơ-sở tu tập năng lực tâm linh* (tứ thần túc), năm căn (ngũ căn), năm năng-lực (ngũ lực), *bảy chi giác-ngộ* (thất giác chi), *con-đường tám phần tu thánh thiện* (bát chi thánh đạo) { 37 phần tu giúp dẫn tới sự giác-ngộ, 37 phần bồ-đề}.

- *Cái quan-điểm đó nói lên rằng*, nghĩa là: Quan-điểm đó tự nói ra rằng: "Anh ta là người có quan-điểm sai lầm (tà kiến), có cách-nhìn tà kiến lệch lạc"; *anh ta là người khẳng định như vậy*, nghĩa là: anh ta khẳng định những tà-kiến "Thế giới là bất diệt" … "Như Lai không hiện hữu cũng không phải hiện hữu sau khi chết: Chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai"(tức *10 quan-điểm do suy đoán* như trong kinh **MN** 63, mục 3-4).] (**Nidd** I 61)

[89] [*Giới-hạnh và giới-cấm* (*sīlabbata*; = *giới-hạnh* + *sự kiêng-cữ*, *trai-giới, giới-cấm*), có nghĩa là gồm: sự giữ-giới + tuân giữ các giới-cấm = giới-hạnh + sự trai-giới; sự giữ giới hạnh và kiêng cữ theo các giới cấm; sự giữ-giới và trai-giới.

- (*Sự chấp-thủ vào những giới-hạnh và giới-cấm* như vậy được gọi là chung "*giới-cấm thủ*", là một trong *04 sự chấp-thủ* là những trở ngại chi sự tu-tập).] (790)

- Cũng dựa theo lời hướng dẫn về ý nghĩa các kinh: [Chữ *sīlabbata* là bao gồm tất cả những dạng *giới-hạnh và giới-cấm* mà các tu sĩ và bà-la-môn đã chấp thủ và thực hành tuân theo như một phần của *giới-luật* (kỷ cương) của họ. Sự diễn tả của chữ *sīlabbata* cũng có mặt trong số *10 gông-cùm* (kiết sử) và *04 loại sự chấp-thủ* (= *giới-hạnh và giới-cấm thủ*) cần phải được thanh tẩy dọc theo đạo tu đi đến giải-thoát. Thuật ngữ này có lẽ cũng bao hàm luôn *những tục lệ, lễ nghi, cúng lạy, cúng nguyện* và *cúng tế* của giới bà-la-môn, và gồm cả luôn *những giới khổ hạnh hành-xác bản thân* mà các khổ sĩ thời đó theo đuổi thực hành.]

- (Tóm lại, ý nghĩa của thuật ngữ này trong toàn bộ tập kinh này là: một tu sĩ đạo Phật chân chính thì không nên chấp trước, cố chấp, chấp nhất theo kiểu cho rằng "*giới-hạnh và giới-cấm*" tốt nhất, là tối thượng, là tất cả của con-đường thanh-lọc và giải-thoát, cứ cho đây là cách tu đầy đủ và tối thượng. Bởi vì người tu theo đạo Phật là tu với tâm theo trung-đạo, không chấp trước, chấp giữ, cố cấp hay nắm giữ một quan-điểm hay kiến-chấp nào. Ngay cả những giáo lý hay Giáo Pháp của Phật cũng chỉ như phương tiện chiếc bè để vượt qua sông chứ không phải để nắm giữ hay ôm vác nó).] (ND)

90 [*Không còn ố nhiễm bởi điều phước hay điều ác*, nghĩa là: không còn bị ố nghiễm bởi những phước đức trong 03 cõi hiện-hữu (các phước hữu lậu, phước hữu sinh) hay những điều ác hay nghiệp ác.] (790) - (Cụm chữ này cũng có thể có nghĩa là người đó "không còn nghĩ thiện, không còn nghĩ ác" vì tâm không còn sự chấp-thủ, không còn chấp nê, đã buông-xả.] (ND)

91 [Luận giảng nói dài nhưng đại ý là: *Đã xa lánh* tức không còn bị tham hay sân vì những sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Và do bậc ấy đã không còn sự tạo-tác của tâm (tâm hành) do dục-vọng (ái) và do quan-điểm này nọ (tà kiến) cho nên vị đó đã giải thoát khỏi sự hiện-hữu, vì vậy đâu ai còn có thể chỉ danh hay xếp loại bậc ấy là "người", "thiên thần" hay chúng sinh nào nữa.] (793, **Nidd** I 68–69)

92 [*Pháp khác* (thứ khác, sự khác, điều khác) ở đây có nghĩa là: giáo lý khác, đạo sư khác, quan điểm khác, sự thực hành khác, cách tu khác, đạo khác. *Nút-thắt* = sự trói-buộc, cái cùm. Tiếp theo bên dưới: *một Tỳ kheo không nên dính mắc theo thứ được nhìn thấy, theo thứ được nghe thấy hay được cảm nhận, hay theo giới-hạnh và giới-cấm*, nghĩa là: người đó không nên cố chấp vào những thứ đó và những điều đó - (Tức là: (i) không bị dính hay chấp theo những sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp; (ii) không cố chấp theo sự thiện-hành (như đức-hạnh) và sự kiêng giữ giới-hạnh và giới-cấm (như giới-hạnh) cho dù chúng đúng là những sự thực hành tốt thiện; nhưng không nên cố chấp coi đó là tối thượng hay tốt nhất).] (798)

93 [Các luận giảng: *Mong-muốn* (mong cầu, ước) = dục-vọng (ái); *đối với đâu nào*: đối với *sự tiếp-xúc* hay *nguồn-gốc sự tiếp xúc* … vân vân (các mắc-xích của *vòng nhân-duyên* tạo ra danh-sắc hay danh tính cá thể như đã chú giải ở thi kệ 778 ở kinh **Sn 4.2** kế trên); *các trạng thái hiện-hữu khác nhau ở đây hay trên kia*: là sự hiện-hữu cõi này hay các cõi trời.] (801, **Nidd** I 78–79)

- [*Các nơi [để] cư trú*: Có 02 nơi (tạo ra) sự cư trú, đó là *dục-vọng* (ái) và *các quan-điểm này nọ* (tà kiến). Đối với A-la-hán thì không còn các nơi cư trú như vậy; họ đã trừ bỏ sạch sẽ … đã thiêu đốt chúng bằng lửa *sự-biết* (tri, trí), cho nên *không có nơi cư trú nào được nắm giữ*. Và *sau khi quyết định trong số những giáo lý*: "những giáo thuyết" ở đây là chỉ 62 loại tà kiến. *Sau khi đã quyết định trong số chúng*, sau khi đã phân biệt chúng, đã đánh giá, xem xét, nhận biết … chúng. *Được nắm giữ*: nắm giữ một phần hay cả bộ …] (**Nidd** I 79)

94 [Trong thi kệ kế trên, *không thể phân loại vị đó* (như đã được nói trong các kinh ở trên) nghĩa là không thể phân biệt, định dạng, hay gọi vị đó là chúng sinh nào nữa, vì vị đó đã giải-thoát và không còn tái-sinh.

- Chú giải cho rằng *những giáo lý* (*dhamma*) ở đây không phải chỉ *những giáo pháp của Phật* mà chỉ *62 tà-kiến* theo kiểu cố chấp "Chỉ đây là đúng, mọi điều

khác đều sai". Trong **Nidd** I 81 cũng giải nghĩa như vầy. (Tuy nhiên, người dịch Việt vẫn có cảm giác rằng chữ "*những giáo lý*" cũng bao gồm cả *những giáo lý/ giáo pháp của Phật* mà một người tu cũng không nắm giữ sau khi đã dùng chúng làm phương tiện để giác-ngộ và giải-thoát, chúng như chiếc bè dùng để qua sông chứ không phải để ôm giữ). *Vô thiên vị*: không còn thiên vị theo 05 cách (vô thiên vị đối với thứ đáng thích (đẹp, sướng) và thứ đáng chê (xấu, khổ); vô thiên vị vì người đó đã xuất gia; vô thiên vị vì đã qua bờ-kia (đáo bỉ ngạn); vô thiên vị vì đã được giải thoát; và vô thiên vị là một ngôn từ để mô tả); *bậc vô thiên vị đó, đã qua bờ-kia, không còn bị rớt lại*: nghĩa là đã chứng Niết-bàn, bậc vô thiên vị đó không còn bị rớt lại với những ô-nhiễm (lậu hoặc) vốn đã được diệt trừ bởi các chặng thánh đạo.] (803)

[95] [*Nhìn thấy sự an-toàn*: nhìn thấy Niết-bàn: chỗ nương tựa, hang trú ẩn, chỗ trú ẩn tị nạn, trạng thái bất tử, bất động, là mục-tiêu của đạo Phật.] (808)

[96] [Cả 02 luận giảng **Pj II** và **Nidd** I 95 đều diễn dịch và chú giải dài dòng, thậm chí họ diễn dịch chữ "*phù hợp*" là đồng nghĩa với "*sự hòa hợp*" giữa các Tỳ kheo trong Tăng đoàn và trích cả kinh **AN 5:54**, và kéo theo trích dẫn kinh **AN 8:19**, mục 5, nói về vô dư y Niết-bàn giới. Tuy nhiên người dịch Việt nghĩ Phật đang nói 02 câu kệ cuối này với nghĩa rất rõ ràng và đơn giản là: Như Phật đã giảng bày trong các kinh và đã quy định trong Giới Bổn Tỳ Kheo rằng "các Tỳ kheo không nên định cư hay lưu trú một chỗ quá lâu"—mục đích là để (i) tránh phát sinh sự dính mắc, tham thích hay sở hữu chỗ ở tiện nghi (chỗ đẹp, chùa tốt), (ii) tránh phát sinh sự thân thuộc, luyến ái, ràng buộc với các gia đình, với những người phàm địa phương (các thí chủ, các Phật tử trong làng xã hay thị trấn) … vân vân thì sẽ khó mà tu tập lánh trần cho mục tiêu giải-thoát.] (810)

[97] [**Nidd** I 96 ghi: [Bậc mâu-ni không tùy thuộc theo thứ gì, nghĩa là: không tùy thuộc hay dính theo 12 cơ-sở cảm-nhận (12 xứ): mắt và những những hình-sắc, tai và những âm-thanh … tâm và những hiện-tượng/ đối-tượng của tâm. Không tùy thuộc, không phụ thuộc: Có 02 loại sự tùy thuộc: sự tùy thuộc do dục-vọng (ái) và sự tùy thuộc do những quan-điểm này nọ (tà kiến). Sự tùy thuộc do ái đã được trừ bỏ bởi bậc mâu-ni và sự tùy thuộc do tà kiến đã được dẹp bỏ, như vậy bậc mâu-ni không còn tùy thuộc theo mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, hay tâm; không còn tùy thuộc theo những những hình-sắc, âm-thanh, mùi-hương, mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc, hay những hiện-tượng/ đối-tượng của tâm (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp); không còn tùy thuộc một gia đình … một nhóm đoàn … một chỗ ẩn trú … lợi lộc, danh tiếng, lời khen, và sự vui sướng .. y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang … sự hiện-hữu trong cõi dục giới, sác giới, vô sắc giới … sự hiện-hữu còn nhận-thức (tưởng), sự hiện-hữu không còn nhận-

thức (phi tưởng), sự hiện-hữu không còn cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng) … sự hiện-hữu với 01 thành phần, với 04 thành phần, hoặc với 05 thành phần … quá khứ, tương lai, hay hiện tại … thứ được nhìn thấy, được nghe, được cảm nhận, hay được nhận biết.].] (**Nidd** I 96)

[98] [Lặp lại như ở chú thích 57, thi kệ 789, kinh **Sn 4.4** ở trên: *nhờ thứ khác* nghĩa là nhờ đạo khác, nhờ những cách tu khác, những kiểu tu ngoại đạo, ngoài Bát Thánh Đạo và những phần tu dẫn tới giác-ngộ của đạo Phật. *Trở thành* '*không si-mê cũng không chán-bỏ*'. Chú giải ghi: (i) *không còn si-mê* (tham đắm) điều gì trong thế gian như những người phàm vô trí không tu học; (ii) đã *chán-bỏ* (quay lưng) như 07 hạng học-nhân ở các chặng thánh đạo và quả [trừ quả A-la-hán, chưa giải-thoát rốt ráo, chưa Niết-bàn]. Nhưng một bậc mâu-ni do đã diệt tận tham, sân, si; đã sống đời sống tâm linh (phạm hạnh), đã hoàn thiện sự tu-học (đã trở thành vô học nhân) … thì đối với vị đó thì không còn sự tái-sinh trong trạng thái hiện-hữu nào để phải bị sinh, già, chết. (Nói nôm na, bậc mâu-ni thì được cho là "*không còn si-mê cũng không chán-bỏ*" theo cái nghĩa không còn gì cả: không còn tu học nữa, không còn ở mức độ để mô tả hay so sánh, giống như kiểu '*không còn nghĩ thiện không còn nghĩ ác*', do vậy cũng có thể hiểu trong tiếng Việt như "*không còn gì để si-mê hay chán-bỏ*", thay vì nguyên văn gốc là '*không si-mê cũng không chán-bỏ*'.] (813)

[99] [Chữ *Ngài* (*āyasmā*): đây là một chữ gọi thân mật và tôn trọng. *Tissa*: tên gọi của vị trưởng lão; *Metteyya*: là tên họ tộc; ngài ấy được biết đến với tên họ tộc. *Chúng con sẽ tu tập trong sự tách-ly*: Thầy ấy hỏi câu hỏi này giùm một đạo hữu ở đó để Đức Phật trả lời bằng giáo lý cho người đó nghe. Chứ bản thân thầy Tissa đã hoàn thành sự tu-học, đã là bậc vô học nhân.] (814)

[100] [*Vũ khí [để phòng vệ]* là chỉ những hành-vi sai trái thuộc thân, miệng và tâm (thể hiện bằng lời-nói, hành-động, và tâm-ý), đặc biệt là lời-nói sai trái người đó dùng để để trả đũa lại những lời chỉ trích chê trách của những người dân và đồng đạo khác. *Khu rừng rậm lớn* (*bao vây*) = sự trói-buộc lớn, sự sa-ngã lớn. *Người đó chìm trong những lời-nói sai trái*: có thể được hiểu rằng *sự chìm trong những lời-nói sai trái* giống như chìm trong khu rừng lớn bao vây người đó.] (819)

[101] [Nguyên văn chú giải: *Sau khi đã-biết sự nguy-hại này ở đây thời trước và sau*: Sau khi đã-biết sự nguy-hại khi bỏ tu hoàn tục, trước và sau ở đây trong giáo lý này, trước [khi còn là một Tỳ kheo] và sau khi rời bỏ đời sống xuất gia, (là tình trạng hiện nay) như đã được nói trong câu kệ trên là "*Mọi tiếng tốt và lời khen có được trước đây/ Đều rớt khỏi người tu đó.*".] (821)

102 [Nghĩa là: *Sự sống tu trong sự tách-ly* (ẩn dật, độc thân) là tối thượng trong số những vị Phật đã tách-ly (độc thân ẩn dật); do vậy người tu chỉ nên tu-học trong sự tách-ly như vậy (về tâm và thân) mà thôi. *Không nên nhìn nhận mình là tốt nhất vì điều này*: không nên dính danh về điều này, không nên tự hào tự cao về điều này. Sống tách-ly (độc thân ẩn dật) là đúng và tốt nhất nhưng không nên tự hào vì mình đã làm được như vậy.] (822)

103 [*Sống trống không* nghĩa là: sống tách-ly, lánh trần, không còn những hành-vi bất thiện (tà hạnh) của thân, miệng, ý … vân vân, hoặc không còn tham, sân, si; không còn những sự tạo-tác bất thiện nào nữa.] (823)

104 [(Không như các kinh khác, kinh này cần nói ra bối cảnh thì mới dễ hiểu ai đang nói với ai. Có du sĩ Pasūra, được cho là người đại biện tài của toàn cõi Diêm-phù-đề (cõi Táo Hồng, tức trong cả Ấn Độ); ông cứ đi tìm đối thủ để tranh biện nhưng không có. Rồi ông đến Savatthi (Xá-vệ) gần Tịnh Xá Kỳ Viên, ông vun một đống cát và cắm một nhánh cây táo hồng trên đó, và nhắn rằng: "Ai có thể tranh biện với ông ta (về chân lý hay về đạo) thì bẻ gãy nhánh cây này." Ngài Xá-lợi-phất đi ngang thấy, hỏi dân và biết như vậy, ngài đã nhổ nhánh cây ra và đạp gãy nó, và nhắn lại nhà đại biện tài muốn tranh biện gì thì nên đến Tịnh Xá Kỳ Viên. Rồi Pasūra đã đến đó. Vì ngại sẽ gây ồn ào trong tu viện cho nên thầy Xá-lợi-phất đã ngồi ở ngoài cổng để đón ông ta đến tranh biện. Sau khi tranh luận ông ta đã thua, đã công nhận thầy Xá-lợi-phất là người biện tài, và muốn xuất gia đi tu theo thầy Xá-lợi-phất. Ông ta đi tìm y và bát, sau đó khi ông quay lại để vô tịnh xá để chính thức quy y thì ông gặp một Tỳ kheo khác là Lāḷudāyī với thân vàng ánh kim, phong thái đẹp đẽ, ông lại muốn xuất gia quy y theo thầy Lāḷudāyī. Sau khi quy y theo thầy Lāḷudāyī, ông đã tranh biện và đánh bại thầy Lāḷudāyī. Rồi ông ấy lại muốn tranh biện với Đức Phật. Nhưng sau khi gặp Phật, Phật giảng giải như lời bài kinh này, về những sự vô ích và khổ hại của những sự cố chấp vào những quan-điểm này nọ và đi tranh cãi với những người cố chấp những quan-điểm khác; và ở đây những người ông gặp phải là thầy Xá-lợi-phất và Đức Phật, là những bậc đã tiêu diệt những sự kiến-chấp này nọ, đã không còn coi quan-điểm nào là tối thượng cả, vì vậy đâu có ai là đối thủ để ông tranh cãi về các quan-điểm này nọ nữa, sau khi đã-biết đã-hiểu việc tranh cãi tranh luận chẳng đưa đến sự thanh-lọc hay đạo-quả nào.)

Họ: những đạo sư, những người ngoại đạo, những tu sĩ khác đạo. *Những thứ họ dựa vào*—như đạo sư của họ, hoặc giáo thuyết, quan điểm của họ, hoặc đạo, đoàn, cách tu-tập của họ—*là tuyệt vời*, là đúng đắn, chân lý, không sai. *Nhiều người*: nhiều tu sĩ, khổ sĩ, sa-môn và bà-la-môn đã *bị kẹt* (*mắc kẹt*, *dính*, *dính cứng*, *cố chấp*) *trong những [sự thật] riêng biệt*. Những *sự thật riêng biệt* là chỉ

những quan-điểm do suy đoán như '*thế gian là trường cửu*' hoặc '*thế giới là không trường cửu*' … họ coi đó là những sự thật.] (824)

[105] [Nghĩa là: đối với Đức Phật, nhóm *những ô-nhiễm* (uế nhiễm, lậu hoặc) có thể gây ra sự tranh cãi tranh luận đã bị diệt sạch trước đây dưới gốc *Cây Bồ-Đề*, chúng đã thuộc về quá khứ, cho nên đâu còn có đề tài gì, đâu còn chỗ nào để xảy ra cuộc tranh cãi hay khẩu chiến. (Vì bậc đã diệt sạch những ô-nhiễm, như tà kiến, kiến chấp, tranh đấu, thì bậc ấy đâu còn kiến chấp để đi tranh cãi tranh luận gì gì nữa).] (824)

[106] [*Những người sống lánh xa*: những bậc đã tiêu diệt đạo quân ô-nhiễm (tức đạo quân Ma Vương); đây là hàm chỉ các A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận).] (833)

[107] [Kinh này cần nói ra hoàn cảnh mới dễ hiểu. Người dịch tóm lược: Ở Savatthi (Xá-vệ), vào lúc gần sáng, Đức Phật dùng thần thông [Phật nhãn] để quan sát khắp nơi, Phật thấy có vợ chồng bà-la-môn Māgandiya đang sống ở thị trấn Kammāsadamma thuộc xứ Kuru, họ có những điều-kiện trợ giúp (một người tu) để dẫn tới sự chứng quả A-la-hán. Phật lập tức đi đến Savatthi, tới chỗ bãi đất trống chỗ cánh rừng không xa thị trấn, và phát ra hào quang vàng kim. Lúc đó bà-la-môn Māgandiya ra ngoài rửa mặt và nhìn thấy hào quang. Ông thắc mắc đó là gì, và ông đã đi đến đó để coi thì thấy đức Thế Tôn. Ông có cô con gái có làn da vàng ánh kim, và ông muốn gả con gái cho một sa-môn có màu da ánh kim. Vì vậy sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn ông ta rất mừng và về nhà nói lại với vợ ông. Vợ ông cho con gái tắm gội bằng nước hoa hương thơm, trang điểm và đeo vòng hoa xinh đẹp, và họ chờ ngày mai dắt cô đi gặp đức Thế Tôn. Họ đến chỗ đức Thế Tôn, họ nhìn thấy miếng lót ngồi được bện bằng rơm. Vợ của bà-la-môn Māgandiya nói với ông rằng đây không phải là người còn ham muốn nhục-dục, vì vậy họ đến gặp cũng vô ích mà thôi. Bà-la-môn hỏi lại vợ, người vợ giải thích rằng cô ta biết rằng ở chỗ những vị Phật trú ngụ theo ý chí kiên định của họ thì họ luôn để lại những dấu chân. Bà nói với ông: "Chúng ta đang tìm kiếm điều phúc lành thì hãy đừng nói điều bất lành". Sau khi nhìn các dấu chân Phật, bà ta giải thích thêm với chồng: "Dấu chân của người còn tham-dục thì cong, dấu chân của người sân-hận thì kéo lê, dấu chân của người si-mê thì đạp mạnh xuống đất. Nhưng đây là những dấu chân của bậc đã lột bỏ những vỏ-bọc (= đã loại bỏ những lậu hoặc)."

Cuộc nói chuyện của họ đến đó thì đức Thế Tôn, sau khi đã dùng xong cơm trưa, quay lại chỗ ngồi ở bãi đất trống chỗ cánh rừng đó. Bà ta nhìn thấy đức Thế Tôn và những tướng tốt, được bao quanh bởi vầng hào quang rộng cả sải tay. Bà mới hỏi chồng có phải ông đã nhìn thấy vị này hay không? Bà-la-môn trả lời đúng. Bà nói với chồng: "Chúng ta đến đây chỉ vô ích. Vị này không thể nào là một người còn ham muốn thụ hưởng dục-lạc." Nhưng ông bà-la-môn

vẫn không nghe, tay trái ông dắt con gái, tay phải cầm bình nước, đến chỗ đức Thế Tôn đang ngồi trên miếng lót bằng rơm. Và ông mở lời nói muốn gả con gái của ông cho đức Thế Tôn. Và lúc đó đức Thế Tôn bắt đầu trả lời như câu bắt đầu bài kinh này.

- *Taṇhā, Aratī, và Ragā* (nghĩa là Ái, Sân, Tham) là tên 03 con gái của Ma Vương luôn dùng sắc đẹp để quyến rũ những bậc tu hành, đã từng đến quyến rũ Phật vào cái đêm giác-ngộ. *Vậy tại sao [ta lại muốn]* (*thân*) *này*: nghĩa là, "vậy tại sao ta lại muốn của cô con gái này của ông? Ta thậm chí không muốn chạm vào cô ta bằng chân mình thì làm gì có chuyện ta muốn thành vợ chồng sống chung với cô ra cho được."] (835)

108 [*Sau khi đã quyết định trong số những giáo lý* nghĩa là trong *62 loại quan-điểm* (tà kiến), không còn sự cố chấp trong ta, ta không còn chấp trước "Chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai'. Vì sao không còn? Vì *sau khi nhìn thấy* những nguy-hại trong *những quan-điểm* này nọ, *sau khi điều tra* tìm hiểu những sự-thật, ta đã *nhìn thấy* Niết-bàn, được gọi là *sự bình-an bên trong* bởi vì nó làm lặn mất tham-dục bên trong và những ô-nhiễm khác.] (837)

109 [Các luận giảng thì diễn dịch và chú giải theo ý của họ rằng: 02 câu kệ đầu là chỉ quan-điểm (tà kiến), sự-học (học hiểu, học đạo, học giáo lý), sự-biết (là sự-biết (tri, trí) trong trạng thái các tầng thiền định), giới-hạnh (những điều giới luật) và giới-cấm (những điều cấm, sự kiêng-cữ, sự trai giới, sự thực thi các giới khổ hạnh hành xác, sự tuân thủ các giới cấm, tục lệ, nghi lễ, cúng bái) theo cách tu của các giáo phái ngoại đạo.

- Và 02 câu kệ sau là chỉ quan-điểm (chánh kiến), sự-học (học hiểu, tu học), sự-biết (tri, đạo tri), giới-hạnh (giới bổn Tỳ kheo Patimokha), giới-cấm (chri những sự trai-giới, kiên-khem, kiêng-cữ, như bát trai giới …) theo đạo Phật. — Người dịch Việt thì nghĩ rằng đây là dãy các danh từ chung, và ở đây ý nghĩa Đức Phật nhấn mạnh là *sự không chấp-thủ*, *cố-chấp*, *nắm-giữ quan-điểm* (cách-tu) nào là tốt nhất hay duy nhất hay tối thượng, bởi vì như đã nói theo tinh thần của đạo Phật là trung-đạo và không nắm chặt hay khăng khăng nắm giữ một quan-điểm nào (ngay cả Giáo Pháp cũng là phương tiện để tu tập như chiếc bè để vượt qua sông chứ không phải để nắm giữ khăng khăng. Ý nghĩa là: không chấp thủ quan-điểm nào, không kiến-chấp, không coi sự thực-hành nào là nhất, là tối thượng cho sự thanh-lọc).] (839)

110 [Nghĩa ở đây là: "Này Māgandiya, *cứ hỏi đi hỏi lại*, *trong khi ông vẫn phụ thuộc vào một kiến chấp* [quan-điểm, cách-nhìn, kiến], thì *ông đã bị mờ rồi* về những quan-điểm do suy đoán (tà kiến) đó *mà ông đã nắm chặt*, cố chấp. *Nhưng từ* '*điều này*' *[= sự bình-an bên trong này]* được nói ra bởi ta, tức từ sự tu tập, từ giáo lý của Giáo Pháp này, *ông đã không đạt được chút một manh mối nào* hay một nhận-thức đúng đắn nào. Vì lý do đó, ông coi Giáo Pháp này *là hoàn toàn ngu*

mờ." (Nghĩa nôm na là: Do ông bà-la-môn vẫn còn kiến chấp trong khi ông vấn hỏi tìm hiểu từ Đức Phật, cho nên ông càng thêm bị bối rối với những tà kiến mà ông đã khư khư cố chấp. Nhưng từ cái khái niệm '*sự bình-an bên trong*', tức từ những sự tu-tập, giáo lý Giáo Pháp đúng đắn, ông ta đã không hiểu được chút nào, không nhìn ra chút manh mối nào, cho nên ông càng nghĩ những điều Phật đã nói ra (= Giáo Pháp, sự không dính vào kiến chấp nào) là hoàn toàn ngu mờ. Bởi vì sự thật là chỉ những ai không bị kiến chấp hay cố chấp theo quan-điểm (đạo, giáo thuyết) nào thì họ mới có thể nhìn ra và hiểu được giáo lý khách quan khác).] (841)

[111] [*Đi lang thang không cõi cư trú*: không cố đi vì dục-vọng (ái) để đến các cõi hiện-hữu như sắc giới hay vô sắc giới … *Trong làng bậc mâu-ni không thân mật với* những người tại gia dù là nam hay nữ. *Không có những dục-lạc*: đã viễn ly khỏi dục-lạc vì đã không còn dục và tham đối với những dục-lạc. *Không có những thiên-kiến*: không tạo tác sự hiện-hữu trong tương lai (không nghĩ hay nhắm tới trạng thái hiện-hữu nào nữa; đã diệt hữu-ái). *Không nói chuyện có thể tạo tranh cãi với dân chúng*: Người tu thì không nói ra những lời mà có thể tạo sự tranh cãi với người ta (để bị người ta cãi lại hay chất vấn, phản đối).] (844)

[112] [Luận giảng giải nghĩa rằng: *Những thứ trong thế gian* mà một người có thể dính vào là *những quan-điểm do suy đoán* (tà kiến). *Bậc long tượng [nāga] không nắm giữ hay tín thủ chúng*: nghĩa là không nắm giữ hay khẳng định *những quan-điểm do suy đoán* đó.] (845)

[113] [*Đã tách ly khỏi sự nhận-thức* (*tưởng*): người đó đã trừ bỏ 'sự nhận-thức về dục' (dục tưởng) … nhờ sự thiền tập, bắt đầu từ 'sự nhận-thức về sự từ-bỏ'. *Đối với người được giải-thoát bằng trí-tuệ*: là được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc) thông qua sự thiền quán dẫn đầu bằng minh-sát tuệ. Bằng câu này là chỉ người tu *thiền minh-sát khô* (tức chỉ tu thiền quán minh-sát chứ không tu thiền định). *Nhưng những ai đã nắm giữ những nhận-thức* (*tưởng*) *và những quan-điểm này nọ* (*kiến*) *thì đi lại trong thế gian tạo nên sự xích-mích [cọ sát]*: *Những người đã nắm giữ những nhận-thức* (*tưởng chấp*) [nhận-thức về dục … vân vân] là hàm chỉ: (i) những người tại gia luôn gây sự xích-mích (cọ sát, đụng chạm) lẫn nhau vì [do bởi, để được, tranh giành] những thứ dục-lạc trên đời; (ii) còn *những người nắm giữ những quan-điểm này nọ* (*kiến chấp*) là hàm chỉ những người xuất gia tạo ra sự xích-mích (cọ sát, đụng chạm) lẫn nhau vì những vấn đề giáo lý hay giáo pháp.] (847)

[114] [Kinh này, và 04 kinh kế tiếp bên dưới, *đều có cùng bối cảnh đại hội chúng* như bối cảnh của *Kinh Du Hành Chân Chính* (**Sn.II.13**) ở Chương 2 ở trên, và do vậy cách thuyết giảng cũng tương tự nhau; (mời coi lại chú thích ở ngay đầu tựa kinh đó). Tuy nhiên chỉ có 01 sự khác biệt về kinh này là: Bởi vì trong *Kinh Du Hành Chân Chính* Đức Phật đã tạo ta một '*vị Phật được tạo bằng tâm*' để đặt ra

câu hỏi để Đức Phật trả lời và thuyết giảng cho số những thiên thần có tính-khí '*tham*'. Rồi sau lúc đó có những thiên thần khởi sinh ý nghĩ: "Chúng ta nên làm gì *trước khi sự tan rã của thân này* (trước khi qua đời)?". Phật biết được ý nghĩ của họ nên Phật đã tạo ra một '*vị Phật được tạo bằng tâm*' cùng với 1.250 Tỳ kheo đến từ không trung, và Phật đã khiến '*vị Phật được tạo bằng tâm*' đó đặt ra những câu hỏi. Và theo cách như vậy Phật trả lời bằng sự thuyết giảng trong kinh này.] (848)

[115] [*Nhìn-thấy cách nào* = trí-tuệ bậc cao ra sao (tuệ); *hành-xử cách nào* = giới-hạnh bậc cao ra sao (giới); *bình-an* = *tâm bậc cao* (định). (Đây chỉ chỉ 03 phần tu-học bậc cao của các Tỳ kheo, của các bậc thánh).] (848)

[116] [Thay vì trả lời rõ trực tiếp về mỗi phần 'giới, định, tuệ' bậc cao đó, Phật đã gián tiếp bằng hàm nghĩa như vầy: Bởi vì người đó được gọi là *bình-an* (*upasanto*) bằng cách đã *làm lắn lặn* (*upasamā*) *những ô-nhiễm* (lậu hoặc) bằng năng lực của 03 phần 'giới, đinh, tuệ' bậc cao đó. Đức Phật bắt đầu bằng sự "*hết sạch dục-vọng*" (ái tận), chỉ ra sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận) đó là phù hợp với những khuynh-hướng (tập khí) của những thiên thần khác nhau đó. Và 08 thi kệ [**849–856**] bắt đầu từ câu "*Hết sạch dục-vọng*" nên được hiểu là nối kết bổ nghĩa về mặt văn phạm với câu kệ **857***a*: "*Ta gọi vị đó là 'bình-an'*". Còn các thi kệ tiếp theo là nối kết với câu kệ cuối cùng là **861***d*: "*Vị ấy đúng thực được gọi là "bình-an'*".

- *Ở giữa* là chỉ hiện tại; ở hiện tại không còn được tính hay gọi là *còn tham, sân, si* hay là gì, bởi vì bậc ấy *không còn những thiên-kiến* [do tham ái và tà kiến gây ra], bậc A-la-hán không còn những thiên-kiến hay ưu-ái đối với tương lai. "*Ta gọi bậc ấy là 'bình-an'*" vì những phẩm chất mới nói ra. Cách diễn dịch này cũng được hiểu tương tự trong các phần còn lại của bài kinh.] (849)

[117] [*Không bị cuốn trôi bởi sự thụ hưởng*: nghĩa là không còn gần với dục-vọng đối với những đối-tượng thích thú, với năm dây dục-lạc; *lễ độ*: lịch sự, lễ độ về thân, miệng, ý; *được phú cho sự tinh nhạy*: thông minh, nhanh trí trong sự học hiểu, sự vấn đáp, và sự thành tựu. *Không cả tin*: không tin bất cứ ai về vấn đề mà chính mình đã tự chứng ngộ. *Không tăng thêm sự chán-bỏ*, nghĩa là: (tâm của) vị đó giờ đã thành tựu sự chán-bỏ (*nibbida*) rồi, vì vị đó đã chứng ngộ sự chán-bỏ thông qua sự đã diệt-tham (vì vậy không còn phải tu dưỡng hay quán chiếu thêm nữa về sự chán-bỏ (*nibbida*) thêm nữa.] (853)

[118] [TKBĐ chú thích: [Lời kinh câu này: **Be** và **Ce** ghi: *aviruddho ca taṇhāya, rasesu nānugijjhati*; **Ee** thì ghi: *aviruddho ca taṇhāya, rase ca nānugijjhati*. **Pj II** giải nghĩa là: *virodhābhāvena ca aviruddho hutvā taṇhāya mūlarasādīsu gedhaṃ nāpajjati*. Cả học giả Norman và Paññobhāsa đều dịch nghĩa câu kệ c là: "*Vị đó không chống lại dục-vọng*"; nghĩa này không thể đúng được, vì nó trái nghĩa với tinh thần và các định nghĩa giảng giải về chữ *dục-vọng* (*taṇhā*, ái, tham ái) ở các chỗ

khác trong các bộ kinh Nikāya. Tôi dịch theo cách **Pj II** giải nghĩa chữ *taṇhāya* trong câu kệ *d*. Luận giảng **Niddesa** diễn dịch 02 câu kệ này cũng theo cách giống vậy. Học giả Jayawickrama cũng dịch nghĩa theo như vậy là: "*Không hiềm thù; và không thèm khát những khoái-lạc bằng dục-vọng đối với chúng.*"].] (1908)

119 [Trích chú giải: [*Những điều mà người ta nói về vị đó*—những khuyết điểm, như tham, sân, hay những ô-nhiễm khác—được nói bởi những người phàm, thậm chí bởi tất cả chư thiên và con người, và tất cả sa-môn và bà-la-môn ở ngoài; họ có thể nói về vị đó là "*còn tham*" hay "*đầy sân*", thì những điều đó *vị đó cũng không coi trọng*: vì khuyết điểm như "*tham*" … không được coi trọng bởi bậc A-la-hán. *Vì vậy bị đó không bị quấy động bởi những lời đó*: vì lý do đó, vị đó không bị dao động hay lay động giữa những lời chê bai phê bình đó.]] (859)

120 [*Thứ muốn có = thứ đáng thích*: là những thứ làm ta hài lòng, làm ta khoái lạc, những thứ ta muốn có, ước có; tức những thứ có lợi, những thứ ngon, hoặc những thứ đáng quý theo quan niệm của người phàm và thế gian. (Nói kiểu dân gian là *những thứ sướng*). Những thứ muốn có/ đáng thích gồm (i) *sự hiện-hữu* (*sattā*) và (ii) *những thứ vô tri hữu vi* (*saṅkhārā*). Đó là: (i) Chúng sinh thích thứ tốt, ngon, đẹp; sự khỏe mạnh, sự sống sướng, tiện nghi và sự an toàn; những người đáng quý như cha, mẹ, chị, em, con cái, họ hàng, người thân, bạn bè. Và (ii) những thứ vô tri: những hình-sắc, âm-thanh, mùi-hương, mùi-vị, những thứ sự chạm-xúc (hay những đối-tượng dục lạc). {Nói nôm na: Vì những thứ đó mà người đời tranh đấu, tranh giành, tranh cãi và tranh chấp; cũng vì những thứ đó mà họ buồn sầu, ai oán (khi không có hay khi mất chúng), sinh ra tính keo-kiệt ích kỷ (khi đang có chúng); cũng vì những thứ đó mà sinh ra những đấu tranh, tranh chấp và dẫn tới những sự phỉ báng, vu oan, vu cáo, nói xấu, nhục mạ lẫn nhau}.] (863, **Nidd** I 188–89)

121 [Nguyên văn chú giải: [*Những thứ đáng thích trong thế gian phát sinh từ đâu, và những trạng thái tham có đầy khắp thế gian?*: Ở đây nói rằng những cải vã khởi sinh từ thứ đáng thích. [Rồi giờ vị đó hỏi tiếp]: "*Những thứ đáng thích trong thế gian phát sinh từ đâu*?". Và không chỉ những thứ đáng thích mà cả *những trạng thái tham* của những người tham lam—những vua chúa quý tộc (khattiya, sát-đế-lợi, giai cấp chiến-sĩ) và những giai cấp khác—họ hành xử trong thế gian với động cơ là tham, họ bị chi phối bởi tham: từ đâu tham khởi sinh? Như vậy vị đó hỏi về 02 vấn đề [những thứ đáng thích và những trạng thái tham] trong 01 câu hỏi. *Sự thèm muốn và sự thỏa mãn* = Sự thèm muốn và sự đạt được thứ thèm muốn; mà một người có (mấy sự đó) về tương lai: nghĩa là mấy sự đó có vai trò là chỗ dựa; có nghĩa chúng là một chỗ dựa (dựa vào đó mà mọi người sống và hành sự). (Và thi kệ tiếp theo là cau trả lời).] (864)

122 [*Phát sinh từ dục*: nghĩa là phát sinh từ các loại dục (muốn, tham muốn, ham muốn), như dục khoái-lạc giác quan, nhục dục … vân vân. *Và* (*cũng*) *từ đó những trạng thái tham đó có đầy khắp thế gian*: là chỉ sự tham của những người tham—những vua chúa quý tộc (*khattiya*, sát-đế-lợi, giai cấp chiến-sĩ) và những giai cấp khác—cũng phát sinh từ dục. Như vậy là Đức Phật đã trả lời cả 02 vấn đề cùng với nhau. *Từ đây phát sinh*: nghĩa là chúng cũng phát sinh từ dục.] (865)

123 [*Những phán quyết này nọ*: là những phán quyết (do suy đoán, chủ quan) dựa theo dục-vọng và các quan-điểm (ái và tà kiến). *Và những sự [khác] mà bậc Sa-môn* (*Phật*) *đã đề cập*: nghĩa là những phẩm-chất bất thiện mà Đức Phật đã đề cập, như những sự dính sân, dính si, mạn, nghi …] (866)

124 [*Dục phát sinh dựa theo thứ họ nói là sướng* (dễ chịu, đáng thích) *hay khổ* (khó chịu, đáng ghét): nghĩa là dục khởi sinh theo cách hội kết (thích, tham) hay tách ly (chê, ưu); đây là cách diễn tả cảm-giác sướng và cảm-giác khổ và những đối-tượng tương ứng của chúng. (Nói cách khác dục phát sinh do chúng sinh luôn so đo, so sánh, đối đãi hai-mặt sướng-khổ: tham thích với thứ sướng và ưu sân với thứ khổ). Như vậy câu hỏi đã được trả lời rằng: "Dục phát sinh dựa theo những thứ mà họ cho là sướng hay khổ". *Sau khi nhìn thấy sự biến-diệt* (*sự diệt*) *và sự hình-thành* (*sự sinh*) *của các thứ* (*sắc giới*): nghĩa là sau khi nhìn thấ sinh và diệt, có và mất, khởi sinh và biến mất của mọi thứ, *một người hình thành sự phán quyết trong thế gian*: nghĩa là trong thế gian—cõi đọa hay cõi lạc … vân vân—một người hình thành sự phán quyết này nọ dựa trên dục-vọng (ái, tham ái) muốn tích lũy của cải hoặc một phán quyết dựa trên quan-điểm (kiến, kiến chấp), chẳng hạn như: "Bản ngã của ta đã khởi sinh" và vân vân. Như vậy câu hỏi đã được trả lời rằng: "Sau khi nhìn thấy sự có và mất của các thứ trong thế gian, (thay vì phát sinh trí-tuệ) họ hình thành những sự phán quyết này nọ vì mục đích ham muốn của cải và những thứ đáng thích trong thế gian, (những phán quyết cho rằng: phải làm vầy làm vậy để sinh tồn và tranh thủ có thêm của cải, sự giàu có, tiện nghi, "những thứ đáng thích", "những thứ sướng" cho mình).] (867)

125 [*Tùy thuộc vào danh và sắc*: *danh* là phần tâm thần (thuộc tâm) và *sắc* là phần vật chất (thuộc thân, sắc thân); danh-sắc gồm *các cơ-sở cảm-nhận* (nội xứ) và *các đối-tượng* (ngoại xứ). *Khi sắc thân đã biến diệt thì những sự tiếp-xúc không tiếp xúc ai*: Nghĩa là sau khi sắc thân đã tan biến thì *05 loại sự tiếp-xúc [giác quan]* đâu còn tiếp xúc ai nữa.] (872)

126 [Nguyên văn chú giải: *Người tu phải chứng đắc cách nào*—tức người tu phải tu tập cách nào—*để sắc thân biến mất?*: để sắc thân không còn tái hiện-hữu? *Cách nào sướng và khổ cũng biến mất?*: Vị này chỉ hỏi về sắc thân sướng và khổ.

Luận giảng **Nidd** I 203: *Người tu phải chứng đắc cách nào để sắc thân biến mất?*: nghĩa là, đối với người tu-tập theo cách nào, người giới-hạnh theo cách nào, người hành-vi theo cách nào, người tiếp tục và thực hiện theo cách nào, ai kiên trì cách nào *để cho sắc thân biến mất*, biến diệt, được thoát khỏi, được chuyển hóa?] (873)

[127] [Nghĩa thi kệ này khó hiểu. Tạm dịch nguyên văn chú giải thi kệ này: [*Không có tưởng thông qua sự tưởng* (= *Không có nhận-thức thông qua sự nhận-thức này nọ*): Sắc chấm dứt đối với người đã chứng đắc theo cách như vậy rằng người đó *không còn nhận-thức* (phi tưởng) thông qua sự nhận-thức bình thường; *không có tưởng thông qua sự loạn tưởng*: nghĩa là *không có nhận-thức* (phi tưởng) thông qua sự nhận-thức nhiễu loạn, méo mó, giống như trường hợp người bị điên khùng hay rối loạn thần kinh; *không phải tất thảy không có tưởng* (= *không phải toàn bộ là không có nhận-thức = không phải là hoàn toàn phi tưởng = phi phi tưởng*): nghĩa là không phải là người hết sạch sự nhận-thức (phi tưởng), không phải là người đã chứng nhập trong diệt thọ tưởng định hay là một chúng sinh phi tưởng; *không có tưởng về thứ đã biến mất*, nghĩa là: *không phải người có tưởng về thứ đã biến mất*: nghĩa là không phải người đã vượt qua sự nhận-thức theo cách đã mô tả (trong các kinh rằng): "*bằng sự vượt trên tất cả nhận-thức về sắc giới* (*sắc tưởng*)", nghĩa là, người đó không phải là người đã chứng đắc các tầng thiền định vô-sắc giới. [Coi thêm chú thích 1932 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc)]. *Sắc sẽ biến mất đối với người đã chứng đắc trạng thái như vậy*, nghĩa là: sắc biến mất đối với người không có nhận-thức (phi tưởng) thông qua một sự nhận-thức và/hoặc các trường hợp khác mới nói trên, mà đối với người đã đắc được đạo dẫn tới trạng thái vô-sắc, là người đã chứng đắc theo cách được mô tả (trong các kinh) như vầy: "*Với tâm mình đã đạt-định như vậy … người đó hướng tâm mình cho mục đích chứng đắc không vô biên xứ*." [Coi thêm chú thích 1933 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc)]. *Vì những khái niệm do sự phóng tâm đều dựa trên tưởng* (*đều do sự nhận-thức*): Nghĩa là, Phật chỉ ra rằng ngay cả đối với người tu đang tu tập theo cách như vậy, những nhận-thức (tưởng) và những sự phóng-tâm này nọ do dục-vọng (ái) và quan-điểm này nọ (tà kiến) vốn phát sinh từ chúng vẫn chưa được trừ bỏ.].] (874)

[128] [Câu hỏi của vị này là: "Có phải tại điểm này những người có trí và các bà-la-môn cho là sự thanh-lọc cao nhất, hay họ nói khác điều này, ví dụ như họ còn nói về trạng thái nào khác cao siêu hơn những tầng thiền vô-sắc giới?".] (875)

[129] [*Một số người trí ở đây nói rằng tại điểm này đây là sự thanh-lọc của tâm linh [của linh hồn]*: nghĩa là một số sa-môn và bà-la-môn là những người chủ nghĩa bất-diệt (thường kiến), họ coi mình là có trí tuệ (theo niềm tin của họ), họ nói

rằng sự thanh-lọc cao nhất được chứng đắc tại điểm này. *Nhưng một số khác còn nói về một sự chứng-đắc*: nghĩa là trong số họ có một số những người tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến), sợ hãi sự hiện-hữu, ưa thích sự phi hiện-hữu, họ nói về sự diệt-vong là một sự chứng-đắc. [Coi thêm chú thích 1937 thuộc phần 'Chú Thích về "Phần Luận Giảng Về Kinh Tập"' (trong bản gốc)]. (*Họ*) *tuyên bố là* (*họ*) *thiện khéo về điều đó không còn tàn dư*: nghĩa là họ tuyên bố họ là thiện khéo về sự chứng đắc không còn tàn dư.

Nidd I 206–7 chú giải thêm: *Nhưng một số họ, sau khi tuyên bố là thiện khéo/ Có nói về một sự chứng đắc không còn tàn dư*: nghĩa là, một số trong số sa-môn và bà-la-môn là những người tư tưởng diệt-vong, họ ngán ngẫm sợ hãi sự hiện-hữu, họ ưa thích sự phi hiện-hữu. Họ khẳng định đó là sự lặn mất, sự xóa bỏ, sự chấm dứt của một chúng sinh, họ nói rằng: "Khi thân tan rã, khi cái ngã này bị tiêu diệt, hủy diệt và không còn hiện-hữu sau khi chết, tại điểm đó là không còn tàn-dư." *Còn họ tuyên bố* (*mình*) *là thiện khéo*: nghĩa là họ tuyên bố mình là thiện khéo, trí tuệ … theo niềm tin của họ.] (876)

[130] [Nguyên văn chú giải thi kệ này: [*Sau khi đã-biết các* (trạng thái) *này vẫn còn là* "*tùy-thuộc*": nghĩa là, sau khi đã-biết những người giáo thuyết này chỉ là "*tùy thuộc/ phụ thuộc theo những quan-điểm thường kiến hay đoạn kiến*" mà thôi; *Sau khi đã-biết những sự tùy-thuộc, bậc mâu-ni, bậc trạch pháp*: nghĩa là, sau khi đã-biết những sự tùy-thuộc đó, bậc trạch pháp, bậc trí tuệ [tức Phật mâu-ni]; *sau khi đã-biết, đã giải-thoát*: nghĩa là, sau khi đã-biết mọi pháp đều là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. *Bậc trí tuệ không còn đi đến những trạng thái hiện-hữu khác nhau*: nghĩa là: Bậc ấy không còn tái sinh, không tái hiện-hữu.].] (877)

[131] [Giờ Phật nói tiếp các thi kệ này, bắt đầu từ "*Thứ được nhìn thấy, thứ được nghe*" … vân vân, để chỉ ra hành-vi sai trái của những người giáo thuyết này, họ là những người chỉ dính theo một dòng lý giải nào đó, vì làm gì có thật '*nhiều sự thật khác nhau*'. Ở đây, *thứ được nhìn thấy* có chủ ý nhắc lại giáo thuyết chủ trương rằng "*sự thanh-lọc nhờ thứ được nhìn thấy*" … (như đã được nói đến trong kinh **Sn 4.4** kế trên). Cách hiểu tương tự đối với "*thứ được nghe, thứ được cảm nhận, giới-hạnh và giới-cấm*".

Khi ỷ lại những thứ này … người đó thể hiện sự khinh thường: nghĩa là: sau khi đã dựa vào những quan-điểm do suy đoán này (như kinh **Sn 4.4**), (tức sau khi họ cho rằng những thứ đó, những quan-điểm đó, giáo thuyết đó, những cách tu đó là tối thượng): họ thể hiện sự khinh thường, sự thiếu kính trọng đối với đối phương; điều đó càng cho thấy chính bản thân họ là thiếu sự thanh-lọc thôi. (Vì Phật đã nói những quan-điểm, giáo thuyết, cách tu đó không phải là tối thượng; không nên chấp nhất điều gì là tối thượng, ngay cả đó là sự thực hành tốt những giới-hạnh và giới-cấm, như đã được nói nhiều lần trong các kinh ở trên).] (887)

[132] [*Cũng nói giọng kiểu như anh ta*: nghĩa là họ cũng nói theo kiểu của anh ta mà thôi, họ cũng tự cho mình là thiện khéo và cho rằng anh ta là ngu và không thiện khéo. Nghĩa nôm na có lẽ là: *Chỉ dựa vào quan-điểm của mình*, anh ta chê người khác là kẻ ngu, rồi tự xưng mình là tài giỏi, khinh thường những người khác, mà những người đó cũng là những người *chỉ dựa vào những quan-điểm riêng của họ*, cũng tự xưng họ là tài giỏi, cũng chê anh ta là kẻ ngu và khinh thường anh ta. *Cứ theo tuần tự phân bố* (xếp hàng, chia nhau, thay phiên nhau), những người kiến-chấp lần lượt dựa theo quan-điểm và tà-kiến do suy đoán của mình khẳng định điều mình nghĩ là đúng, chê bai người khác là kẻ ngu. Rồi những người khác cũng lần lượt làm như vậy, vì tất cả họ *cũng giống nhau một kiểu như người trước*, cũng chỉ dựa vào quan-điểm và sự suy-đoán của mình mà khẳng định và chê người khen mình mà thôi.] (888)

[133] [Nghĩa thi kệ này có lẽ là: (i) Nếu mình tranh cãi và chê đối phương là kẻ thiếu trí, *chỉ dựa vào quan-điểm của mình* rồi đi chê bai người khác, thì do vậy mình cũng chỉ là người thiếu trí mà thôi. (ii) Còn nếu mình (hay đối phương) cho mình là một bậc thầy hiểu-biết (tri sư), một bậc trí, vậy thì đâu có ai là kẻ ngu trong số những sa-môn đang tranh cãi lẫn nhau: Bởi vì tất cả đều giống nhau mà, tất cả đều bám trụ cư trú quan-điểm của mình và tranh cãi và chê bai những người khác và những quan-điểm của họ: **tất cả họ đều giống kiểu nhau**. Vì vậy nếu ai nói các đối phương là thiếu trí thì người đó cũng giống họ mà thôi. Nếu ai tự xưng là bậc trí vậy thì số còn lại cũng đều là bậc trí mà thôi, vì tất cả họ đều hành xử và kiến chấp theo một kiểu giống nhau. – (Tên kinh có thể tạm dịch là *Sự Phân Bố* hoặc *Sự Xếp Hàng*, vì tất cả những người với những kiến-chấp của họ phân bố khắp nơi, giống như sự dàn binh bố trận vậy).] (101)

[134] [Nghĩa là: Ở trên đời, trong mọi lĩnh vực, người ta khi tranh chấp hoặc ngay cả khi không tranh chấp, họ thường nói: "*Những điều nào khác với điều này coi như là khiếm khuyết, hủ lậu, sai lầm*", vì ai cũng cho điều mình nói, quan-điểm và giáo thuyết của mình mới là đúng. Và khi họ đã nói vậy thì coi như họ đã thất bại, họ không được thanh-lọc gì cả về tâm tinh và trí tuệ.] (892)

[135] [Chú giải ghi rằng: *02 quả của sự tranh chấp/ tranh cãi* là sự khen và chê hay thắng và thua. *Giai đoạn* (*thời*) *không tranh chấp mới là sự an-toàn*: Niết-bàn được gọi là *giai đoạn không còn tranh chấp*, mới là sự an-toàn.] (896)

[136] [*Ý-kiến* là đồng nghĩa: kiến, quan-điểm, kiến chấp. *Thường tình thế tục*: được phát sinh hay khởi sự từ những người thế tục. *Khi mình không chấp nê theo thứ được thấy, thứ được nghe*: nghĩa là, khi người đó không có cảm tình hay ưa thích [mấy giáo thuyết cho rằng] '*sự thanh-lọc nhờ thứ được nhìn thấy, được nghe*', hay '*chỉ nhờ giới-hạnh và giới-cấm*', như đã nói trong kinh trước.] (897)

[137] [Trong số những người coi giới-hạnh và giới-cấm là tối thượng (để có

được sự thanh-lọc), có thể có người đang tu tập theo cách đó bị rớt khỏi giới-hạnh hay giới-cấm. *Khi người đó bị rớt khỏi giới-hạnh và giới-cấm* do bị cản trở bởi người khác hay do bản thân mình không có khả năng trì giữ các giới-hạnh hay giới-cấm, thì do vậy *người đó run rẩy vì mình đã thất bại trong hành-động của mình*, tức trong hành-động về *giới-hạnh và giới-cấm* hay hành-động trong những việc mình cố ý hành động (tu, thực hành) để tạo công đức, vân vân. Và không chỉ run rẩy mà người đó còn *khao khát và mong mỏi sự thanh-lọc* thông qua pháp tu trì giữ *giới-hạnh và giới-cấm*, và cứ than vãn về điều đó. Khao khát như kiểu gì? *Giống như kẻ lữ hành đã lạc khỏi đoàn lữ hành của mình*: là giống như người đang ở xa nhà đã lạc khỏi đoàn lữ hành của mình giờ đang khao khát mong mỏi được về nhà hay gặp lại đoàn lữ hành của mình.] (899)

138 [Thi kệ này nói về thánh đệ tử sau khi đã dẹp bỏ hết tất cả *giới-hạnh và giới-cấm*, vốn là nguyên nhân làm cho người chủ trương '*giới-hạnh và giới-cấm là tối thượng*' bị run rẩy. Ở đây, *đáng trách và đáng chê* là chỉ: tất cả mọi điều bất thiện và điều thiện thuộc thế tục. *Không còn khao khát sự thanh-tịnh hay không thanh-tịnh*: nghĩa là, không khao khát sự thanh-tịnh trong 05 dây dục-lạc, vân vân, và sự không thanh-tịnh được phân biệt thành những điều bất thiện, vân vân. *Người tu nên sống tách-biệt* khỏi (buông bỏ, không chấp) sự thanh-tịnh và sự không thanh-tịnh. *Không nắm chấp sự bình-an*: nghĩa là, đã không nắm chấp một quan-điểm nào cả, (không chấp một quan-điểm nào là tối thượng và bình an hay tối thượng).] (900)

139 [Sau khi đã chỉ ra (i) sự khổ sở run rẩy của những người ngoài đạo—là những người có quan-điểm cho rằng sự tu '*giới-hạnh và giới-cấm là tối thượng*', và (ii) những người khác có quan-điểm '*sự thanh-lọc có được bằng sự tự-chủ* (*kiềm chế*)'—và (iii) sau khi đã chỉ ra phẩm hạnh của bậc A-la-hán trong thi kệ kế trên, là những vị đã dẹp bỏ sự chấp nhất '*giới-hạnh và giới-cấm*', bây giờ (iv) Phật nói tiếp thi kệ này về những những sa-môn và bà-la-môn khác thì cố chấp quan-điểm tu tập: "*Dựa theo sự khổ hạnh và sự cẩn trọng tỉ mỉ*", nghĩa là: sự hành xác khắc khổ hướng tới sự bất-tử; hoặc (v) những người khác nữa có quan-điểm "*cứ chạy tới trước*", nghĩa là: họ có quan-điểm *không-làm-gì-cả* (vô tác), rằng cứ để mặc bản thân *tiến tới* và tiến qua hết vòng luân-hồi thì sẽ đến lúc được thanh-lọc, hết nghiệp, và giải thoát; (giống như kiểu cứ thả cuộn chỉ chạy tới, khi nào nó chạy hết là hết chỉ trong cuộn thôi; hết chỉ là cái cuộn được giải thoát thôi); trong khi đó họ không chịu tu tập thiền tập và do vậy họ *không loại bỏ dục-vọng với các cõi hiện-hữu [hữu ái] khác nhau, mà họ lại tuyên bố sự thanh-tịnh*, cứ phó mặc với tư tưởng khi nào sống chết qua hết vòng luân-hồi thăm thẳm thì sẽ được thanh-tịnh, được giải-thoát, không cần phải tu tập chuyển hóa gì gì cả.] (901)

[140] [*Những dòng chảy-vào* (= lậu hoặc, ô nhiễm) *thuộc quá khứ* là chỉ *năm uẩn thuộc quá khứ*. Và không tạo năm-uẩn mới nghĩa là hết tái sinh. *Hết hổ thẹn về mình*: tức tâm không còn thấy hổ thẹn hay hối tiếc về những điều mình đã làm hay chưa làm được. *Không còn chiều theo dục*: nghĩa là không còn bị dính dục, đã diệt dục. *Cũng không phải một người duy giáo điều*: tức không phải người còn một trong 10 quan-điểm do suy đoán (như: *thế giới là bất diệt … Như Lai không hiện-hữu cũng không phải không hiện-hữu sau khi chết*). (913)

[141] [*Lánh xa khỏi tất cả các pháp*: *Tất cả các pháp* ở đây có nghĩa là tất cả những giáo lý của *62 loại tà-kiến*. Xa lánh *khỏi mọi thứ được nhìn thấy* … nghĩa là vị đó đã đạt sự chứng ngộ khác-biệt theo cách như vậy. *Không buông theo [chiều theo, đi theo] những sự tạo-tác của tâm*: nghĩa là không còn tạo ra 02 loại sự tạo-tác của tâm {tức (i) *sự tạo-tác của tâm do dục-vọng* (tâm hành do tham-ái) và (ii) *sự tạo-tác của tâm do quan-điểm này nọ* (tâm hành do tà-kiến)}. *Không kiêng-khem*, nghĩa là: không giống những người phàm và các học-nhân, vị ấy không còn [yếu-tố] *kiêng-khem*, tức không còn phải kiêng-khem, kiêng-cữ, tu-giới *để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được* (bởi vì phần tu-giới thì bậc mâu-ni đã tu xong, đã chứng ngộ, đã làm xong); *không mong-cầu*: là không còn dục-vọng (ái tận). -(Chữ *kiêng-khem* là người dịch Việt tạm dịch theo nghĩa chú giải của PJ II 914 và **Nidd** I 248 ở trang 1167-1168 bản gốc tiếng Anh).] (914)

[142] [Nhân duyên bối cảnh kinh này cũng giống như được ghi trong chú thích 7, kinh **Sn 2.13** ở trên. Khi biết các thiên thần khởi sinh câu hỏi này, để giải đáp cho họ Phật cũng tạo ra một '*vị Phật được tạo bằng-tâm*' để đặt câu hỏi, và Phật trả lời.] (915)

[143] [Chú giải cho rằng: *bên trong*: là những phẩm chất tốt của mình, như giai cấp tốt của mình …, còn *bên ngoài*: là những phẩm chất tốt của vị thầy hay đạo sư của mình. *Không nên cố chấp*: là không nên cố chấp hay tự mãn, ngã mạn, tự hào hay ỷ lại hay tin vào những phẩm-chất đó. *Không được bậc chân thiện gọi là sự làm nguội-tắt [tịch diệt]*: nghĩa là không được gọi là sự thổi-tắt (sự tắt ngấm, sự nguội mát, sự làm tịch tịnh, sự tịch diệt) bởi những vị Phật, những thánh đệ tử, Phật Duyên Giác.] (917)

[144] [Nghĩa là: do bị ảnh hưởng bởi những phẩm chất đó (như giai cấp, phẩm cấp của mình) cho nên một người thường có thói tâm *định vị bản thân mình* (là từ giai cấp cao đó hay bằng ai hơn ai). Giờ Phật nói phải nên dẹp bỏ thói tâm bất thiện đó.] (918)

[145] [*Chính ở bên trong mình mới đạt được sự bình-an*: nghĩa là, phải loại bỏ những ô-nhiễm (lậu hoặc) của mình thì mới đạt được *sự bình-an* thực thụ; *không tìm kiếm sự bình-an qua người khác*: không nên lơ là hay rời xa sự tu tập '*bốn nền-tảng chánh-niệm*' (tứ niệm xứ) hay đi tu tập theo những pháp môn không phải của Phật, của ngoại giáo. *Không còn chấp lấy*, *cũng không*

phản bác điều gì: nghĩa là, không còn chấp lấy quan-điểm nào (không còn kiến chấp), và do vậy *cũng không phản bác* là không còn tranh cãi hay tranh chấp quan-điểm (kiến, ý-kiến) nào đúng hay sai.] (919)

[146] [Nguyên nhân kinh này. Trong toàn bộ phần chú giải (*rất dài!*) về hoàn cảnh nguyên nhân của *Kinh* "*Du Hành Chân Chính*" (**Sn.II.13**) ở Chương 2: ở phần sau (từ cuối trang 837 bản gốc của TKBĐ) có thuật lại luôn chuyện lúc đó đã phùng phát sự tranh cãi giữa những người dân nước Thích-Ca (Sakya) và dân nước Câu-lợi (Koḷiya) về nguồn nước sông. Sau khi biết chuyện này, Đức Phật đã nghĩ: "Những người thân tộc của ta đã phát khởi sự tranh cãi. Vậy ta hãy kiềm chế họ." Rồi Phật đã xuất hiện từ không trung, đứng giữa quân đội của 02 bên, và Phật đã với họ với nội dung là bài kinh này.] (915)

[147] [Nguyên văn chú giải: [Nghĩa của thi kệ đầu tiên là: Sự sợ-hãi nào đã khởi sinh trong thế gian, dù thuộc về hiện tại (kiếp này) hay thuộc về tương lai (kiếp sau), tất cả *sự sợ-hãi* đó *đã khởi sinh từ người cầm gậy gộc*: nó đã khởi sinh vì hành-vi sai trái (tà hạnh) của chính mình. *Nhìn thấy người dân tham gia vào cuộc xung đột*: nghĩa là, nhìn thấy những người nước Thích-ca và những người nước Câu-lợi đang nhào vô cuộc xung đột đánh nhau, hãm hại và đàn áp nhau. Sau khi đã chỉ trích họ đang *thực hành sai trái* và hung bạo với nhau, và để phát khởi trong lòng họ một '*cảm-nhận về sự cấp-bách*' bằng cách chỉ ra đâu là *sự thực hành đúng đắn*, Phật đã nói: *Ta sẽ nói cho các người về* '*cảm-nhận về sự cấp-bách*' *của ta*, về *cách mà ta đã bị khấy động bởi một* '*cảm-nhận về sự cấp-bách*': Ý Phật muốn nói đó là (từ kinh nghiệm) "trong quá khứ, khi ta còn là một Bồ-tát".] (935)

- **Nidd** I 297–98: *Sự sợ-hãi đã khởi sinh từ người cầm gậy gộc*: Có 03 loại gậy gộc [= sự bạo-lực], đó là: *bạo-lực bằng thân*, *bạo-lực bằng lời-nói*, và *bạo-lực bằng tâm*. Trong đó, *bạo-lực bằng thân*: chính là 03 loại hành-động sai trái (tà nghiệp); *bạo-lực bằng lời-nói*: 04 loại lời-nói sai trái (tà ngữ); bạo-lực bằng tâm: 03 loại tâm-ý sai trái (tà tư duy).] (935, **Nidd** I 297–98)

[148] [*Cả thế gian khắp nơi*: là tính tất cả từ địa ngục trở lên (tới mọi cõi, mọi xứ, mọi giới, mọi cõi trời, mọi cảnh giới). *Phi thực chất* hay *vô thực* nghĩa là vô-thường, không có bản chất thường hằng bất biến hoại nào, không có gì là thực chất, tất cả đều giả tạm, hư ảo, có mất. *Tất cả mọi phương đều hỗn loạn*: đều bị rung chuyển tác động bởi sự vô-thường. *Mong muốn một nơi trú ẩn cho mình*: muốn có một nơi nương tựa, nơi an toàn, nơi trú ẩn; (*nhưng*) *không thấy [chỗ nào] chưa bị chiếm ngự* bởi sự sinh, già, chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền và tuyệt vọng (sinh, lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não).] (937)

[149] [Nghĩa là: sau khi đã nhìn thấy sự thù nghịch vẫn luôn còn cho đến cuối, như sau thời trẻ phải đến già vẫn là sự thù nghịch già, hết khỏe đến bệnh, hết sinh đến tử, vẫn là sự thù nghịch, vì vậy mới khởi sinh *sự bất mãn* trong lòng.

Mũi tên ở đây: tức mũi tên của tham, sân, si, vân vân trong chúng sinh. *Nằm ở trong tim*: nghĩa là ở trong tâm.] (938)

[150] [*Thứ cũ*: là (thân) năm uẩn quá khứ, gồm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. *Thứ mới*: năm uẩn hiện tại; không nên *thích thú*, *ưa thích* những thứ có điều-kiện (hữu vi) vì dục-vọng và quan-điểm (ái và tà kiến) của mình, rồi chấp-thủ theo chúng. *Không nên buồn sầu về thứ đang sút giảm*, tức đang giảm đi, đang biến diệt, đang biết mất, đang diệt (như thân, sau khi sinh, dù lớn lên hay đẹp đẽ rồi cũng xấu xí, suy giảm, già, bệnh, chết; đó là quy luật tất hữu, không nên buồn sầu về điều đó); *sự hấp dẫn*: chính là dục-vọng (ái).] (944)

[151] [*Dòng lũ lớn* theo nghĩa đang nhấn chìm người; *thác đổ* theo nghĩa ập tới, tấp liên tục; *sự thèm-muốn* theo nghĩa luôn muốn 'Này là của-ta, kia là của-ta'; *căn cứ* hay cơ sở, theo nghĩa nó là khó rời bỏ, khó buông bỏ; *sự ép buộc* theo nghĩa sự thúc đẩy, động lực, sự thôi thúc. *Đầm lầy của dục* là đầm lầy của tham-dục, của những ô-nhiễm do tham-dục (dục lậu).] (945)

[152] [*Không còn tùy-thuộc*: nghĩa là, sau khi đã trừ bỏ sự phụ-thuộc vào dục-vọng (ái) và đã từ bỏ sự phụ-thuộc vào những quan-điểm (tà kiến) này nọ; vị đó không còn tùy-thuộc theo mắt, tai, mũi, lưỡi, thân … không còn tùy-thuộc theo thứ được nhìn thấy, được nghe, được cảm nhận.] (947)

[153] [*Những gì thuộc về quá khứ*: là những nghiệp quá khứ và những ô-nhiễm sẽ khởi sinh đối với những thứ có điều-kiện (hữu vi) trong quá khứ. *Không còn gì về sau*: là không còn tham, sân, si, vân vân sẽ khởi sinh đối với những thứ có điều-kiện trong tương lai. *Nếu không nắm giữ ở-giữa*: nghĩa là không nắm chấp các hiện-tượng (pháp hữu vi) trong hiện tại như sắc thân … thì *sẽ sống trong bình-an*.] (949)

[154] [*Ở đâu cũng như vậy*: là chỉ sự buông-xả, mọi lúc mọi nơi người đó đều buông-xả; *đó là ích-lợi* cho người đó: là người không cay đắng (ghen tức), không tham lam, không xung động, mọi lúc đều bình tâm như vậy.] (952)

[155] [Và tiếp theo, thi kệ này nói: "*Đối với người không xung-động*", tức không còn động lực nào của tham, sân, si, vân vân. Ở đây, *sự kích-hoạt* (*nisaṅkhiti*): là hành vi cố ý trong số những hoạt động công đức có cố ý, vân vân. Bởi vì nó được gọi là *sự kích-hoạt* vì nó được kích hoạt hoặc do nó kích hoạt. *Sự khởi-sự*: là chỉ sự khởi sự những hoạt động công đức cố ý, vân vân. *Người đó nhìn thấy sự an-toàn mọi lúc mọi nơi*: nghĩa là người đó không còn sợ-hãi ở bất cứ đâu.

- (Nhân tiện, về *sự khởi-sự* (*ārambha)*: mời đọc lại chú thích 43 ở thi kệ 744, kinh **Sn.III.12** ở Chương 2I ở trên).] (953)

[156] [Kinh này còn được gọi với tên là "*Kinh Về Những Câu Hỏi Của Vị Trưởng Lão*".] (955)

[157] [Nguyên văn chú giải: [Ở đây, *chưa từng trước đây*: nghĩa là, trước khi (Phật) hạ thế xuống trần gian ở thành Saṅkassa. *Có lời thuyết giảng đáng mến như vậy*: nghĩa là, có lời nói đẹp đẽ, giọng nói hay như vậy; *người dẫn đoàn, đã đến từ cõi trời Đâu-suất* (*Tusita*): Phật được cho là đã đến từ cõi trời Đâu-suất bởi vì ngài đã nhập vào thai mẹ (ở cõi người) sau khi qua đời ở cõi trời Đâu-suất. Phật (được gọi) là "*người dẫn đoàn*" bởi vì Phật là vị thầy (đạo sư) của một đoàn người (như tăng đoàn, quần chúng).]

- (Trong các kinh thường gọi) Phật là "*người dẫn đầu đoàn lữ hành*" để dẫn dắt họ (chúng sinh) vượt qua những sự hoang-dại và hiểm-họa trong thế gian. Những sự hoang-dại và hiểm-họa là 'sinh, già, bệnh, chết', là những tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, lậu hoặc, và tà hạnh ác hành).] (955, **Nidd** I 334–35)

[158] [Nguyên văn chú giải: [*Là Bậc Tầm-Nhìn [Kiến Nhãn] được nhìn thấy trong thế gian có những thiên thần của nó*: nghĩa là, Đức Phật được nhìn thấy trong loài người *cũng giống như* [Phật đã từng được nhìn thấy] trong cõi có những thiên thần … *Bậc Tầm-Nhìn [Kiến Nhãn]*: hàm nghĩa Phật có tầm-nhìn tối thượng. *Một mình*: nghĩa là, một mình theo đường lối đã định trước để xuất-gia tu hành và giác ngộ ytong cõi người, vân vân. *Niềm vui-thích*: là niềm vui thích sự xuất-gia để tu hành và giác ngộ, vân vân.] (956)

[159] [Chú giải: *Thay mặt cho số đông ở đây vốn đang bị trói-buộc*: nghĩa là, thay mặt cho nhiều học trò, chẳng hạn như những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) … vân vân, cho những học trò được cho là đang "*bị trói-buộc*" bởi vì họ sống phụ thuộc theo những đạo sư của họ.] (957)

[160] [*Chán-ngán*: nghĩa là, ngán ngẫm, nhàm chán, ghê sợ bởi "sự sinh, già, bệnh chết, sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não)"; *một chỗ ngồi vắng vẻ*: chỗ ngồi tách ly, ẩn dật; *nhiều chỗ trú ngụ khác nhau*: là những chỗ trú ở ít hay nhiều tiện nghi, tốt, xấu khác nhau, chẳng hạn như các tịnh xá, tu viện hay chỗ trú khác nhau. *Bao nhiêu trở-ngại*?: nghĩa là, bao nhiêu tại họa, khổ nạn?; *miễn chưa đến được*: là chỉ Niết-bàn, vì Niết-bàn là (người tu, học nhân) chưa đến được hay viếng thăm từ trước giờ. (959-960)

[161] ["*Hạnh được giới biên*" là tạm dịch chữ gốc Pāli là "*sapariyantacārī*": có nghĩa là "*hành-vi/ đời sống được giữ trong phạm vi/ giới biên*" của (i) *sự kiềm-chế bằng giới-hạnh* (trì giới), (ii) *sự kiềm-chế các căn cảm-nhận* (phòng hộ sáu căn), (iii) *sự tiết-độ trong ăn uống*, (iv) *sự luôn hết-mình vì sự tỉnh-thức* của người tu. (04 sự này chính là phạm vi hay giới biên mà một Tỳ kheo không phá rào vi phạm trong đời sống [phạm hạnh] của mình!). *Gặp người* (*xấu*): gặp kẻ cướp, tội phạm trốn trong rừng, thổ phỉ, băng đảng, giặc giã.] (964, **Nidd** I 364–65)

[162] [*Chú ý về thiền định*: nghĩa là luôn *để ý, ý định, để tâm*, luôn *chuẩn bị và tu tập* các tầng thiền định (jhana); chẳng hạn người tu chuyên-chú thì luôn để ý

mình chưa chứng Nhất thiền, Nhị thiền … thì phải tinh cần tu tập mỗi ngày hoặc cần phải tu tập để chứng tầng thiền định cao hơn, vân vân. *Nên cắt đứt sự hối-tiếc và khuynh-hướng sinh ý-nghĩ*: *Khuynh-hướng sinh ý-nghĩ* là khuynh-hướng luôn nghĩ ngợi này nọ, tức khuynh-hướng dẫn tới những ý-nghĩ này nọ trong tâm, hoặc thói tâm (tập khí) luôn có ý-nghĩ này, ý-nghĩ nọ. Nó rõ hơn đó là: (i) *09 loại ý-nghĩ bất thiện khéo*: [ý nghĩ tham dục, ý nghĩ ác ý, ý nghĩ hung dữ, ý nghĩ về người thân gia đình, ý nghĩ về quê hương xứ sở, ý nghĩ về những đấng (thần thánh) bất tử, ý nghĩ liên quan tới sự quan tâm lo lắng cho những người khác, ý nghĩ về 'lợi, danh, cung kính', và ý nghĩ về sự không bị khinh thường]. (ii) Những nhận-thức về dục (dục tưởng) là khuynh-hướng dẫn tới ý nghĩ tham dục, nhận-thức ác ý là khuynh-hướng dẫn tới ý nghĩ ác ý, nhận-thức hung dữ là khuynh-hướng dẫn tới ý nghĩ hung dữ. (iii) Hoặc sự vô-minh … sự chú-tâm không kỹ càng không khôn khéo (phi như lý tác ý) … sự tự-ta (ngã mạn, cái ta-là) … sự không biết xấu-hổ về mặt lương tâm (không tàm) … sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái về lương tâm (không quý) … sự bất-an cũng là một khuynh-hướng sinh ý-nghĩ.] (972, **Nidd** I 379-380)

163 [*Nếu bị khiển trách bằng lời nói, một người có chánh-niệm nên đón nhận chúng*: nghĩa là, khi bị khiển trách bằng lời nói bởi sư phụ, sư huynh hay đồng đạo hay người khác thì nên có chánh-niệm (để tiếp thu), nên đón nhận những lời khiển trách đó (chứ không nên phớt lờ hay phản bác). *Nên nói lời nói thiện lành*: nghĩa là, nói lời nói xuất phát từ sự-biết (chứ không nói theo thói quen, nói không đúng thực với sự-biết của mình, nói cho có, nói theo kiểu rập khuôn bắt chước, nói ba phải, xu nịnh thế lực cửa quyền); *nhưng không nói quá mức*: nghĩa là, không nói quá những giới-biên hay giới-hạnh cho phép, ví dụ không nói quá giới hạn thời gian cho phép và quá giới hạn của giới-luật. *Không nên cố ý [nói lời] có thể bị người ta quở trách*: nghĩa là, không nên phát khởi ý-định nói ra điều gì hay chuyện gì (hay nói bậy bạ, phàm tục, phạm giới) có thể bị người ta quở trách (chỉ trích, chê cười).] (973)

164 [Nguyên văn chú giải: [Rồi, thi kệ này nói rằng, một người tu tập tiến dần để "*loại bỏ dục đối với* (*năm*) *thứ đó [này]*": tức là loại bỏ dục và tham đối với 05 thứ là sắc, thanh, hương, vị, và (đối-tượng) chạm xúc. *Đang chân chánh trạch Pháp* (= đang điều tra tìm hiểu Giáo Pháp một cách chánh đúng) *vào lúc thích hợp*: nghĩa là, vào các thời được mô tả như: "*Khi tâm bị bất-an, đây là lúc cho* (*để đạt*) *sự định-tâm [sự vắng-lặng]*"—vào thời đó, điều tra để thấy tất cả những thứ có điều-kiện (các pháp hữu vi) đều là 'vô-thường, khổ, và vô ngã'; *hợp-nhất*: nghĩa là tâm (đạt định) nhất-điểm (trong thiền định); *người đó nên hủy diệt sự u-tối*: nghĩa là, người đó nên tiêu diệt [trừ bỏ, xóa bỏ, xua tan, kết thúc …] tất cả bầu u-tối của sự ngu-mờ, si-mê, vô-minh, vân vân. Không còn nghi-ngờ về điều này.] (975)

- (Nghĩa thêm là:) Nên tiêu diệt [trừ bỏ …] bầu u-tối (vô minh) của tham, sân, si, của sự tự-ta (ngã mạn), của những ô-nhiễm (lậu hoặc), của tà hạnh ác hành, của tất cả mọi thứ gây ra sự mù-quáng, sự thiếu tầm-nhìn (kiến nhãn), sự thiếu sự-biết (thiểu tri); tất cả những thứ vốn cản trở trí-tuệ, đưa đến khổ-đau, và không dẫn tới Niết-bàn.] (975, **Nidd** I 386)

165 [Hoàn cảnh nhân duyên bài kinh này được chú giải rất dài, từ trang 1221-1226 trong bản gốc. Người dịch chỉ trích và tóm lược một đoạn, có nội dung đại ý như vầy: [Bāvari là con trai của quan chẩn tế của Vua Mahākosala (Đại Kiều-tất-la), là vua cha của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) sau đó. Bāvari, có ba tướng tốt của bậc vĩ nhân, là một bậc thầy Ba Kinh Vệ-đà; và sau khi cha của anh mất, anh nối nghiệp trở thành quan chẩn tế mới. Thời đó có 16.016 môn sinh đã tái sinh trong địa phương thành Savatthi (Xá-vệ) trong những gia đình ở đó. Trong số đó có 16 môn sinh lớn tuổi hơn đã học trực tiếp từ đạo sĩ Bāvari, còn 16.000 môn sinh là học theo 16 người đó.

- Đến khi vua cha Mahākosala qua đời, và Vua Pasenadi được nối ngôi, thì đạo sĩ Bāvari vẫn tiếp tục làm quan chẩn tế. Vua Pasenadi ban cho đạo sĩ Bāvari nhiều của cải do chính cha mình để lại, bởi vì nhà vua khi còn trẻ cũng là học trò của đạo sĩ Bāvari. Rồi tới một lúc sau, đạo sĩ Bāvari nói với nhà vua rằng mình muốn xuất gia lánh đời để tu. Nhà vua không chịu. Sau đó nhà vua đã cấp khu vườn Hoàng Gia làm khu tịnh xá lớn gần kinh thành, chu cấp đầy đủ những tiện nghi vật dụng để cho đạo sĩ Bāvari và 1,616 môn sinh đó cư ngụ và tu học, để cho nhà vua có thể gặp được ông vào mỗi buổi tối và sáng hôm sau.

- Rồi sau đó, các học trò của ông đã góp ý rằng việc tu học gần nơi kinh thành đông đúc là khó yên tịnh, và muốn vị đạo sư dời đến chỗ nào không có dân cư để yên tĩnh tu học. Đạo sĩ Bāvari báo cho nhà vua, nhà vua đã từ chối 03 lần nhưng không được, sau đó vua cũng chiều theo ý ông. Nhà vua đưa 200 ngàn tiền đồng cho 02 quan triều đi tìm khu đất nào mà những bậc kiến-giả (rishi) đã ưa thích cư ngụ trong quá khứ, và lập một tịnh xá ở đó để cho đạo sĩ Bāvari sống tu ẩn dật.

- Trong hội đồng kết tập kinh điển lần thứ nhất, sau khi nói về chuyện này, Ngài Ananda, sau khi thiết lập phần *Dẫn Nhập* cho "*Chương [V]: Con Đường Vượt Qua Bờ-kia*" (Đạo Đáo Bỉ Ngạn) của tập Kinh Tập này, và từ chỗ này ngài bắt đầu tụng đọc *Các Thi Kệ Dẫn Nhập* này.].] (976)

166 [Ở đây: *một kinh thành của dân Kosala*: chính là kinh thành Sāvatthī (Xá-vệ). *Trạng thái không-có-gì*: là tình trạng vô sở hữu, sự tách-ly khỏi những thứ sở hữu và hàng hóa đồ đạc.] (976)

[167] [Nghĩa là: ông Ajita đến trú ngụ ở một vùng *gần bên* những lãnh địa của 02 vị lãnh vương người Andhaka, đó là Assaka và Aḷaka; nghĩa ở đây muốn nói vùng ông đang ở là nằm giữa 02 lãnh địa đó. Nói rõ hơn: địa điểm là chỗ Sông Godhāvarī phân thành 02 dòng và tạo thành một vùng cồn đảo ở giữa rộng cỡ 03 do-tuần (*yojana*) được bao phủ bởi rừng cây trái quách (trái táo gỗ); nơi này thời cổ xưa trước đó vị Bồ-tát (tiền kiếp của Phật) tên là Sarabhaṅga [trong kinh *Chuyện Tiền Thân* (*Sarabhaṅga Jātaka*)] và những người khác đã sống. Tương truyền rằng, sau khi nhìn thấy vùng đảo đó, đạo sĩ Bāvari đã nói cho các quan triều: "Đây là chỗ cư ngụ kiếp xưa của những sa-môn; chỗ này thích hợp cho những ai đã xuất gia." Để lấy vùng đất này, các quan triều đã trả cho lãnh vương Assaka và lãnh vương Aḷaka mỗi người 100 ngàn đồng tiền. 02 vị lãnh vương giao vùng đất cho các quan triều và giao thêm 02 do-tuần nữa, tổng cộng đất giao rộng 05 do-tuần. Cái vùng đang nói này là *nằm giữa và giáp biên với 02 lãnh địa* của 02 vị lãnh vương đó. Ở đó các quan triều đã cho xây một ẩn xá (tịnh xá). Rồi họ đưa thêm tiền từ kinh thành Sāvatthī (Xá-vệ), cho dân chúng cư ngụ trong một ngôi làng gần đó (mỗi ngày) đến đó để cúng dường thức ăn cho các đạo sĩ (sa-môn) đó rồi quay về làng.

- *Bằng phương tiện lượm nhặt và trái cây*: nghĩa là, sống bằng cách đi lại để lượm lặt (đồ ăn) và bằng củ quả trái cây trong rừng.] (977)

[168] [Nghĩa là: Thu nhập phát sinh trong làng đó từ nông nghiệp và các nghề khác lên tới cả 100 ngàn tiền đồng. Sau đó những điền chủ đã đến gặp lãnh vương Assaka để dâng khoản thu nhập này cho ông. Nhưng ông không nhận và nói: "Ta không nhận nó. Hãy đưa cho vị đạo sư." Vị đạo sư Bāvari cũng không nhận lấy cho mình mà ông dùng khoản tiền đó để tổ chức một cuộc đại tế lễ để cúng tế nhiều đồ vật. Theo cách như vậy ông ta tổ chức lễ cúng tế bố thí nhiều thứ đồ vật hàng năm.] (978)

[169] [*Những vỏ-bọc* là tạm dịch theo nghĩa là *những [lớp-bọc, màn-bọc, lớp-che, vỏ-ngoài, màn-che, ngụy-trang]*; chữ này hàm nghĩa chỉ *07* hoặc *05 loại ô-nhiễm*, như sau: Trong kinh **AN 4:40**, ở đầu thi kệ thứ hai có câu [*lột bỏ những vỏ-bọc*] và chú thích số 317 ngay đó, phần chú thích rất dài, xin trích 02 đoạn:

{- Do **Mp** [khi luận giải về kinh **AN 4:40**] đã không đưa ra lời chú giải về thuật ngữ này, cho nên tôi phải dựa vào chú giải về bộ kinh dài **DN** (Trường kinh bộ) là chỗ **Sv** I 250,34–251,3 có ghi như vầy: ["*Vivaṭṭacchado* (nghĩa là)*: Ở đây, sau khi đã sinh vào thế gian, người đó sống sau khi đã hoàn toàn lột bỏ [loại bỏ] lớp vỏ-bọc trong thế gian* (*loke taṃ chadanaṃ vivaṭṭetvā*), *trong bóng tối của những ô-nhiễm được bao bọc bởi 07 vỏ-bọc* (*chadanehi, màn-che, lớp-bọc*) *đó là: [tham, sân, si, ngã-mạn, tà-kiến, vô-minh, và tà-hạnh.*"].}

{- Còn bên chú giải cổ điển *Cūḷaniddesa* (*Tiểu Diễn Giải*), khi chú giải về thi kệ **Sn 1147** ở cuối tập *Kinh Tập*, thì ghi: ["*Vivaṭacchado*: Có *05 loại vỏ-bọc* (*chadanāni*)

đó là: *dục-vọng* (ái), những quan-điểm này nọ (*kiến*), *những ô-nhiễm (lậu hoặc)*, hành-vi sai trái (tà hạnh) và sự vô-minh. Tất cả 05 loại vỏ-bọc này đã bị lột bỏ bởi Đức Phật; chúng đã bị hủy diệt, bứng bỏ, trừ bỏ, tẩy sạch, đã được làm không còn tái khởi sinh, đã bị đốt sạch bằng lửa trí-biết (minh); do vậy Đức Phật là bậc đã lột bỏ những vỏ-bọc." (1147, 1148, **Nidd** II 251,18–22; bản in **VRI** 204).].}

(▪ Để đọc đầy đủ chú thích về sự mô tả này, mời đọc lại kinh **AN 4:40**, đầu thi kệ thứ hai, chú thích 413.)

(▪ Mời đọc thêm chú thích 853, mục 5 của kinh **MN 91**, và cũng được nói trong kinh **MN 92**, cuối mục 10: ở đó theo bản dịch của TKBĐ và người dịch Việt đã dùng chữ *những lớp-che*, với nghĩa cũng giống như *những vỏ-bọc* được dùng trong tập *Kinh Tập* này.)] (1003)

[170] [Nguyên văn chú giải về câu này: Vì trước kia trong thời kiếp quá khứ họ đã từng xuất gia theo giáo huấn của Đức Phật Ca-Diếp (Kassapa), vì vậy tâm của họ đã tích được *những sự tạo-tác công đức theo thói quen* [tập khí hành công đức] về sự tu-tập về sự đi và sự trở về. (?: người dịch Việt không rõ nghĩa của sự đi và sự trở về ở đây là gì; chú giải về thi kệ 1009 này không giải thích thêm cụm chữ này).] (1009)

[171] [Lời chú giải: *Về sinh cảnh của ngài ấy*: tức của đạo sĩ Bāvari, là đạo sư của họ. Sự hoàn-thiện: nghĩa đơn giản là sự hoàn thành, sự thành tựu. *Những tướng tốt [đặc điểm]*: là tướng (đặc điểm đặc biệt trên thân) của một vĩ nhân. *Ông ta dạy 500 môn sinh* (*học trò*): nghĩa là, bản thân đạo sĩ Bāvari dạy cho 500 môn sinh là những người có bản tính lười biếng và không thông minh (?). *Về giáo lý của chính ông*: nghĩa là, về giáo thuyết và giáo lý mà ông đã theo, tức = giáo lý bà-la-môn giáo, là giáo lý dựa trên Ba Bộ Kinh Vệ-Đà.] (1018-1020)

[172] [Nguyên văn chú giải: [Như vậy tới đây là: sau khi đã nghe các câu trả lời cho 05 câu hỏi của ông, giờ ông đang hỏi thêm 02 câu hỏi còn lại: "*cái đầu*" là gì? và "*sự bể đầu*" là gì? Rồi Đức Phật đã trả lời ông bằng thi kệ: "Hãy biết sự vô-minh là cái đầu". Ở đây, bởi vì vô-minh [= sự không biết Bốn Diệu Đế] là *cái đầu* của vòng luân-hồi (*saṃsāra*), cho nên Phật đã nói như vậy. Vì sự-biết (tri, trí) về con-đường A-la-hán (A-la-hán đạo) được đi kèm bởi "*tín*, *niệm*, *định*, *dục*' đồng khởi sinh để hoàn-thành, và *tấn* (tinh tấn, sự nỗ-lực tu), tất cả đều xảy ra với một mùi-vị, chẻ cái đầu đó, vì vậy Phật mới nói: "*Trí-biết sáng suốt* (*minh trí*) *là sự bể đầu*", và vân vân.].] (1025-1026)

[173] [Chú giải ghi: [Nghĩa là: *ở đó* tại Đền Pāsāṇaka (*Pāsāṇaka Cetiya*), hoặc *ở đó* tại hội chúng đó, hoặc *ở đó* trong nhóm người đi theo ông, ông Ajita hỏi câu hỏi *trước tiên* (nghĩa là: ông là người đầu tiên trong đoàn của ông bắt đầu hỏi Phật

bằng cách nói ra câu hỏi, chứ không phải còn dò hỏi bằng-tâm như trước đó để biết có đúng là vị Phật hay không).].] (1031)

174 [Nguyên văn chú giải: [*Thế giới*: là thế giới (cõi giới, cảnh giới) địa ngục, thế giới cảnh súc sinh, thế giới hồn ma ngạ quỷ thống khổ, thế giới loài người, thế giới thiên thần; thế giới [của] năm uẩn (uẩn giới), thế giới các yếu-tố (giới giới), thế giới các cơ-sở cảm-nhận (xứ giới); thế giới [đời] này, thế giới kiếp sau, thế giới các vị trời (phạm thiên giới), thế giới các thiên thần (thiên giới)—đây được gọi là thế giới. Bởi thứ gì thế giới này bị cản trở, *bị che phủ*, che khuất, che giấu, bao che, bao phủ, bao bọc? *Ngài nói cái gì là chất kết-dính [keo dính] của nó?*: Nghĩa là, cái gì là chất keo kết-dính của thế giới, sự trói dính, sự trói buộc, sự ô nhiễm của nó? Bởi thứ gì mà thế giới bị dính kẹt, bị ô nhiễm, bị dính ố, bị trói buộc, bị trói dính, bị cản trở? *Cái gì là đại hiểm-họa của nó?*: Nghĩa là, cái gì là đại hiểm-họa, sự áp bức, sự bào mòn, tai ách, tai họa của thế giới?].] (**Nidd** II 21)

175 [*Nó không chiếu sáng bởi do sự quá-tham và sự phóng-dật*: nghĩa là, nó không chiếu sáng bởi tính keo-kiệt ích kỷ và sự lơ-tâm phóng dật. Vì sự keo-kiệt ích kỷ không cho phép nó chiếu sáng thông qua những phẩm chất đức hạnh như bố-thí, từ-thiện … vân vân, và sự lơ-tâm phóng dật không cho phép nó chiếu sáng thông qua giới-hạnh … vân vân. *Sự ham-muốn là chất kết-dính của nó*: nghĩa là, *dục-vọng* (ái, tham ái) chính là chất kết-dính với thế gian, giống như keo dính trên bẫy khỉ, bẫy chuột, trói dính chân chúng tại bẫy. *Sự khổ đau là đại hiểm-họa của nó*: tức sự khổ đau của "sinh, già, bệnh, chết" … vân vân.] (1033)

176 [*Dòng-chảy*: là dòng-chảy của dục-vọng (ái, tham ái, ham muốn), vân vân chảy trong tất cả các cơ-sở cảm-nhận (các ngoại xứ) như những hình-sắc, những âm-thanh, mùi-hương … vân vân**.** (1) *Cái gì là thứ ngăn-chặn những dòng-chảy*: nghĩa là, cái gì là sự cản-trở (đối với chúng)? Cái gì là sự bảo vệ khỏi chúng? *Hãy nói về sự chế-ngự:* là sự chế-ngự chúng—là chữ để chỉ sự ngăn-chặn, thứ ngăn-chặn đối với chúng. Bằng câu này, Ajita đã hỏi về "*sự trừ-bỏ còn tàn dư*". (2) *Bằng thứ gì những dòng-chảy bị đóng bít?* Nghĩa là, những dòng-chảy này được cắt đứt, được đóng bít bằng thứ gì? Bằng câu hỏi này, Ajita hỏi về "*sự trừ-bỏ không còn tàn dư*".] (1034)

- *Mọi chỗ*: nghĩa là, trong tất cả các cơ-sở cảm-nhận (6 nội xứ và 6 ngoại xứ). *Dòng-chảy*: dòng-chảy của dục-vọng (ái), những quan-điểm này nọ (kiến, tà kiến), những ô-nhiễm (lậu hoặc), hành-vi sai trái (tà-hạnh), vô-minh. *Đang chảy*: nghĩa là chúng đang chảy "từ mắt tới những hình-sắc nhìn thấy được", "từ tai tới những âm-thanh nghe thấy được" … "từ tâm tới những hiện-tượng thuộc tâm".] (**Nidd** II 25)

177 [*Danh* (phần tâm thần): là *04 uẩn vô-sắc* (thọ, tưởng, hành, thức); *sắc* (phần sắc thân): gồm *04 yếu-tố lớn* (tứ đại; đất, nước, khí, nhiệt).] (**Nidd** II 28)

- [Nguyên văn chú giải: *Chính bằng sự chấm-dứt thức* (*thức diệt*): nghĩa là: (i) *với sự chấm-dứt thức chủ-động cố-ý* [hành thức chủ động] bằng trí-biết của thánh đạo Nhập-lưu, ngoại trừ 07 sự hiện-hữu, thì mọi danh-sắc đã khởi sinh trong vòng luân-hồi (*saṃsāra*) vô thủy cùng lúc chấm dứt ngay tại-đó [biến mất, lặn mất, tiêu mất]. (ii) *Với sự chấm-dứt thức chủ-động cố-ý* bằng trí-biết của thánh đạo Nhất-lai, ngoại trừ 02 sự hiện-hữu, thì mọi danh-sắc đã khởi sinh trong 05 sự hiện-hữu cùng lúc chấm dứt ngay tại-đó. (iii) *Với sự chấm-dứt thức chủ-động cố-ý* bằng trí-biết của thánh đạo Nhất-lai, ngoại trừ 01 sự hiện-hữu, thì mọi danh-sắc đã khởi sinh trong cảnh sắc giới hoặc cảnh vô-sắc giới cùng lúc chấm dứt ngay tại-đó. (iv) *Với sự chấm-dứt của thức chủ-động cố-ý bằng trí-biết của thánh đạo A-la-hán*, thì mọi danh-sắc đã khởi sinh cùng lúc chấm dứt ngay tại-đó. (v) Khi A-la-hán chứng Niết-bàn cuối cùng không còn tàn dư (vô dư ý bát Niết-bàn), *với sự chấm-dứt của thức cuối cùng*, thì trí-tuệ và sự chánh-niệm và danh-sắc cùng lúc chấm dứt ngay *tại đó* (lời kinh gốc thường ghi '*tại đây*' là đồng nghĩa trong tiếng Việt là: *ngay tại đó, tại đó*).] (1037, **Nidd** II 29–30)

[178] [Tới thi kệ này, (i) bằng câu trả lời "*Sự khổ đau là đại hiểm-họa của thế giới*", thì *sự thật về khổ* [Khổ đế, Diệu đế 1] đã được khai mở; (ii) bằng cụm chữ "*những dòng-chảy*" là chỉ ra *sự thật về nguồn-gốc khổ* [Tập đế, Diệu đế 2]; (iii) bằng câu trả lời "*Chúng bị đóng bít bởi trí-tuệ*" là chỉ *sự thật về sự con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ* [Đạo đế, Diệu đế 4]; và (iv) bằng "*đi đến chấm-dứt không còn tàn dư*" là chỉ *sự thật về sự chấm-dứt khổ* [Diệt đế, Điệu đế 3]. Mặc dù Ajita đã nghe được 04 diệu đế theo cách này, nhưng Ajita chưa thành tựu cảnh giới của các thánh nhân. Do vậy trong thi kệ này, ở đây, ông hỏi thêm Đức Phật về những học nhân và vô học nhân. Ở đây "*những người đã thấu hiểu [ngộ] Giáo Pháp*": là những người đã điều tra thấu hiểu thấu suốt theo cách để nhìn thấy lẽ-thực '*vô-thường, khổ, và vô ngã*'; đây là cụm chữ chỉ những A-la-hán (những bậc đã ngộ Giáo Pháp). Còn *những học nhân*: là những (07) hạng còn lại của những thánh nhân vẫn còn đang tu học "Giới, Định, Tuệ", chưa hoặc sắp hoàn thành. Chữ *nhiều hạng* (học nhân) *khác nhau*: tức 07 hạng khác nhau (họ đang ở một trong 07 chặng: thánh đạo và quả Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai, và thánh đạo A-la-hán). *Mong bậc sáng suốt tuyên bố về điều đó*: nghĩa là, khi được con hỏi, ngài là bậc sáng suốt—tức bậc thông tuệ, trí tuệ—hãy nói cho con biết về sự tu-tập của các vị học nhân và các vô học nhân.] (1038)

[179] [Bây giờ, vì người học nhân phải trừ-bỏ tất cả mọi ô-nhiễm (lậu hoặc) bắt đầu từ chướng-ngại (triền cái) *tham-dục*, cho nên Phật đã chỉ ra sự tu-tập của người học nhân là bằng 02 câu đầu: "*Người tu không nên tham lam đối với những dục-lạc*" (*tham lam dục-lạc* hay *tham dục* có nghĩa là *những ô-nhiễm phát sinh từ dục [ham muốn]* (= dục lậu). Rồi trừ-bỏ những phẩm chất như hành-vi sai trái (tà hạnh) vốn làm uế nhiễm cái tâm, cho nên Phật đã nói "*Người tu nên* (*giữ*) *thanh sạch vô uế trong tâm*".

- Nhưng đối với bậc vô học nhân, sau khi đã hoàn toàn tiếp cận tất cả những thứ có điều-kiện (các pháp hữu vi) theo cách nhìn-thấy lẽ thực '*vô-thường, khổ, vô ngã*' … thì họ *đã thiện khéo đối với tất cả mọi hiện-tượng* (*mọi pháp*), và *có chánh-niệm* thông qua *sự chánh-niệm về thân, thọ, tâm, pháp* [tứ niệm xứ]; đó là những người đã chứng ngộ trạng-thái của *một Tỳ kheo* bằng cách đã phá bỏ cái quan-điểm (quan niệm, kiến, kiến chấp) có một *danh-tính cá thể* (như dạng 'linh hồn', 'bản ngã') và những ô-nhiễm (lậu hoặc) khác. Bởi vậy, bằng 02 câu sau: "*Đã thiện khéo đối với tất cả hiện-tượng* (*mọi pháp*), Đức Phật đã chỉ ra sự tu-tập của bậc vô học nhân.] (1039)

[180] [Ở đây, *sự động vọng* hay *sự khích động* có nghĩa là sự run rợ, kích động, dao động bởi (trong tâm còn) dục-vọng và những quan-điểm này nọ (ái và tà kiến). *Bằng sự quán chiếu* tức bằng sự suy xét thông qua trí-tuệ nên người tu không bị dính ở-giữa.

- Theo thi kệ 778 kinh **Sn 4.2** và chú thích 51 ở đó: [*Hai đầu* (mắc xích) là chỉ *sự tiếp-xúc* và nguồn-gốc *sự tiếp-xúc [xúc]* … (của vòng *12 nhân-duyên* ở đó tạo ra danh-sắc (= danh tính cá thể, hay một 'chúng sinh').] Và theo **Nidd** I 37 thì chú giải: [*Hai đầu*: *Sự tiếp-xúc* là một đầu, nguồn-gốc sự tiếp-xúc là một đầu; quá khứ là một đầu, tương lai là một đầu; lạc thọ … khổ thọ; danh … sắc; 06 nội xứ … 06 ngoại xứ; danh-tính cá thể … nguồn-gốc danh-tính cá thể. Sau khi đã loại bỏ: sau khi đã dẹp bỏ, xua tan, kết thúc, xóa bỏ dục đối với cả 02 đầu.] (778).] (1040)

[181] [Ở đây, *một người sống đời sống tâm linh giữa những dục-lạc*: có nghĩa là, người sống đời sống tâm linh là bởi nguyên nhân từ *những dục-lạc*. Có nghĩa là: sau khi người đó nhìn thấy những nguy-hại trong những dục-lạc cho nên người đó đã chọn đời sống tâm linh (xuất gia đi tu, lánh dục), và sau khi đã thụ lãnh đời sống tâm linh, người đó được cho là người thấy "*vui-lòng*" (theo nghĩa vui-lòng mình đã nhìn thấy sự nguy-hại trong những dục-lạc và mình đã bước vào được đời sống tâm linh tu hành để giải thoát).] (1041)

[182] [Ở thi kệ này **Nidd** II 39–40 chú giải rõ hơn: **[***Hai đầu*: Sự tiếp-xúc là một đầu, nguồn-gốc sự tiếp-xúc là đầu thứ hai, *sự chấm-dứt sự tiếp-xúc* (xúc diệt) là *ở-giữa*. Rồi quá khứ là một đầu, tương lai là đầu thứ hai, *hiện tại là ở-giữa*; lạc thọ là một đầu, khổ thọ là đầu thứ hai, *trung tính thọ* là *ở-giữa*; danh là một đầu, sắc là đầu thứ hai, *thức* là *ở-giữa*; tương tự: 06 nội xứ … 06 ngoại xứ … *thức là ở-giữa*; danh-tính cá thể … nguồn-gốc danh-tính cá thể … *sự chấm-dứt danh-tính cá thể* là *ở-giữa*.

- Chính trí-tuệ được gọi là sự quán-chiếu (suy xét, tác ý), đó là: trí-tuệ, sự-hiểu … sự vô-si, sự phân-giải về các hiện-tượng (trạch pháp), chánh-kiến.

- *Người đó đã thoát khỏi thợ may*. *Thợ may* (hay trong các kinh khác *người đan dệt*) là chữ chỉ *dục-vọng* (ái, tham ái). Đối với vị đó thì dục-vọng đó—thuộc dạng tham, tham dục, mê đắm … thèm muốn, thèm khát, tham lam là gốc rễ bất thiện—đã được trừ bỏ, diệt trừ … được đốt sạch bằng lửa của trí-biết. Người đó được cho là đã thoát khỏi [vượt khỏi, vượt qua, vượt trên, chinh phục, thắng thoát] dục-vọng.] (1042, **Nidd** II 39–40)

[183] [Nguyên văn chú giải: [*Cầu ước [khao khát]*: là cầu ước được những sắc, thanh, hương, vị, xúc (= những điều sướng). *Một trạng thái hiện-hữu*: Họ cúng tế để cầu ước được (tái sinh) trong cõi người hay cõi trời hay cõi tịnh độ, vân vân. *Bị dính sự già*: còn phụ thuộc vào sự già; và ở đây *sự già* là nói tắt cho toàn bộ sự khổ của luân-hồi: "sự già, bệnh, chết; sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não)". Do vậy Phật đã chỉ ra: "Bởi do điều này, do sự khổ của vòng luân-hồi, cho nên họ thực hiện những sự cúng tế, nhưng thực tế thì họ đâu có giải thoát được khỏi đó nhờ sự cúng tế cho chư thiên."] (1044)

[184] [*Họ cầu ước [khao khát]*: Họ mong muốn có được những thứ sắc, thanh, hương, vị súc … (như đã nói trên); *ca tụng*: là ca ngợi, đề cao những sự cúng tế bằng cách tụng rằng "Những thứ đã được dâng cúng là thanh tịnh!"; *van vái [cúng vái, mong mỏi]*: nghĩa là, họ tụng ra tiếng bằng những lời cầu khẩn luôn, tức là van vái bằng miệng, van vái để được ban cho những thứ sung sướng và lợi lộc [những thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc mang lại những dục-lạc]; *họ mong muốn những dục-lạc vì lợi lộc*: Vì muốn được những thứ sung sướng nói trên [sắc, thanh …], cho nên họ cứ liên tục van vái cúng vái để chỉ được những dục-lạc. "Ôi cầu cho con có được những thứ này!" và do vậy càng làm tăng dục-vọng của họ. (Nói nôm na: (1) Những điều người ta van vái trong khi cúng bái cúng tế, cầu cúng dù là điều gì, tất cả đều thuộc dạng những dục-lạc, chẳng hạn van vái để được: vợ đẹp, con ngoan, tiền bạc, nhà cửa ấm no, trúng số, không bệnh, hết bệnh, thăng tiến, thi đậu, người nhà giữ được chức tước … (2) Họ thường nói thầm hay đọc lời van vái cầu ước được những điều nào đó.); *bị kích thích bởi tham-muốn được hiện-hữu* (*hữu tham*): bị kích hoạt, bị động lực bởi khao khát muốn được hiện-hữu (cõi người, cõi tiên, cõi trời sung sướng, cõi Tịnh Độ …); *họ đã không vượt qua* sự khổ đau của vòng luân-hồi, đó là: "sự sinh, già, bệnh, chết; sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não)".] (1046)

[185] [*Sau khi đã thấu ngộ [thấu hiểu, liễu ngộ]*: nghĩa là, sau khi đã điều tra hiểu biết bằng sự-biết (tri); (*những*) *điều xa và điều gần*: điều xa là sự hiện-hữu cá thể của những người khác; điều gần là sự hiện-hữu cá thể của chính mình; cụ thể hơn, những điều xa: năm-uẩn của những người khác; những điều gần: năm-uẩn của chính mình. *Hết khói [không còn khói]*: nghĩa là, không còn khói của

những tà-hạnh và những ô-nhiễm, vân vân; *hết phiền não [vô phiền]*: không còn những phiền não của tham, sân, si, vân vân; *vị đó đã vượt qua*: nghĩa là, vị A-la-hán đó đã vượt qua sinh-già.] (1048)

[186] [Chỗ này lại là cách Phật nói tắt về những sự khổ đau trong vòng luân-hồi, đó là: "sinh, già, chết; buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não)".] (1052)

[187] [Nguyên văn chú giải: [*Sẽ tuyên thuyết cho ông Giáo Pháp này*: nghĩa là, tuyên thuyết Giáo Pháp về Niết-bàn và Giáo Pháp về con-đường (đạo) dẫn tới Niết-bàn. *Ngay trong kiếp sống này*: nghĩa là, khi Giáo Pháp này [về bốn Diệu Đế] được nhìn-thấy, hoặc ngay trong kiếp hiện-hữu này; *không phải do nghe nói*: nghĩa là, được trực-tiếp nhận biết (chứng ngộ, chứng nghiệm) bởi chính mình. *Sau khi đã hiểu [đã ngộ] nó*: nghĩa là, sau khi đã hiểu Giáo Pháp bằng cách khám phá nó như vầy: "Tất cả mọi thứ có điều-kiện (pháp hữu-vi) đều là vô-thường", "Tất cả mọi thứ (mọi pháp) đều vô-ngã", vân vân.] (1053)

- [*Diṭṭhe dhamme* có nghĩa là: Ta tuyên thuyết những giáo pháp (*dhamme*) đã được nhìn-thấy (*diṭṭhe*), được biết, được tiếp cận, được suy xét, được làm rõm được nhận biết, đó là: "Tất cả mọi thứ có điều-kiện (pháp hữu-vi) đều là vô-thường" … "Mọi thứ có sinh thì có diệt". Hoặc nói khác, ta sẽ tuyên thuyết *sự khổ* [khổ] đối với sự khổ được nhìn-thấy; ta sẽ tuyên thuyết *nguồn-gốc khổ* [khổ tập] … *sự diệt-khổ* [khổ diệt] … *con-đường dẫn tới sự diệt khổ* [đạo] đối với *nguồn-gốc khổ* … *sự diệt-khổ* [khổ diệt] … *con-đường dẫn tới sự diệt khổ* [đạo] được nhìn-thấy. Hoặc nói khác, *diṭṭhe dhamme* có nghĩa là "*có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí*" [các đặc tính của Phật pháp]. Ta sẽ tuyên thuyết những giáo pháp được nhìn thấy như vậy. *Không phải do nghe nói*: nghĩa là, "không phải do nghe người ta nói, do nghe tin, nghe lời đồn, lời truyền, không phải [là điều] do các vị thầy tông phái truyền thừa, không phải từ kinh kệ kinh điển, không phải [biết đến] bằng lý giải theo lý lẽ, bằng lý giải do suy luận, bằng sự nhận biết dựa theo lý, hay bằng sự chấp nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ lưỡng về nó", *mà* nó được chính mình trực-tiếp và tự-thân biết, đó là một giáo pháp (giáo lý) được tự-thân chứng ngộ. Ta sẽ tuyên thuyết những giáo pháp đó.] (**Nidd** II 67)

[188] [Nguyên văn chú giải: [*Và con ưa thích*: nghĩa là, con khao khát được nghe lời dạy của ngài làm rõ Giáo Pháp đó theo cách đã tuyên thuyết, và con ưa thích Giáo Pháp tối thượng đó.] (1054)

- Vì sao đức Thế Tôn là một bậc đại kiến giả? Vì Phật đã tìm kiếm, tìm cầu, theo mớ lớn (đại uẩn) giới-hạnh, mớ lớn thiền-định, mớ lớn trí-tuệ, mớ lớn giải-thoát, và mớ lớn trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát … Vì Phật đã tìm kiếm, tìm cầu, theo đuổi mục-tiêu tốt thượng lớn, Niết-bàn bất tử. *Giáo Pháp tối*

thượng đó (*dhammamuttamaṃ*): Chính Niết-bàn bất tử được gọi là Giáo Pháp tối thượng—đó là *sự làm lắng-lặn tất cả mọi sự tạo-tác* (hành diệt), *sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu-nạp* (sanh y diệt), *sự tiêu-diệt dục-vọng* (ái tận), *sự chán-bỏ, sự chấm-dứt* (diệt tận), *Niết-bàn*.] (**Nidd** II 69)

189 [*Mọi điều ông thấu hiểu*: nghĩa là, mọi điều ông hiểu, biết, nhận biết, thâm nhập, chứng ngộ. *Trên, dưới, và ngang giữa*: nghĩa là, *trên*: tương lai; *dưới*: quá khứ, *ngang giữa*: hiện tại. Hoặc *trên*: cõi thiên thần, cõi trời; *dưới*: địa ngục; *ngang giữa*: cõi người. Hoặc *trên*: vô sắc giới; *dưới*: dục giới; *ngang giữa*: sắc giới. Hoặc *trên*: cảm-giác sướng, lạc thọ; *dưới*: cảm-giác khổ, khổ thọ; *ngang giữa*: cảm-giác trung tính, xả thọ. *Sau khi đã xóa tan sự thích-thú và dính-mắc với những sự đó (*nguyên văn là: *những sự này*, nhưng trong tiếng Việt thì *những sự đó* sẽ dễ hiểu hơn, y như trường hợp '*tại đây*', *tại chỗ này*' và '*ngay tại đó, tại đó*') *thì thức*: nghĩa là, đối với những sự ở *trên, dưới, và ngang giữa* đó, thì nên dẹp tan dục-vọng và dính-mắc với những kiến-chấp này nọ (tà kiến) và thức cố ý chủ động (hành thức). Và sau khi đã dẹp tan, *thì [một người] không còn tồn tại trong sự hiện-hữu*.] (1055)

- [*Sau khi đã xóa tan sự thích-thú và dính-mắc với những sự đó, thì thức không còn tồn tại trong sự hiện-hữu. - Đối với những sự đó*: nghĩa là, đối với những sự (các pháp) đã được chỉ ra, được chỉ dạy, được tuyên thuyết, được giảng bày, được khai mở, phân tích, làm rõ, hiển lộ. *Sự thích-thú* là dục-vọng. *Sự dính-mắc*: có 02 loại sự dính-mắc: (i) sự dính-mắc do dục-vọng (ái) và (ii) sự dính-mắc do những quan-điểm này nọ (tà kiến) …] **(Nidd** II 70–71)

190 [Sau khi Phật nói thi kệ trên, Dhotaka càng thêm vui lòng và nói thêm thi kệ này: "*Hỡi vị Trời [Brahmā], hãy chỉ dạy cho con*", đề cao Đức Phật và xin được chỉ giáo. Ở đây chữ *vị Trời* [Brahmā, Phạm thiên] trong tiếng Pali là danh từ có hàm nghĩa chỉ *bậc tốt nhất, bậc cao nhất*; Dhotaka đã dùng để xưng gọi Đức Phật.

- *Trong trạng thái tách-ly [ẩn dật]*: nghĩa là trạng thái Niết-bàn, là sự tách-ly hay viễn-ly khỏi tất cả mọi thứ có điều-kiện (hữu vi). (Tuy nhiên, theo người dịch Việt nghĩ lời kinh nói *trạng thái tách-ly [ẩn dật]* đơn giản là trạng thái khi người tu đang trú ẩn-dật hay đang thiền-trú thì người đó dễ quán chiếu và hiểu Giáo Pháp mà Phật đã nói). *Hoàn toàn không bị che cản*: nghĩa là không bị cản trở bởi bất cứ gì. *Hết dính-mắc*: nghĩa là độc lập, tự tại.] (1065)

191 [02 thi kê 1066-1067 nên được hiểu theo cách tương tự như các thi kệ tương ứng trong kinh "*Những Câu Hỏi Của Mettagū*" ở trên; chỉ khác là ở đó ghi chữ *Giáo Pháp* (*Dhamma*) còn trong kinh này là chữ *sự bình-an* (*santiṃ*).] (1066-67)

192 [*Không được trợ gì* (không có gì trợ giúp, không có gì để dựa; *không có gì y chỉ]*: nghĩa là, không được trợ giúp bởi một người thầy [sư, sư huynh, giáo thọ,

y chỉ sư] hay bởi một giáo pháp nào. *Khi được trợ bởi đó*: nghĩa là, khi được trợ bởi một người hay một giáo pháp; nghĩa là có người trợ giúp [sư, sư huynh, giáo thọ, y chỉ sư] và có giáo pháp trợ giúp (tức có căn bản, nền tảng để dựa vào đó và tu tập.] (1068)

- *Một mình*: nghĩa là, không có *người* đồng hành hay đi chung; không có *giáo pháp* (*dhamma*) là người đồng hành. Nghĩa là, không có người nào hay giáo pháp nào để dựa vào đó con có thể vượt qua *dòng-lũ lớn của tham-dục* (tham bộc lưu), *dòng-lũ của sự hiện-hữu* (hữu bộc lưu), *dòng-lũ của những quan-điểm này nọ* (kiến bộc lưu), và *dòng-lũ của vô-minh* (vô minh bộc lưu). *Hãy tuyên dạy cho con một căn bản*: nghĩa là, tuyên thuyết, tuyên bố, giảng giải, thuyết giảng, thiết lập, khai mở, phân tách, làm rõ, làm hiển lộ một căn bản, một chỗ trợ, một nền tảng. *Bậc thiên nhãn* là dịch chữ *con mắt vũ trụ*: = *bậc nhìn-thấy tất cả*, *bậc biến nhãn*: ở đây hàm nghĩa chỉ *sự toàn-tri* (hiểu biết tất cả) của Đức Phật. (Đức Phật có được năng-lực và danh-hiệu này).] (**Nidd** II 91–92)

193 [Nguyên văn chú giải: [Giờ, sau khi nghe Phật nói, "*Sau khi đã dẹp bỏ những dục-lạc*", nhìn thấy mình đã dẹp bỏ những dục-lạc bằng cách *khống-chế* (nhờ thiền định), ông đã nói thi kệ tiếp theo. Ở đây, *sau khi đã giục bỏ tất cả những* (*tầng*) *khác*: nghĩa là, sau khi đã giục bỏ *06 tầng thiền định thấp hơn* vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-giừ. [594] *Trong sự được giải-thoát tối thượng của nhận-thức* (*tưởng*): nghĩa là, trong vô sở hữu xứ (cảnh xứ không-có-gì, cảnh xứ trống-không) là cảnh xứ cao nhất trong 07 sự được giải-thoát của nhận-thức (tưởng giải thoát). *Có phải người đó vẫn ở đó chứ không rời đi?* Ý của Upasīva hỏi là: "Có phải người đó ở đó trong cõi trời [brahma] thuộc vô sở hữu xứ, và không rời đi?" Rồi, để trả lời ông, Đức Phật đã nói thi kệ thứ ba, công nhận rằng người đó có thể ở đó tới 60.000 đại kiếp vũ trụ.].] (1071-1072)

194 [Nguyên văn chú giải: [Vậy là Đức Phật, không theo tư tưởng tự-diệt (đoạn kiến) hay bất-diệt (thường kiến), nói "*như một ngọn lửa*" (tắt đi) để chỉ *Niết-bàn cuối cùng* (bát Niết-bàn) *nhờ sự không còn chấp-thủ* (thủ diệt) của một thánh đệ tử đã khởi sinh ở đó. *Không thể gọi là gì*: nghĩa là, không thể được chỉ danh hay được mô tả kiểu như "Nó đã đi về đó hay về kia hay hướng này hay hướng nọ". *Cũng tương tự vậy, bậc mâu-ni, được giải-thoát khỏi danh-thân* (danh-thân = thân của tâm, tâm-thân): nghĩa là, cũng tương tự vậy, bậc mâu-ni học nhân đã khởi sinh ở đó, trước đó được giải-thoát một cách tự nhiên khỏi sắc-thân (thân của sắc), tạo ra thánh đạo thứ tư ở đó [trong vô sở hữu xứ]; bởi vì người đó đã hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) thân-Giáo-Pháp (pháp thân), cho nên vị đó cũng được giải-thoát khỏi danh-thân. Như vậy, sau khi trở thành một A-la-hán được giải-thoát về cả 02 phương diện, khi vị đó *đi mất*—tức đã chứng Niết-bàn nhờ sự không còn chấp-thủ—thì vị đó không còn có thể được chỉ danh hay

mô tả là 'ai' hay một 'sát-đế-lợi' hay một 'bà-la-môn', hay bất cứ 'danh từ' nào nữa.] (1074)

- (Nhân tiện, trong rất nhiều bài kinh trong các kinh bộ, Phật thường mô tả trạng thái bát Niết-bàn như một ngọn lửa tắt đi, như sự thổi tắt ngọn lửa, và sẽ không còn có thể mô tả ngọn lửa đó đi về đâu hay còn được gọi là gì nữa.)

- (Như vậy là, tóm lại: Thi kệ 1071 Upasīva hỏi ý: *Có phải người đó ở đó chứ không rời đi?* —Thi kệ 1072 Đức Phật trả lời người đó ở đó chứ không rời đi (tức vẫn ở trong cõi trời thuộc cảnh vô sở hữu xứ).

- Kế tiếp, thi kệ 1073 Upasīva hỏi ý: *Có phải người đó ở đó luôn chứ không rời đi trong vô số năm*: như vậy thì (i) *vị đó đã hoàn toàn tịch diệt, đã được giải-thoát ngay ở đó*? Hoặc, (ii) *sau đó thức của người đó sẽ biến mất* (*caveyya*, biến đi, mất đi) *khỏi cảnh vô sở hữu xứ đó*? —Thi kệ 1074 Đức Phật trả lời: Có. Rằng vị đó "*sẽ đi mất và không thể gọi là gì nữa*": nghĩa là từ cảnh trời vô hữu xứ đó, vị thánh Bất-lai đó sẽ chứng luôn *bát Niết-bàn* chứ không còn quay lại thế gian nữa. Vì vậy, vị đó không còn được gọi hay mô tả hay chỉ danh như một dạng chúng sinh hiện-hữu nào nữa.) (1071-1074)

195 [Ở đây, *về bậc đã đi mất*: nghĩa là, về bậc đã *bát Niết-bàn nhờ sự không còn chấp-thủ*. Và *không có sự ước lượng nào*: nghĩa là không có sự ước lượng dựa trên sắc thân hay các uẩn khác (vì bậc A-la-hán không còn năm uẩn). *Không có phương tiện nào để có thể nói về bậc ấy*: không có phương tiện nào để qua đó nói hay gọi hay mô tả về bậc ấy theo cách của tham, sân, si, vân vân (vì bậc A-la-hán không còn tham, sân, si, và bất cứ ô-nhiễm nào). *Sau khi tất cả các hiện-tượng [các pháp] đã được bứng sạch*: nghĩa là, sau khi tất cả những hiện-tượng như *năm uẩn* đã bị bứng sạch; *thì mọi đường hướng của lời nói cũng bị bứng sạch*: nghĩa là, đường hướng hay phương tiện lời nói hay ngôn từ để diễn tả cũng mất luôn, không còn có thể mô tả gì về bậc ấy nữa).

▪ Lưu ý một lần nữa: Đây là tập kinh gồm những bài nói đầu tiên của Đức Phật, Phật đã nói với những câu chữ như vậy; khác với những câu chữ trong các bộ kinh sau tập kinh cổ này vốn có lẽ đã được biên tập theo những mẫu câu chữ và văn phong đồng nhất khác. Ví dụ câu cuối của kinh này là vậy, và chúng ta chỉ có thể hiểu hàm ý Đức Phật muốn nói là vậy, nôm na là: Khi một bậc A-la-hán đã bát Niết-bàn thì không còn gì, ngôn từ hay phương tiện để có thể mô tả hay gọi hay chỉ danh vị đó là gì nữa, vì vị đó đã không còn hiện-hữu ở bất cứ dạng chúng sinh nào nữa).] (1076)

196 [*Không phải do cách-nhìn [kiến]*: nghĩa là không phải nhờ sự thanh tịnh của cách-nhìn (kiến thanh tịnh). *Không phải do sự học-hiểu [văn]*: không phải nhờ sự thanh tịnh của sự học-hiểu (văn thanh tịnh). *Không phải do sự-biết* (*tri*, *trí*): không phải nhờ sự-biết của 08 tầng thiền định hoặc của 05 loại siêu trí. *Những bậc thiện khéo*: là những người hiểu biết thiện thạo về các uẩn (uẩn), thiện khéo

về các yếu-tố (giới), về sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ), về sự khởi-sinh tùy thuộc (lý duyên khởi), về bốn nền-tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) … về thánh đạo, về các thánh quả, về Niết-bàn, họ không gọi ai là một mâu-ni chỉ bởi vì người đó có được sự thanh tịnh của kiến … của văn .. của trí-biết của 08 tầng thiền định hay 05 loại siêu trí. (Cho dù người tu đã thành tựu nhiều thứ như vậy là rất đáng khen ngợi và hiếm có, nhưng không nhất thiết được gọi hay đồng nghĩa là một mâu-ni).] (1078)

[197] [Về các quan-điểm cố chấp này, mới coi lại kinh **Sn 4.4** ở trên.] (1079)

[198] [Nguyên văn chú giải: [Bây giờ, để loại bỏ sự mờ-rối về giáo thuyết của những đạo sư coi sự thanh-lọc chỉ nhờ 'cách-nhìn' (quan-điểm, kiến) hay nhờ 'thứ được nhìn thấy, thứ được nghe thấy, thứ được cảm nhận' hay nhờ 'giới-hạnh và giới-cấm', môn sinh Nanda đã hỏi "Những sa-môn và bà-la-môn nói rằng …?" Ở đây, *nhờ nhiều phương pháp*: nghĩa là nhờ niềm tin mê tín vào những điềm lành, điềm may, cúng giải sao hạn này nọ. *Những người sống được kiềm chế ở đó*: là những người được phòng hộ tôn chỉ theo cách-nhìn (kiến, quan-điểm, kiến-chấp) của họ. Cho nên Đức Phật đã trả lời bằng thi kệ thứ hai, chỉ ra rằng: không có sự thanh-lọc nào đạt được theo cách như vậy cả.] (1079-1080)

[199] [*Những người trước kia đã giảng giải mọi sự cho con*: nghĩa là, đó là những người như bà-la-môn Bāvari và những đạo sư khác đã giảng giải quan-điểm riêng của họ, ý-kiến, thiên-kiến, niềm-tin, tầm-nhìn, lập-trường của họ. *Tất cả đó chỉ là lời nói nghe*: nghĩa là, tất cả chỉ là những lời nói nghe, lời nói lại, lời truyền thừa của các thầy tổ tông phái, lời từ kinh kệ, hay từ ý-nghĩ theo lý, từ sự lý-giải do suy luận, hay được kết luận từ sự suy-xét hữu lý nào đó, hay do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ về nó. (Tất cả đều nghe có vẻ hay, đúng, nhiều người tin). Nhưng tất cả họ đều không giảng giải một giáo lý nào *bằng sự trực-tiếp biết bởi chính mình*; tức không có một giáo lý nào được tự thân chứng nghiệm (đó chỉ toàn những giáo lý do nghe, đọc, học, biết … từ những người khác). *Tất cả là sự gia tăng của ý-nghĩ*: nghĩa là, sự gia tăng của *09 loại ý-nghĩ bất thiện khéo* như: [ý nghĩ tham dục, ý nghĩ ác ý, ý nghĩ hung dữ, ý nghĩ về người thân gia đình, ý nghĩ về quê hương xứ sở, ý nghĩ về những đấng (thần thánh) bất tử, ý nghĩ liên quan tới sự quan tâm hay âu lo cho những người khác, ý nghĩ về 'lợi, danh, cung kính', và ý nghĩ về sự không bị khinh thường]. *Con không ưa thích điều đó*: nghĩa là, con không tìm thấy hay đạt được sự thỏa mãn hay sự hài lòng với mấy giáo thuyết đó.] (1048, **Nidd** II 112–13)

[200] [Ở đây là chỉ 06 đối-tượng (06 trần) của 06 giác-quan (06 căn). Tức là: những hình-sắc được nhìn thấy bằng mắt, những âm-thanh được nghe thấy bằng tai, những mùi-hương được ngửi thấy bằng mũi, những mùi-vị được nếm thấy bằng lưỡi, những sự chạm-xúc được cảm nhận bằng thân, và những

hiện-tượng/ đối-tượng của tâm [các pháp] được nhận biết bởi tâm. [sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp].

- *Đối với mọi thứ có một bản chất sướng*. Cái gì trong thế giới có một bản chất sướng và dễ chịu (khả ái, đáng thích)? Đó là: *Mắt* trong thế giới có một bản chất sướng và dễ chịu … *những hình-sắc* (sắc) … *thức-mắt* (nhãn thức) … *sự tiếp-xúc mắt* (nhãn xúc) … *cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc mắt* (nhãn xúc thọ) … *nhận-thức về những hình-sắc* (sắc tưởng) … *sự cố-ý đối với những hình-sắc* (sắc tư) … *dục-vọng đối với những hình-sắc* (sắc ái) … *ý-nghĩ về những hình-sắc* (sắc tầm) … *sự soi-xét về những hình-sắc* (sắc tứ) … {Tương tự đối với 05 giác-quan và 05 đối-tượng giác quan còn lại} … … *sự soi-xét về những hiện-tượng* (pháp tứ) trong thế giới có một bản chất sướng và dễ chịu.] (1086, **Nidd** II 114–115)

[201] [*Sau khi đã-hiểu*: nghĩa là, sau khi đã ngộ, đã chứng ngộ những sự-thật rằng: "*Mọi thứ hữu vi đều là vô-thường, khổ, và vô ngã*", "*Mọi thứ có sinh là có diệt*", vân vân. *Đã nguội tắt* = đã nguội mát, tịch tịnh: nghĩa là đã tắt ngấm mọi tham, sân, si, ô-nhiễm … vân vân.] (**Nidd** II 115)

[202] [Nguyên văn chú giải: [Để trả lời Đức Phật đã nói thi kệ thứ hai này, chỉ ra cho ông rằng không còn có sự giải-thoát nào khác nữa. Ở đây, *không có thêm sự giải-thoát nào nữa đối với người đó*: nghĩa là, đối với người đó không còn có được giải thoát bằng sự giải-thoát nào nữa.] (1089)

- *Không có sự giải-thoát nào nữa*: Sau khi người đó đã được giải thoát bằng sự giải-thoát này, thì người đó đã được giải thoát. Bằng sự giải-thoát này, người đó đã làm xong những gì cần phải làm.

- (Nghĩa nôm na là: người như vậy là người đã giải-thoát rồi, đã Niết-bàn, cho nên đâu còn sự giải-thoát nào thêm nữa).] (**Nidd** II 118)

[203] [*Đứng giữa dòng nước*: là đang giữa dòng luân-hồi sinh tử; *dòng-lũ hiểm họa đã khởi sinh*: đó là 04 dòng-lũ của tham-dục (tham bộc lưu), dòng-lũ của sự hiện-hữu (hữu bộc lưu), dòng-lũ của những quan-điểm này nọ (kiến bộc lưu), và dòng-lũ của vô-minh (vô minh bộc lưu) như đã được nói trong chú thích ở thi kệ 1069 ở trên (và trong nhiều bài kinh của Phật); *tuyên thuyết một hòn đảo*: tức là chỉ ra chỉ dạy một nơi nương tựa, nơi trú ẩn, chỗ an toàn, sự giải-thoát; (*hiểm họa*) *không còn xảy ra nữa*: là đồng nghĩa sự thoát khổ, sự diệt khổ, sự không còn tái sinh, không còn hiện-hữu trong cõi nào nữa.] (**Nidd** II 123–24)

[204] [*Không sở hữu thứ gì* = *không có thứ gì, không còn thứ gì*: nghĩa là, tham là một thứ, sân là một thứ, si là một thứ, sự tự-ta (ngã mạn) là một thứ, những quan-điểm này nọ (kiến, tà kiến) là một thứ, những ô-nhiễm (lậu hoặc) là một thứ, hành-vi lối sống sai trái (tà hạnh) là một thứ. Sự không-có không-còn những thứ đó, sự trừ bỏ, dẹp bỏ, loại bỏ, trừ sạch những thứ đó, là = Niết-bàn bất tử; *không lấy thứ gì* = *không thu nạp*, *không thu nhận*, *không nhận lấy*, *không*

tham chấp, *không muốn*: sự muốn lấy thứ gì là = dục-vọng (ái, tham ái); nghĩa ở đây là 'không còn dục-vọng' (ái diệt), cũng là = 'Niết-bàn bất tử'; *đây là hòn đảo*, *không gì thêm nữa*: nghĩa là, không có hòn đảo nào tốt hơn hòn đảo này nữa. Hòn đảo này là bậc nhất, tốt nhất, đặc biệt nhất, đứng đầu, tối cao nhất, siêu xuất nhất; tức là Niết-bàn.) (**Nidd** II 125–26)

[205] [*Ở đây*: nghĩa là *ngay trong kiếp này*; (Phật thường xuyên dùng chữ *ở đây*, *tại đây*, *ngay tại đây* với nghĩa như vậy.] (1097)

[206] [*Chấp lấy*: là *tham*, thích, tham chấp, kiến chấp; *kháng lại*: là *sân*, là kháng cự, chê, ghét, từ chối.]

[207] [*Danh và sắc*: ở đây hàm ý chỉ *năm uẩn*, gồm: *sắc thân* (sắc) và 04 uẩn thuộc tâm là cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, thức (thọ, tưởng, hành, thức).] (1100)

[208] [Chú giải ghi: *Bậc bỏ-nhà*: nghĩa là, người bỏ xứ, bỏ quê, bỏ cõi; (hàm nghĩa Phật là bậc đã từ-bỏ những ô-nhiễm khác nhau [như dục, tham, khoái-lạc, dục-vọng, sự chấp-thủ, quan-điểm, kiến-chấp, thói-tâm, khuynh-hướng tuy miên, vân vân] (người dịch Việt nghĩ cũng có hàm nghĩa của chữ *xuất-gia*). *Bậc đã cắt bỏ dục-vọng*: là bậc đã cắt bỏ chặt đứt *06 loại dục-vọng* (ái) [đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp]. *Bậc không còn xung-động*: không còn động vọng hay bị lay chuyển bởi những điều-kiện của thế gian, [*xung-động* cũng là chữ được dùng để chỉ *dục-vọng* (ái)]. *Bậc đã dẹp bỏ khoái-lạc*: nghĩa là, đã trừ bỏ, trừ diệt dục và tham đối với mọi đối-tượng giác quan (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), vân vân. Bởi vì dục-vọng (ái), cho dù là một trạng thái riêng lẻ, nhưng đã được đề cập ở đây với mục đích đề cao đức-hạnh và sự giải-thoát của Đức Phật. *Bậc đã trừ bỏ những tạo-tác của tâm*: nghĩa là, đã tiêu diệt 02 loại sự tạo-tác của tâm [sự tạo-tác do dục-vọng (ái hành) và sự tạo-tác do những quan-điểm này nọ (kiến hành)]. *Sau khi đã nghe được* (*lời dạy*) *từ bậc long tượng [nāga]*—nghĩa là, sau khi đã nghe được lời dạy từ Đức Phật, là bậc long tượng—*họ sẽ rời khỏi đây*: nghĩa là nhiều người sẽ rời khỏi chỗ Đền Pāsāṇaka (chỗ mà nhóm 16 môn sinh bà-la-môn đang gặp Phật và hỏi những câu hỏi của 16 kinh trong Chương 5 này; họ rời khỏi chỗ đó để đi về những nơi khác và tu tập theo giáo lý của Đức Phật).] (1101, **Nidd** II 134)

[209] [Nguyên văn chú giải: [*Dục-vọng mang tính thu-nạp*: chính là dục-vọng muốn được năm-uẩn [sắc, thọ, tưởng, hành, thức]. Và vì sao được gọi là dục-vọng mang tính thu-nạp? Vì thông qua dục-vọng họ thu-nạp *sắc* (uẩn), chấp thủ theo nó, nắm giữ nó, nắm chắc nó, cố chấp nó; họ thu-nạp *thọ … tưởng … hành … thức … nơi-đến … sự nhập-thai … sự tái-sinh … sự hiện-hữu … sự luân hồi sinh tử* (*saṃsāra*), *vòng luân-hồi*, chấp thủ theo nó, nắm giữ nó, nắm chắc nó, cố chấp nó. Do vậy nó được gọi là dục-vọng mang tính thu-nạp (sanh-y ái).

- Như chú thích ở thi kệ 1055: *Trên*, *dưới*, *và ngang-giữa*: nghĩa là, *tương lai*, *quá khứ*, *và hiện tại*. Chữ *ngang-giữa*: nghĩa là *ở-giữa* (của quá khứ và tương lai). *Thì chính do vậy*: nghĩa là chính do điều đó, tự điều đó, tự nó, chính do còn sự chấp-thủ; *Thì chính do vậy Ma Vương truy bám một người [một cá nhân]*: nghĩa là, chính đó, chính do còn *sự chấp-thủ*, cho nên còn Ma Vương là *năm-uẩn* đã được thu-nạp (sanh y) vào lúc nhập thai, Ma Vương có nghĩa là *các yếu-tố lớn* (tứ đại), Ma Vương là *sáu cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ), Ma Vương là *nơi-đến … sự nhập-thai … sự tái-sinh … sự hiện-hữu … sự luân hồi sinh tử* (saṃsāra), *vòng luân-hồi* đó, nó truy bám, bám đuổi, theo đuổi, truy đuổi, bám theo *một người* [*một cá thể hiện-hữu*], một chúng sinh, một nam hay một nữ, một con người, một sinh vật.] **(1103, Nidd** II 136, **Nidd** II 137)

210 [*Còn sự chấp-lấy*: như đã nói nhiều lần ở trên, đây là chữ *chung* chỉ sự tham, tham lấy, tham chấp, thu nạp, thu nhận, nhận lấy, và đặc biệt là sự chấp-lấy; tức = *sự thu-nạp năm uẩn* và *những thứ* đã liệt kê trong chú thích kế trên. (Đây có lẽ là ngược lại với *sự buông-bỏ*, *sự không còn chấp-thủ* (thủ diệt), *sự trừ-bỏ sự thu-nạp* (sanh y diệt) là những thuật ngữ cốt lõi của giáo lý của Phật. ND).] (1104)

211 [*Bậc đã vượt trên tất cả những hiện-tượng* (*các pháp*): Đức Phật đã vượt qua tất cả những hiện-tượng nhờ sự-biết trực tiếp (liễu tri), sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ), nhờ sự trừ-bỏ, nhờ sự tu-tập, nhờ sự chứng-ngộ, nhờ sự chứng-đắc. Phật đã vượt qua thông qua sự-biết trực tiếp tất cả những hiện-tượng, thong qua sự hoàn-toàn hiểu những hiện-tượng; thông qua sự trừ-bỏ tất cả ô-nhiễm (lậu hoặc), thông qua sự tu-tập 04 thánh đạo, thông qua sự chứng-ngộ sự chấm-dứt (diệt), thông qua sự chứng-đắc tất cả những tầng thiền định. Phật đã đạt tới sự làm-chủ về giới-hạnh, thiền-định, trí-tuệ và sự giải-thoát.] (**Nidd** II 140–41)

212 [Nguyên văn chú giải: [*Sự trừ-bỏ dục và sân thuộc giác-quan*]: nghĩa là, Phật tuyên bố sự trừ bỏ chướng-ngại (triền cái) là *tham-dục* (dục tham) và *sân* đối với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) cũng được coi là '*sự giải-thoát bằng trí-biết cuối cùng*'. Những thuật ngữ này nên được hiểu nghĩa theo cách như vậy.]

- (Nhưng theo người dịch Việt thì trong phần trả lời, với thi kệ đầu này Phật mới đang nói về sự tu tập trừ bỏ *05 chướng-ngại* (ngũ cái) gồm: *tham dục* (dục tham), *sân* (ác ý), *sự buồn-ngủ và đờ đẫn* (hôn trầm thụy miên), *sự bất-an và hối-tiếc* (trạo cử hối quá và *sự nghi-ngờ* (nghi); và trong các thi kệ Phật thường nói giản lược. Giống như trong các thi kệ ở trên Phật thường nói *sự già-chết* là cách nói giản lược của *sự khổ* gồm sinh, già, chết, sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não).] (1006)

- [*Sự trừ-bỏ những ham-muốn [dục] về nhục dục*: nghĩa là, *ham-muốn nhục dục [thuộc các giác quan]* đối với những khoái-lạc giác quan, tham-muốn giác quan,

khoái-thích giác quan, dục-vọng giác quan (dục ái), luyến-ái giác quan, thèm-khát giác quan, cơn-sốt giác quan, sự say-mê nhục dục, sự bám víu nhục dục, dòng-lũ nhục dục, sự trói-buộc nhục dục, sự chấp-thủ với những dục-lạc, *chướng-ngại tham-dục*. *Sự phiền-bực* (ưu): là sự khó chịu về tâm, sự khổ về tâm, cảm-giác khổ khó chịu được sinh ra từ sự tiếp-xúc tâm. Như vậy, *sự trừ-bỏ cả hai thứ*: là sự trừ bỏ, sự dẹp bỏ … cả *sự ham-muốn nhục dục* và *sự phiền-bực*. *Sự xua tan sự đờ-đẫn trong tâm*: là sự xua tan, sự trừ bỏ sự đờ đẫn, lười biếng, sự trì trệ của tâm, sự buồn ngủ, sự uể oải của tâm (hôn trầm thụy miên). *Sự hối-tiếc*: là sự bồn chồn, thấp thỏm, lo âu, sự hối hận, sự hối tiếc của tâm (trạo cử hối quá). *Sự xua đuổi những hối-tiếc*: là sự cản trở, ngăn chặn những hối-tiếc, sự dẹp bỏ chúng, trừ bỏ chúng, làm chúng lặn mất, đó là Niết-bàn bất tử.] (**Nidd** II 142–43)

213 [Lược ý chú giải: [Nghĩa là: *Được thanh lọc bởi sự buông-xả và sự chánh-niệm* bởi tầng thiền định thứ tư (tứ thiền); (theo các kinh định nghĩa về tứ thiền thì yếu tố *xả* và *chánh-niệm* của tứ thiền được thanh lọc lẫn nhau ở mức độ cao nhất- ND). *Được dẫn trước bởi ý-nghĩ về Giáo Pháp*: Bằng câu này, ý Phật đề cập đến 'sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán' được thành tựu được bởi người tu, dựa trên sự giải-thoát đó của trạng thái tứ thiền, nhìn thấy 'những yếu-tố của tầng thiền định' đó bằng minh-sát tuệ (những yếu-tố của các tứ thiền gồm có: định, chánh-niệm, xả). Vì *ý-nghĩ về Giáo Pháp*, được phân tích thành *chánh tư duy* (ý-định chánh đúng), vân vân nối kết (câu hữu) với thánh đạo, là *thứ dẫn trước* của 'sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán'. Do vậy nên Phật đã nói: "*được dẫn trước bởi ý-nghĩ về Giáo Pháp*". *Sự phá tan vô-minh*: Ý Phật gọi (i) '*sự giải-thoát bằng trí-biết cuối cùng*' chính là (ii) '*sự phá tan vô-minh*', Phật dùng một sự mô tả tượng hình [để chỉ *quả* theo cách của] *nhân* của nó, bởi vì nó đã khởi sinh trên cơ sở của Niết-bàn, và nó được quy tả là "*sự phá tan vô-minh*". (Nghĩa là: "*sự phá tan vô-minh*" là nhân; '*sự giải-thoát bằng trí-biết cuối cùng*' là quả; vì *sự phá tan vô-minh* là = *minh* = *trí-biết cuối cùng*. Đây là các thuật ngữ Phật đã thường dùng trong rất nhiều kinh để diễn tả trạng thái vô-minh tận = minh = giải-thoát và Niết-bàn).] (1107)

214 [Sau khi nghe *Niết-bàn* được Đức Phật nói tới bằng cụm chữ diễn đạt là "*sự phá tan vô-minh*", bà-la-môn Udaya đã hỏi tiếp bằng thi kệ kế tiếp này: "*Thế gian bị gông cùm bởi thứ gì?*" và hỏi: "*Bằng sự trừ diệt thứ gì mà 'Niết-bàn' được nói tới?*" (nghĩa là: sự trừ diệt thứ gì là = trạng thái Niết-bàn?).] (1108)

215 [Rồi, sau khi giảng giải vấn đề cho ông ta, Phật nói thi kệ này. Ở đây, *ý-nghĩ* là thuộc nhóm *09 loại ý-nghĩ bất thiện* đã được nói trong chú thích ở thi kệ số 7, 972 và 1048 trong các kinh ở trên, đó là: [ý nghĩ tham dục, ý nghĩ ác ý, ý nghĩ hung dữ … ý nghĩ về 'lợi, danh, cung kính', và ý nghĩ về sự không bị khinh thường]. Chính 09 loại ý-nghĩ này là *phương tiện của thế gian* (mà người

phàm dựa vào chúng) để *đi lại*, để xem xét, để suy tính. Nói cách khác, bằng phương tiện là *09 loại ý-nghĩ bất thiện khéo này*, (người phàm trong) thế gian *đi lại* (xoay chuyển, hoạt động), xem xét, suy tính. (Chữ *đi lại* ở đây có lẽ có nghĩa là *vận hành*, *hoạt động*, *xoay chuyển*, *tiến hành*).] (1109, **Nidd** II 145)

216 [Lược trích chú giải: [Chỗ này, sau khi đã hỏi về *đạo* (tu tập để) dẫn tới *Niết-bàn*, bà-la-môn Udaya hỏi tiếp bằng thi kệ này. Ở đây, *thức* chính là *thức chủ-động cố-ý* (hành thức chủ động), (như đã nói trong chú thích ở thi kệ 1037 ở trên).] (1010)

- [Rồi, sau khi đã giảng thích *đạo* dẫn tới *Niết-bàn*, Đức Phật đã nói thi kệ trả lời này. Ở đây, *có chánh-niệm như vậy*: nghĩa là, *có chánh-niệm và sự rõ-biết* (*tỉnh giác*) *như vậy*. (*Có chánh-niệm và rõ-biết* hay *chánh-niệm và tỉnh-giác* là cụm chữ thuật ngữ quan trọng mà Đức Phật đã nói và lặp lại rất nhiều lần trong các kinh, đặc biệt trong các kinh về thiền chánh-niệm (thiền quán, tứ niệm xứ)).] (1011)

- [*Không tìm kiếm sự khoái-thích [khoái lạc, thích thú] trong cảm-giác*: (i) Trong khi một người *an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ở bên trong* (quán thọ trong thọ ở bên trong), người đó không tìm kiếm sự khoái-thích trong cảm-giác, không chào đón nó, không giữ sự chấp-thủ theo nó. (ii) Trong khi một người *an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ở bên ngoài* (quán thọ trong thọ ở bên ngoài) … (iii) … *ở bên trong và bên ngoài* (quán thọ trong thọ ở bên trong và bên ngoài), người đó không tìm kiếm sự khoái-thích trong cảm-giác, không chào đón nó, không duy trí sự chấp thủ theo nó, người đó không tìm kiếm sự khoái-thích trong cảm-giác, không chào đón nó, không giữ sự chấp-thủ theo nó.

- Và (i) Trong khi người đó an trú quán sát bản chất khởi sinh (sinh) … bản chất biến diệt (diệt) … bản chất khởi sinh và biến diệt (sinh và diệt) khi đang quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác *ở bên trong*, người đó không tìm kiếm sự khoái-thích trong cảm-giác, không chào đón nó, không duy trí sự chấp thủ theo nó, người đó không tìm kiếm sự khoái-thích trong cảm-giác, không chào đón nó, không giữ sự chấp-thủ theo nó. (ii) Trong khi người đó an trú quán sát bản chất khởi sinh (sinh) … bản chất biến diệt (diệt) … bản chất khởi sinh và biến diệt (sinh và diệt) khi đang quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác *ở bên ngoài* … (iii) … *ở bên trong và bên ngoài*, người đó không tìm kiếm sự khoái-thích trong cảm-giác, không chào đón nó, không duy trí sự chấp thủ theo nó, người đó không tìm kiếm sự khoái-thích trong cảm-giác, không chào đón nó, không giữ sự chấp-thủ theo nó.

- Người đó dẹp bỏ, xua tan, kết thúc, loại bỏ sự khoái-thích, sự chào đón, sự chấp-thủ, sự ám muội, sự nắm giữ, sự cố giữ. Theo 12 cách này, khi một người an trú quán sát cảm-giác trong những cảm-giác, người đó dẹp bỏ sự khoái-

thích, sự chào đón … sự cố giữ. Hoặc cách khác, nhìn thấy cảm-giác *là vô-thường, là khổ, như một căn bệnh* … [như một dãy tính từ mô tả như được ghi trong chú thích dài ở thi kệ 778 ở trên], người đó dẹp bỏ, xua tan, kết thúc, loại bỏ sự khoái-thích, sự chào đón, sự chấp-thủ, sự ám muội, sự nắm giữ, sự cố giữ.

- Như vậy là: theo 40 cách này là một người tu an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, người đó dẹp bỏ, xua tan, kết thúc, loại bỏ sự khoái-thích, sự chào đón, sự chấp-thủ, sự ám muội, sự nắm giữ, sự cố giữ.

- (Nội dung tương tự này cũng được nói trong phần thứ hai (Quán Sát Cảm-Giác (Quán Thọ) trong kinh *Các Nền Tảng Chánh-Niệm* (Tứ Niệm Xứ).] (1110-1111, **Nidd** II 146–47)

[217] [*Bậc chỉ ra quá khứ*: là cách nói tắt hàm ý Phật là người có *trí-biết nhìn thấy những cõi kiếp quá khứ* của mình (và của người khác), tức *túc mạng minh*, được ghi thành các "đoạn mẫu" giống nhau trong các bộ kinh **SN**, **MN**, và **DN**, chẳng hạn như trong kinh dài **DN 14** (*Đại Kinh Dấu Vết*, *Mahāpadāna Sutta*), kinh dài **DN 17** (Đại Kinh *Mahāsudassana Sutta*), kinh dài **DN 19** (*Đại Kinh Govina*, *Mahāgovinda Sutta*), kinh trung MN 83 (*Maghadeva Sutta*), và một số kinh khác của bộ MN đều có đoạn mẫu nói về túc mạng minh của Phật và của các thánh đệ tử.

- (Theo người dịch Việt: các kinh thi trong tập Kinh Tập, do mỗi câu đều ngắn và được nói cho đúng với vần điệu thi luật của thi ca, cho nên rất nhiều câu là sự nói giản lược cho những mệnh đề dài hơn. Ví dụ trong các kinh trên chúng ta thấy sự "sinh-già" được cho là nói giản lược cho sự khổ bao gồm "sự sinh, già, chết; sự sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não)". Tương tự vậy, ở đây khi nói về những phẩm-hạnh của Phật bằng danh từ "*bậc chỉ ra quá khứ*", có lẽ hàm ý không chỉ nói về "túc mạng minh" của Phật gồm cả 03 minh và 03 thông của Phật, như trong nhiều bài kinh trong bộ kinh trung **MN** luôn ghi ra đầy đủ).

- *Xung-động* là = dục-vọng (ái), nguồn gốc của sự khổ; *không còn xung-động* là = hết dục-vọng (ái tận), như các kinh ở trên cũng nói nhiều lần. *Đã cắt đứt nghi-ngờ*: nghĩa là không còn chướng-ngại (triền cái) *nghi-ngờ*; như đoạn mẫu trong nhiều kinh trong các bộ kinh đã ghi "*đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã loại bỏ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai*".

- *Cắt đứt nghi-ngờ* là những sự nghi-ngờ về khổ đế … nghi-ngờ về lý nhân-duyên và những hiện-tượng khởi sinh tùy thuộc (pháp duyên khởi). Sự nghi-ngờ đó đã bị diệt trừ … bị thiêu cháy bởi Phật bằng lửa trí-biết.

- *Bậc đã vượt trên tất cả những hiện-tượng* thông qua sự-biết trực tiếp (liễu tri), thông qua sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) … … [giống như đoạn chú giải ở thi kệ 1105 đầu kinh **Sn 5.13** ở trên.] (**Nidd II** 140–41)

[218] [*Các trạm-trú của/cho thức* (*viññāṇaṭṭhitiyo*): Nói nôm na, mỗi lần chết đi và tái sinh vào một cõi giới (thiên thần, người, súc sinh, hay ngạ quỷ) thì *thức* được cho sẽ *trú* ở cõi giới đó, và do vậy mỗi cõi giới (cảnh giới) đó được gọi là một *trạm-trú của thức* (đó là chỗ *thức* của một người cư trú trước khi chúng sinh đó lại qua đời và tái sinh trong một cõi giới khác = một trạm-trú khác). Sau khi đã biết rõ về *các trạm-trú của thức*, Đức Phật biết người này *còn lại* (*ở đó*), tức còn ở lại ở cảnh giới đó (vô sở hữu xứ), vẫn còn sống tiếp trong kiếp này, tùy theo những nghiệp của vị này, Đức Phật biết như vầy: "*Người này sẽ có một nơi-đến tương lai như vầy như vậy*" — (chẳng hạn: người này sẽ bị tái sinh trong cảnh giới thống khổ (địa ngục), hay ngạ quỷ, hay cõi người, hay cõi trời, tùy theo nghiệp còn lại của mình. Riêng thi kệ này thì Phật trả lời vị này *là người đã được giải-thoát*). *Người được giải-thoát*: nghĩa là người đã tác thành trong vô sở hữu xứ (cảnh xứ không-có-gì) như đã được nói ở thi kệ kế trên. *Người đó có đó là chỗ-trợ* (chỗ dựa, căn cứ): nghĩa là người đó có *vô sở hữu xứ* làm *chỗ-trợ* (làm căn cứ để tiếp tục tấn tới cấp giải-thoát cao hơn).

- Đức Phật biết có "04 trạm-trú của thức" *xảy ra tùy theo hành-vi cố ý* (nghiệp), và Phật biết có "07 trạm-trú của thức" *xảy ra theo cách của khái-niệm*:

- (I) Theo cách nào Phật biết rõ *04 trạm-trú của thức xảy ra tùy theo hành-vi cố ý*? Bởi vì như Phật đã từng nói [trong kinh **SN 22:54**, Quyển 3, đoạn (iii)] như vầy:

["Này các Tỳ kheo, thức, khi đang có mặt (đang trụ, đang hiện hành), (nó) có thể có mặt dính líu với sắc-thân; được dựa trên sắc-thân, được lập thành trên sắc-thân (sắc), (và khi) được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. Hoặc thức, khi đang có mặt, (nó) có thể có mặt dính líu với cảm-giác (thọ) … nhận-thức (tưởng) … những sự tạo-tác (hành); được dựa trên những sự tạo-tác, được lập thành trên những sự tạo-tác, (và khi) được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng."]

- Chính theo cách này nên nói Đức Phật biết rõ *các trạm-trú của thức* xảy ra tùy theo những hành-vi cố ý (nghiệp).]

(II) Và theo cách nào Đức Phật biết rõ *07 trạm-trú của thức xảy ra theo cách khái-niệm*? Bởi vì Đức Phật đã từng nói [nguyên văn trong kinh **AN 7:44**] như vầy:

[(1) "Này các Tỳ kheo, có những chúng sinh *khác nhau về thân và khác nhau về nhận-thức*, như loài người, một số thiên thần, và một số trong cõi dưới. Đây

là trạm-trú (nghĩa = cõi của chúng sinh) thứ nhất cho (đối với, của) thức.

(2) "Có những chúng sinh *khác nhau về thân nhưng giống nhau về nhận-thức*, như những thiên thần cộng trú với trời Brahmā (Phạm chúng thiên) được tái sinh thông qua (tâm thức của) tầng thiền định thứ nhất. Đây được gọi là trạm-trú thứ hai cho thức.

(3) "Có những chúng sinh *giống nhau về thân nhưng khác nhau về nhận-thức*, như những thiên thần chiếu hào quang thành dòng (quang âm thiên). Đây là trạm-trú thứ ba cho thức.

(4) "Có những chúng sinh *giống nhau về thân và giống nhau về nhận-thức*, như những thiên thần hào quang chói lọi (biến tịnh thiên). Đây là trạm-trú thứ tư cho thức.

(5) "Có những chúng sinh: với sự đã vượt qua những nhận-thức về sắc giới, với sự phai biến những nhận-thức về sự chạm-xúc giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng, [chỉ nhận thức:] 'Không gian là vô biên', họ thuộc về không vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của không-gian]. Đây là trạm-trú thứ năm cho thức.

(6) "Có những chúng sinh: bằng cách hoàn toàn vượt trên 'không vô biên xứ', [nhận thức:] 'thức là vô biên', họ thuộc về thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức]. Đây là trạm-trú thứ sáu cho thức.

(7) "Có những chúng sinh: bằng cách hoàn toàn vượt trên 'thức vô biên xứ', [nhận thức:] 'sự không-có-gì', họ thuộc về vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không]. Đây là trạm-trú thứ bảy cho thức.]

- Chính theo cách này nên nói Đức Phật biết rõ *07 trạm-trú của thức xảy ra theo cách khái-niệm*.] (1114, **Nidd** II 151, 152, 153)

219 [Nguyên văn chú giải: [*Sau khi đã-biết nguồn gốc của vô sở hữu* (*xứ*) *đó*: nghĩa là, sau khi đã biết hành-vi cố ý tạo nghiệp (tức nghiệp) tạo ra [sự tái sinh vào] cảnh vô sở hữu xứ, tự hỏi rằng: 'Làm sao điều đó là trở ngại cho được?'. *Như vậy*, '*sự thích-thú là gông-cùm [kiết sử]*': nghĩa là, sau khi đã biết sự thích-thú, có '*sự tham-muốn cảnh vô sắc giới*' là gông-cùm ở đó [*vô sắc giới tham* được gọi là '*gông-cùm của sự thích-thú*', cho nên mới nói '*sự thích-thú là gông-cùm*']. *Thì người tu* (*chỉ ngồi*) *nhìn vào trong nó với sự minh-sát*: nghĩa là, sau khi thoát-ra khỏi tầng thiền định 'vô sở hữu xứ', người tu quán sát tầng thiền định đó bằng sự minh-sát (để nhìn thấy) cách nó cũng là 'vô-thường, khổ, và vô ngã'. *Đây là trí-biết đích thực*: nghĩa là, đây là trí-biết thực sự, chánh đúng, không bị tà lệch, đích thực của thánh quả A-la-hán vốn đã khởi sinh tiến dần trong cá-nhân người quán sát bằng sự minh-sát theo cách như vậy.].] (1115, **Nidd** II 155, 156)

220 [*Bậc Kiến Nhãn*: Đức Phật được gọi là bậc Kiến Nhãn theo nghĩa có 05 loại mắt-nhìn (nhãn): mắt thường (nhục nhãn), mắt thiên thánh (thiên nhãn thông), mắt trí-tuệ (tuệ nhãn), mắt Phật (phật nhãn), và mắt vũ trụ (nhìn-thấy tất cả,

thiên nhãn). *Bậc kiến giả thiên thánh* (hay *thiên kiến giả* hay *kiến giả cõi trời*): Đức Phật là một thiên thần và cũng là một bậc kiến giả (rishi), vì vậy được gọi là một bậc kiên giả thiên thánh/ thiên kiến giả.] (1116, **Nidd** II 156–162)

221 [*Mười hướng* là gồm đông, tây, nam, bắc và 04 hướng ở giữa chúng, và trên, dưới. *Sự trừ-bỏ sự sinh-già ở đây*: sự tiêu diệt 'sinh-già-chết' ngay trong kiếp này; *ở đây*, như trong các kinh khác cũng có ghi, có nghĩa là *ngay trong kiếp này* (như rất nhiều chỗ khác Phật đã nói).] (1122)

222 [*Tôi sẽ xướng tụng*: là đọc tụng lại lời đã được nói bởi Đức Phật khi Phật trả lời những câu hỏi của 16 môn sinh bà-la-môn đó ở trên. *Như* (*Phật*) *đã nhìn thấy*: nghĩa là, như Phật đã tự thân thấy biết bằng sự hoàn toàn tỉnh-thức (toàn giác) tới những sự-thật (chân lý) và bằng trí-biết có-riêng của một vị Phật (mà chúng sinh khác không có được). *Bậc đã hết dục* (*nikkāmo*): là người đã diệt trừ dục [ham muốn, dục lạc]. Có bản được ghi là *nikkamo*, có nghĩa "*năng nổ*" hoặc "*lìa xa phía bất thiện*". *Hết vướng rồi*: nghĩa là không còn rừng ô-nhiễm (rừng lậu hoặc) hoặc đơn giản là không còn dục-vọng (hết ái, ái tận). Vậy thì *vì lý do gì bậc long tượng, bậc đã hết dục, hết vướng rồi, mà nói sai sự thật?*: nghĩa là, những người nói sai lầm hay sai sự thật là do họ còn những ô-nhiễm (lậu hoặc) khác nhau, nhưng Đức Phật thì đã trừ diệt mọi ô-nhiễm đó.

- Với thi kệ đầu tiên này bà-la-môn Piṅgiya đã phát khởi kích hoạt '*sự nhiệt tình lắng nghe*' của đạo sư Bāvari và các bà-la-môn ở đó.] (1131)

223 [*Lời nói đẹp đẽ*: nghĩa là *lời nói* hay *lời thuyết giảng* chuyển tải những điều hay, những phẩm chất siêu xuất tuyệt vời, những chân lý, lẽ thực về thế gian.] (1131)

224 [*Bậc hữu danh hữu thực*: là không phải người hữu danh vô thực, nghĩa là người đích thực xứng đáng xứng danh được gọi là "Vị Phật".] (1132)

225 [*Tầm nhìn nhỏ*: là chỉ những giáo thuyết và trí tuệ còn hạn hẹp của đạo sư Bāvari (và các đạo sư và bà-la-môn khác); còn *hồ nước lớn*: có lẽ là hàm chỉ tầm-nhìn và trí-tuệ lớn lao quảng đại của Đức Phật, sau khi họ đã nghe được những lời dạy của Phật khi Phật trả lời các câu hỏi của họ.] (1134)

226 [Cũng vậy, câu này có lẽ cũng là cách nói giản-lược về những phẩm-chất của Giáo Pháp, như: 'Giáo Pháp đã được giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mới người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được chứng ngộ bởi người có trí.'] (1137)

227 [*Con kính lễ bậc ấy ở phương đó*: là đồng nghĩa với câu: "Bất cứ vùng nào Đức Phật đang ở, con kính lạy, dựa theo, ngã theo hướng đó."

[228] [*Liên ứng*: là chữ người dịch tạm dùng để dịch. Nguyên văn nghĩa chữ là: *được kết hợp, được liên hợp với*. *Liên ứng với bậc ấy*: nghĩa là, *đã liên hợp*, đã dụng hướng tới, đã dụng ý hướng tới nơi Đức Phật đang ở đó.] (1144)

[229] [*Phát tâm tịnh tín*: là tạm dùng để dịch cụm chữ này. Nguyên văn là *gửi đi niềm-tin, phát đi niềm-tin* để thể hiện niềm-tin theo ý nghĩa *đã xác định niềm-tin, đã xác tín* (để xuất gia đi tu theo đạo Phật).] (1146)

[230] [*Đã lột bỏ những vỏ-bọc*: Có *05 loại vỏ-bọc*: vỏ-bọc là/của *dục-vọng* (ái), vỏ-bọc là *những quan-điểm này nọ* (kiến), vỏ-bọc là *những ô-nhiễm* (lậu hoặc), vỏ-bọc là *hành-vi sống sai trái* (tà hạnh), và vỏ-bọc là *sự vô-minh*. Tất cả 05 loại vỏ-bọc này đã bị lột bỏ bởi Đức Phật; chúng đã bị hủy diệt, bứng bỏ, trừ bỏ, tẩy sạch, đã được làm không còn tái khởi sinh, đã bị đốt sạch bằng lửa trí-biết (minh); do vậy Đức Phật là *bậc đã lột bỏ những vỏ-bọc*. ▪ (Mời đọc lại thêm chú thích ở thi kệ 1003 ở trên!).] (1147)

[231] [*Được phú với biện-tài*: nghĩa là có được loại *trí-biết mang tính phân tích* (vô ngại giải trí) để hung biện, giảng giải, phân tích một cách hay khéo. *Sau khi đã-biết về chư thiên*: nghĩa là, sau khi đã biết những phẩm-chất làm nên (là nhân duyên để tái sinh thành) thiên thần trên các cõi trời (hay địa thần ở trái đất); *cao và thấp*: ưu và nhược, thượng và hạ. Câu kệ này có nghĩa là Phật *đã-biết* tất cả những phẩm-chất làm nên trạng thái thiên thần cho chính Phật trước đó và cho những chúng sinh khác.

- '*Sự kết thúc những nghi vấn*' tức là sự kết thúc những câu hỏi, không còn những câu hỏi, không còn nghi vấn từ môn sinh bà-la-môn Piṅgiya và nhóm của ông. *Của những ai bị nghi-ngờ và thừa nhận điều đó*: nghĩa là, cho những ai đã thực sự thừa nhận mình còn nghi-ngờ (và đã đặt những câu hỏi với Phật ở Đền Pāsāṇaka) và giờ họ có thể tuyên bố: "*Chúng con không còn nghi-ngờ*."] (1148, **Nidd** II 204–5)

[232] [Nguyên văn chú giải: [*Sự bất động*: nghĩa là *không còn động-vọng* bởi tham, sân, si, vân vân; *sự bất lay chuyển*: nghĩa là *không còn bị lay chuyển* hay *dao động* bởi những sự đổi thay, không còn bị đổi thay. 02 chữ này là chỉ trạng thái Niết-bàn. *Chắc chắn con sẽ đi đến đó*: nghĩa là, con nhất định sẽ đi đến trạng thái *vô dư y Niết-bàn giới* (yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư); *con không còn nghi-ngờ về điều này*: nghĩa là, không còn nghi-ngờ về Niết-bàn; *vậy xin* (*Phật*) *ghi nhớ con là người có tâm đã quyết*: nghĩa là, sau khi bà-la-môn Piṅgiya đã được Phật chỉ thị: "*Như vậy ông cũng phải phát tâm tịnh tín*" (như các bà-la-môn kia), và theo sự khởi xướng của Đức Phật, ông đã phát khởi tâm tịnh tín bên trong mình, và ngay đó đã thành tựu có được '*sự giải-thoát bằng niềm-tin*' (tín giải-thoát) như một công cụ của mình. Rồi, sau khi đã thể hiện mình đã quyết tâm về mặt niềm-tin, ông đã thưa với Đức Phật: "*Vậy xin* (*Phật*) *ghi nhớ con là người có tâm*

đã quyết". Ý nghĩa câu này là: "Như đức Thế Tôn đã nói cho con, vậy xin Đức Thế Tôn ghi nhớ con là người đã quyết-tâm (xuất gia theo Phật)."] (1149)

++++

BẢN CHỮ VIẾT TẮT

(dùng trong các phần chú giải của bản gốc)

I. <u>Các phiên bản được sử dụng</u>:

Be (Burmese-script Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka): bản Miến Điển [bản vi tính của VRC]

Ce (Sinhala-script edition): bản Tích Lan

Ee (Roman-script edition): bản La Tinh

II. <u>Các Kinh bằng tiếng Pāli và các ngôn ngữ khác của Ấn Độ</u>:

[Trừ khi được ghi ra, các tham chiếu phiên bản Pāli đều là các ấn bản của PTS. Tham chiếu với Vism có ghi thêm số Ppn là số trang đầu của Visuddhimagga (*Thanh Tịnh Đạo*) theo bản PTS theo sau là số chương và phần theo bản dịch tiếng Anh của Bhikkhu Ñāṇamoli, '*Con Đường Thanh Lọc*' (*The Path of Purification*).]

AN (Aṅguttara Nikāya): Bộ Kinh Tăng Chi

Ap (Apadāna): tập Ký Sự (thuộc bộ KN)

Ap-a (Apadāna-aṭṭhakathā): Chú giải về tập Ký Sự

As (Atthasālinī): Chú giải bộ Pháp Tụ (của Vi Diệu Pháp)

Bv (Buddhavaṃsa): Bộ Phật Sử

Bv-a (Buddhavaṃsa-aṭṭhakathā): Chú giải bộ Phật Sử

Cp-a (Cariyapiṭaka-aṭṭhakathā): Chú giải bộ Hạnh Tạng

Dhp (Dhammapada): tập kinh Pháp Cú (thuộc bộ KN)

Dhp-a (Dhammapada-aṭṭhakathā): Chú giải tập kinh Pháp Cú

Dhs (Dhammasaṅgaṇī) (bản VRI): bộ Pháp Tụ (của Vi Diệu Pháp)

Dīp (Dīpavaṃsa): Đảo Sử (Tích Lan)

DN (Dīgha Nikāya): Bộ Kinh Dài (Trường kinh bộ)

It (Itivuttaka): tập kinh Phật Thuyết Như Vậy (thuộc bộ KN)

It-a (Itivuttaka-aṭṭhakathā): Chú giải về tập kinh Phật Thuyết Như Vậy

Ja (Jātaka-aṭṭhakathā): Chú giải về tập kinh Tiền Thân

Mhv (Mahāvaṃsa): Bộ Đại Sử (Tích Lan)

Mil (Milindapañha): tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc bộ KN)

MN (Majjhima Nikāya): Bộ Kinh Trung (Trung Kinh Bộ)

Mp (Manorathapūraṇī) (Aṅguttara Nikāya-aṭṭhakathā): Chú giải Bộ Kinh tăng Chi

Mp-ṭ (Manorathapūraṇī-ṭīkā) (Aṅguttara Nikāya-ṭīkā): Tiểu Chú Giải Bộ Kinh Tăng Chi (bản VRI)

Nidd I (Mahāniddesa) (bản VRI): quyển Đại Nghĩa Thích (thuộc bộ KN)

Nidd I-a (Mahāniddesa-aṭṭhakathā): Chú giải tập Đại Nghĩa Thích

Nidd II (Cūḷaniddesa) (bản VRI): quyển Tiểu Nghĩa Thích (thuộc bộ KN)

Nidd II-a (Cūḷaniddesa-aṭṭhakathā): Chú giải quyển Tiểu Nghĩa Thích

Paṭis (Paṭisambhidāmagga): quyển Phân Tích Đạo (thuộc KN)

Paṭis-a (Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā): Chú giải quyển Phân Tích Đạo

PDhp (Patna Dharmapada): tập kinh Pháp Cú Patna

Pj I (Paramatthajotikā I) (Khuddakapāṭha-aṭṭhakathā): Chú giải tập kinh Tiểu Tụng

Pj II (Paramatthajotikā II) (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú giải tập Kinh Tập

Pp (Puggalapaññatti): quyển Nhân Thi Thiết Luận (thuộc bộ KN)

Ps (Papañcasūdanī) (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú giải Bộ Kinh Trung

Ps-ṭ (Papañcasūdanī-ṭīkā) (Majjhima Nikāya-ṭīkā): Tiểu Chú giải Bộ Kinh Trung

(bản VRI)

Pv (Petavatthu): tập kinh Chuyện Ngạ Quỷ (thuộc bộ KN)

Śag: quyển Śarīrārthagāthā (thuộc bộ Yogācārabhūmi (Du Già Sư Địa))

SN (Saṃyutta Nikāya): Bộ Kinh Liên-Kết (Tương ưng kinh bộ)

Sn (Suttanipāta): tập Kinh Tập (thuộc bộ KN)

Sp (Samantappasādikā) (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú giải Luận Tạng

Sp-ṭ (Sāratthadīpanī-ṭīkā) (Tiểu bản của Sp) (bản VRI): Tiểu Chú giải Luận

Tạng

Spk (Sāratthappakāsinī) (Saṃyutta Nikāya-aṭṭhakathā): Chú giải Bộ Kinh Liên-Kết

Spk-ṭ (Sāratthappakāsinī-ṭīkā) (Saṃyutta Nikāya-ṭīkā): Tiểu Chú giải Bộ Kinh Liên-Kết (bản VRI)

Sv (Sumaṅgalavilāsinī) (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú giải Bộ Kinh Dài

Sv-ṭ (Sumaṅgalavilāsinī-ṭīkā) (Dīgha Nikāya-ṭīkā): Tiểu Chú giải Bộ Kinh Dài (bản VRI)

Th (Theragāthā): tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc bộ KN)

Th-a (Theragāthā-aṭṭhakathā): Chú giải tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ

Thī (Therīgāthā): tập kinh Trưởng Lão Ni Thi Kệ (thuộc bộ KN)

Thī-a (Therīgāthā-aṭṭhakathā): Chú giải tập kinh Trưởng Lão Ni Thi Kệ

Ud (Udāna): tập kinh Phật Tự Nói Ra (thuộc bộ KN)

Ud-a (Udāna-aṭṭhakathā): Chú giải tập kinh Phật Tự Nói Ra

Udāna-v (Udānavarga): tập Kinh Tập phiên bản của phái Nhất Thiết Hữu Bộ

Vibh (Vibhaṅga) (bản VRI): bộ Phân Tích (thuộc Vi Diệu Pháp)

Vibh-a (Vibhaṅga-aṭṭhakathā): Chú giải bộ Phân Tích

Vin (Vinaya): Luật Tạng

Vism (Visuddhimagga): Thanh Tịnh Đạo, Con Đường Thanh Lọc

Vism-mhṭ (Visuddhimagga-mahāṭīkā) (bản VRI): bộ Tịnh Hạnh Đạo Luận

Vmv (Vimati-vinodanī): (Tiểu bản của Sp) (bản VRI): Tiểu Chú giải Luận Tạng

Vv (Vimānavatthu): tập kinh Chuyện Chư Thiên (thuộc bộ KN)

Vv-a (Vimānavatthu-aṭṭhakathā): Chú giải tập kinh Chuyện Chư Thiên

III. <u>Kinh Hán Tạng</u>:

DĀ Dīrghāgama (**長阿含經**): Trường A Hàm

EĀ Ekottarikāgama (**增壹阿含經**): Tăng Nhất A Hàm

MĀ Madhyamāgama (**中阿含經**): Trung A Hàm

SĀ Saṃyuktāgama (雜阿含經): Tương Ưng A Hàm

SĀ2 Saṃyuktāgama (別譯雜阿含經): Tương Ưng A Hàm 2 (bản dịch khác; chưa hoàn thành)

SĀ3 Saṃyuktāgama (別譯雜阿含經): Tương Ưng A Hàm 3 (bản dịch khác; chưa hoàn thành)

T (Taisho): Đại Tạng (Kinh)

IV. Các Tác Phẩm Khác:

BL (*Buddhist Legends*): Những Giai Thoại Phật Giáo—(coi ấn bản Burlingame 1921)

CDB (*Connected Discourses of the Buddha*): Bộ Kinh Liên-Kết (SN), bản dịch bởi TKBĐ—(coi ấn bản Bodhi 2000)

CMA (*A Comprehensive Manual of Abhidhamma*): Cẩm Nang Tổng Quát Vi Diệu Pháp bởi TKBĐ—(coi ấn bản Bodhi 2007a)

GD (*The Group of Discourses*): tập Kinh Tập, bản dịch bởi Norman—(ấn bản Norman 2006b)

NDB (*Numerical Discourses of the Buddha*): Bộ Kinh Tăng Chi (AN), bản dịch bởi TKBĐ—(ấn bản Bodhi 2012)

Ppn (*Path of Purification*): bản dịch Thanh Tịnh Đạo (tức Vism)

V. Các Tác Phẩm Tham Khảo:

BHSD (*Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary*): Tự Điển Tiếng Phạn Lai Phật Giáo—(ấn bản Edgerton 1953)

DOP (*A Dictionary of Pāli*): Tự Điển Tiếng Pāli—(ấn bản Cone 2001, 2010)

DPPN (*Dictionary of Pāli Proper Names*): Tự Điển Tên Riêng—(ấn bản Malalasekera 1937–38)

PED (*Pāli-English Dictionary*): Tự Điển Anh-Pāli—(ấn bản của Rhy Davids và Stede 1921–25)

SED (*Sanskrit-English Dictionary*): Tự Điển Phạn-Anh—(ấn bản Monier-Williams 1899)

VI. Những Chữ Viết Tắt Khác:

CST4 (Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka—Version 4.0): Tam Tạng Kinh Điển

Phật Giáo phiên bản của Hội Đồng Kết Tập Lần 6 Ở Miến Điện 1954-1954— bản vi tính 4.0

PBR (Pāli Buddhist Review): Tạp chí Phật Giáo Pāli

PTS (Pali Text Society): Hội Kinh Điển Pāli

Skt (Sanskrit): tiếng Phạn

VRI (Vipassana Research Institute): Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát— (ở Igatpuri, Ấn Độ)

n. (note): chú thích

p., pp. (page, pages): trang, các trang

*: —đặt trước tên/tựa: tên/tựa được đặt lại theo giả thuyết;

— đặt trước chữ: chữ đó không có liệt kê trong tự điển;

— đặt sau chữ: chữ ký tự lạ

Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: (+84)─0898909451; 0909503993, hoặc liên hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính)

Hoặc anh Huỳnh Văn Thịnh, điện thoại: 0363316764 hoặc email: huynhvanthinh@gmail.com